GIAI PHẨM

Tuyển Tập Tháng Mười

HUỲNH PH. N ANH . VŨ HOÀNG CHƯƠNG . NAM CHỮ . THỌ DIÊN TÂM HƯ . PHÙ HƯ . HẠC THÀNH HOA TRẦN THỊ TUỆ MAI . MƯỜNG MÁN NH. TAY NGÀN . PHẠM QUANG PHƯỚC . IRWIN SHAW . HÀ THÚC SINH . TỪ KẾ TƯỜNG . ĐẶNG TIẾN

VĂN

Chủ biên NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG

Thư từ bản thảo NGUYỄN-XUÂN HOÀNG

Giao thiệp BÀM GIA TUẤN

Tuyển Tập Tháng Mười

Vũ Hoàng Chương	1	Đề Hoa Quỳnh
Irwin Shaw	3	Ngợi xưng truyện ngắn
Tâm Hư	9	Sầu khúc
Hoàng Ngọc Tuấn	15	Vài trang bản thảo
Trần thị Tuệ Mai	24	Bóng tối đang lui
Thọ Diên	27	Thành phố trật tự
Phù Hư	34	Ngậm thể qua sông
Đặng Tiến	37	Thơ là gì ?
Nam Thữ	47	Tiết điệu của lá cỏ
Mường Mon	49	Xác tượng
Hà Thúc Sinh	58	Nhắc nhở
Phạm Quang Phước	60	Mưa nơi xứ lạ
Phù Sa Lộc	73	Ngắm trời đất
Saly	74	Mơ màng
Ngô Cang	74	Mưa Huế
Từ Kế Tường	75	Một hoài niệm cũ
Hạc Thành Hoa	86	Nước đục
Huỳnh Phan Anh	89	Thomas Mann qua tác phẩm Tonio Kröger
□□□	94	Sinh hoạt văn nghệ

Bìa : tranh của Duy Thanh

Chi phiếu, bưu phiếu đề tên ông Nguyễn-Đình Vượng

Quản lý : cô Nguyễn thị Tuấn. 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon. Đ.T. 23.595.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG
Nhị Thập Bát Tú

Đề Hoa Quỳnh

hoa kia người ấy đẹp đôi chưa
phật kiếp sau và tiên kiếp xưa
khoảnh khắc xưa sau dồn một kiếp
người tiên hoa phật đang thành thơ

quý sửu 9 tháng 4

sứ giả đêm nay nguyệt dẫn đường
mây năm sắc rưỡi tới vườn sương
đèn khuya tâm sự hoa công chúa
không để phù danh lụy phấn hương

16 tháng 4

lá xanh nụ đỏ hoa bừng trắng
ôi một giường tơ mở trước thềm
giường chẳng quay mà trong khoảng vắng
tơ trời hoa rút hết vào tim

5 tháng 5

một kiếp người ba vạn sáu ngày
quỳnh ba vạn sáu thập phân giây
nụ rung ngòi bút từ đêm trước
nhầm tính đời hoa chép gửi mây

người chiêm bao thấy đang là bướm
hay bướm chiêm bao đã hóa người
câu hỏi ngàn xưa trong một phút
chờ hoa mở tiếng đáp thay ai
16 tháng 6

trạm cuối cùng đưa tháng sáu qua
nửa đêm thuyền nhập bến sương nhòa
bên kia phút đổi đời thơm nức
vành vạnh trăng lên từ cuống hoa
30 tháng 6

quỳnh trong nước mắt sen trong lửa
phút nhập thần sương bạc khói lam
chia nẻo khói sương về tới đích
cả hai cùng hiện một hoa đàm
5 tháng 7

tháng giữa thu nghe sầu nửa đêm
bao nhiêu kiếp chị một mình em
gió mưa lòng bốn phương vàng đá
ghi tạc lời hoa đợt nổi chìm
3 tháng 8

Vũ Hoàng Chương

Một cuốn thơ không thể thiếu trong tủ sách của bạn đọc :

THƠ SAY
của VŨ HOÀNG CHƯƠNG

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

IRWIN SHAW

Ngợi Xưng Truyện Ngắn (*)

Một lần, tôi gặp Somerset Maugham. Ông nói với tôi : « Nầy anh bạn trẻ, tôi ganh tị với anh ».

Nghi là một câu nói đùa, nhưng cốt để tâng bốc, tôi hỏi ông : « Sao lại ganh tị với tôi, thưa ông Maugham ? »

« Vì anh là một người Mỹ và là người viết truyện ngắn. Mỗi góc phố của Hoa Kỳ cung cấp đủ chất liệu cho một truyện ngắn. Ở đây, tôi phải đi khắp một vùng mới tìm ra một. »

Hẳn Somerset Maugham muốn nói đến thời kỳ trước Đệ nhị Thế chiến, căn cứ vào việc ông gọi tôi là « Anh bạn trẻ ». Bấy giờ, tôi nẩy sinh ý nghĩ là, có lẽ cái *lịch duyệt* thuộc về bên kia Đại dương của bậc kỳ lão nầy tạo bởi bản chất đặc biệt nơi ông hơn là dựa vào nguồn hứng cảm nghệ thuật phong phú nguyên cội của chúng ta. Cho tới khi đó, tôi đã đi qua rất nhiều góc phố của Hoa Kỳ mà hình như không bao giờ tôi cảm thấy dễ dàng trong việc hình thành một truyện ngắn. Tuy nhiên, nếu người ta nhớ được bao nhiêu truyện ngắn đang được ấn hành hàng tuần vào thời gian nầy, cùng nhớ được những chủ đề khai thác khác nhau, thì sự lượng giá của Somerset Maugham có thể hiểu được.

(*) Nguyên văn : In Praise Of The Short Story, đăng trong tạp chí Esquire, số tháng Hai, 1973, trang 124 — 125.

Hiện nay, người ta kinh ngạc nhớ tới số lượng tạp chí thời đó được xuất bản nhằm đả kích — và số lượng truyện ngắn được cung cấp để thỏa mãn nhu cầu độc giả Chẳng hạn, truyện ngắn đầu tiên của tôi được đăng tải trên tạp chí The New Republic — và liệu ai có thể hồi tưởng nổi lần cuối cùng mà một tạp chí đã đăng tải những gì được gán cho nhãn hiệu « tiểu thuyết » một cách vô tư ? Truyện ngắn thứ nhì của tôi được đăng trên phần phụ chương Chủ nhật của tạp chí Herald Tribune ở Nữu Ước, và tạp chí nầy tự đình bản đã bao lâu rồi ?

Cũng vào thời đó, chúng ta thường nghe những sáo ngữ, nhất là trong số những người Âu, rằng thiên tài Hiệp chủng quốc — dưới bất cứ ý nghĩa nào —, đã được bộc lộ một cách tiêu biểu nhất qua hình thức truyện ngắn Mặc dù tôi biết rằng, Scheherazade đã không theo học tại Đại học đường Chicago, và cả de Maupassant lẫn Chekhov đều không trưởng thành ở San - Francisco, tôi đã chưa hề viết bất cứ một tiểu thuyết nào, và tôi cảm thấy hài lòng là sáng tác phẩm của mình được liệt vào dòng văn chương chính thức của Hoa Kỳ Hiện giờ, tôi có sáu hoặc bảy tiểu thuyết đằng sau tôi nhưng tôi không đoan chắc rằng đó là nguồn vui của chúng ta mà những người khác đã tìm thấy nơi chúng ta qua những tuyệt tác phẩm đã biểu thị giác cảm trung thực vượt trên mức độ bình thường.

Những nhà xuất bản cũng đóng góp vào sự sống còn của nghệ phẩm. Vào những năm Ba mươi và Bốn mươi, một nhà xuất bản không chủ trương rằng bạn đang cố gắng giựt lấy miếng ăn ra khỏi miệng sống của gia đình y, bạn tìm đến văn phòng y với tập truyện ngắn. Y cũng không mong rằng, khi ấn hành tập truyện ngắn của bạn, sự phê bình cần được, bằng một vài ngoại lệ đáng hãnh diện nào đó, chỉ định nơi những trang cuối thường dành cho những chú dẫn về loại sách và về những tự truyện nhờ viết của những tướng lãnh vô danh hay những chính khách bị lăng nhục.

Ngày nay, một người viết mới bước vào văn phòng một nhà xuất bản cùng một lô truyện ngắn trên tay, hắn buộc phải xử sự thật giống cái cung cách của một nhà phát minh trẻ tuổi đến gần ông Giám đốc Công ty Kỹ nghệ Đóng thuyền để trình

bày một kiểu mẫu tiến bộ cho một chiến thuyền thời cổ. Tất cả những điều nầy đã không làm tôi nản chí. Tôi vốn quen đánh chìm thuyền. Tôi khởi đầu văn nghiệp của mình tại Hí viện Broadway và không một ai cần được nhắc nhở lại những gì đã xảy ra đối với sự khởi đầu đó. Tôi đã tự yểm trợ lấy mình sau những thất bại liên tiếp của khoảng mười kịch phẩm do thời khoảng làm việc tại Hollywood, và tiếng kêu la của nạn đói phát xuất từ Trung tâm Văn hóa đó vào những ngày này còn đang cấu xé hồn người. Và ngay cả trước khi viết chương đầu của quyển The Young Lion, tôi đã đọc cả trăm nhà phê bình những người đã tố cáo với tôi rằng tiểu thuyết đã chết.

Dĩ nhiên, sự thật là kịch trường chưa kết liễu, dù Hí viện Broadway có thể ngưng hoạt động, và trong khi phim ảnh đang được sản xuất ít hơn trước, những cuốn phim hay cung cấp hằng năm đang đạt được một tỷ lệ đáng khen so với số lượng được phân phối đi nhiều nơi. Người ta vẫn ham đọc tiểu thuyết, và, đang lúc mức tiêu thụ bị giảm sút, truyện ngắn đã được sáng tác với một số lượng tương đương và có lẽ trội hơn bất cứ lúc nào trước đó, ở Hoa kỳ.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, khi *định giá* truyện ngắn trong vòng bốn mươi năm qua, người ta cũng thấy được sự suy kém đáng kể. Nhưng sự suy kém nầy không phải do ảnh hưởng bởi sự giảm sút tương ứng về nội dung. Những truyện ngắn đáng giá bây giờ cũng đồng mức về phẩm, nếu không nói là trội hơn, những truyện ngắn vào thời kỳ mà hình như được xuất bản hàng trăm mỗi tuần, và ngay những truyện ngắn *tồi* hiện nay, theo tôi, dễ thường là một cải thiện đối với những truyện ngắn tồi giữa một thời đại đang gào thét.

Dĩ nhiên, những « mốt » thời trang đã thay đổi, những dòng sống đã xoay chiều, và bút pháp đã trở nên quá quen thuộc, do đó, những tác phẩm chúng ta đang đọc hôm nay chắc chắn đã khác nhiều với những tác phẩm thời đó. Những truyện ngắn thường xuất hiện trên tạp chí The New Yorker, chẳng hạn, bị tố cáo là bất-thành-thể, trong khi, hiện giờ, những loại truyện ngắn thành-thể cũng bị tố cáo, và, ở mỗi trường hợp, sự tố cáo nầy đã không chính đáng. Nhưng cái mức độ sáng tác, cái *sứ mạng* (của nhà văn), chiếu theo bản kê giảm thiểu đáng buồn về tạp chí của

chúng ta, theo tôi, đã được duy trì khá đều đặn, hoặc cũng đều đặn như người ta có thể mong muốn, là, bất cứ điều gì cũng phải biến đổi thường xuyên và bất ngờ như trong văn chương hiện đại. Người ta có thể không thích đọc truyện ngắn say mê như có lần họ thích, nhưng các nhà văn thì đem cả nhiệt tình của mình để viết nên, cái nhiệt tình mà họ đã từng có, khi nữ sĩ Katherine Anne Porter đang hình thành tác phẩm đầu tay và Wilbur Daniel Steele được chú ý qua mỗi lần xuất bản tuyển tập Những Truyện Ngắn Hoa Kỳ Hay Nhất Trong Năm.

Những nguyên nhân thúc đẩy nhà văn sáng tác khó có thể xem là vụ lợi. Việc sáng tác truyện ngắn, ngoại trừ một vài biệt lệ kỳ quái nào đó, không phải là một nghề kiếm nhiều tiền. Tôi đã nhận được 25 mỹ kim cho truyện ngắn nói trên đăng trong tạp chí The New Republic. Số tiền nhuận bút của tôi được tăng thêm khi, sau cùng, tôi đột nhập vào tờ The New Yorker. Những vị chủ bút, lúc đó cũng như bây giờ, vẫn giữ vững niềm tin của họ là những người viết truyện ngắn đã không phải sống thuần bằng bánh mì.

Tôi phải xác nhận rằng, giá tiền nhuận bút đã gia tăng phần nào kể từ cái thời may mắn đó. Nhưng ngay cả trong giai đoạn sáng tác dồi dào nhất của tôi, trước khi tiểu thuyết bắt đầu choán hút gần trọn thì giờ của tôi, đã chưa hề có một năm nào tôi có thể nhận được chi phiếu toàn vẹn cho loạt truyện ngắn tôi đã hoàn tất trong suốt mười hai tháng Điều nầy không phải hoàn toàn do tính bủn xỉn của những ông chủ nhiệm, dù tôi đã trách khéo họ từ lần nầy sang lần khác về tính keo kiệt của họ. Với hầu hết các nhà văn, trong đó có tôi, sự hoàn tất một truyện ngắn mà người ta sẵn sàng phổ biến khắp nơi, bao gồm một số lượng thời gian làm việc thật đáng sợ. Hiếm khi có những kẻ phi thường như cố nữ sĩ Sally Benson. Bà thường đến văn phòng tòa soạn tạp chí The New Yorker vào khoảng 11 giờ trưa, ngồi tại bàn giấy, không buồn dở nón xuống, để đánh máy liền một truyện ngắn khá lôi cuốn trước khi ra về dùng cơm. Và John O'Hara một lần cho tôi biết, rằng ông có thể, sau khi dùng cơm chiều với thật nhiều rượu, về nhà và bắt đầu viết xong một truyện ngắn từ đầu đến cuối, phải kể là một truyện ngắn xuất sắc, trước khi đi ngủ. Một đôi lần trong đời tôi, tôi đã được hưởng ân phúc một cách

ngắn ngủi nhờ khả năng sáng tác dễ dàng đáng mơ ước nầy, nhưng cái diễn tiến hình thành thông thường một tác phẩm là một sự tăng bổ lâu dài, còn lâu dài hơn việc xây dựng tác phẩm.

Rất thường khi tôi đã phải giao đấu với một ý tưởng trong sáu tháng trời, có thể thêm hay bớt vài tuần, và một truyện ngắn của tôi được tăng tải cách đây không lâu lắm, tôi đã phải viết đi, viết lại trong suốt hai mươi năm. Dĩ nhiên, không có gì trong lối sáng tác đó hứa hẹn một công trình tuyệt mỹ. Tất cả chúng ta đều biết rằng, nhà văn đã dâng hiến trọn đời mình cho những điều vô nghĩa.

Với một đối tượng vừa nói, môi trường xã hội đã hành nghiệm một sức quyến rũ quá độ cho nhà văn. A. J. Liebling, một nhà văn khiêm tốn và ẩn dật, dù tác phẩm của ông đã góp công rất nhiều cho cái gọi là nghề Tân ký giả, vang dội như sự bộc phát cơ thể của những trẻ em èo uột, chỉ được một lần nhắc tới cùng với tôi, nhân một truyện ngắn của ông đăng tải trong cùng một tuyển tập.

Và John Gunther, người khai sáng một phương pháp kỳ vĩ nhằm thống nhất các tin tức trên khắp các đại lục, đã một lần nói với tôi rằng, giấc mơ của đời ông là làm sao truyện ông được đăng tải trên tờ The New Yorker.

Thật hiển nhiên, những phần thưởng về nghề nghiệp, xét trên khía cạnh tinh thần, thì có nhiều. Trước hết, tôi sẽ đề cập đến một phần thưởng thế phàm kém thanh nhã nhất. Nếu một nhà phê bình không ưa tiểu thuyết của bạn, ông ta rất có thể bác bỏ toàn bộ tác phẩm của bạn trong những lãnh vực võ đoán nhất và cũng đáng khinh nhất mà ông ta có khả năng thực hiện. (Không cần phải nói, điều nầy đã xảy đến với tôi). Nhưng ngay cả một người phê bình bất thường nhất, khi chống đối một tập truyện nào đó, ít ra cũng chịu chọn lấy một trong toàn tập để chỉ trích một cách nhã nhặn, hợp lý, nhờ vậy, đôi chút giá trị tác phẩm vẫn còn tác động trong tiến trình sáng tạo nhiều năm của bạn. (Điều nầy cũng đã xảy đến với tôi.) Tập truyện ngắn đầu tiên của tôi, trong lúc không được chào đón nhất loạt theo tâm cầu của người viết, đã là một cơ hội cho một bài phê bình mà tôi nhận được từ nhiều năm trước, bài phê bình mãi mãi gợi lại cho tôi một hoài niệm êm đềm nhất. Bài phê bình đó được viết bởi Otis Ferguson

và, theo tôi, đã khai thị được những ý nghĩa tuyệt vời trong tác phẩm tôi, mà, cho tới khi đó, chính tôi không am tường được. Dĩ hẳn, Ferguson là người phê bình tôi đầu tiên, và tôi nghĩ rằng, ông là phê bình gia duy nhất đã bỏ mình trong Đệ nhị Thế chiến.

Nhiều phần thưởng khác mang ý nghĩa thâm thúy hơn. Có loại phần thưởng dành cho một nhà văn viết truyện ngắn bị đặt ngồi tréo chân giữa gian hàng bán đồ từ thiện, một nhà văn đang cung ứng những nhu cầu của nhân loại trong dòng sống buồn tẻ của một ngày tầm thường đang mơ vọng một phép mầu và những chuyện kể về những kỳ quan xa hút ; đang mơ vọng sự truyền rao đạo lý giả hình được thiết trí cho những giao tiếp thường nhật sẽ đạt tới một viễn tượng bao la hơn ; đang mơ vọng đưa sự dồn nén ngộp thở của những vấn đề trọng đại sang những bình diện đời sống dễ tiêu hóa hơn ; đang mơ vọng biến đổi những hình ảnh thần bí trở thành những biểu tượng mang những chiều cạnh sắc bén và dễ cảm hội hơn.

Tiếp đến là một phần thưởng đơn biệt và tinh thục vượt ngoài những luật tắc ước lệ. Ngày nay bạn buồn, bạn viết truyện buồn. Ngày mai bạn vui, truyện vui sẽ thành hình. Nếu bạn hồi tưởng một thiếu nữ mà bạn yêu mê tha thiết, bạn sẽ tuyên dương những kỷ niệm đã có với nàng. Nếu bạn gánh chịu một vết thương lòng từ một người đàn bà đã ngược đãi bạn, bạn có thể phỉ báng cả nữ giới. Nếu một vị linh thần đã giáng phúc cho bạn, bạn là một nhà tu. Nếu Thượng Đế bỏ rơi bạn, bạn có thể thuyết giảng về Vô Thần...

Trong một tác phẩm tiểu thuyết hay một kịch bản, bạn phải là một con người toàn thể. Trong một tuyển tập truyện ngắn, bạn có thể là tổng hợp tất cả những nhân vật được sáng tạo, hay là mọi thành tố chi li của con người, con người giá trị hay vô giá trị, một con người đã kinh qua nhiều chu kỳ xã hội và đã sinh triển không ngừng trong bạn. Đó là một đời sống phong phú, đa diện, không thể bị khước từ.

Bởi những lý do trên, cộng với nhiều lý do khác, tưởng có thể phát biểu một cách vô tư rằng, truyện ngắn vẫn sống, vẫn khá sung mãn và đang hiện diện trong mười nghìn chiếc máy đả tự.

Nhưng, than ôi ! Ước gì Ferguson vẫn còn tại thế !

Dã Thụy *dịch*

TÂM HƯ

Sầu Khúc

1.

Ta kiếm gì ở người ?
Người kiếm gì ở ta ?
Một sớm mai kia ta thức giấc
Sương độc hủy hoại gương mặt tình
Ta cất tiếng ca
Người còn náu ẩn
Trong quãng im không của lời hát.

2. BIẾN KHÚC THANH QUAN

Em trở về, trở về đó ru ?
Mùa sao sương phai nhạt,
Trăng nhìn đá. Đá nhìn trăng. Nào khác.
Hồn cỏ thầm thì
trên lối cũ, nền cũ. Chiều
Trời bạc phận
Người hóa đá, hóa trăng
phế tích rụng rời. Nào khác.
khói ngút
tiếng kêu buông.

Em trở về, trở về đó ru ?

3. THEO CA DAO

Cầm bằng người ở trần rừng
Lớp quên lớp nhớ bủa trùng vây im.
Cầm bằng người lạc cõi quên
Vang lừng cõi nhớ một miền hoang vu
Thì thôi thả gió tuyệt mù.

4.

Võng trời đất đong đưa
Chĩu cành sầu lưng lạc
Hồn hãi níu bơ vơ
Trận thảm tình tạnh ngất.

5.

Này con chim đêm vỗ cánh bay miệt cùng
Vẫn ngợp say biển đen đúa
Ôi, trái tim ta đành lặng thinh
mà réo gọi

Này những giòng lệ tuôn
tiếng thất thanh chói lọi
Gửi ngàn sao
Phía đêm chừng rớt kiệt.

Ôi, này trái tim ta
Chớ vượt thoát hạn trời.

quan âm và tề thiên đại thánh

QUAN ÂM

Nàng nghe hết thảy âm thanh trong trời đất
hết thảy dư vang chim giấm đời ta
Nàng hóa thân trong tiếng rụng rớt
Bay đỏ thắm thẳm suốt hồn ta.

TỀ THIÊN ĐẠI THÁNH

Tặng Bùi Giáng

Ta sinh từ đá ta đi
Quên trăng đảo chiếc, thoát ly ngục trời.
Chán Thiên Đình, chán Diêm Đài,
Mang thân hành giả rong chơi cõi miền.
Mở ra những trận đảo điên,
Trời thương nhớ đất, thần tiên nhớ người.
Riêng mình nhẩy nhót lơi khơi
Phân thân nghìn mảnh khắp đời có ta.
Đưa người quá cõi tà ma,
Nhịn thua niềng sắt, thương bà Quan Âm.
Qua sông soi bóng tần ngần
Tiếng cười quá vãng sóng vần vụ xoay.
Ngộ Không chẳng có mặt mày
Hình nhân dị thú bạt bay quỷ thần.

tử vong khúc (tích)

Tặng Lê Huy Oanh

Nàng trong mộng, giọt đàn thánh thót,
Chàng quỳ ôm gót ngọc xót xa.
Nền thảm đỏ chóa mầu hoảng hốt,
Chàng bơ vơ, một tiếng ngân nga
Nàng trong mộng, rừng hương tỏa ngất,
Chàng tung bay trên ngọn sa đà
Cành lá vẫy những mùa trăng mật,
Chàng mê man lìa tách cõi bờ.
Nàng trong mộng, nhạc trầm heo hút
Cồ điện âm dội bước chân ma
Chàng bất tỉnh, thoát hồn lần quất
— Bao biến thiên, ta vẫn gặp ta.
Nàng trong mộng, phả cơn bão táp
Biển cuồng điên từng mỗi âm ba,

Chàng trơ trọi, gieo mình khuất lấp,
Sóng phủ trùm, dậy nổi hoan ca.

Nàng trong mộng, mộng xưa chót vót
Mộng trong chàng, ngả ngớn Tử Hoa
Chàng nhập mộng, mộng dàn hoi hóp
chẳng kiệt cùng, trôi nổi đời xa.

ngày nín tưởng

Trận giông đổ
từ cơn khuya bặt giấc
thinh không xô bồ
phũ phàng nặng giọt

tháng Năm về
mưa sang trời đổi ngọn.
tháng Năm về
ru thiếp quãng phôi pha

Kín một cõi riêng
đầm đìa tuyệt vắng
Tách vỡ hạt khốn cùng
Dạt dào triều thác lũ

tháng Năm về
mặt đầm hoang ngát
tháng Năm về
nương náu lối đi quanh

Bủi đêm ào tung xổ
Nhòa lời lẽ thốt thưa
Tràn lan cỏ bãi ứng
Nín tưởng khắp trăm bề.

tháng Năm về
mưa rong huyên náo
tháng Năm về
rừng điên kề lề

thôi rồi tháng Năm về
choàng cơn giông lộng
thôi rồi tháng Năm về
Nước giạt ngày trôi.

Tặng Mai Thảo

Trước bình minh, trời mưa. Cùng lúc giấc chiêm bao trở lạnh —
giấc chiêm bao mở kiếp, mở cửa gió huyễn,
cửa phong ba, cửa trăng ảo, cửa tiếp cửa
lay chuyển, rền rĩ, vắng tanh..
Cửa những chiêm bao khác.

Ôi, môi hoang phế, chĩu mười, ngợp — Vành trăng tang úa lênh đênh, mây sảng.
Người co quắp nằm trên đất dữ, gối ghì cơn Ác Mộng Mỗi Ngày.

Lá múa, lá múa điệu nát tan
khóc cười lẳng biệt
Lá múa, lá múa bóng thao thức
Gỗ đá thâm trầm tạc oan khiên.
Gối ghì Tưởng Vọng đẳng đẵng đáng chiêm bao hạnh ngộ.
Người khóc điếng mê hoan
Trùng trùng gió nghiêng ngửa
Ý khờ khạo, ý chịu giáo hình

giữa cuộc hẹn
Trùng trùng gió quấn quýt
Lời Nín hiền linh

Trên môi chiêm bao, nụ chiêm bao mơ xanh những chiêm bao khác.

Tâm Hư

Những cuốn sách đánh dấu thời đại của chúng ta :

1. TRẦN GIAN MUÔN MÀU
của ANDRÉ GIDE, Nobel 47

2. KẺ XA LẠ
của ALBERT CAMUS, Nobel 57

3. BỨC TƯỜNG
của SARTRE, Nobel 64

4. THÂN PHẬN CON NGƯỜI
của ANDRÉ MALRAUX, ứng viên Nobel

5. CHĂN GỐI
của MORAVIA, ứng viên Nobel

do Giáo sư Lê Thanh Hoàng Dân xuất bản

HOÀNG NGỌC TUẤN

Vài Trang Bản Thảo

Đêm ấy tôi ở gần bên em. Sau cánh cửa sổ mở ra khu vườn âm thầm tối đen, tôi tìm thấy một khung trời đêm có rất ít ngôi sao nhấp nhánh. Trăng đã biệt dạng từ mấy đêm qua. Ánh sáng bàng bạc mầu ngà không còn tấm dầm mình trên tấm áo trắng mỏng manh của em, như nhiều đêm trước tôi thấy dáng em xanh xao, nhợt nhạt trong màu khuya mộng mị.

Đêm nay, em đóng kín cửa sổ lại. Căn phòng nhỏ không đèn sáng rực lên một đội mắt nhỏ. Tôi rất yêu đôi mắt của em, đó là điểm đầu tiên nơi em rù quyến thu hút lấy tôi, không phải ngay vào thuở ban đầu mà dần dần từ tốn mỗi ngày mỗi thấm nhập vào tôi sâu đậm cho đến một lúc máu tim tôi hòa tan thật không ngờ vào ánh mắt muôn ngàn linh động, ảo hóa chập chùng ấy.

Em nhìn tôi em nhìn tôi, lẳng lặng nhìn tôi không rời một giây không nói một lời. Tôi hiểu được chăng tiếng nói rền vang câm nín từ trái hồn em đã chín hồng, mọng ướt, vỡ căng trong tình yêu tôi qua biết bao nhiêu ngày đêm soi rõ và thấu suốt.

Tôi có hiểu được chăng, những điều tưởng chừng như hiển hiện xác thật dưới ánh sáng trưng của bóng đêm, và quen thuộc nằm lòng trong tôi như máu đỏ phập phồng.

Tôi hiểu được em chăng Tôi hiểu được chút gì nơi em. Hay là em mãi mãi vẫn ẩn mật lạ lùng, dầu em đã nói với tôi, tỏ cho tôi biết nhiều điều đơn giản thường tình, ví dụ như tôi biết lúc nào em được sung sướng, tôi cũng biết cơn đau của em vào những lúc buồn bã, hoang mang bối rối. Nhưng tôi đã hiểu được

chút gì về những nếp nhăn trên môi em khi môi ấy không phải là nụ cười cũng không phải là nụ hoa giấu kín đắng cay. Tôi đã hiểu được chút gì về tiếng nói khô khan rất ngắn của em, em đã nhiều lần nói « không », vội nuốt lệ đỏ, lắc đầu, khinh mạn trả lời khi tôi ân cần hỏi em về hạnh phúc. Tôi đã hỏi hàng trăm lần. Suốt đời tôi ao ước muốn biết em được hạnh phúc không, tôi muốn rõ em có hài lòng khi đón nhận tôi từ một lúc nào thật bàng hoàng và có còn muốn tiếp tục tự giữ em ở trong tôi mãi mãi. Tôi muốn biết em, tôi muốn biết tôi, ai ai cũng muốn biết đâu là quả phúc của cuộc đời. Chúng ta có được hạnh phúc hay không, khổ đau có đe dọa mầm chồi dậy tái hồi vây hủa. Tôi sống được chút gì hoan lạc, em sống được chút gì hoan hỉ. Em bỏ quên, tôi đánh mất những gì trong đời. Đáng lý ra thì chúng ta phải được nhận những gì và sự thực có phải ta đã bị xua đuổi ra khỏi vườn mơ ước, rơi xuống khỏi nhành cây gãy lìa mà chưa kịp hái rất nhiều trái ngọt trên cành.

Tôi yêu em vì thế. Tôi yêu em vì tôi không bao giờ hiểu em được cả. Em che giấu tôi nhiều chuyện, em nói dối; điêu ngoa, đôi môi em đáng yêu thấy thèm biết mấy nhưng đôi khi quỷ quyệt như một nàng kỹ nữ.

Tôi cũng dối trá với em. Em hai lòng chẳng hợp nhất cho tôi, tôi cũng giấu dĩ vãng tôi đã nhiều lần tình san sẻ.

Nhưng có hề gì đâu tất cả những điều ấy. Tâm hồn tôi trắng xóa trong sạch khi gần bên em, đời tôi bùng cháy lửa sống hồng hảo từ lúc bắt đầu yêu em.

Tôi đã biết được em là ai? Em, mang một cái tên như nhiều người khác, một thân xác như nhiều người khác, và dĩ nhiên, em không phải là những biểu hiện phụ thuộc bề ngoài đó. Chẳng có cái gì có thể tượng trưng được cho em. Chẳng một lời mô tả, kết luận ngắn ngủi nào có thể nói đủ về em.

Đúng như em mơ màng nói nhỏ trong ngực áo tôi.

Anh nhớ đi, em là em. Anh đừng hòng tìm một hình ảnh về ai ở nơi em, anh đừng mong tìm em ở một ai ai khác về sau. Em là em, nhớ chưa, anh nhìn em đi.

Tôi chăm chú nhìn sát vào mặt em, trong bóng tối, chúng ta chỉ được gần nhau trong tối tăm, đêm khuya, lặng thinh, bí mật

chúng ta thích hợp với một vũ trụ không có ánh sáng chói chang của mắt người soi mói và tiếng nói vo ve ồn ào của kẻ khác. Nhìn em, đó là điều tôi say mê nhất, đã rất nhiều lần tôi chăm chăm nhìn em, âu yếm, đùa cợt, hung dữ, giận hờn. Tôi nhìn em mê mệt suốt đêm ngày không biết chán, cả một đời tôi lẳng lặng sống với khuôn mặt em sát trước mặt, bất cứ ở đâu, xa vắng hay gần gũi, bất cứ lúc nào, chỉ hai người hay giữa chỗ đông người, phút mở mắt sớm mai hay nhắm mắt ngủ trong đêm, tôi vẫn nhìn thấy em, chiêm ngưỡng, ra dấu, mỉm cười hay nháy mắt với em như một người thờ thẫn khật khùng thường ngồi cười nói lẩm nhẩm một mình.

Đêm nay, tôi nhìn thấy em rõ ràng bằng xương bằng thịt. Tay tôi có thể vòng qua đầu em để tháo sợi dây lụa cho mớ tóc em xổ tung ra nằm bê trễ trên gối, vương vãi, chạm nhột, mơn man thích thú vào mặt tôi một cách dịu dàng. Tôi cúi xuống kề mắt mũi sát với mặt em, em kéo tóc em thành hai mối dây vòng sau qua gáy tôi, cột lại, sơ sài mà chắc chắn, tóc em giữ tôi vào em, tôi nghe mình hiện thân làm một con người sống động, mãnh liệt, tràn trề sung sướng trong một bển tối bao la ngát thơm hương em mơ hồ thoáng vội, chỉ nồng nàn đối với tấm lòng nhạy cảm của tôi như những sợi dây đàn căng thẳng, run rẩy, rung động lạnh người trong một hơi thở nhẹ từ môi em lén lút trao tôi.

Trong đêm, trời khuya thanh vắng, mùi hương. Hương. Tôi hoàn toàn chỉ biết được một hương em từ đầu hôm cho đến lúc trời tảng sáng. Hương, mùi hương ấy cũng như những lời em thầm thì mông lung vô nghĩa tôi chẳng hề quên.

Em chẳng bao giờ nói với tôi một câu nào làm cho tôi mát dạ hả lòng. Em ăn nói hà tiện lời, giấu kỹ, gò bó ngăn chận tình cảm của mình một cách dễ ghét. Có lẽ em yêu tôi nhiều hơn là lời em nói, em nghĩ em nhớ đến tôi nhiều hơn là khuôn mặt dửng dưng của em hướng về tôi. Có lẽ, bởi vì tôi chẳng bao giờ biết được chắc chắn một điều gì nơi em. Em thường tự hào về con người riêng rẽ, khép kín của mình. Em hãnh diện nói với tôi :

Chỉ có mình em mới biết rõ em thôi. Anh chẳng bao giờ hiểu em cả. Có nhiều điều anh đã hiểu lầm về em, ví dụ như

tưởng rằng em yêu anh, thật ra đó là một điều lầm lẫn rất lớn.

Tôi đau đớn lặng người, lời ác độc của em đâm suốt vào tôi, thiêu cháy, tôi tan rã như đống tro tàn.

Tôi quay cuồng kêu gào một mình trong tôi, và em sẽ nghe được câu hỏi hoang mang buồn bã ấy.

Tại sao ? Em không yêu tôi ? Thế tại sao có môi hôn nồng nhiệt giữa chúng ta ? Tại sao đã có những mầu mắt chan chứa ân tình say đắm giữa chúng ta ? Tại sao ? Phải chăng tất cả đó là những giây phút đùa cợt điên cuồng, những màn kịch rồ dại không suy nghĩ, những ảo giác lung linh hay là những giấc mơ đậm nét nhưng rất ngắn và sớm tan tành.

Tôi nói em đừng làm khổ tôi vì những lời em lạ thường tôi không tài nào hiểu nổi. Thôi, tôi không cần nghe em nói, tôi không cần ngôn ngữ, không cần âm thanh, tôi không cần lời ngọt ngào và sợ hãi chẳng dám nghe lời đắng chát.

Tất cả những điều tôi cần, tôi muốn, tôi ao ước trên đời này, tất cả những điều đáng giá nhất cho cuộc sống là một mùi hương người nữ trao trọn vẹn cho tôi không kèm theo một lời thừa thãi. Không cần cả đến tiếng « yêu », chỉ là mùi hương của da thịt em đêm đêm ôm ấp vỗ về trong tôi, ngát thơm đôi môi, tôi chỉ cần chỉ yêu một điều duy nhất đó.

Hương. Trong đêm, suốt đêm Môi quấn quít kề cận nhau không rời.

Đó, tôi cảm tạ em, tôi yêu em biết bao. Em rộng lượng đắm đuối dâng hiến cho tôi một đôi môi thơm mùi dạ hương diệu vợi, thoang thoảng như chớp nhoáng chợt tan ở đâu đây, tầm đậm lắng sâu vào người như được tiếp một dòng máu thứ hai cứu vớt sinh mạng mình.

Em cứu sống tôi, cứu vãn một quá khứ nổi trôi khổ nhọc đã qua từ nay được xoa dịu an ủi, cứu vãn một tương lai không còn là vô vọng tuyệt mù. Mỗi thời khắc tàn tạ thiêu hủy vội vàng, nhờ em, đã trở thành những phút ngàn vàng thường hằng với đầy nghĩa đẹp. Tôi sống trường sinh bất lão, hưởng ngọt nhụy xuân vĩnh viễn không phai, tắm nắng tươi giòn của mùa hè thắm hoài không nhạt. Đó, trong đêm tối, chúng ta không nói gì nhiều với nhau. Tôi chỉ còn nhớ vài lời em ngắn ngủi :

Em là em.

Anh không thể nào hiểu được em đâu.

Em cũng không hiểu em có yêu anh hay không.

Những lời đó em nhắc đi nhắc lại mãi. Và thế là sự liên hệ giữa chúng ta đã bấp bênh, mỏng manh, yếu ớt từ gốc rễ.

Tôi đã sợ một ngày tàn phai.

Vẫn là trong đêm.

Vẫn trong căn phòng nhỏ không đèn có cánh cửa sổ hướng ra khu vườn, nhưng cửa đã đóng kín.

Tối mù trước mắt tôi, nhưng tôi vẫn biết chiếc áo ngắn của em mặc màu vàng nhạt.

Chiếc đĩa hát cũ đã xoay hết vòng cuối cùng, một điệu nhạc xưa đã ngưng tiếng, còn rơi rớt vài dư âm trong trí tôi.

Tôi châm thuốc hút bằng cây diêm quẹt. Tôi định dùng đóm lửa nhỏ thắp sáng ngọn tim của một mẩu nến trắng. Nhưng em đã níu tay tôi lại, em thổi tắt lửa. Tôi nuốt một hơi thuốc, em nhẹ nhàng áp má vào lòng tay tôi, cũng xin được chia một ngụm khói thuốc.

Tôi nói em đừng tập hút thuốc lá, kẻo sẽ trở nên ghiền, suốt ngày ngậm vắt vẻo trên môi một điếu thuốc như những ả giang hồ.

Em vùng vằng nói em chỉ hút vài hơi cho vui thôi vì em thích mùi khô ấm, thơm đậm, bồng bềnh của khói thuốc lá.

Tôi nói hút thuốc nhiều môi sẽ bị hư, bỏng, có những vết thâm. Và em hãy giữ môi em tươi mãi cho tôi, vì đôi môi em từ nay không chỉ là của em mà còn của tôi nữa.

Em bĩu môi, anh đừng ham, chẳng có cái gì của em là của anh cả Em không cho anh gì cả. Anh sẽ không được gì hết.

Tôi biết. Rốt cùng, chúng ta chẳng ai cho nhau được điều gì cả. Em như một con ốc thu hình giấu kín, tôi như là đảo hoang không thể trở về cập bến với đất liền.

Chúng ta hoàn toàn xa lạ với nhau. Có lẽ chúng ta không thương yêu gì nhau đâu Chúng ta chỉ giống nhau ở một điều, chỉ gần nhau ở một điểm, là đều yêu thích bóng tối, cùng say sưa

với hương đêm, cùng bị cuốn hút mê muội trong da thịt nhau mỗi khi bất ngờ hay cố tình kề cận.

Tôi thiếp ngủ mơ màng trong chân tóc em. Tôi hơi say, tôi đã uống vài hớp rượu, tôi hút thuốc quá nhiều đến nóng ran môi miệng. Khi em hôn vào vai tôi để gọi tôi dậy thức qua đêm cùng em, tôi cảm thấy miệng đắng, tôi sợ rằng hơi thở tôi nặng nề làm em khó chịu.

Tôi nói, miệng anh đầy hơi rượu và mùi thuốc, để anh đi đánh răng xúc miệng một chút, hay ăn một cây kẹo ngọt.

Em lắc đầu không cho, em níu tôi lại, giữ tôi bằng vòng tay siết quanh lưng như một nhánh rong mát êm mềm mại.

Em nói, không sao đâu, em ghét mấy người không hút thuốc lá, em cũng thích hơi rượu nồng nồng nữa, anh mới uống gì đó, bia hay rượu chát, rượu mạnh.

Tôi uống rượu cỏ-nhát lóng lánh vàng, cay thơm và thuốc lá thứ nặng nhất, nóng đậm.

Em mỉm cười âu yếm (...)

Anh nhớ không, hồi anh bắt đầu gặp em, năm ấy em chỉ khoảng mười bảy mười tám tuổi.

Tôi nhớ, lúc đó không biết là trời mưa hay trời không mưa, trời đầy nắng hay trời êm bóng mát. Bên một dòng sông lặng lẽ, ngôi nhà của em càng thêm có vẻ trống vắng u buồn, xưa cũ, mái rêu cổ kính, vườn cây rậm tối vài đóa tường vi nở lẻ loi trong vuông cỏ trước nhà, đằng sau là một ao cạn một cái giếng khô, một cây sung còn ít trái chát không ai thèm hái, và cây khế chua lấm tấm hoa trắng thường rụng rơi khi gió đêm thổi mạnh về.

Đúng rồi, tôi đã nhớ, hồi ấy tuổi em non dại, dáng em gầy nhỏ, đôi mắt đăm đăm như ẩn chứa một điều gì, đôi môi khép kín lạnh băng ít khi thấy nở một nụ cười Tôi đã nhớ, nhưng không còn nhớ hết nhớ rõ về em. Tôi chỉ còn bắt lại trong ký ức vài hình ảnh mơ hồ của em, em thường mặc áo màu gì, vàng hay trắng, tóc em cắt như thế nào, ngắn như búp-bê hay để dài lòa xòa ngang vai... tôi cũng không nhớ rõ. Em đã nói chuyện với tôi một vài lần, những lời thông thường dửng dưng, những chuyện vu vơ lặt vặt như một người khách lạ.

Và hồi đó, quả đúng tôi chỉ là một người khách lạ. Hình như có vài lần đứng trong sân vườn nhà, em trao đổi với tôi vài câu chuyện bâng quơ.

Anh có xem cuốn sách, cuốn phim đó chưa.

Em học trường nào. Ở lớp có chuyện gì vui không, tháng mấy em thi, sau này học xong em định làm gì. Lớn lên em thích làm gì, dạy học, buôn bán, ca sĩ, tài tử màn bạc...

Không Em không thích làm gì cả. Em cũng không biết em muốn điều gì.

Ai cũng phải biết điều gì mình thích nhất, điều mình muốn làm nhất trên đời chứ.

Nhưng em thật không biết mà. Có lẽ em chỉ thích ở đây mãi, thành phố này em ở đã quen rồi, em sợ có ngày phải đi chỗ khác. Nhưng có khi em lại muốn đi đến một nơi nào thật xa thật lạ, một nơi em chưa bao giờ biết, một nơi em không có một người quen nào hết.

Như thế chắc em sẽ thích ở cao nguyên. Ban Mê Thuột hay Đà Lạt.

Ở đó như thế nào anh.

Trời lạnh lắm. Đà Lạt có hoa anh đào, Ban Mê Thuột có hoa sứ trắng.

Em thích trời lạnh lắm, em thích trời mưa. Trời mưa lất phất, đi bộ lội nước lúp xúp đến nhà một nhỏ bạn nói chuyện và ăn đậu phụng rang nóng hổi, em thích lắm. Anh có thích không ?

Anh không biết. Anh đã hết biết yêu hoa lá, thời tiết, mùa mưa hay nắng, đậu phụng, ô mai, me chua v.v... Anh đã chết hồn thơ dại rồi.

Nghĩa là có một thời anh cũng thích những thứ đó phải không ?

Phải. Một thời đã qua, mới đây nhưng sao thấy lâu lắm. Xa quá rồi, xa quá, như trong chuyện cổ tích thần thoại... Chuyện kể rằng có chàng hoàng tử bị bà phù thủy ếm bùa biến thành một cánh bướm bay vất vưởng suốt đêm ngày.

Và rồi một hôm, có một nàng công chúa tìm hoa trong vườn thượng uyển, chụp lưới bắt được cánh bướm.

Trong tay công chúa nhẹ nhàng vuốt ve, bướm hiện hình trở thành chàng hoàng tử, bướm được phục sinh thành người.

Và hoàng tử kết hôn cùng công chúa ?

Anh không biết, anh chỉ nghe me anh kể chuyện nửa chừng, tới đó là anh đã ngủ gục, anh không biết đoạn kết ra sao.

Anh thích một đoạn kết ra sao ?

Em thích một đoạn kết ra sao ?

Anh sẽ không nói đâu.

Như thế em cũng không nói đâu.

Bướm thích bay xa. Hoa thích ở lại trên cành. Hoàng tử thích rong đuổi trên đường thiên lý. Công chúa thích sống êm ấm trong lầu son.

Đó toàn là những chuyện vớ vẩn. Em đã nói với tôi; tôi đã nói với em, nhưng chúng ta không giữ lại một chút gì tinh ý. Hồi đó, em như một hình bóng nhạt nhòa chưa in rõ trên hồn tôi, em chợt có, chợt không, chợt gần bên, chợt biến mất, tôi cũng không biết đến.

Nhưng rồi, thời gian, thời gian kỳ diệu biến đổi mạnh mẽ nhiều điều thật không ngờ. Ngày tháng qua đi, một năm qua, hai năm qua, ba năm qua đi... cho đến một ngày, làm sao tôi biết rõ đó là ngày nào, đột nhiên em có mặt và sống trong tôi chấn động sáng ngời như một tia chớp nháng lửa trên khung trời dông tố.

Tôi bỗng yêu em như mới được trở lại làm người, mới chập chững bước chân vào tuổi thanh xuân hồn nhiên bồng bột. Tôi bỏ hết tất cả. Tôi bắt đầu làm tôi sơ sinh trong ngày thứ nhất, tôi bắt đầu biết run rẩy ngây ngất trong một hơi thở chạm nhẹ vào em.

Tôi chẳng dám tin vĩnh cửu là điều có thật trên đời, nhưng tôi sẵn sàng tin phút giây này là vĩnh cửu. Tôi chẳng dám mong tôi sẽ sống dai muôn đời thi đua cùng trái đất, nhưng tôi biết chắc rằng phút giây này tôi thật sống. (...)

Em mơ những gì ?

Anh mơ những gì ?

Anh mơ ước đừng có ai làm tan tành những giấc mộng.

Rồi chính anh sẽ làm tan tành cho mà xem.

Không bao giờ. Công việc duy nhất của suốt đời anh là làm cho sự thật đẹp như mơ mộng để cuối cùng tất cả những gì đẹp nhất của mơ mộng đều trở về, trở thành sự thật.

Anh nói như đang ở trên mây xanh.

Không phải đâu, em. Anh chịu sống, chịu chết với mặt đất này rồi. Em nhớ không, hồi nhỏ, ta thường được nghe nói rồi tưởng đến một thiên đường. Nhưng bây giờ anh biết, cảnh thiên đường đã xây dựng vừa đủ trong em. Đôi môi là cánh cổng, em đã mở cho anh vào,

Thế còn em, em biết tìm thiên đường nơi đâu, nơi anh ?

Không. Anh không có đâu. Nghe anh nói đây.

Em ước mơ chi cõi trời trăng sao xa lạ. Mà biết đâu thiên đường nằm trong trái tim em.

Anh làm thơ à ?

Không. Cần gì thơ với thẩn nữa, anh nói lời cục mịch, em thốt tiếng thô sơ, anh cũng cảm thấy chơi vơi trong cõi thơ rồi.

Có lẽ khuya lắm anh à. Hay là trời sắp sáng rồi em sợ.

Anh cũng sợ, cũng ghét trời sáng. Chúng ta như loài vạc ăn đêm, chỉ thẳng thắn thành thực với nhau trong đêm tối. Ban ngày, em mang mặt nạ lầm lì khó khăn, anh nói cười đóng kịch.

Em có vẻ hơi mệt, em nói có lẽ vì hớp rượu lúc nãy, em không quen uống rượu.

Đã bảo trước mà, em cứng đầu của anh. Để anh thắp nến xem em có bị say không.

Tôi lần mò trong bóng tối, tìm được một cây diêm quẹt và thắp sáng ngọn đèn cầy.

Trong ánh lửa lung linh, chợt hồng chợt đỏ như khiêu vũ chao lượn những hình thù mập mờ, tôi nhìn thấy khuôn mặt em ửng đỏ, môi tươi, mắt sáng nồng thắm, đáng yêu quyến rũ như một vị thiên thần chịu giấu cánh ở lại trần thế (...)

Hoàng Ngọc Tuấn

TRẦN THỊ TUỆ MAI

Bóng Tối Đang Lui

hôn đất

Tôi nghe tôi thở dài
như cây sầu trút lá
nền đất khô rời rã
không buồn vì tiếng rơi.

Tôi nhìn tôi ôm đầu
như đài hoa rũ cánh
nền đất khô xám màu
không buồn vì ốm đau.

Tôi trông tôi nhớn nhác
như gà con lạc đàn
nền đất rêu ẩm ướt
mặc chân đời hoang mang.

tôi ngó tôi sững sờ
như chim vừa mắc bẫy
mây trời bay nhởn nhơ
mặc cánh chim run rẩy.

Tôi thấy tôi đi dài
gồng mình trong bóng tối
đạp trên đường sỏi gai
phương sáng nào, có tới ?

Tôi ngẫm tôi im lìm
như hạt cây trong đất
tháng ngày soi màu đen
hỏi mặt trời có thật ?

Ô ! mặt trời có thật
mầm cây vươn lên rồi
tôi mỉm cười hôn đất
chào bóng tối đang lui.

chứa chan

Khi ngày không mặt trời
sơn ca buồn, chắc thế
bướm cũng sầu cánh thôi.

Khi đêm không ánh trăng
hẳn trời đau chết lặng
hiên sương nằm ngậm tăm.

Một đời không cơn say
thi rất ngoan, đúng vậy
mặt ao tù êm thay.

Một đời không cơn liều
tất bình yên lắm chứ
thân đá nín trong rêu.

Một đời theo bạc vàng
dĩ nhiên thân hào nhoáng
bình hoa giả lồng gương.

Một đời không tin yêu
thân mọc gai, hẳn thế
nhọn hoắt đủ trăm chiều.

Thôi, tôi cứ là tôi
với mặt trời nóng bỏng
với trăng lạnh sương rơi
tay hiếm hoi tiền bạc
lòng chan chứa tình người
cùng những cơn liều lĩnh
vì biển rộng sông dài
cùng những phen hối hả
vì tấm lòng ai ai.

Giữ niềm tin yêu mãi
dù có nhầm có sai...

Trần Thị Tuệ Mai

ĐÃ PHÁT HÀNH

CON SÂU

truyện dài DƯƠNG NGHIỄM MẬU

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG XUẤT BẢN

Thành Phố Trật Tự

Có người cho rằng thành phố X là cái thành phố có trật tự nhất nước. Đó là nhờ cái Cầu Cũ (nếu tính thêm Cầu Mới cũng được). Nó phân chia thành phố ra làm hai khu riêng biệt : Khu Thương Mãi nằm chính yếu trên đường Trần và tiếp theo Phan Chu Huỳnh... Khu Văn Hóa ở bên này cầu, tính từ góc ngã tư Duy Lê tính đi. Khu này tập trung hầu hết các phân khoa Đại Học — (không kể ngoại lệ Quốc Gia Âm Nhạc và Mỹ Thuật), và các công sở. Thân thiết nhất là cái Đài Phát Thanh và Đại Học Văn Khoa nằm kề cận, cũng là nơi bắt đầu cho hết thảy cớ sự.

X. là một thành phố lắm chuyện, nói chung. Chuyện cổ tích, chuyện thiên tai bão lụt nặng hạn, chuyện chiến tranh biến cố, chuyện tranh đấu tôn giáo, chuyện thơ văn, chuyện lăng mạn học sanh sanh viên. Nói riêng, khu thương mại đã lắm chuyện (buôn bán mà) nhưng khu văn hóa còn lắm chuyện dữ. Đầu đuôi, như đã nói khi nãy, bắt đầu từ cái góc Duy Lê trở đi.

Đài Phát Thanh thường phát ra đủ chuyện đáng tin cậy vì được đảm trách bởi một ông Giám Đốc vốn là nhà văn nhà thơ thâm niên. Ông này là một nghệ sĩ thuần túy chứ không phải là một tài tử. Diện mạo tuy không khác người nhưng cũng ít giống với người khác. Râu tóc bạc mà tâm hồn trẻ trung, đời sống vật chất giản dị thô sơ nhưng không phải là không đầy ý nghĩa, tư tưởng phát biểu làm như nông cạn hời hợt nhưng hàm chứa

triết lý sâu xa. Một nhà nghệ sĩ uyển chuyển, vừa đại diện cho thế hệ đàn anh đáng kính hòa hợp tài tình với tuổi trẻ và cuộc chiến hôm nay. Chả thế mà các cô cậu sinh viên quấn quýt chiêm ngưỡng người như một bậc thánh sống. Cũng bởi vậy, nơi này là cơ quan văn hóa phong phú và điển hình nhất, tập trung đầy đủ các tài liệu sinh hoạt thuộc lãnh vực Đại Học nói riêng và giới trẻ nói chung. Những tài liệu này tuy giá trị nhưng chỉ nằm trong chương trình phát thanh phụ, nghĩa là theo phương pháp truyền khẩu bổ túc cho những bản tin chính thiên về thời cuộc và chính trị vốn có tính cách nặng nề.

Nhà nghệ sĩ Giám Đốc theo dõi tận tâm đời sống tinh thần cũng như vật chất của giới trẻ. Người biết rõ lịch trình thi cử của từng phân khoa, năng khiếu đặc biệt của mỗi nam nữ sinh viên thân cận, hoàn cảnh gia đình cũng như liên hệ bạn bè. Các cô cậu gọi nhà nghệ sĩ bằng chú hoặc bố, xưng cháu hoặc con, đi uống cà-phê chung hoặc thăm viếng tại phòng riêng, bàn luận trao đổi về những vấn đề thực tiễn thuộc văn nghệ, xã hội cũng như cá nhân. Thậm chí có người đã đi làm việc ở tỉnh khác, mỗi tuần trở về hàn huyên và ngủ lại đêm. Người lúc nào cũng tỏ ra dễ dãi và hiểu biết bởi vậy sinh ra những nguồn tin không đứng đắn làm tổn thương danh dự Thánh nhân vô cùng. Có người còn độc địa cho rằng nhà nghệ sĩ Giám Đốc là một tên Ma Mỳ, như Mẹ Min hay bắt con nít làm chả lụa, hoặc tệ hơn như ông chủ một khách sạn nhỏ, hoặc tệ hơn nữa một Tú bà. Thậm chí họ còn đồn đãi Người thường có khuynh hướng sống chung với các nữ văn sĩ tên tuổi để tìm hiểu thế giới bí mật của những cây viết đàn bà cách mệnh, kể cả những cây bút trẻ (cũng đàn bà và cách mệnh). Thật oan ức thay ! Có ai biết đâu là trong những lần tiếp xúc thuần túy văn nghệ giữa Người và những cây bút đàn bà ấy, nhà nghệ sĩ đã thật tâm lấy tư cách một nhà văn đi trước chỉ vẽ cho các bà những điều lợi hại của lối văn tự truyện. Tự truyện là truyện viết về chính mình. Đàn bà sống ít quá Người nói, có lẽ vì vậy mà họ chẳng còn vấn đề nào khác để đào sâu nữa (ý hẳn nhà nghệ sĩ muốn nói tại sao các bà cứ phải đào sâu mãi một miếng đất còn nhiều chiều rộng, hay người cho rằng các bà viết văn thật ra chẳng có một kích thước nào cả ngoài cái

chiều sâu đang đào ?). Thật khó mà biết. Đây cũng là bằng chứng cụ thể minh xác cho tư tưởng cao xa thâm thúy của Người.

Các nam nữ sinh viên, nói về hoàn cảnh địa lý, có lẽ vì Văn Khoa chỉ cách Đài Phát Thanh có một cái bằng qua đường nên liên hệ mật thiết với nhà nghệ sĩ Giám Đốc. Họ lui tới thường xuyên đến nỗi các ông lính gác cổng quen mặt không cần hỏi giấy hay điện thoại báo trước. Phần nhiều các cô cậu học ban Việt văn, tượng trưng cho văn hóa và linh hồn của dân tộc. Có người đã là thi sĩ, có người đã bị cầm tù vì làm thơ đấu tranh, cũng có người chỉ vừa mới tập tễnh nổi tiếng qua những bài văn ắt bẳn phải là rất cách mệnh, và có lẽ phải do một cây bút đàn bà (trẻ) sáng tác.

Trường Văn Khoa là cái khách sạn cũ của Tây, với phòng ốc còn chứng cớ ràng ràng qua cách kiến trúc. Cái hành lang bề rọ dài thòn với bề ngang chỉ đủ ba bốn người chen. Giờ đổi giáo sư hoặc nghỉ xả hơi các sinh viên đứng dọc theo cửa sổ hành lang ngó người qua lại (trong hành lang) Có những cái áo đẹp cặp tay những cái áo đẹp khác chen qua chen lại dạo mát. Những cái áo phần nhiều ai cũng hay thấy và biết rõ loại hàng cũng như giá cả, hiệu may. Những khuôn mặt kín đáo nhưng quen thuộc. Những cặp kính cận thị đứng đắn và tốt. Những mối tình đồng song rất sum họp đề huề. (Những mối tình đang dở riêng tư mà ai cũng muốn gánh dùm trách nhiệm. Những kẻ phản bội rất bí mật được mọi người chỉ cho nhau biết để cùng che giấu).

Các giáo sư làm việc theo gần giống đường lối của nhà nghệ sĩ Giám Đốc. Họ bết lòng theo dõi việc học của từng sinh viên, hướng dẫn các sinh viên trong học đường và cả ngoài xã hội, đời sống cộng đồng của những buổi pít-nít) cũng như đời sống tình cảm cá nhân (ở những buổi vi-sít của cả hai phe) Đây là một học chế rất tốt, đem thầy trò lại gần nhau, gây tình thân thiện trong tinh thần học hỏi và cầu tiến. Cụ khoa trưởng ảnh hưởng văn minh văn hóa Âu Tây hướng dẫn Đại Học Văn Khoa theo đúng tinh thần Đại học Âu Tây. Ai muốn học thế nào thì học miễn sao có kết quả, dù tiến hay thoái. Henry Miller đã chẳng từng nói là « Người ta có thể đi tới bằng cách trở lui »

Cổng trường Văn Khoa ngó xéo qua bên kia đường Duy tệch

phía bên phải là giảng đường Karaté được mượn cho sinh viên Luật năm thứ nhất. So với trường Luật Sàigòn, số sinh viên Luật ghi danh hàng năm ở X thật chẳng có chi đáng kể, với con số 2 hay 3 ngàn sinh viên trong năm nay. Số người này tuy vậy là tiếng nói lớn nhất của Đại học Luật Khoa X. Đa nhân thì đa ngôn. Đa ngôn thì ồn. Trong cái giảng đường rộng và mát, các băng ghế gỗ được xếp dài theo tầng cấp, vĩ đại như một khán đài, sân diễn võ phía dưới xa là cái sân khấu nhỏ được trang bị tối tân bàn ghế và máy móc cho giảng sư và giáo sư. Ngồi trên cao nhìn xuống đôi khi thấy chóng mặt và choáng váng buồn ngủ nhất là ở những giờ giáo sư chỉ biểu diễn các thế võ loại nhu (gọi là Nhu Đạo hay Dân Luật Đạo). Giảng đường này dành cho sinh viên Luật Khoa và võ sinh Karaté nhưng lại nằm trong khuôn viên phần đất thuộc trường Đại học Sư Phạm và Kiểu Mẫu — hai trường này kiến trúc giống hệt nhau và theo ý nghĩa của các chữ kiểu mẫu, sư phạm người ta hiểu rằng những cái gì xuất xứ từ hai nơi này đều là sản phẩm tất nhiên từ chính ý nghĩa của các chữ đó.

Chi nhánh trường Luật như thế tọa lạc tức tưởi, tạm bợ và lạc lõng như một kẻ nằm ngoài vòng pháp luật. Trụ sở chính của Đại Học Luật Khoa phải đi vòng một cái cua Văn Khoa, đi ngược lên đường Lê qua Thư viện Viện Đại Học có quán cơm sinh viên và chè đậu xanh. Trung tâm Liễu Quán có Yaourt và các pho sách nghiên cứu Phật học rất giá trị, đi qua sân quần vợt của các nhà trí thức có tinh thần thể thao, qua cercle, có bún bò và hồ tắm kín đáo, nơi ngồi chơi xơi nước thường trực của các văn nghệ sĩ tiêu biểu nhứt cố đô, qua cầu Mới tiện nghi của chiếc xe Dodge và GMC, qua Bệnh viện Trung Ương vừa được khánh thành. Đi qua hết các khoản đó là đã đi được một đoạn đường dài, mát và đẹp. Nhất là vào mùa hè, *mỗi năm đến hè lòng man mác buồn*, hoa phượng nở đỏ, các trường Trung học đóng cửa, sông nước ngờ nghệch lơ đãng. Và trường Luật treo biểu ngữ đón các cựu sinh viên Ngày Về Trường. Giới trẻ thường chở nhau đi phơi phới trên khúc đường này nhất. Bởi nó có vẻ văn hóa nhất. Ngồi ở băng đá trước sân Trường Luật có thể nhận diện được gần hết những chiếc xe gắn máy qua, không kể xe đạp và người bộ hành.

Nhìn từ chỗ ngồi này cũng giống như nhìn qua cái ống dòm không cần điều chỉnh, nó cũng giống như cặp kính cận thị của sinh viên Văn Khoa, đứng đắn và tốt. Người nhìn có thể mô tả tường thuật lại cho người không nhìn những điều mình nghe thấy, đầy đủ và đôi khi dồi dào hơn cả sức tưởng tượng của người không nhìn.

Khu văn hóa còn văn hóa ở chỗ cái Tòa Viện trưởng Viện Đại Học (nơi nộp lệ phí ghi danh hoặc lệ phí thi cử để nhận Biên lai đã-trả-tiền-rồi) nằm đối diện với Cư Xá Giáo Sư Đại Học. Cư xá dành riêng cho các Giáo sư Đại học Huế đã đành, đó còn là nơi tiếp đón các giáo sư định kỳ đến từ Sàigòn, hoặc các giáo sư thập phương đến họp cho các chương trình giáo dục Đại học dự trù, như mới đây mấy tháng trước. Viện sẽ đài thọ hết mọi khoản, kể cả khoản du ngoạn bằng đường bộ và đường thủy đặc biệt hướng dẫn bởi Giáo sư Trưởng ban Sử Địa của Đại học Văn khoa và Sư phạm. Có cả một nhóm sinh viên chọn lọc của ban sinh ngữ để tiếp riêng những giáo sư ngoại quốc, giải quyết được hết mọi khó khăn cho Giáo sư Trưởng ban Sử Địa trong vấn đề dẫn giải các di tích lịch sử.

Cư Xá còn là nơi tiếp lưu các nhà nghệ sĩ tên tuổi đến X vì công vụ hay tư vụ. Kể cả nghệ sĩ quốc tế, như ông Jacob Feuerring, nhạc sĩ dương cầm Hoa Kỳ đã tình nguyện đến X trình diễn một chương trình nhạc Đông Tây mà không nhận thù lao... Trong một buổi độc tấu dương cầm đặc biệt như vậy, các nhà trí thức tên tuổi và một số đông các sinh viên tỏ ra rất trí thức đã đến dự thật đông đủ. Giống như Tuần Lễ Văn Hóa trước đây do Trung Tâm Liễu Quán tổ chức. Người ta không thể thấy thiếu nhà nghệ sĩ Giám đốc Đài phát thanh, tất nhiên, hay các văn nghệ sĩ tiêu biểu của cố đô vốn hay vui vầy cùng nhau ngoài hiên mát của nhà thủy tạ (gọi là cercle). Mỗi người đều dự và ra về với một tư cách hết sức nghiêm chỉnh, nghiêm trọng, tỏ ra am hiểu vấn đề hơn sức hiểu biết của tất cả những người khác.

Bộ mặt của X nói chung, trong những dịp như thế bỗng trở nên xôn xao linh động. Nói riêng, Văn Hóa bên khu này có thể ảnh hưởng đến Thương Mại bên khu kia. Ngoài phố người ta sẽ hỏi thăm nhau [hôm]o mở lên đứng dở nhạc cho ông Jacob rứa, còn o mở tặng hoa rứa, phải o xớ có bỏ Thủy Quân Lục Chiến

không ? Ông Jacob 63 tuổi sẽ không ngờ o nớ có bồ Thủy Quân Lục Chiến. Nếu có ông sẽ độc tấu một bài quân nhạc riêng tặng ? Không biết. Người ta không biết và người ta muốn biết tất cả những cái đó. *Thị chi bất túc kiến. Thính chi bất túc văn.* Nhìn không đủ thấy. Lắng không đủ nghe. Ông Lão Tử gọi đó là *Đạo* (*Đạo* là đường tức đường Trần Hưng Đạo).

Bậc Thánh Nhân cỡ nhà nghệ sĩ Giám Đốc mà nắm được cái *Đạo* này dù có đi cùng khắp ở chỗ nào Người cũng được yên cả. *Thiên hạ vãng, vãng nhi bất hại. An bình thái.* Vì người hiểu biết, am tường. Người đảm trách một trung tâm văn hóa đáng tin cậy với những chương trình phát thanh thật cải cách tân kỳ. Người ta để Người yên để được nghe Người. Biết thế Người chỉ ở yên một chỗ mà tải Đạo và hưởng thái bình chứ cũng ít khi *thiên hạ vãng*. Bề nào Người cũng được yên cả. Chỉ ít khi vào buổi chiều, khi hoàng hôn về trên sông H. ngồi trước bậc thềm Đài thánh nhân chợt thấy hiu quạnh, *chợt giật mình nhớ tới vợ con chuyện nhà*, Người bỗng thấy mình cô độc quá. Những lúc ấy nếu không có đạo hữu nào thuộc giới trẻ để hàn huyên, Thánh nhân sẽ khó lòng ngăn được niềm riêng. Người sẽ độc đạo tìm đến những tâm hồn mồ côi đồng điệu. Cố nhiên thuộc giới trẻ. Giới này không hiếm. Họ tập trung ở Cư Xá Nữ Sinh Viên do các bà sơ trông coi. Thuộc thành phần tốt, chọn lọc. Nhất là về khả năng đài thọ lưu phí. Họ mồ côi trong tâm hồn (chỉ một số ít), rất ít người mồ côi cha mẹ. Họ (hầu hết) là những người được cha mẹ tin tưởng. Họ cũng là đại diện cho văn minh và văn hóa của thành phố X. nói riêng. Ở đây người ta theo dõi được diễn tiến của thời trang cũng như các tư tưởng tiến bộ phổ biến từ Đà Nẵng ra (thành phố lớn thứ nhì sau Sàigòn). Đây cũng là chỗ tập trung sinh viên của hầu hết các phân khoa Đại Học X. có cả Trình dược viên hay phụ huynh ở xa đến thuê phòng ăn ở với giá rẻ mạt so với giá phòng của khách sạn tệ nhất.

Đến từ các tỉnh thành khác nhau nhưng họ sống xúm xít với nhau rất êm thắm, dĩ hòa vi quí, chia sẻ với nhau từng mẩu tâm sự vụn, sợi tóc họ cũng chẻ ra làm tám. Các sơ kiểm soát họ kỹ lưỡng chi lý, hết sức cẩn thận về tiền bạc, cẩn mật về tình cảm, sơ cũng giải quyết hộ những việc đời trớ trêu nữa. Các cử

chỉ vai quàng tay nắm giữa các nữ trú viên với nhau triệt để bị cấm chỉ, tránh tình trạng ô-mô hay xảy ra trong các tổ chức nội trú. Không được chơi tay đôi quá thân thiết với cách bày tỏ tình cảm ướt át. Đi chơi với bạn trai thì được, rủ về ngồi trước thềm nhà thờ hay dưới bóng cây trong sân cũng được. Vì đó là cơ hội tốt để học thêm kinh nghiệm sống, trao đổi tư tưởng, mở rộng tầm giao thiệp giữa thanh thiếu niên với nhau. Từ chỗ này sinh ra những tâm hồn mồ côi những tâm hồn không tìm thấy cơ hội để học thêm kinh nghiệm sống. Nhà nghệ sĩ Giám Đốc, tức Thánh nhân, sẽ tìm đến những tâm hồn đồng điệu này, qua tư cách một Đạo sĩ quắc thước râu tóc bạc phơ, một người hùng biết người biết ta, một phụ huynh với cái kim chỉ nam chế bằng hợp kim đặc biệt.

Thường thường, Thánh nhân đến thoạt tiên với chân tướng, tức là như một nghệ sĩ. Các tâm hồn mồ côi thích lắm, vì chỉ có nghệ sĩ mới là thành phần văn hóa nhất nước. Sau đó nghệ sĩ sẽ trở thành phụ huynh (với Kim Chỉ Nam) hoặc người hùng biết người biết ta, tùy. Tùy các loại mồ côi. Nhà nghệ sĩ uyển chuyển (tức Thánh Nhân) *thi thiên hạ vãng, vãng nhi bất hại.*

Khu Văn Hóa không phải bế tắc ở chỗ *vãng* hay không *vãng* của Thánh Nhân. Còn cái Nhà Bưu Điện, Ngân Khố, Thuế Vụ, còn các cư xá sinh viên khác, còn các Đài Truyền Hình, Đại Học Y khoa, trường Hộ Sinh Quốc Gia, Viện Bài Lao (bài những con vi trùng làm nhu nhược văn hóa), còn các tư nhân tích trữ và đầu tư văn hóa để kiếm cớ dọn nhà qua khu Thương Mại, còn Đại Học Khoa Học đâu lưng đấu cật với Văn Khoa, còn Tỵ Y Tế Sinh Viên .. Biết mấy !

Nhưng đã có Thánh Nhân tải *Đạo* Người lấy cái lòng của trăm họ mà làm lòng mình. *Dĩ bách tánh tâm vi tâm.* Mấy, Người cũng biết. *Đạo* Người tải ra từ cái ngã tư Duy-Lê phản ảnh được phần nào màu sắc văn hóa của Khu Văn Hóa nói chung và của cái ngã tư nói riêng.

Thọ Diên

Ngậm Thẻ Qua Sông

thơm lửa hương khoai tiếng hát rừng
ven thôn vừa ghé buổi di quân
khói mẹ sau lều cơm chín tới
nước em chè lá đậm phèn sông
tôi đời trận mạc xa quê quán
buổi ghé nương em núp bóng nhà
em nhớ thương chồng đóng đồn ải xa
lâu tin vắng trông mòn đường xóm
tôi ở quá bân hông nhà gió sớm
đợi dùm em tin chinh chiến gởi về

đêm nay mưa em mất ngủ khuya
tôi lạnh gió tin địch về vẫn thức
làng em ở gió lào qua rất độc
ngày mưa mùa khuất núi mù sông
mẹ già mong một mụn cháu đầu lòng
em nhắn gởi bao lần tin vẫn biệt
rụng vườn em trăng sương ngày tháng chạp
tôi gác đêm như bóng người rình
tối nay đạn nổ nhẹ mạn sông
sương mỏng quá nhìn hoa ngàn con mắt

tôi giữa đêm nghe mình như thất lạc
thương xóm nhà biết nổ đạn vào đầu

đồng đội tôi ngủ mệt thôn sâu
ngại làm động, mẹ ho vừa chợp mắt
tôi nương bóng nhà trăng che khuất
ngồi co mình cho bóng bớt riêng tôi
nhìn xa trăng định trốn sau đồi
sông tiếng vạc dậm buồn như tiếng cú
thức có khuya mới nghe hồn bớt ngủ
mới hay trăng tháng chạp úa quanh đời
nghe em thở buồn não mãi không thôi
em thở đó hay gió kêu mùa giá
nhà em ở tận miệt đông xóm hạ
bên triền sông không bến phải vắng thuyền
đầu trăng nên con nước rất vô duyên
lên mấp mé vườn em vai phơi áo
em rất nhỏ ngày trông vào gánh gạo
mẹ thi già vồn cải với nương rau
bước sau biên vui mẹ dày trầu
mùa tốt lá xanh hồn tôi mới ghé
buổi mới đến cau cao vừa nhú bẹ
em thẹn thùa tôi tưởng thuở bình yên
tôi đâu hay em có nỗi hờn riêng
trông chinh chiến gọi hồn chồng theo gió
một tháng tròn ngỡ như ngày thuở nhỏ

em là em, mẹ là mẹ xưa
tôi lêu nghêu lúc đi sớm về trưa
cơm nửa buổi giữa khuya kêu bụng đói
nhà thưa quạnh tôi gượng vui chẳng nổi
mẹ thẫn thờ em heo bóng trong sân
tôi trận mạc nhầu không kể đến thân
sương nhiều lắm trời không che nắm đất
em vẫn bảo tôi mái tranh không chật

tôi cười xòa xó xỉnh miết đầm quen
tròn tháng rồi đấy nhớ không em
hôm từ biệt quanh thôn nhà cửa khép
lúc quân đi chắc em không hề biết
đội tôi ngùi ngùi ngậm thẻ qua sông
còn tôi co ro lạnh mãi gió đông
một lần cuối nhìn nhà em đóng kín
tin chồng em chắc chưa về đến bến
như tin tôi mấy thuở gởi thăm nhà
cũng mấy năm rồi biền biệt phương xa
em còn nhớ một lần tôi ghé ở
thơm lửa hương khoai vùi bếp cũ
hồn em xa lắm cũng quanh đây

Phù Hư

Hãy tìm đọc :

LỊCH SỬ ĐỜI SỐNG TÌNH ÁI
của RICHARD LEWINSOHN
Tiến sĩ Y Khoa, Tiến sĩ Chánh trị học
Hội viên Hội nghiên cứu sinh lý Vienne

TÌNH DỤC TUỔI 15/20
của EUSTACE CHESSER

TÂM LÝ THANH THIẾU NIÊN
của MAURICE DEBESSE

PHÂN TÂM HỌC
của J P. CHARRIER
do Giáo sư LÊ THANH HOÀNG DÂN xuất bản

ĐẶNG TIẾN

Thơ Là Gì ?

Chúng tôi vừa nhận được của nhà văn Đặng Tiến gửi đến từ Paris, một loạt bài viết về Thơ, đặt chung dưới một tựa đề là THI HỌC. Tòa soạn trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc, nhất là các bạn yêu thơ, mười hai bài viết của Đặng Tiến kể từ số này. Dưới đây là bài thứ nhất trong loạt biên khảo của Đặng Tiến,

Dưới tiêu đề hết sức tổng quát này, chúng tôi mở đầu một loạt bài biên khảo về thơ, trên bình diện lý thuyết.

Đề tài không phải là mới mẻ; từ thời Khổng tử san định Kinh Thi, từ thời Aristote luận về Thi Học đến nay, hơn hai mươi thế kỷ đã nghiêng mình xuống ngôn ngữ của thi ca. Tuy nhiên, cho đến nay, những bình luận về thơ chỉ dừng lại ở mức cảm thụ, nghĩa là cái phần trực giác bén nhạy giúp ta linh cảm chất thơ; thậm chí có người đưa ra những quan niệm thần bí về thơ, như nhóm Xuân Thu Nhã Tập trước đây, và một số tác giả khác hiện nay tại miền Nam.

Giới văn học Tây phương cũng đã lúng lúng rất lâu trong việc định nghĩa thi ca. Năm 1925 trước năm Viện Hàn Lâm đồng họp tại Ba Lê, Henri Bremond, trong bài diễn thuyết về « thơ thuần túy » (1) đã đưa ra một quan niệm huyền nhiệm về thơ, làm lung lạc cả thế giới khảo cứu của Pháp. Nhưng từ ấy đến

---

(1) La Poésie Pure, nhà xuất bản Grasset, Paris 1926 — Tuyệt bản.

nay, nếu các lý thuyết về tiểu thuyết, kịch... không tiến bộ bao nhiêu thì kiến thức về thơ của Tây phương đã tiến bộ rất nhiều, nhất là từ hai mươi năm nay, bộ môn « thi học » trở nên thời thượng, nhờ những lý thuyết thẩm mỹ nói chung, nhờ sự đóng góp của các triết gia như Heidegger, Bachelard, Sartre... và nhất là nhờ những tiến bộ vượt bực của bộ môn ngữ học từ de Saussure đến Jacobson và bộ môn nhân chủng học từ Sapir đến Lévi Strauss. Năm 1962 Jacobson và Lévi Strauss, mỗi người đã mang những kiến thức nghiêm túc của mình để hợp tác giải thích bài thơ Mèo (Les Chats) của Baudelaire (2); bài giải thích này là bước tiến quyết định trong việc phá vỡ huyền thoại về thơ.

Tại Việt Nam, có lẽ vì hoàn cảnh, nên chưa có những biên khảo thật nhất quán và khoa học về thơ, tại miền Nam cũng như miền Bắc. Đó là việc cần phải làm vì ai cũng biết dân tộc ta yêu thơ và ngôn ngữ ta giàu thi tính. Vì vậy mà chúng tôi không ngại kiến thức vừa hẹp hòi vừa ngắn ngủi, đưa ra một số vấn đề trong loạt bài sắp tới: thơ và văn xuôi khác nhau ra sao, tương quan giữa ý thơ và lời thơ, đặc tính của lời thơ, khả năng của khoa học đối với việc hiểu thơ... Để thoát ly khỏi quỹ đạo của kiến thức tây phương, chúng tôi sẽ trình bầy quan niệm của tổ tiên ta về thơ, thi tính của ca dao, và sẽ phân tích một vài thi phẩm cổ kim của ta: một lý thuyết về thơ chỉ có giá trị nếu ta có thể áp dụng để phân tích rất nhiều tác phẩm cụ thể.

Việc làm này, chúng tôi không viết thành sách, mặc dù có lời yêu cầu của một vài nhà xuất bản; tôi chỉ muốn trình bày trên báo để góp ý với nhiều giới độc giả khác nhau, mặc dù biết rằng khó lòng nắm được lý luận toàn bộ qua mươi bài báo bề ngoài rời rạc.

Viết loạt bài này, chúng tôi có bốn khó khăn: thứ nhất, sự khảo cứu chỉ mới ở bước đầu; thứ nhì, thiếu tài liệu về thơ Việt Nam; thứ ba, muốn trình bày một vấn đề chuyên môn bằng

---

(2) Tạp chí L'Homme, số II, 1, 1962, in lại trong Questions de Poétique, Roman Jacobson, n.x.b. Le Seuil, Paris 1973, tr. 401-419.

một ngôn ngữ bình dị ; thứ tư, biên khảo về thơ mà không văn vẻ thì đọc chán, mà văn vẻ thì kém khoa học.

Bạn đọc sẽ nhận thấy những khuyết điểm do các khó khăn nói trên tạo ra.

Trong bài đầu tiên này, chúng tôi chỉ nêu ra vấn đề căn bản : thơ khác với ngôn ngữ thường ra sao. Vấn đề này, ông bạn Nguyễn văn Trung cách đây đã lâu, đã trình bày mạch lạc (3), nay tôi chỉ nói lại, một cách vắn tắt và cụ thể. Ngôn ngữ nói chung, là một trong nhiều hệ thống ký hiệu, được loài người dùng làm *phương tiện* để truyền đạt tin tức, hiệu lệnh, tư tưởng, tình cảm. Mỗi từ ngữ không có giá trị tự tại, mà chỉ là công cụ để chỉ một đối tượng : con mèo, con chó chẳng hạn.

Thơ cũng là ngôn ngữ, cũng truyền đạt một tình, một ý, nhưng đặc tính của nó không nằm trong thông điệp truyền đi, mà nằm trong những từ ngữ được sử dụng ; ngôn ngữ thơ không những là một dụng cụ, mà còn là một thể chất ; cho nên, khi so sánh thơ với ngôn ngữ thường, người ta thường nói quá đi một chút cho rõ nghĩa : *thơ là ngôn ngữ tự lấy mình làm cứu cánh* trong khi văn xuôi, hay bạch thoại, chỉ là những ký hiệu bày tỏ một đối tượng bên ngoài. Nói khác đi, nói, là nói cái gì, còn làm thơ, là nói để được cái thú nghe lời mình nói. Yêu thơ là yêu những lời nói đẹp.

Từ cuối thế kỷ trước, Mallarmé đã bảo : « làm thơ với từ ngữ, chứ không phải với ý tưởng » (ông Nguyễn văn Trung có trình bày đầy đủ quan niệm của Valéry, Breton, Sartre về điểm này) (4). Nhưng mãi đến vài mươi năm gần đây, các nhà khảo cứu về thơ mới chú tâm đặc biệt đến thơ như là một ngôn ngữ tự tại, như hội họa, như âm nhạc. Thật ra, từ 1921 Roman Jacobson đã chủ trương : « Thơ chỉ là một ngôn để nhắm vào biểu

---

(3) Lược Khảo Văn Học, cuốn 2, Nam Sơn xuất bản, 1965, tr. 72-82.

(4) NT, tr. 16-34.

thức (un énoncé visant l'expression), có thể nói, vận hành theo những quy luật nội tại ; chức năng truyền đạt, đặc biệt của ngôn ngữ hằng ngày và ngôn ngữ truyền cảm, bị giới hạn đến mức tối đa Thơ dửng dưng với đối tượng của lời nói » (5) ông còn so sánh : « Nếu hội họa là cách tạo hình bằng những chất liệu của thị quan có giá trị tự tại, nếu âm nhạc là cách tạo âm bằng chất liệu thuộc thính quan có giá trị tự tại, nếu vũ điệu tạo hình bằng chất liệu cử động của thân thể có giá trị tự tại, thì thơ là cách tạo hình với từ ngữ có giá trị tự tại Thơ là ngôn ngữ trong chức năng thẩm mỹ của nó » (.. La poésie est la mise en forme du mot à valeur autonome (..) c'est le langage dans sa fonction esthétique) (6) Hơn mười năm sau, cũng tại Prague, ông lại định nghĩa « thơ là gì » và nói rõ : « thi tính thể hiện ra sao ? — Thể hiện bằng cách :.từ ngữ được cảm thụ như là từ ngữ, chứ không phải chỉ là một ký hiệu tầm thường của sự vật được gọi tên, cũng không phải như một vỏ bọc vỡ của tình cảm ; thể hiện bằng cách : những chữ, và cú pháp của nó, và ý nghĩa, và hình thể ngoại tại và nội tại, không phải chỉ là những dấu hiệu vô vị của thực tế, trái lại những chữ đó có trọng lượng riêng, có giá trị riêng ». (7)

Mãi về sau này, khi Jacobson được xem như bậc thầy của khoa ngữ học trên thế giới, các nhà thi học mới khai thác triệt để tư tưởng của ông một phần cũng nhờ sự đóng góp của tư trào cơ-cấu-luận (Structuralisme) với Claude Levi Strauss.

Trong một khoa học khác, khoa nhân chủng học, Levi Strauss cũng đi đến một kết luận như Jacobson : « Chúng ta đều thừa nhận rằng từ ngữ là những ký hiệu, nhưng giữa chúng ta,

---

(5) In lần đầu tại Prague, 1921, in lại trong Questions de Poétique, Sđd, tr. 14, và trong tạp chí Poétique, số đặc biệt về Jacobson, 7-1971, tr. 290.

(6) Questions. . tr 16 ; tạp chí Poétique, tr 290 Tôi chỉ chú nguyên văn những đoạn chính.

(7) Co-je poésie, Prague 1933-1934, in lại trong Poétique, sđd tr 308, và trong Questions de Poétique, Sđd, tr 124.

thi sĩ là những kẻ cuối cùng sót lại, còn biết rằng từ ngữ, xưa kia, cũng là những giá trị » (8).

Từ quan niệm : thơ là « một ngôn ngữ trong ngôn ngữ » theo lời Valéry, các nhà khảo cứu xây dựng một nền khoa học mới, môn « thi học » với những quy luật chuyên môn Thậm chí ngày nay, họ không còn xem thơ như một lãnh vực của văn chương như ta vẫn quan niệm từ trước đến giờ, mà là một hệ thống ký hiệu riêng, không mấy quan hệ với văn chương : « Ngày nay, chúng ta không còn có thể đề cập đến sự kiện thi ca bằng cách sát nhập thơ vào lý thuyết tổng quát của văn chương, ví dụ như xem thi phẩm như một phần của văn phẩm nói chung (...) vì cấu trực của thi thoại không thể nới rộng đến ý niệm về văn chương » (9) Chúng tôi chưa có điều kiện để phê phán hay áp dụng những kiến giải quá chuyên môn đó, và chỉ dừng lại ở những nguyên tắc tổng quát, để bạn đọc dễ lãnh hội.

Chúng ta thử so sánh một cách rất bình dị ngôn ngữ thường (ngôn ngữ dụng cụ) và thơ. Ví dụ muốn hút thuốc, tôi hỏi : « anh có diêm không » thì đó là một câu nói thường, tự nó không có giá trị. Nó chỉ là dụng cụ để tôi đốt được điếu thuốc. Tôi có thể nói một cách khác : anh có lửa ? anh có hộp quẹt ? anh có bật lửa ? anh cho tôi mồi điếu thuốc .. nói sao cũng được, miễn là đạt tới kết quả. Vậy ngôn ngữ nói chung, chỉ là một phương tiện, chỉ có thi ca mới là một ngôn ngữ riêng, tự lấy mình làm mục đích : ví dụ, cũng câu xin lửa, mà tôi nói :

---

(8) Anthropologie Structurale, Plon, Paris 1958, Claude Levi Strauss nói « cuối cùng sót lại .. xưa kia » vì muốn truy nguyên nguồn gốc và cơ cấu của ngôn ngữ, qua cơ cấu tổ chức thị tộc và hôn nhân các xã hội cổ sơ của Phi Châu, Nam Mỹ, vì theo ông liên hệ thị tộc và hôn lễ cũng là ngôn ngữ.

(9) A J. Greimas, Essais de Sémiotique Poétique, n.x b Larousse, Paris 1962, trang đầu.

« Cho tôi xin chút lửa
Lửa tắt
Cho tôi xin nước mắt
Nước mắt chua... »

Thì tôi không còn nói để đốt được điếu thuốc, nhen được bếp cơm, mà nói để có cái thế được nói một câu đồng dao đẹp. Câu đồng dao đó, tự nó là đối tượng của nó, nó không diễn tả cái gì hết : đứa bé lên năm chơi rồng rắn thì xin nước mắt làm gì ?

Cũng chú bé đó, khi bập bẹ tập nói, học những tiếng con mèo, con chó... để có dụng cụ chỉ hai loại gia súc nọ ; lớn lên chút nữa, nó dùng chữ chính xác hơn : con vện, con tam thể, để chỉ cùng đối tượng : dụng cụ nó dồi dào hơn ; trước kia nó chỉ có một con dao ; bây giờ nó có con dao bổ dừa để bổ dừa, con dao cau để bổ cau. Ngôn ngữ vẫn là dụng cụ. Mai kia, nó lớn lên, nó sẽ gọi tình nhân nó là mèo, tình địch là chó, thì dụng cụ đổi đối tượng, như là nó dùng dao cau để rọc thư tình nhân và dao bổ dừa để chém đầu tình địch. Hai ví dụ kể trên chứng minh hai điều : mèo, chó... là ngôn-ngữ-dụng cụ ; và trong ngôn ngữ dụng cụ đó, từ ngữ và đối tượng là hai cái khác nhau, từ ngữ tạm xem là hình thức, đối tượng tạm gọi là nội dung, có thể dùng hai chữ cùng nghĩa (mèo, con tam thể) hay một chữ hai nghĩa (mèo = gia súc hay tình nhân).

Ở Thơ thì khác. Chú bé đó, bắt chước mẹ, hát nghêu ngao :

Con mèo, con chó có lông
Bụi tre có mắt, nồi đồng có quai
(Ca dao)

Hai chữ con mèo, con chó, và cả câu ca dao, không có đối tượng. Ai chả biết cây tre có mắt và nồi đồng (Miền Trung) có quai ? Vậy nói, ở đây, không phải là nói lên cái gì, mà nói là để có cái thú được nói một câu mà mình cho là hay. Thế nào là hay thì lại là chuyện khác.

Các nhà khoa học đã đồng ý với nhau là :

Về lý thuyết, *ngôn ngữ nói chung và văn xuôi nói riêng, là ngôn ngữ công cụ, nhằm phục vụ một đối tượng trong đời sống hằng*

ngày. Thơ trái lại, là một ngôn ngữ tự tại, lấy mình làm đối tượng (5). Về thực tế, khi đưa quan niệm đó vào việc phân tích thi ca, chúng ta cần hết sức cẩn trọng, vì một thi phẩm đặt rất nhiều vấn đề. Cái nhìn khoa học không những cần hợp lý, mà còn cần nhất quán ; ngoài ra, cái nhìn khoa học cần, nhưng chưa đủ để thưởng thức thi ca.

Nói thơ là một ngôn ngữ tự tại, không phải là nói thơ không cần có ý nghĩa, hoặc thơ không tương quan gì đến thực tế nhất là thực tế xã hội. Đó là hai điểm chính yếu không nên ngộ nhận.

Những câu thơ ta cho là hay, ta dễ nhớ, vẫn là những câu có nghĩa, hoặc có ý, có tình. Ở Tây phương đã có nhiều trường phái chủ trương thơ vô nghĩa, đều bị bế tắc. Câu thơ phải có nghĩa ta mới chú ý, ta có chú ý rồi mới thấy hay, càng đọc càng thấy hay, lâu ngày nhớ lại vẫn thấy hay, *nhưng câu thơ hay đó, tuy có ý nghĩa, nhưng không hay vì ý nghĩa*, mà hay vì lời. Nếu có câu thơ hay vì ý, thì câu thơ đó hay cái hay của văn xuôi, ví dụ câu này của Hàn Mạc Tử.

Sao bông phượng nở trong màu huyết
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu.

Nói khác đi, tương quan ý-lời bị đảo lộn : trong văn xuôi, lời là phương tiện của ý, « được ý phải quên lời như được cá quên nơm » (Trang Tử) trong thơ, ý là phương tiện của lời, về hai phương diện : trong cấu trúc, ý nâng lời, tạo tương quan cho từ ngữ ; ngoài cấu trúc, ý làm môi giới giữa lời thơ và người đọc. Câu thơ không ý thì không có xương sống và không có độc giả. Thơ không ý « như thuyền không lái, như ngựa không cương », nhưng lái không phải là thuyền, cương chỉ là một thành phần chính yếu của ngựa, và thơ hay không phải tại ý, như ngựa thiên lý không phải nhờ dây cương. Vì vậy mà thơ xưa, từ đông sang Tây, quay chung quanh các đề tài tuyết nguyệt phong hoa : điều chính yếu trong thơ không phải là nói cái gì mà là nói ra làm sao. Vì trong thơ, ý là phương tiện của lời, nên người bình giảng thơ cần đặt lại vấn đề nội dung và hình thức trong thơ. Đâu là nội dung thơ ? đâu là hình thức ? Theo lối thường thường của sách giáo khoa thì nội dung bài Thu Điếu của Nguyễn Khuyến là việc đi câu cá mùa thu. Thật không ? Dụng tâm của Nguyễn Khuyến

khi làm bài ấy, là để tả việc đi câu ? Hay chỉ mượn việc đi câu, mượn luôn cả cảnh ao thu để làm một bài thơ đẹp ? Phải duy lý có thể bẻ lại, Nguyễn Khuyến làm bài thơ đó để nói lên tâm hồn kẻ ẩn sĩ ; vì tâm hồn ấy đẹp nên bài thơ hay ; nghe không vững, vì có phải thánh nhân đều là thi sĩ cả đâu, và bao nhiêu thi sĩ, Tư Mã Tương Như, Baudelaire chẳng hạn, là kẻ tầm thường, hay tội lỗi. Vả lại, anh thích bài đó, vì anh thích đi câu, hay vì anh thích mùa thu, hay vì bài thơ đó hay ? Tóm lại, thì nội dung của bài thơ là ở thi vị của lời thơ, hình thức của nó là ao thu, phương tiện của nó là chuyện đi câu.

Nói như thế, có vẻ nghịch với lẽ thường. Nhưng chính *thơ là ngôn ngữ nghịch với lẽ thường*. Vầng trăng làm sao « ai xẻ làm đôi » được ? Làm sao « gieo thái sơn nhẹ tựa hồng mao » được ? thi sĩ là kẻ phá vỡ tương quan của ý tưởng và thay thế vào đó tương quan của từ ngữ. Sự hoán chuyển phương tiện — mục đích vẫn thường xảy ra trong thực tế ; trở lại với ví dụ đi câu : con rô con giếc là đối tượng của bác thợ câu, nhưng chỉ là phương tiện của ông Lã Vọng là đi câu để đi câu. Cô hái chè lúc vươn tay thì cành chè là đối tượng ; cô đứng chụp hình, tay vịn cành chè, thì cành chè là phương tiện để có bức hình đẹp. Cô đứng tự nhiên thì hình không tự nhiên, phải giả vờ vịn cành chè thì hình mới tự nhiên. Ngôn ngữ Thơ cũng vậy : nói tự nhiên thì không ra thơ, phải nói một cách nào đó mới là thơ.

Bảo rằng thơ là một cách nói, thi sĩ làm thơ là để làm thơ, như kẻ đi câu để đi câu, phải chăng là từ chối mọi tương quan giữa thơ và thực tế xã hội ? Không phải vậy, những thi sĩ lớn cũng như những lý thuyết gia ngày nay không còn mấy ai chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật.

Thơ có đặc tính riêng, nhưng vẫn bắt nguồn từ xã hội và phục vụ xã hội. Bắt nguồn và phục vụ bằng cách nào thì còn tùy hoàn cảnh cá nhân, hoàn cảnh xã hội, và tùy chế độ chính trị, xưa cũng như nay.

Thơ bắt nguồn từ thực tế vì phải sử dụng ngôn ngữ hằng ngày (dù để chế biến, xáo trộn) vốn là phản ảnh của đời sống

đại chúng. Thơ lại sử dụng những tình ý của con người, thì dù muốn dù không, cũng phản chiếu xã hội. Những thi phẩm lớn của ta, như Kiều, Cung Oán, Chinh Phụ Ngâm ... đều mang tính chất đặc tính của xã hội. Gần chúng ta hơn, các nhà thơ tiền chiến nghiện ngập, sống « mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây » nhưng lúc kháng chiến cũng đã « đốt cháy trong lòng những phong cảnh cũ » như lời Nguyễn Tuân, để chiến đấu và sáng tác. Gần hơn nữa, nhà thơ say Vũ Hoàng Chương, đã từng sống giữa lòng đời như « cắm thuyền sông lạ », năm 1963 đã đốt lên ngọn Lửa Từ Bi hùng tráng để soi sáng cho cuộc đổi thay xã hội. Và nhìn chung thơ Hy Lạp, thơ Tàu, thơ Tây, đều mang đặc tính của xã hội. Thơ không những phản chiếu tiêu cực, và còn ảnh hưởng đến tâm hồn con người. Bỏ qua quan niệm « thi dĩ ngôn chí » và « văn dĩ tải đạo » của Nhà Nho, bỏ qua luôn cả quan niệm thơ phải phục vụ trực tiếp quần chúng theo xã hội chủ nghĩa, chúng ta vẫn gặp những nhà thơ lớn ca ngợi những giá trị đạo lý của nhân loại, từ Khuất Nguyên, qua Đỗ Phủ cho đến Nguyễn Khuyến. Những tác phẩm được truyền tụng là những bài như Quy Khứ Lai Từ của Đào Tiềm, thơ lánh đời của Nguyễn Bỉnh Khiêm ; còn thơ xu phụ quyền thế như của hai mươi tám vì sao trong Tao Đàn thì không ai biết tới. Trong khuôn khổ của xã hội phong kiến và tư tưởng nho giáo, thơ vẫn không chịu gò bó trong cái đạo tam cương ngũ thường, mà vươn tới cái đạo lớn của nhân loại ở chỗ ca ngợi cái hùng, cái vĩ, bênh vực kẻ yếu, tố cáo bất công. Khi nói đến tình yêu trai gái, thơ cũng gạn lọc tình cảm, cho nên những đoạn kinh thì ướt át nhất cũng vẫn ngay thẳng như lời Khổng Tử. Bản chất thơ là phải « tư vô tà », đó cũng là một đặc tính so với các bộ môn văn nghệ khác

Vì thế ngày nay tại các nước tân tiến, thơ là một bộ môn quan trọng trong các chương trình giáo dục, nhất là cấp tiểu học : trẻ con học thơ để yêu tiếng mẹ, rồi từ đó yêu quê hương, yêu cuộc sống.

Đối với dân tộc Việt Nam vốn yêu thơ, thưởng thức thơ từ lúc nằm nôi, nếu thi ca đóng đúng vai trò của nó, dĩ nhiên là sẽ có âm hưởng rộng lớn

Đề kết luận, tôi mượn lời Roman Jacobson : « Thi ca, so với những giá trị xã hội khác, tuy không vượt bực, không lấn át, vẫn là thành tố căn bản của ý thức hệ, luôn luôn quy về một đối tượng. Thơ giúp ta khỏi trở thành máy móc, bảo vệ chúng ta chống lại hạn rỉ đang hăm dọa những công thức về tình yêu và thù hận, về phản kháng và hòa giải, về đức tin và phủ nhận.» (10)

Những đóng góp của Jacobson sẽ giúp ta phân biệt thơ hay và văn bay, trong kỳ tới.

Đặng Tiến
(Thi Học)

---

(10) Questions de poétique, S.đ.d, tr. 125.

Đã Phát Hành Toàn Quốc

KẺ TÀ ĐẠO

Đây là tác phẩm thứ năm của Nguyễn Xuân Hoàng. Một Nguyễn Xuân Hoàng mới. Bằng một chủ quan mạnh mẽ, và một bút pháp trong sáng, trực tiếp, Kẻ Tà Đạo trình bày tấn thảm kịch chung của tình yêu và tuổi trẻ bây giờ. Trên những khía cạnh đột ngột, khác thường, chưa từng thấy.

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

NAM CHỮ

Tiết Điệu Của Lá Cỏ

thanh vắng

Mai kia anh đứng trên rừng
Ôi chao một cụm mây chùng xuống vai
Chút gì thấm lạnh chiều phai
Bóng hư linh vút tưởng ai băng ngàn

dấu chân

Dấu chân em mảnh hồn này
Ta lên trăng xế đồi cây im lìm
Đất nằm thoi thóp qua đêm
Cho ta con dế cỏ kim chưa từng
Một đời chôn dưới mông lung
Trăm ngàn năm nữa mịt mùng hỏi ai

ảo bệnh

Tiếng hàn lắng xuống ta nghe
Năm canh em để nước đè dưới chân

Chiều tan mất hút nguyệt vàng
Vội theo về núi bóng ngàn hắt hiu
Những ngày tiếng hát có liêu
Hồn xanh ôm kín quá nhiều mây bay

sơ mộng

Suốt đời ngóng hỏi mây qua
Trăm ngàn năm với bao la mịt mùng
Vòng tay ôm hết nghìn trùng
Nhớ thương vườn trắng lao lung cuối cành
Hồn xanh chân bước đạp thanh
Đêm đêm ta ứa long lanh cỏ mù

nhịp điệu trần gian

Mai đây chỗ cỏ xanh rì
Ôi chao sương trắng thiếu gì biệt ly
Nhân gian nửa gánh tan vì
Mùa xuân đã gấp ra đi sa mù
Tay trần loáng lạnh im ru
Phiêu phiêu ta bước thiên thu cồ sầu

Nam Chữ

Tìm đọc :

CHÂN DUNG TRIẾT GIA

của ĐẶNG PHÙNG QUÂN

LỬA THIÊNG xuất bản

MƯỜNG MÁN

Xác Tượng

Gió thổi tiếng nói Hà táp vào mặt tôi ấm dịu, gần gũi :

— Ngày đêm em loanh quanh trong nhà như một con kiến, có chết chóc chi đâu ? Các anh sao người nào cũng ham đi thế ?

— Bởi các anh đứa nào cũng bị Sao Thiên Mã chiếu mệnh.

— Còn em ?

— Sao Trụ Tri

— Em bị Sao Quần Quanh chiếu mệnh thì đúng hơn.

— Ừ ! Biết đâu.

Sao Quần Quanh, sao Trụ Tri Có không ? Tôi cười. Đêm khoanh tròn trong mắt Hà hai chấm đen căng xoáy.

— Năm anh bỏ đi Hà mấy tuổi nhỉ ?

— Mười chín.

— Bây giờ ?

— Hăm ba.

— Mau ghê.

Hà thản nhiên :

— Không mau lắm đâu Râu anh chưa dài tới ngực, tóc em chưa bạc mà. Ngày nào chồng gậy tới thăm nhau, họa may em mới chắc anh không ham đi nữa.

Còn đi chứ.

— Hơi sức đâu nữa đòi đi ?

— Đi tàu suốt. Chuyến cuối cùng Địa chỉ đến : Nghĩa trang.

— Chắc gì đã nghĩa trang, anh ?

— Ừ nhỉ.

Không nghĩa trang thì một góc xó nào đó, dọc đường, rừng xa trường lạ, thôn bản điu hiu, hoặc đồng không mông quạnh (?) Dẫn nơi chốn nào cũng chỉ trên mặt đất này, để trốn chạy cho thoát.

Câu chuyện không dưng quặt qua ngõ ngách lạ kỳ. Tôi dắt Hà trở lại ; còn trẻ quá, nghĩ tới nghĩa trang chi sớm cho lạnh mình.

— Anh về, Hà mừng không ?

— Lâu lâu về, các anh ai cũng hỏi em câu đó. Mừng không !

— Thế Hà trả lời các anh San, Thuận, Thuyên thế nào ?

— Chẳng muốn ai buồn cả, em đều bảo là mừng.

— Anh về, Hà không mừng cũng chẳng sao.

— Mừng chứ. Mừng anh còn nguyên vẹn tay chân. Mừng anh có vài cái khang khác.

— Khác lạ gì đâu ?

— Ví dụ năm xưa miệng cười anh ngó hiền hiền, nay trông đểu đểu. Hai gò xương lưỡng quyền ngày càng có khuynh hướng nhô cao và, hình như những sợi râu có vẻ cứng hơn.

— Gì nữa ?

— Mai ra chợ em mua cho anh tấm gương soi.

Tỉnh táo. Ráo hoảnh Đoan quyết. Hà khác xa Hà trong trí tưởng tôi lúc chưa gặp. Giữa mười chín và hăm ba : Khoảng thời gian Hà tăng tuổi lớn, tôi vắng mặt. Thời gian ngấm ngầm tăng bề dài, khơi chiều rộng trong cốt tủy Hà mười chín lặng lẽ, và, một hôm Hà hăm ba hiển hiện trước tôi với ít nhiều ngạc nhiên thú vị.

— Anh thấy em có chi lạ không ?

— Nửa quen nửa lạ.

— Là thế nào ?

Làm sao tôi nói cho Hà hăm ba hiểu rằng tôi đang muốn xăm xoi, xét nét nàng in nhà khéo cổ chú mục vào các đường nét mơ hồ của một bức cổ tượng. Để làm gì ? Thật giản dị : Để được thấy lại vóc dáng của Hà mười chín mà không vướng bận, ám ảnh bởi một tơ hào nào của Hà hăm ba cả.

Từ Hà mười chín môi đỏ tóc dài, cùng lúc tôi sẽ được nhìn

lại khung cảnh rộng lớn dựng xanh ngắt của một thời, một nỗi đêm và ngày, ngày và tháng. Đã cũ.

Nói cho rõ hơn, chỉ có Hà mười chín mới đủ phép phù thức dậy những cái mê ngủ trong tôi. Còn Hà hăm ba ? — Xa lạ quá.

— Hà còn nhớ năm Hà mười chín tuổi không ?

— Quên bặt. Trừ vài hình chụp còn lồng trong khung kính. Từ ngày anh Phan bỏ đi, mẹ và em chẳng ai ngó ngàng gì tới.

— Hà còn giữ tấm hình chụp cả bọn hôm đi chơi núi Ngựa Trắng ?

— Hình như còn.

— Hôm đó một nhánh cây móc vào vai, xé rách áo Hà. Nhớ không ?

— Lẩm cẩm vừa thôi, ông anh. Nhớ gì kỹ thế ?

Gió dường thổi mạnh hơn. Dưới bóng những tàng cây rợp, lỗ đỗ ánh trăng, non Hà xanh mướt. Khuôn mặt, hai bàn tay trần bật nổi trên màu áo thẫm. Tôi quay nhìn nhanh bờ vai bên trái người con gái : Chẳng có vết xước rách nào ở đó. Hà mười chín với vai áo rách, môi ngước mắt cười, kiễng chân trên gộp đá cao, tóc và áo phất phới lẫn vào màu mây — chẳng còn nữa. Bây giờ, Hà trầm lặng, thủng thỉnh, như chiếc bóng, hơn thế, tựa một vệt khói, bên tôi.

— Nhận được điện tín, anh ngạc nhiên ?

— Anh thu xếp mọi việc và đi ngay. Suốt chuyến bay anh mong lúc bước xuống phi trường thấy có Phan ra đón.

— Anh Phan chắc không bao giờ về nữa. Mẹ em cũng chưa chết.

Tôi lạ lùng nhìn Hà :

— Sao em đánh điện tín... ?

— Đó là cách gọi anh về nhanh nhất. Quẩn quanh mãi buồn quá, thỉnh thoảng em lại đánh điện tín báo bà cụ mất để gọi một người về. Tháng trước anh Thuyên cũng đã về với cái điện tín tương tự.

Giọng Hà thư thái, sao tôi nghe chừng như muốn khóc. Điều nàng vừa nói quả là bất ngờ. Buồn. Thỉnh thoảng gọi một người quen thân về. Trò chơi đánh điện tín báo tử kỳ dị ấy ai dạy Hà

thế ? Càng lúc tôi thấy Hà càng lạ lùng. Hà mười chín không còn nữa. Đừng tìm kiếm, hoài công.

— Biết rõ bà cụ chưa chết. Anh ghét em lắm không ?

— Không. Sao Hà không bảo thẳng, buồn, mong anh về chơi ít hôm.

Hà xúc động :

— Dường như các anh chỉ thương bà cụ, không ai thương em hết.

— Không có đâu.

— Em thường nghĩ đến lúc bà cụ chết thật rồi, chẳng biết đánh điện tín thế nào các anh mới chịu về.

Hà nói như thể cho riêng mình nghe. Mặt đường, vầng trăng, đêm tối, tôi và những hàng cây phút chốc biến lẫn vào mênh mông thế giới khác, Hà tách biệt thành chiếc bóng lẻ loi, lừng lững Chiếc bóng quen thuộc bao năm của khu vườn, ngôi nhà hiu quạnh

Bằng cách nào Hà đã sống trong những năm qua, bên cạnh một người nằm đợi chết ? Nỗi lạnh lẽo hẳn đã ngấm vào mỗi đầu xương chân tóc, thành dưỡng chất nuôi nàng khôn lớn.

— Bà cụ dạo này khoẻ hơn không ?

— Bà không nằm liệt giường nữa.

Tôi mừng :

— Hy vọng ngày Phan về bà vẫn còn.

— Từ hơn hai năm nay bà không bao giờ ngủ. Bà thức chờ anh ấy một cách kiên tâm và ngoan cố.

Thức chờ. Hai tiếng gọn hẳng, bật sáng trong trí tôi một đôi mắt đăm đăm, thinh lặng. Bà cụ. Tôi chưa bao giờ được gặp mặt.

Chiếc giường kê đâu đó sau tấm màn rủ chùng từ xuân thu này tới đông hè kia. Dấu hiệu của kẻ nằm trên giường còn sống là những tiếng ho ngắn khẽ len thoát rung rinh cùng mưa nắng bên ngoài Tôi chỉ biết sau bức màn có một hơi thở và, kẻ được quyền chung lẫn với hơi thở ấy chỉ là Hà hoặc Phan, không ai khác được quyền đến khuấy rộn cái không gian bằn bặt của bà cụ.

Ngôi nhà cơ hồ thường trực đắm trong biển im lặng lớn. Mỗi lần ghé lại, tôi hoặc San, Thuận, Thuyên lui tới với Hà, Phan quanh quất trong vườn, bên chiếc hồ nuôi cá hình bán nguyệt (sau ngày cha chết, Phan không nuôi cá nữa, dùng hồ trồng sen). Chúng tôi cười nói rất giới hạn, ngại làm kinh động sự yên tĩnh của bà cụ.

Phan vui vẻ một cách trầm tĩnh, chí thú theo đuổi việc làm hắn ưa thích : Nắn tượng. Phần lớn tượng làm ra Phan dàn bày ngay trong vườn. Những pho tượng đứng ngồi ngổn ngang dưới những cội cây càng tăng thêm vẻ tịch lặng của ngôi nhà cổ; càng phả vào không gian vốn đã xanh mướt màu cây trái cái không khí mê hoặc của cổ tích, thần thoại. Và, có lẽ không khí ấy đã quyến rũ tôi một thời thích lui tới với Hà, Phan, thay vì đến các nơi chốn nhiệt náo khác.

Lắm lúc tôi tới, chỉ khẽ chào Hà, Phan, rồi lẳng lặng trong một góc vườn với cuốn sách mở trên tay, tới trưa, chiều, khách ra về lúc nào chủ nhà không hay. Nhiều buổi tụ tập đông đảo, cả bọn quây quần trên cỏ ăn uống, nhậu nhẹt, tán láo. Hà khép nép tham dự, Thuận phá phách, Thuyên lém lỉnh, San lừ đừ, Phan trầm lặng. Đó là một thời đẹp, không ai muốn chấm dứt, nhưng rồi cũng đến lúc phải chia tay, đưa đông đứa đoài, đứa bổ quê đứa quên xứ.

Sự ra đi của Phan chẳng có đứa nào hiểu nổi. Hắn bỏ lại bà cụ, cô em gái, bầy tượng ngổn ngang trong vườn không một lời thưa gửi. Chỉ tội nghiệp Hà sớm tối quẩn quanh. Phép lạ nào còn níu giữ Hà ràng buộc với khu vườn, ngôi nhà như chốn lãnh cung ấy ? Nếu có vòng hoa dành xưng tụng kẻ chịu đựng cô đơn bền bỉ, tôi nghĩ, vòng hoa đó phải quàng tặng Hà.

Gió thổi không ngớt. Sương mù giăng xanh những cổng ngõ đóng kín. Con đường dẫn đưa lên vùng đất cao hơn. Dưới trăng, màu hồng sỏi trải heo hút trên lối rẽ về ngoại ô. Chúng tôi bỏ đường lớn — trước khi lên tới chân dốc — đi men theo lối sỏi lập lờ giữa hai hàng cây muối già. Lối sỏi nhiều lần tôi đi qua, nhớ từng cổng nhà, từng khúc khuất ngoặt.

Hà ngửa mặt nhìn vầng trăng trên trời :

— Mỗi lần đi đâu về tới con đường này em đều thấy sờ sợ.

Sợ phải về tới nhà, trong khi chân vẫn bước. Em nghĩ lúc nào đó em sẽ không còn quay lại con đường này nữa, như anh Phan.

Tôi nắm lấy bàn tay yếu đuối của Hà bóp nhè nhẹ :

— Thương bà cụ, đừng bỏ bà một mình.

— Nhiều khi em mong cho mẹ em chết. Đỡ khổ cho cả hai. Em đã nghĩ đến việc bỏ thuốc độc vào thức ăn, một lối giải thoát...

Đôi vai nhỏ chợt rung. Hà bật khóc.

Tôi nghe rất rõ tiếng bước chân mình vang trên lối sỏi vụn, cùng tiếng sấm động mơ hồ trên mây.

Vầng trăng tựa cái lòng đỏ hột gà lớn nổi giữa mặt hồ phẳng lặng. Ánh đèn dịu bên trong khung cửa giống ngọn lửa mê hoặc nhìn thấy từ thế giới nào khác. Gió bí mật truyền rao qua lá những lời thì thầm của lũ tượng đứng lẫn với cây cối trong vườn.

— Từ ngày anh Phan đi, tất cả đều khoác lớp áo chết. Anh thấy không ? Bờ hồ đóng đầy rêu, bởi không còn ai ghé ngồi. Những lối đi trong vườn mọc cao cỏ rậm. Nhiều đêm em mơ thấy lũ tượng rủ nhau lang thang quanh nhà. Chúng ca múa, khóc lóc, gọi tên anh Phan không ngớt. Có khi em còn mơ thấy anh Phan biến thành tượng đứng sững nhìn xuống mặt hồ, em kêu, anh ấy chẳng thèm ngó lại. Sau những giấc mơ, em chỉ biết khóc.

Tôi dìu Hà ngồi xuống bờ hồ ầm rêu sương :

— Anh muốn vào nhà thăm bà cụ. Gặp anh, có lẽ bà nguôi nhớ Phan phần nào.

— Không. Đừng. Mẹ em không cho ai bước vào nhà, nếu người đó không phải là anh Phan. Suốt ngày đêm bà đứng tựa cửa..

— Nhưng anh là bạn thân của Phan, của gia đình Hà.

Hà cuống quít lắc đầu :

— Không thể được.

Giọng nói yếu như thể làn nước lướt trên mặt hồ, xót buốt, tê dại. Tôi nhìn hút vào khung cửa lay lắt ánh đèn ảo dị, cố

mường tượng một dáng người đang đứng đâu đó bên trong, đôi đôi mắt tìm kiếm vào mênh mông đêm tối. Lúc này tôi chợt hiểu tại sao Hà đã rón rén mở cổng, dẫn tôi vào vườn chúng lén như kẻ trộm. Bà cụ không muốn ai khác, ngoài Phan, bước vào thế giới trầm mặc ma mị này ?

Đêm nồng hương cỏ cây. Mùi hương ải mục cất giữ lâu năm dưới trùng trùng lớp bụi, giờ theo gió tán lạc dật dờ. Trong chập chùng bóng lá, những môi cười, tay buông, ngực trần, vai nghiêng của lũ tượng lấp ló, phơi lộ dưới ánh trăng, nom ngô nghê quyến rũ. Chỉ cần thổi mớm cho chúng một hơi thở thánh thần hay ma quỉ gì đó, tôi nghĩ, chúng sẽ ca múa, bước đi, khóc cười kể lể. Biết đâu Phan lên đường để kiếm tìm hơi thở kỳ diệu ấy về mớm cho lũ tượng vô hồn của hắn, dựng dậy một cảnh trí hoang đường mới lạ, trong đó con người không giống bất cứ ai, nhưng rất giống con người hắn mơ tưởng. Hoặc giả, Phan đã chán mứa mọi vẻ đẹp dưới bàn tay phôi dựng của mình, hắn đi tìm những vẻ đẹp óng ả, lộng lẫy hay tục tằn thô bạo khác. Dù thế nào, tôi tin, *Phan sẽ bất lực, hắn không tài nào lột tả hết nỗi phiền muộn u linh trong đôi mắt ngóng chờ của bà cụ, trên bất cứ một hình tượng nào.*

Rồi có ngày Phan trở về, tay cầm lăm lăm lưỡi búa đập nát tất cả, hay hắn sẽ về trầm lặng, ngoan ngoãn như một con chiên quỳ hôn, vái van trước mọi vật vô tri trong khu vườn này ?

Chiều xanh trưa vàng đêm trắng, Hà dìu những cơn mộng bước quẩn quanh, mắt ngơ ngác và hồn ngơ ngác. Cho tới bao giờ ? Chẳng còn ngờ gì nữa. Hà mười chín đã vĩnh biệt. Bây giờ, Hà hăm ba đang sống trong xác lượng. Rồi hôm nào nàng cũng sẽ khoác áo rêu phong, đứng cầm lặng ngày ngô trong góc vườn, với nụ cười bất tuyệt hoặc giọt nước mắt rơi hoài không tới đất. Chỉ có chim chóc, nắng mưa đọc thấy những buồn vui của nàng.

Vài sợi tóc Hà xuôi chiều gió bay vướng ngang miệng tôi, tôi ngậm lấy, tưởng chừng ngậm nỗi buồn tê nhạt.

— Hà vẫn một mình từ năm mười chín ?

— Hà và mẹ.

— Không. Anh muốn nói tới một kẻ khác. Một người nào đó. Một tình yêu chẳng hạn.

Hà gật đầu như máy :

— Có. Anh ấy an nghỉ ở đây đời đời.

— An nghỉ ? Anh không hiểu

— Anh còn nhớ Di không ?

Trí nhớ tôi chói lòa khuôn mặt trẻ thơ của một thiếu niên, trong lứa tuổi Hà : Di. Chú bé Hà thường kể hay lò dò theo Hà những hôm tan trường, đi học Chú bé có đôi mắt thật đẹp, nụ cười thật duyên. Nhân vật lý tưởng cho một cuộc tình học trò mà thuở ấy tôi thường nhắc nhở để chọc Hà háy nguýt. Mối tình đã có. Nhưng sao lại an nghỉ

— Di rất xứng đôi với em, Hà ạ ! Dạo đó anh vẫn mong hai đứa thương nhau.

— Tụi em thương nhau lắm.

Rồi Hà im bặt. Nỗi im lặng tựa tảng băng từ vầng trăng trên đầu bất thần đổ ập xuống Tôi cảm tưởng ánh trăng quanh mình vừa đặc quánh lại, và gió đứng phắc trên những ngọn cây chờ đợi.

— Thế nào, Hà. Ít ra em cũng sung sướng chứ ! Di bây giờ ở đâu ?

— Di ở đây, dưới hồ này.

Theo ngón tay chỉ. Ánh trăng quanh tôi bùng vỡ tơi tả. Gió thổi rít trên những ngọn cây Tôi ngẩn người, muốn ngưng thở vì ngạc nhiên, kinh dị.

— Di ở đây ?

Đôi mắt mở lớn, mặt ngước, môi mấp máy, Hà siết chặt tay tôi trong hai bàn tay giá buốt :

— Một đầu tượng đá dáng xuống đầu Di lúc anh vừa đặt chân lên bậc thềm cất tiếng chào bà cụ. Sau đó anh đã an nghỉ đời đời dưới hồ với một đầu tượng đá khác buộc ngang lưng.

Tôi đứng bật dậy, nghe gió thổi buốt hai bên màng tang Hà ngã nhoài dưới chân tôi, đôi tay đưa lên chới với :

— Di có còn thương em không hở anh ?

Cảm giác ghê lạnh chạy dọc sống lưng Tôi thấy mình như đang đứng trong giấc mộng của kẻ khác.

Thảm kịch đã diễn ra êm ái, mát ngót, được kể lại ngắn gọn. Khía cạnh khốc liệt hoàn toàn bị khỏa lấp bởi vẻ lạnh lùng

dửng dưng. Phải chăng thảm kịch đã lập đi lập lại trong trí người con gái lắm bận, và nỗi hãi sợ dần cô đọng thành sự dửng dưng ? Tảng đá đập xuống đầu, nẩy bật một tiếng thét. Đó là tiếng chày nện mở màn sân khấu. Vở kịch tiếp diễn qua hồi im lặng dài và kết thúc bằng lời của nhân vật phụ :

— Nằm dưới hồ chắc Di lạnh lắm, nhớ em lắm. Chính mẹ buộc em phải đẩy anh ấy xuống đó, vì Di không phải là anh Phan. Không phải là anh Phan. Không phải...

Vầng trăng vụt biến, cùng lúc lũ tượng, cây cối trong vườn nổi từng tràng cười rộ. Tiếng cười nối chuỗi vút lên ngàn mây rồi tan bặt. Một giọng đàn ông từ trong lòng ngôi nhà thâm u thoát ra :

— Phan. Con về đó hả ? Hà ơi ! Anh con về sao không nói cho mẹ hay ?

Quỳ dưới chân tôi, Hà run rẩy :

— Mẹ em đó.

Tôi nghe giọng mình như là giọng của ai khác :

— Mẹ em ? Không. Rõ ràng giọng đàn ông mà !

— Anh không tin sao ? Mẹ em đó. Anh chạy thoát đi. Có thể một đầu tượng đá nữa sẽ bổ xuống đầu anh, nếu bà biết anh không phải là anh Phan.

Tôi trân trối nhìn xoáy bóng trăng vụt hiện trên mặt hồ. Trần gian chừng im vắng hơn bao giờ cả. Nỗi lạnh lẽo khẽ len ngấm vào cốt tủy, mơ hồ tôi thấy tôi biến thành tượng. Và, từ cõi xa xăm ngái ngút nào, tiếng Hà lướt bay trong gió, êm ái tựa kinh cầu :

— Nhiều đêm em mơ thấy anh Phan...

Mường Mán

7-73

Còn một số rất ít :

QUÊ HƯƠNG LƯU ĐẦY

truyện dài HOÀNG NGỌC HIỀN

bìa NGUYỄN TRUNG - *176 trang - giá 120 đồng*

HÀ THỨC SINH

Nhắc Nhở

Xin tặng em một buổi sáng vươn vai
Trong trái tim anh rộn ràng máu đỏ
Xin tặng em hồn lơ đãng ngọn cây
Sớm hôm nay anh giải trừ luân lý cũ

Sớm hôm nay da trời hồng nhắc nhở
Niềm đắm say tơ tóc xác thân em
Sớm hôm nay giọt sương trời nhắc nhở
Đã trút sang em nguồn gốc của đời mình

Xin tặng em, ồ ! tự do anh đấy
Khi yêu em là yêu cả xích xiềng
Yêu chung thân với tất cả nhớ quên
Với tất cả hân hoan và lệ đổ

Xin tặng em suốt ngày lao động đó
Chiều lợ mơ và đêm tối vui chơi
Xin tặng em cả nấm mồ sách vở
Nấm mồ xưa chôn kín nửa đời người

Sớm hôm nay con người anh mới toanh
Quà tặng em không có gì là cũ
Một xác thân đầy sức khỏe anh
Một kiến thức nhọc nhằn đã được giải tỏa
Một tấm lòng đầy dẫy thiên nhiên

Xin tặng em, xin tặng em hết đó
Một cuộc đời duy nhất trên đương gian

tự truyện

Ta thích tự do để được yêu hết cả bà trên thế giới
Thích lang thang thích sống một mình
Có khi ta vượt cả non ngàn cây số
Để hẹn hò cùng một kẻ chưa quen

Bởi vốn sinh ra với nhiều cẩm lụy
Thích được yêu và thích được yêu người
Ở trong ta chảy một dòng rượu ngọt
Nên sống giữa đời như giữa cuộc đùa chơi

Nhưng khi yêu em ta vẫn muốn có gì dâng tặng
Xin tặng tình em một đống sách ngổn ngang
Một tâm hồn chứa nghìn cân thuốc nổ
Một kiếp người đầy mộng ảo miên man

Vì em ạ, ta sinh ra đã lỡ
Bay lánh đênh trên sự sống con người
Ta đã chót hẹn hò cùng nhật nguyệt
Hồn đơn sơ như đóa cúc vàng tươi

Có những lúc vui ta vừa đi vừa hát
Vừa lắng nghe thơ nóc rách trong đầu
Cũng có lúc ta buồn như tử tội
Ôi kiếp người thấy chật chội làm sao

Riêng tấm lòng ta như cung đàn muôn điệu
Cả một đời thèm khát được rung lên
Khi yêu em ta đã cho tất cả
Vẫn tiếc mình sao chỉ một trái tim...

Hà Thúc Sinh

PHẠM QUANG PHƯỚC

Mưa Nơi Xứ Lạ

Chuyến đi xa không được chuẩn bị hay sửa soạn trước khiến tôi hơi ngập ngừng khi năm giờ sáng, thức giấc để soạn đồ đạc vào va-li.

Trước đây mấy ngày tôi không hề vẽ vời hay tưởng tượng đến bất cứ một cuộc vui chơi vào cho vụ hè năm nay. Do đó tôi đã nhận lời với Vinh cùng chung sức mở một lớp luyện thi. Nói là chung sức, chứ thực ra Vinh đã lo hết cả. Mỗi ngày gặp nhau tại phòng giải lao của trường, Vinh vui vẻ báo cho tôi biết những điều anh đã thực hiện được. Có hôm Vinh bảo đã thuê được một phòng học rộng đủ cho bốn chục học trò Ngày khác Vinh nói giấp phép đã được bộ chấp thuận. Có nghĩa là sau ngày nghỉ hè một vài tuần, chúng tôi đã có thể bắt đầu vì học trò theo học phần đông là học trò có giờ do tôi và Vinh phụ trách, đã được thông báo trước về lớp luyện thi này. Trong lúc Vinh nói bằng giọng vui vẻ về số học sinh ghi tên mỗi lúc mỗi đông, thì tôi chỉ nhìa công việc mình sắp sửa phải tham dự một cách hết sức thờ ơ. Vinh không nói nhưng có vẻ ngạc nhiên về sự thờ ơ của tôi lắm. Anh tưởng một công việc có lợi trong vụ hè sắp tới ít nhất cũng làm cho tôi thay đổi một phần nào cái vẻ lạnh nhạt của mình từ lâu nay. Nếu Vinh biết tôi coi những giờ dạy thêm ngoài nhiệm vụ của mình chỉ như một cách loại bớt thời gian dài nghỉ ngơi buồn chán, thì tôi chắc anh sẽ không ngạc nhiên gì nữa. Ba tháng dài nếu không tiếp tục bắt mình làm việc thì tôi sẽ làm cái khỉ gì đây cho qua thì giờ chứ ? Dĩ nhiên là thời gian sẽ dài ra

nếu tôi không tìm ra được thú vui nào khác ngoài việc lui tới hoài hoài mấy cái piscine hay tham dự một cách kẻ cả và miễn cưỡng vào những cuộc họp mặt do bọn học trò tổ chức. Nghĩ như thế nên dù biết rằng trong lúc mọi người nghỉ ngơi ở một bãi biển hay chân núi nào đó, mà mình lại phải tiếp tục cái công việc từ chín tháng qua là một chuyện không vui thú gì, tôi cũng mặc kệ cho Vinh muốn làm chi đó thì làm. Một cái cớ cho qua thì giờ vậy mà

Ngày dạy cuối, trước khi chia tay nhau Vinh bảo tôi hãy cố vui chơi thật nhiều trong một tuần lễ rồi sau đó bắt tay vào việc. Tôi nghĩ tới những giờ dạy buồn nản sắp đến nên bỗng nhiên giận mình và đã tìm đủ cách để sử dụng mấy ngày nghỉ ngắn ngủi vào nhiều việc mà tôi nghĩ nếu không vì lớp dạy hè thì chưa chắc tôi đã làm. Kể ra có một vài ngày sống thảnh thơi theo ý mình cũng là một điều thú vị Những bộ quần áo để lâu trong tủ được tôi lôi ra ủi cho thẳng thớm mặc mỗi lần xuống phố. Váy maxi váy mini cũn cỡn, kính đeo mắt to bản. Trông tôi không còn chút xíu nét đạo mạo như mỗi lần áo dài, tóc vấn cao tới trường. Tôi dễ chịu với ý nghĩ này nên thời gian lang thang ngoài đường chiếm gần hết một ngày. Tôi bỏ cơm nhà để ra tiệm khi thì một mình, khi thì mời theo một vài người bạn vẫn còn lui tới trường để kiếm thêm chứng chỉ. Những bữa ăn thường vui vẻ bởi những lời nhắc nhở của bạn bè như giúp tôi sống lại thời đang còn là một sinh viên. Đi ăn một mình hay với bạn bè, trong mỗi bữa tôi đều uống một vài ly rượu mạnh. Con gái mà uống rượu mạnh trông cũng chướng Nhưng cần quái gì. Tôi cứ nhờ men nồng tưới cho nồng thêm nỗi sống trong tôi thì đã sao nào. Tôi nghĩ giá đang lúc tôi say sưa như thế mà ông hiệu trưởng già hay lũ học trò bắt gặp chắc họ sẽ chết giấc vì ngạc nhiên. Không, họ sẽ gán thêm cho tôi một lố những tính-từ-thời-thượng nữa. Những ly rượu uống ban ngày hay lon bia uống giữa khuya làm tôi hao hụt như đứng trên một nỗi bất trắc vô hình. Tôi mơ hồ tìm gặp một vài điều thay đổi nơi mình. Gì thế này ? Không biết, tuy thế tôi vẫn tiếp tục ngoài phố và may sắm thêm một mớ quần áo đắt tiền nữa (mai mốt đi dạy, những bộ quần áo hoa hoè sẽ nằm yên trong một góc tủ cùng với đời

sống thật lúc nào cũng phải giấu kín). Trong những ngày sống tạm gọi là khoái trá như thế tôi cố quên Vinh đi, cố quên cái lớp học chỉ còn đâu vài ngày nữa là tôi phải bắt tay vào dạy. Bởi nghĩ đến, tôi lại lẩn thẩn tự hỏi sao lúc nào mình cũng như tìm cách đẩy mình vào những phiền toái do mình tạo ra ? Cũng có lúc tôi muốn bỏ mặc Vinh, để kéo dài thêm chuỗi ngày rong chơi. Nhưng ý muốn này cũng chỉ thoáng qua thôi, bởi tôi biết, qua tuần lễ thứ hai tôi sẽ lại chán ngấy những thứ mình đang có.

Một ngày, khi tôi sửa soạn rời nhà thì nhận được thư Tập. Không cần nhìn tên người gửi tôi cũng biết ngay là của Tập vì từ lâu nay đâu có còn ai thân thích đến độ phải liên lạc thư từ với tôi, ngoài Tập. Hơn nữa từ lúc mỗi đứa mỗi nơi với đời sống riêng của mình, hè năm nào Tập cũng gửi thư vào để gọi tôi ra nơi Tập ở «... Năm nay không dạy thêm, ở một mình buồn chết được. Nhé, Niệm ra với mình, nhé. Một căn phòng có cửa sổ nhìn ra biển dọn sẵn chờ Niệm từng năm một. Hè Sàigòn nóng nực có chi quyến rũ mà năm nào Niệm cũng chẳng thèm ra đây ?... » Thư của Tập năm nào cũng mang những lời mời gọi có vẻ chân thành như vậy. Nhét phong thư vào ví tôi ra đường tự nhủ sẽ đọc trong một cái quán nào đó, dưới phố.

Như những ngày đã qua, tôi mua tờ báo đọc để kéo dài bữa ăn sáng chờ tới chín giờ hồ tắm mở cửa vào bơi lội một chập. Chừng hơn một giờ, chân tay mỏi nhừ vì vùng vẫy nhiều nhưng da dẻ thơm mát, tôi rời hồ tắm tới nhà một người bạn nằm trên con đường đưa tới quán ăn quen. Từ trong quán ăn, vời điếu thuốc trên tay, đi ra tôi gặp Vinh. Chẳng hiểu ly bia mới uống hay câu chuyện nghe lỏm được của một cặp tình nhân trong quán ăn (họ bàn tính về chuyện đi nghỉ hè) mà tôi thấy sao Vinh bỗng có vẻ lôi cuốn quá đi. Vinh đứng sững lại trên lề đường, nhìn tôi như chưa bao giờ thấy cảnh một người con gái hút thuốc giữa hè phố. Mắt anh có nhiều vẻ ngạc nhiên sau lần kinh trắng, dù rằng hồi còn đi học, Vinh đã từng sống phóng túng uống rượu hút thuốt như đàn ông rồi. Nhưng ở tôi, việc gì cũng khiến cho Vinh chú ý và ngạc nhiên được bởi anh đang yêu tôi mà. Chia tay với người bạn, tôi đứng lại cùng Vinh ngay bên

chiếc xe anh dựng dưới đường Vinh nhìn tôi và nói anh tìm tôi ở nhà mà không gặp. Anh thêm :

— Tìm mấy lần đều không gặp. Niệm đi đâu hoài thế ?

Tôi búng mẩu thuốc ra xa trong một cử chỉ hết sức đàn ông rồi khoa tay một vòng cười đáp :

— Đi như thế này này.

— Nghĩa là sao ?

— Nghĩa là đi ăn, đi bơi, đi sắm đồ. Đi để khỏi nằm ở nhà. Anh không như tôi sao ?

Vinh lắc đầu, anh nói tôi còn phải lo cho lớp học.

Bao nhiêu khoái trá vì hơi men, vì lần gặp Vinh bất ngờ giữa lúc không ngờ, bỗng tiêu tan hết vì câu nói của Vinh. Đang lúc tôi muốn quên anh lại nhắc cho tôi nhớ đến cái lớp học đáng ghét kia (lớp học hay sự đồng ý của tôi đều đáng ghét như nhau). khi mở xách tay, soi mặt vào tấm gương nhỏ trên nắp, tôi thấy phong thư của Tập. Tôi cười nhạt à, lớp học. Thế nào rồi ? Vinh bối rối vì nụ cười của tôi và chắc cũng vì anh thấy tôi cũng chỉ thờ ơ. Anh nói tôi đang định gặp Niệm về việc này đây. Thứ hai tới mình cho khai giảng. Đề tôi đưa chương trình cho Niệm. Vinh quay về chiếc xe chắc là để lấy chương trình như anh nói. Tôi gọi giật giọng :

— Anh Vinh.

— ... ?

— Tôi... tôi không dạy đâu.

— Niệm đùa đấy à ?

— Không, tôi nói thật. Anh tìm người khác thế vào đi. Tôi không dạy được.

Tôi im lặng nhìn Vinh chăm chú như thưởng thức sự bối rối của Vinh khi nghe tôi có một quyết định đột ngột như vậy. Thật tình tôi cũng đang bối rối hết sức. Chưa chắc gì tôi đã nhận lời mời của Tập để ra cái thành phố ven biển kia. Vậy tôi sẽ làm gì khác nơi đây sau khi từ chối cùng Vinh dạy lớp học hè ? Sau một lát bối rối, Vinh phàn nàn với tôi đủ điều và mong tôi nghĩ lại. Tôi cười thầm trong lòng vì những khó khăn Vinh vừa nêu ra nếu tôi không dạy. Nào là khó tìm người thay thế, nào là có thể học trò sẽ nghỉ nếu người dạy không phải là giáo sư quen biết.

Vinh che giấu một cách tài tình về điều duy nhất anh không nói ra nhưng tôi lại biết rất rõ. Chờ cho Vinh nói một hơi, tôi mới ngỏ ý xin lỗi về sự từ chối đột ngột của mình. Tôi bịa đặt ra lý do của chuyến đi làm như chuyến đi đã được sửa soạn từ lâu lắm rồi. Thật ra mới sau câu nhắc về lớp học của Vinh thôi.

Khi biết chắc là không thể nào giữ tôi ở lại được nữa, Vinh mời tôi đi chơi buổi chiều. Tôi nhận lời sau khi nhờ anh đưa tôi ghé vào bưu điện gửi hỏa tốc cho Tập một bức điện tín nói đón tôi ở bến xe, ngày mai.

Vài tiếng đồng hồ để sửa soạn, về vời chương trình cho một chuyến đi xa. Gấp rút như thế mà lúc này, xếp quần áo, đồ đạc vào va-li tôi cũng chỉ dửng dưng chứ không hề háo hức như vẫn nghĩ. Tôi mang đủ vật dụng cho thời gian sắp tới sống ở biển. Vài bộ quần áo mùa hè, vài bộ áo tắm khêu gợi mới mua hồi chiều khi đi cùng với Vinh vào thương xá Tax. Bảy giờ, Vinh sẽ đem xe tới đưa tôi ra bến xe như lời anh nói buổi chiều. Soạn xong va-li, mới hơn sáu giờ, tôi lấy bộ đồ sẽ mặc trong chuyến đi treo sẵn lên móc rồi tắt đèn, cởi đồ nằm chờ sáng. Bức thư của Tập vẫn còn nằm ì trong ví vì chiều qua bận đi với Vinh tôi không có thì giờ để đọc. Cũng chẳng cần đọc lắm, thì có gì lạ đâu ngoài những câu viết như bức thư tôi nhận được vào mùa hè năm trước.

Chiếc xe nhỏ gồm bảy người kể cả tài xế, rời bến đậu bắt đầu cho cuộc hành trình dài trên bốn trăm cây số. Buổi sáng, bến xe chộn rộn với kẻ đi người ở, với những hàng quà bánh rao inh ỏi. Xe chạy chậm vì chưa ra khỏi khu vực hạn chế. Tôi lục xách tay lấy kính đeo lên mắt không nghĩ rằng Vinh đứng đâu đó trong dòng người đưa tiễn kia có lẽ sẽ buồn một chút nếu thấy tôi bình thản dựa ngửa trên ghế như sửa soạn một giấc ngủ. Cũng có thể là Vinh đã bỏ về ngay sau khi tôi chui vào lòng xe, ngồi yên ổn ở một chiếc ghế bên cạnh cửa, băng thứ nhì. Buổi sáng, Vinh đưa tôi ra bến xe. Anh đem tôi vào một tiệm phở nài ép tôi cố ăn một chút gì đó cho đỡ mệt mỏi vì đoạn đường dài. Để làm vui lòng Vinh mà cũng chẳng biết phải làm gì hơn trong quán đông

người lúc đó, tôi ăn được một tô phở nhỏ cùng nửa ly sữa. Lúc này, tôi cảm thấy dễ chịu vì những thứ đã ăn đã uống trong khi chờ Vinh đi lấy vé xe. Trưa nếu đói, tôi có thể yêu cầu bác tài ngưng lại một quán ăn dọc đường. Điều này có thể được vì là chuyến xe đặc biệt giá mắc hơn những xe khác.

Tôi nhìn trong xe. Ngay trên băng trước, cạnh tài xế là một cặp tình nhân còn rất trẻ, họ đang trao tay nhau những món quà và thì thầm với vẻ âu yếm. Nhìn lên tấm kính chiếu hậu phía trần xe, tôi thoáng thấy vẻ tươi tắn của hai cô gái ngồi sau lưng tôi, băng sau cùng. Và bên cạnh, cùng một băng là gã con trai cứ liếc tôi hoài từ lúc gã vào chỗ tới giờ. Xem chừng gã đang muốn bắt chuyện với tôi nhưng vẫn tỏ vẻ chần chừ vì sau cặp kính to bản đen đặc gã chẳng hiểu tôi thức hay ngủ.

Hết xa lộ, qua một vài trạm kiểm soát, xe tăng tốc độ, khi đã bắt đầu ra ngoại ô. Hai bên đường không nhà cửa khiến tôi nhìn được đến suốt chân trời nơi đất trời gặp nhau bằng một đường chỉ nhỏ không rõ nét. Khung cảnh rộng thênh thang làm tôi thèm ngừng xe đi bộ một đoạn và cũng cùng lúc bất chợt này tôi thấy chuyến đi hình như được mở đầu bằng những dấu hiệu yêu đời. Tôi nhắm mắt tưởng tượng đến nơi mình sẽ đặt chân xuống chiều nay. Nếu có Tập ra đón ở bến, tôi sẽ để nguyên vẻ mệt mỏi sau đoạn đường dài rủ Tập xuống phố uống một thứ gì đó. Một trái dừa chẳng hạn. Rồi mới về nhà. Nếu điện tín chưa tới, không có Tập ra đón, tôi cũng đi kiếm thức uống để sửa soạn những câu trả lời sự săn đón của Tập. Chắc chắn là Tập sẽ mừng rỡ, sẽ hỏi han tíu tít. Tôi cũng đang bồi hồi tưởng tới lúc gặp Tập. Giữa hai chúng tôi dù không phải là chị em ruột thịt nhưng chúng tôi đã dành cho nhau những lối đối xử còn hơn ruột thịt nữa. Một lẽ thật dễ hiểu : cả hai đứa đều không còn ai thân thích. Hồi tưởng về quá khứ là một việc làm tốn rất nhiều thì giờ cũng như sự mỏi mệt cho tâm trí, nên ít khi tôi nhìn lui quãng ngày tôi và Tập gặp nhau, hồi hai đứa còn bé xíu. Thôi hãy cứ biết rằng hai đứa đang thương nhau như ruột thịt. Nhìn về quá khứ làm chi cho mất công. Vả lại biết đâu sau mỗi lần nhớ lại của mỗi đứa vì một lẽ gì đó lại chẳng khiến chúng tôi nghi ngờ về tình thương vẫn dành cho nhau.

Xe ngừng lại một nơi tôi không rõ tên gọi, có những quán hàng nằm liền nhau ở hai bên đường. Tôi xuống theo mọi người dù chẳng muốn đi đâu hết giữa một xứ lạ như thế này. Gã con trai ngồi cạnh đang bắt chuyện với hai cô gái băng sau. Một lát tôi thấy cả ba vui vẻ đưa nhau vào một quán cơm. Tôi cười thầm, đi loanh quanh cho chân tay đỡ mỏi rồi cũng vào quán. Tôi gọi một con cua biển bự, ăn những miếng thịt rất ngọt cùng với hớp bia lạnh. Cô gái chủ quán nhìn tôi như không tin rằng một người con gái lại có thể thản nhiên bưng bia uống nom có vẻ ngon lành. Mà ngon thật. Tôi ăn gần hết con cua bự, chỉ còn dư lại mấy cái ngoe. Trả tiền xong, tôi mua một bao thuốc rồi mồi hút vài hơi cho đỡ tanh miệng khi ra phía nhà sau đi tiểu. Lên xe, tôi ngủ gà ngủ gật suốt trên quãng đường còn lại trong lúc gã con trai ngồi cạnh quay đầu xuống phía dưới nói chuyện với hai cô gái mới quen. Có lúc chập chờn giữa hai giấc ngủ tôi nghe nhiều tiếng cười vui chung quanh mình.

Không biết ai đó đã thức tôi dậy khi xe vào bến đậu, tắt máy. Trong lúc mọi người rời chỗ, tôi mở xách tay lấy khăn lau mặt rồi chải sơ lại mái tóc rối bù vì gió. Xong, tôi mở cửa bước xuống đường. Chiều trời nắng gay gắt mà sao nước đọng từng vũng trên mặt nhựa. Có lẽ đã có một cơn mưa ở đây khi xe chưa đến. Đặt chiếc va-li xuống cạnh chân tôi ngơ ngáo nhìn quanh và đứng nguyên một chỗ hy vọng Tập sẽ nhìn thấy. Bến xe cũng chộn rộn như nơi tôi vừa bỏ đi lúc sáng. Một lát chẳng thấy Tập đâu, tôi còn đang chần chừ chọn một trong nhiều quán nước phía bên kia để vào thì một người đàn ông tới gần cúi đầu chào rất lịch sự :

— Thưa, có phải cô là Niệm ?

Tôi nhìn lên và gật đầu vì đang bận tự hỏi giữa một thành phố lạ hoắc chưa một lần đặt chân đến tại sao lại có người biết tên mình ? Chừng như hiểu được sự ngạc nhiên nơi tôi nên ông ta giải thích :

— Tôi là chồng của Tập. Nhà tôi đi Sàigòn rồi.

— ...!

— Chị không nhận được thư của Tập gửi sao ?

Nhớ đến phong thư của Tập chưa đọc còn nằm gọn trong

ví tôi nói có nhận được nhưng chưa đọc. Và tôi nói thêm tôi đã gửi cho Tập một cái điện tín hôm qua mà.

Người đàn ông chỉ tay về một chiếc xe đậu gần đó và bảo mời chị về nhà đã. Chắc đi xa chị cũng mệt rồi. Nói xong ông ta cúi xuống xách giúp tôi chiếc va-li rồi đi về phía xe trong lúc tôi im lặng lẽo đẽo phía sau than thầm vì sự không may của mình. Vừa lái xe chầm chậm qua nhiều con đường đông đúc, người đàn ông vừa giải thích cho tôi rõ những điều tôi đang thắc mắc. Thì ra trong bức thư chưa đọc, Tập nói sẽ về Saigòn làm một vài việc cần rồi đón tôi cùng ra. Còn bức điện tín tôi gửi, ông ta mới nhận được lúc trưa, khi Tập đã về Saigòn được hơn một ngày. Dù chưa biết mặt nhưng ông cũng ra đón ở bến xe vì không muốn tôi phải lạc lõng trong thành phố này.

— Tôi nghe Tập nói chị chưa hề đến đây lần nào ?

— Vâng, và đây là lần đầu. May quá, nếu không có ông đón tôi cũng chưa biết cách nào để tìm được nhà.

— Tôi tên Hiệp. Có người gọi là Hiệp lặn.

— Hẳn là ông lặn rất cừ.

— Vâng, tôi hiện đang phụ trách một lớp huấn luyện về săn cá.

— Tội nghiệp cho những con cá sinh sống trong vùng nào có ông sống.

Những câu nói đùa sau đó giúp chúng tôi vượt qua được sự rào đón lúc đầu. Khi xe về đến nhà, ở gần biển, tôi vui vẻ nhận lời mời đi ăn với Hiệp ngay buổi tối đầu tiên này.

Đúng như lời Tập viết trong nhiều lá thư, căn phòng có cửa sổ trông ra biển gió thổi lồng lộng. Ngay đêm đầu tiên dù mệt mỏi sau đoạn đường dài, khi đi ăn với Hiệp về, tôi cũng mở tung cửa để đứng nhìn xuống biển đêm với nhiều màu sắc rực rỡ nom như những chùm đèn nhiều màu của một đêm hoa đăng. Lúc ấy tôi nhớ là đã tự nhủ sẽ lưu lại nơi này suốt mùa hè để kéo dài nỗi thích thú mỗi đêm tựa cửa nhìn xuống bãi. Đêm đầu, tôi ngủ ngon trong căn phòng lạ, với Hiệp nằm ở phòng bên cạnh, rộng hơn. Tập từ Saigòn về sau bốn ngày tôi đến. Bốn ngày không có

Tập, tôi đi ăn đi nhảy đi tắm nhiều lần với Hiệp để cùng lúc sợ hãi vì khám phá ra sức lôi cuốn nơi Hiệp. Anh hay lấy ca-nô của sở làm để đưa tôi ra tuốt những hòn đảo ở thật xa Chẳng hiểu. Hiệp nghĩ sao khi đưa tôi đến những bãi vắng như thế, nhưng lúc nào trông anh cũng có vẻ dửng dưng, ngay cả khi lần đầu thấy tôi trong bộ áo tắm hai mảnh lóp ngóp từ dưới nước đi lên. Mỗi lần từ đảo trở về thường là quá chiều, gió thổi mạnh. Ca-nô mở hết máy như lướt trên mặt những con sóng lớn. Tôi ngồi nép vào một góc tránh gió và nhìn lên. Hiệp dũng mãnh trong những động tác khiến tôi yên tâm và có cảm tưởng như được che chở.

Rồi Tập trở về. Tôi ham hố trong các cuộc chơi tay đôi tay ba như người nhịn đói lâu ngày ngồi trước bàn ăn thịnh soạn. Gần một tháng qua tôi không hề nhớ về chốn cũ và tôi tự hài lòng mình.

Căn nhà của vợ chồng Tập nằm lẻ loi ở cuối bãi nên buổi sáng còn lại một mình tôi không biết làm gì hơn là nằm trên bouée để trôi bềnh bồng trên nước chờ một trong hai người trở về. Hiệp thường xuyên ở ngoài khơi nơi mấy hòn đảo vắng, anh bận bịu với lớp săn cá. Còn Tập, mở một lớp luyện thi cùng với vài người bạn nữa. Từ ngày có tôi, Hiệp đi nhờ xe của một người bạn tới sở làm. Còn chiếc xe anh nói, để tôi lui tới cho đỡ buồn những lúc một mình ở nhà. Những sáng trời lạnh, không tắm được, tôi lấy xe chạy lòng vòng nhiều lần trên con đường ven biển rồi tiện thể xuống trường đón Tập về khi hết giờ. Buổi tối, chúng tôi gặp nhau trong bữa cơm ở nhà, đồ ăn là những con cá rất tươi Hiệp săn được trong lúc đưa học viên đi thực tập. Tôi đối diện cùng lúc sự lôi cuốn của Hiệp và nỗi thương mến của Tập.

Buổi sáng này, cũng vẫn một mình. Hiệp đưa Tập ra bến xe để nàng đi dự một buổi hội thảo kéo dài hai ngày ở tỉnh Đ. Có lẽ anh đã tới sở và giờ này đang ngoài đảo xa. Hơn một giờ ngâm mình dưới nước, tôi trở lên tắm lại bằng nước ngọt. Nhìn mình trong gương, da tôi đen trắng từng đoạn trông buồn cười nhưng bù lại thân thể cân đối như đi làm massage mỗi tuần. Trở về phòng kiếm chiếc váy khêu gợi nhất mặc lên người với ý định xuống phố một lát thì có tiếng còi xe trước nhà và Hiệp trở về. Chúng tôi gặp nhau ngoài thềm.

— Anh không đi lặn ?

— Bữa nay biển động nên nghỉ. Chị định đi đâu thế ?

— Tôi đang tính xuống phố.

— Để tôi đưa chị đi. Mình ăn trưa ngoài tiệm luôn.

— Vâng, anh đợi tôi một chút.

Về phòng, tôi lấy ví và kính đeo lên mắt, khi trở ra Hiệp đã trở đầu xe xong. Tôi bảo Hiệp anh để tôi lái cho, rồi ngồi vào chỗ Hiệp nhường, nhẹ nhàng đưa xe dời lề đường. Buổi sáng trời mát, bãi tắm tuy sóng lớn cũng khá đông người. Xe chạy hết con đường ven biển tôi vào phố chính và ngừng lại trước một tiệm bán hải sản với ý định vào mua ít món về tặng cho vài người bạn. Hiệp theo tôi vào tiệm nhưng lẳng lặng nghe tôi trầm trồ. Vỏ ốc và sau hô chưng đầy trong nhiều tủ kính lớn, tôi nhìn không chán mắt chẳng biết nên mua thứ gì. Nhưng sau cùng tôi cũng mua được hai cái vỏ ốc có gắn bóng đèn phía trong, một con xao biển màu xanh da trời và nhiều xâu chuỗi bằng vỏ ốc nhỏ xíu nom rất xinh. Hiệp bưng hộp giấy ra bỏ ở băng sau của xe trong lúc tôi trả tiền, còn kẻ bớt một, thêm hai với người chủ tiệm. Tôi đang có một buổi sáng vui vẻ nói cười luôn miệng. Hiệp nói :

— Chị còn mua gì nữa không ?

— Chắc là còn mua nhiều nữa. Nhưng mình đi kiếm gì ăn đã chứ ?

— Chị muốn ăn ở đâu ?

— Đâu cũng được. Xa phố một tí.

Cho xe chạy, Hiệp bảo mình đi xuống H. ăn mực tươi. Tôi nhìn lên trời. Có lẽ hôm nay biển động thật vì qua vuông của nhỏ tôi thấy bầu trời màu xám giống như màu áo của vị tu sĩ. Tôi nói điều này với Hiệp, anh mỉm cười vì sự ví von của tôi. Anh bảo không khéo trời mưa mất thôi. Nhưng nếu trời mưa ăn mực với uống bia lại rất thú. Chị uống được bia chứ ? Tôi gật đầu, nhớ tới những ly bia mình đã uống ở đầu mùa hè (những ly bia, những điếu thuốc, phải chăng đều là những lưỡi dao rất sắc tôi cần tới chúng để chặt đứt vòng đai đời sống đang thắt chặt quanh mình ?).

Xe đang chạy trên một con đường hai bên là biển và từng khoảng dừa rậm rì Hiệp mở máy thu thanh. Tiếng nhạc phát ra

bập bùng xen lẫn trong tiếng gió thổi ù ù bai bên tai. Khung cảnh giống như một đoạn phim nào đó tôi đã xem qua. Lúc đó tôi là khán giả và giờ này chắc tôi cũng chỉ là một khán giả tội nghiệp. Khi đèn bật sáng thế nào cũng có đôi chút nuối tiếc vì đoạn phim mới xem. Tôi kín đáo thở dài rồi liếc sang Hiệp. Anh vẫn chăm chú với đoạn đường trước mặt. Tôi bỗng nói lớn :

— Sao anh đưa tôi đi xa quá thế ?

— Tới rồi. Kia kìa.

Nhìn theo tay chỉ, tôi thấy một xóm nhà nằm cheo leo trên lưng chừng một ngọn đồi thấp. Hiệp đem xe tới gần, leo lên một con dốc ngắn. Anh tìm chỗ đậu xe, tắt máy và chúng tôi bước xuống đường.

Những quán hàng vắng người. Liếc xuống bãi cát ngay dưới chân cũng vắng. Tôi và Hiệp có lẽ là những người lẻ loi tới đây chơi trong buổi sáng xấu trời như thế này, giữa trưa mà không nắng bởi trời vẫn xám màu chì và biển thì sóng lớn. Vào quán, chúng tôi chọn một bàn gần cửa sổ có thể nhìn suốt bãi hình chữ C không một bóng người. Hiệp kêu hai chai bia, mực luộc cùng những thứ để ăn thay bữa trưa như đã định khi còn ở dưới phố. Trong lúc chờ đợi, tôi ăn những hột đậu phọng đựng trong đĩa nhỏ và uống chậm rãi từng hớp bia. Hiệp bưng ly lên môi, anh nhìn tôi qua màu vàng óng của chất bia và nói tôi có nghe Tập nói nhiều về chị. Nhưng tôi chỉ tin được một phần nào. Ánh tin gì ? Đời sống chị ấy mà. Hiệp nói mơ hồ nhưng tôi hiểu hết ý. Tôi cười làm vẻ buồn bảo tôi có một vài đời sống chứ không chỉ quanh quẩn ở một đời là nghề dạy học. Bây giờ tôi đang có một thời gian ngắn để sống đích thực đời sống của mình.

Không phải tôi muốn giải thích hay tâm sự gì với một người chưa thân thích lắm. Nhưng giọng tôi có vẻ là giọng tâm sự nên Hiệp tỏ vẻ săn sóc tôi hơn khi thức ăn được mang lên. Mực luộc còn nóng hổi chấm với muối tiêu chanh ăn ngọt từng miếng. Tôi ăn dủ các món do Hiệp gọi nên khi xong bữa cảm thấy tức bụng muốn đi lại một lát. Hiệp trả tiền rồi đứng dậy nói đúng như ý tôi muốn, anh đề nghị đi xuống bãi một vòng.

Con dốc thẳng đứng bên hông quán nhìn xuống bãi thấy

chóng mặt. Có lẽ tôi đã uống nhiều bia nên say chăng ? Trong lúc Hiệp đã xuống tới chân dốc tôi vẫn còn loay hoay chưa biết làm thế nào để đừng bị trượt chân lăn xuống như một viên sỏi. Níu vào những thân cây thấp tôi lần xuống. Gió thổi tung tà váy khiến tôi phải đưa một tay giữ cho khỏi bay nên xuýt té nhiều lần. Hiệp nhìn lên. Tôi thấy tôi trong mắt nhìn mở lớn của anh nhưng vẫn thản nhiên. Khi tôi đã đứng vững vàng bên cạnh, Hiệp nói lúc chị đi xuống tôi trông giống như lúc Tập lặn lần đầu dưới biển, cũng e dè như nhau. Tôi không nói, hướng mắt ra xa khơi, nơi có những hòn đảo nằm rải rác và hình như được phủ một lớp khói mỏng. Vài cánh buồm đang trên đường về bến. Có lẽ mưa ngoài đó. Tôi nghĩ cũng đã đến lúc mình trở về, vì nếu tiếp tục cuộc chơi rồi tôi cũng sẽ lao đao như con thuyền ra khơi ngày biển động.

Cầm giầy lên tay, tôi theo Hiệp đi dọc theo mé nước. Được một quãng thì trời đổ mưa nhỏ. Không bảo nhau chúng tôi đều đi quặt lên một bãi đá lớn lởm chởm chồng lên nhau với hy vọng tìm một chỗ trú. Mưa nặng hạt khi cả hai chui vào một hốc đá kín đáo, nhờ nhờ bóng tối. Tôi nghe hơi thở mình bỗng nhiên rộn ràng như mưa đổ xuống bên ngoài mỗi lúc mỗi hung hãn. Trong bóng tối chập choạng của hốc đá tôi thấy mắt Hiệp ánh lên một vẻ rất lạ. Tôi thì thào :

— Anh Hiệp, mưa lớn quá.

— Vâng, mưa lớn thật. Có lẽ mình phải trú còn lâu.

— Ở đây đang mùa nắng mà sao lại mưa nhỉ ?

— Lạ thật. Cũng chẳng hiểu sao lại mưa trái mùa như thế. Nhưng rồi cũng sẽ tạnh mà.

— Vâng sẽ tạnh. Và khi ấy tôi trở về.

— Chị nói gì thế ?

— Không, tôi có nói gì đâu.

Không dưng giọng tôi nghe bùi ngùi như vừa nói một câu giã từ trong buổi tiễn đưa nào đó. Hiệp không hỏi gì thêm, anh khum tay mồi thuốc nhả khói thơm đầy chỗ hai người.

Khi cơn mưa dứt, ra khỏi hốc đá tôi cũng bị ướt chút ít ở mặt và cảm thấy mắt mình cay không duyên cớ. Tôi bước hụt

hẵng trêu nền cát ẩm ướt để tới chân con dốc đưa lên chỗ đậu xe. Nhìn Hiệp lẹ làng trên con dốc đứng tôi nghĩ giá anh đưa tôi lên thi chắc là sẽ tới đích một cách mau chóng. Nhưng tôi phải leo một mình, khá chật vật vì đường trơn sau cơn mưa.

Phạm Quang Phước

Đã phát hành :

ZEN VÀ DƯỠNG SINH

do Ông THÁI KHẮC LỄ biên soạn

nói về lý thuyết và cách thực hành phép ăn uống bí truyền của các võ sĩ Nhu Đạo và các vị Thiền sư Nhật Bản, có công năng cải tạo sinh lực, làm trẻ đẹp người, thêm tuổi thọ, tăng cường trí nhớ, chữa lành tất cả các bệnh nan y như đau tim, bón, mất ngủ, di tinh, bạch đái, áp huyết cao, ung thư, ho lao, phong cùi, suyễn, bại, điên cuồng, giang mai, bị phóng xạ nguyên tử v.v..

Sách tái bản lần thứ ... — Dày 300 trang — Giá bán 450 đồng

Thư từ xin gửi về :

Ông PHẠM CHÂU
Thư Viện Đại Học
H U Ế

hoặc

Ông TRẦN VĂN ĐẠI
541/9, Phan thanh Giản
SAIGON III

PHÙ SA LỘC • SA LY
NGÔ CANG

Thơ

trước nhà ngắm trời đất
ngẫm nghĩ phận mình

Nửa khuya ra đứng bên đình
Bóng trăng là một với mình là hai
Vườn thu hoa sót đầm đài
Tiếng chim oẳn oại cuối trời mây đen
Trước sân sông nước êm đềm
Bèo kia chắc hẳn xuôi miền cố hương ?

một chỗ nhỏ nhoi nào

Người về cuối bãi đầu non
Tôi xin một gốc nhà con phố cùn
Người về châu thổ một vùng
Tôi trong xó tối sống cùng phân giun
Một ngày trần thế mau tàn
Phận tôi là đợt nắng vàng chiều hôm

Phù Sa Lộc

mơ màng

bước về nẻo mộng khai nguyên
trời chiêm bao rộng miên triền ưu tư
sáng soi trăng rụng ngôn từ
phất phơ hoa lá lắc lư máy ngàu
gió từ sơ ngộ bay sang
rừng thu trút lá suối vàng đổ khe
âm vang ngày tháng đi về
nghe trong cổ độ cận kề tương lai.

Sa Ly

mưa huế

Buổi mai trời ngậm hơi sương
Phun ra lưng trận mưa thương mến người
Núi cao nỗi nhớ lâu rồi
Sông cao con nước về trôi giữa dòng
Mưa mùa về đậu phố Đông
Mưa mùa về đậu giữa lòng Huế ơi
Huế ơi, thuyền nước đạm lời
Trăm con chim núi về chơi phố phường
Trăm con cá núi mở đường
Theo mưa theo suối về miền biển xưa.

Ngô Cang

TỪ KẾ TƯỜNG

Một Hoài Niệm Cũ

Qua một cây cầu nhỏ, dòng nước đen quánh giữa hai bờ đá, con đường dốc ngược lên với hai hàng cây thẳng tắp phía trước. Ánh sáng hiu hắt vàng ẻo của một vài ngọn đèn đường không đủ soi thủng được mặn suong dày đặc, giá buốt đeo cứng lấy da thịt.

Nhuệ nói với một ngụm khói bay ra ngoài miệng :

— Sợ Thu Ba không có nhà quá.

Tôi xốc cổ áo :

— Bạn em thường đi chơi lắm hả ?

— Đôi khi thôi. Nhưng buổi tối có đến chín mươi phần trăm nó ở nhà. Nhưng mỗi khi em định đến thì y như lần nào nó cũng có chuyện đi bất ngờ.

— Mấy lần như thế rồi ?

— Không nhớ, nhưng đã làm cho em bị ám ảnh, thành ra cứ lo lo.

— Anh không lo gì hết.

— Xa quá, không có trở về anh sẽ mỏi chân.

Tôi muốn bật cười, nhưng nụ cười đã giữ lại giữa hai hàm răng tê buốt. Tôi nắm lấy bàn tay Nhuệ. Bàn tay của nàng cũng lạnh không kém gì bàn tay tôi.

— Anh có thể đi bộ suốt đêm trong thành phố này. Bao nhiêu dốc cũng leo được hết không sợ mỏi chân đâu.

— Nhưng rồi anh sẽ gặp một con dốc cao hơn, cao ngất. Anh sẽ vừa bò vừa thở.

Nhuệ cười, bàn tay nàng siết chặt bàn tay tôi. Tóc Nhuệ

mềm ướt mờ nhạt trong khoảng bóng tối. Từ trên đầu dốc có hai người lính đi xuống. Một người đút hai tay vào túi áo khoác, mũi nón up xuống che kín mí mắt. Người kia cao lêu nghêu, huýt sáo một điệu nhạc, nơi đầu hai ngón tay có điếu thuốc cháy đỏ, lập lòe như một con đom đóm. Hai người lính đi qua, thoáng nhìn Nhuệ và tôi. Tiếng chân họ xa dần phía dưới dốc.

Nhuệ bỗng hỏi :

— Tại sao anh lên thăm em được. Anh không bị cấm trại hả ?

— Anh nghỉ phép.

— Xạo. Chút nữa cho em coi giấy phép. Em không tin một tí nào. Cả chuyện anh cũng phải đi lính.

Tôi cười :

— Anh cũng không dám tin như vậy.

— Anh gầy quá đi lính sao nổi. Thu Ba bảo em anh không thể nào đứng trên con dốc Cộng Hòa chừng năm phút. Gió sẽ thổi anh đi sang phía bên kia đồi Cù ngay.

— Dốc Cộng Hòa ở đâu ?

— Trên đường em đi học về đó. Từ trường em xuống. Con dốc cao nhất thành phố.

— Hôm nào anh lên đứng thử.

Nhuệ hoảng hốt :

— Ý, không được đâu. Anh đừng lên đứng trên dốc đó.

— Sợ anh bay sang đồi Cù à ?

— Không.

— Vậy tại sao ?

— Tụi bạn em sẽ biết anh. Có một vài đứa biết rồi đó. Một vài đứa biết là cả trường biết. Cả trường biết rồi cả thành phố sẽ biết. Em nín thở luôn.

— Có được một người yêu ai cũng biết như vậy em không khoái chí sao ?

— Không. Trái lại em còn ủ rũ như con mèo ốm nữa là khác.

— Tại sao vậy ?

— Thành phố này nhỏ xíu. Có mấy cái dốc, mấy ngọn

đời, mấy cái hồ thôi. Ai cũng quen nhau, biết rõ về nhau. Em làm sao sống nổi.

— Ăn nhằm gì tới họ.

— Nhưng họ không để mình yên đâu. Rồi anh sẽ thấy, chung quanh mình sẽ đầy những tiếng động. Thứ tiếng động ồn ào buốt tai buốt óc. Em sẽ chết mất.

Tôi lại càng chọc Nhuệ :

— Anh sẽ lên dốc Cộng Hòa đón em. Đeo một tấm bảng tên họ trước ngực.

— Em sẽ nghỉ học, đi tu dòng kín luôn.

Tôi bật cười. Tiếng cười vang như tiếng một con ve kêu giữa buổi trưa mùa hạ. Tiếng cười đột nhiên làm lũ vạt sành rúc trong đám cỏ ven đường nín im.

— Anh cười gì mà dữ thế ?

— Chuyện đi tu của em.

— Thật à. Em không nói giỡn đâu. Dì Khánh của em đã đi tu lúc dì bằng tuổi em bây giờ.

— Em bao nhiêu tuổi ?

— Nhỏ thua anh chín tuổi ?

Tôi loay hoay định tìm một câu gì khác chọc Nhuệ nữa. Như là bảo tôi lớn hơn nàng những chín tuổi thì già quá, lúc lấy nhau về sống không được bao nhiêu năm thì tôi sẽ phải chết. Hoặc tôi sẽ bị ho hen đau ốm liên miên nàng phải đấm lưng cho tôi như chuyện ông vua già nào đó trong phim thần thoại. Nhưng Nhuệ bỗng đứng im lại khi chưa lên hết dốc ngó chăm chăm về phía trước.

— Hình như Thu Ba đi tới. Nó đi với một người nào.

Lúc đó tôi cũng vừa nhìn thấy qua màn sương dày lờ mờ bóng hai người đi.

— Đúng rồi. Thu Ba. Đi đâu vậy nhỉ ?

Tôi và Nhuệ đứng giữa đường chờ hai bóng người đi dần tới. Thu Ba đi với một người đàn bà đang có mang. Cái bụng lớn làm người đàn bà đi ì ạch. Hai người đều xách nơi tay một cái giỏ nặng. Người đàn bà có mang đi xuống dốc như phải bám hai đầu bàn chân trên mặt đường để giữ cho cái bụng lớn khỏi chạy trước.

Nhuệ kêu :

— Thu Ba. Đi đâu vậy ?

Thu Ba nhận ra Nhuệ, kéo tay người đàn bà sang đường. Trông thấy tôi. Thu Ba mừng rỡ :

— Anh lên bao giờ vậy. Hai người đi đâu đây ?

Tôi cười nói :

— Lên khi chiều. Định lên nhà Thu Ba chứ đi đâu.

Thu Ba giới thiệu tôi với người đàn bà. Chị Loan. Nhuệ ghé vào tai tôi nói thêm :

— Chị Loan ở bên cạnh nhà Thu Ba đấy, chồng chị đi lính ở xa lắm. Chị vẫn thường nấu chè cho em và Thu Ba ăn mỗi khi thức khuya học bài thi. Chị dễ thương lắm.

Tôi gật đầu chào người đàn bà. Chị Loan cười trong bóng tối, nụ cười có vẻ ngượng ngùng, chị muốn che giấu một cái gì đó nhưng biết rằng không sao che giấu được. Dưới mắt tôi người đàn bà trước mặt không dễ thương một tí nào, trái lại chị mang đầy đủ cái vẻ khốn khổ tội nghiệp của một người đàn bà đi tới nhà bảo sanh. Gương mặt tái xanh, hốc hác. Đôi mắt sâu thẳm, mệt mỏi. Cái bụng lớn khiến tôi có cảm tưởng chị đứng không vững. Tóc tai rối bù, quần áo xốc xếch với một cái giỏ đựng quần áo nặng dưới tay. Chị vừa thở vừa nói :

— Thu Ba đưa tôi đi sanh.

Giọng chị bình thản, chịu đựng và tội nghiệp. Tôi nghĩ tới người chồng của chị, chắc đang nằm trong rừng, hay đóng trên một ngọn đồi nào đó.

Thu Ba cười :

— Thôi ngày mai anh và Nhuệ tới chơi đi. Bây giờ Thu Ba vào nhà sanh với chị Loan, ở luôn trong đó sáng mai mới về.

Nhuệ nói :

— Thôi, đi với Thu Ba đưa chị Loan vào nhà sanh luôn cũng được.

Tự nhiên lại phải đưa một người đàn bà đi tới nhà bảo sanh. Tôi ngỡ ngàng nhưng không biết làm sao hơn là đi chậm lại một chút. Nhuệ hỏi :

— Bộ anh mệt hả ?

Tôi đau khổ gật đầu.

Một lúc tôi hỏi Nhuệ :

— Đường xa không ?

— Cũng hơi xa.

— Lỡ chị ấy... sanh dọc đường thì sao ?

— Làm gì có chuyện đó.

Người đàn bà khi qua hết cây cầu bỗng vấp phải một hòn đá té ngồi xuống với một tiếng đau đớn. Thu Ba nhanh nhẹn đỡ chị dậy. Nhuệ cầm cái giỏ quần áo lên, một tay nàng cũng phụ vào kéo người đàn bà đứng lên. Tôi bối rối nhìn người đàn bà nhăn nhó nhưng một thoáng chị đã gượng đi được.

Tôi hỏi Thu Ba :

— Sao không kêu cho chị Loan một chiếc xe ?

— Chị không chịu đi xe.

Bốn người đi âm thầm trên con đường dầy đặc bóng tối và sương mù. Hơi lạnh làm tôi muốn run lên. Những con đường dốc cao ngất lên với tiếng thở dồn dập mỗi người trong lồng ngực. Có một vài lần tôi muốn kêu Nhuệ quay trở lại, hay bỏ đi một mình xuống phố chờ nàng nhưng tôi không nói được. Tôi thấy người đàn bà thật tội nghiệp khi đi tới nhà bảo sanh mà không phải đi với chồng chị. Anh ta đang ở một nơi nào rất xa thành phố này.

Nhà bảo sanh hiện ra ở một khu đất bằng phẳng nhiều cây lá nơi đầu dốc. Ánh đèn xanh mướt nơi cánh cổng sắt có người đàn ông ngồi thu mình ngái ngủ. Ba người đi vào đó. Tôi dừng lại bên ngoài. Ngôi nhà im lim đồ sộ nằm sâu trong bóng tối với nhiều bậc tam cấp dẫn lên. Một vườn cây phía bên hông, một vài chiếc xe mang dấu hồng thập tự đậu rải rác quanh đó. Vòng rào song sắt đen lạnh, buồn bã. Bóng lá chập chờn dưới mặt đường. Tôi thu bình trong áo manteau, đi chậm đá những viên sỏi rơi rớt xuống phía dưới thung lũng sâu thẳm. Không có ai đi trên con đường phía trước mặt.

Một lúc sau đó Nhuệ và Thu Ba trở ra. Nhuệ cười :

— Thu Ba đi chơi với mình rồi trở về đây với chị Loan.

Tôi nói :

— Tìm một chỗ nào ăn. Anh đói bụng.

— Sao lúc nãy không nói mình đã không đi tới đây ?

— Tìm đường nào xuống phố thật gần đi Thu Ba.

Thu Ba cười :

— Xuống hết dốc này mới có một con đường tắt.

Ba người lại rẽ xuống dốc. Con đường nhỏ chạy men theo chân cây khuất lấp cùng bóng tối. Thu Ba thành thạo dẫn trước. Ba người bước xuống từng bậc tam cấp bằng đất khoét từ con đường xuống tới phía dưới. Có lúc phải nắm tay nhau qua một cây cầu khỉ trơn trợt với con lạch sâu hút tối đen.

Thu Ba nói :

— Bỏ anh đi ra phố một mình anh đi được không ?

— Chắc một trăm phần trăm sẽ đi lạc.

Tiếng Nhuệ cười khúc khích. Tôi mệt nhọc nói :

— Đi đâu mà như đi xuống âm ty thế này.

— Anh không thấy sao Phía trên kia là một vách núi ?

Tôi quay đầu nhìn ngược lên. Nhưng chỉ thấy được một màu đen trùm kín khắp cây lá. Tôi có cảm tưởng phía đó là một nơi cao ngất, cao đụng tới những vầng mây bạc buổi sáng.

Khu phố phía trước mặt. Những con đường heo hút, những góc phố buồn tênh. Mọi người lù mù tiến lui, dáng điệu âm thầm không tiếng động Thành phố êm đềm như một cơn trường mộng. Cơn mộng dài mê đắm như một hơi gió đi trên đồi, hay thổi lướt qua đèo. Tôi đã tới thành phố này bao nhiêu lần ? Không nhớ rõ lắm. Một vài lần gì đó Nhưng lần nào cũng đầy những xa lạ bất ngờ. Nhuệ ở một ngôi nhà đẹp phía đuôi hồ, nằm trên một thung lũng và phía dưới đó là vườn rau lớn nhất của thành phố. Đứng ở đầu một ngã ba, chỗ cái bồn hoa xoay tròn có cây cột đèn tôi có thể nhìn thấy một màu xanh ngút ngàn ôm lấy nền trời và ngôi nhà đứng chơ vơ màu trắng như sương. Tôi có thể nhìn thấy mặt hồ lặng thầm êm ả nằm dưới hàng thông dài, tôi có thể nhìn qua bên kia những dãy đồi, những chân mây... Nhuệ học ở ngôi trường con gái nổi tiếng của thành phố và nằm trên con dốc Cộng Hòa. Tôi chưa lên đó đón nàng bao giờ. Và chưa có ý định bao giờ sẽ tới đó. Có thể mãi đến khi nàng dời bỏ ngôi trường. Nhuệ còn không đầy ba tháng nữa, với kỳ thi tới.

— Vào đây được không ?

Tôi nhìn thoáng qua quán ăn, gật đầu. Thu Ba vào trước.

Tôi và Nhuệ theo phía sau. Quán hoàn toàn vắng khách. Một người bồi tiến lại kéo ghế mời ngồi. Quán ở mức trung bình, nhưng bàn cũng trải khăn trắng, có hoa cắm từng lọ nhỏ. Không khí ấm cúng, ngăn hơi lạnh từ ngoài đường. Hơi lạnh như còn sót lại trên hai bàn tay tôi.

Nhuệ áp hai bàn tay lên mặt nói :

— Anh ăn đi, em không đói.

— Thu Ba cũng thế. Tụi này chỉ uống nước thôi.

— Uống gì ?

— Trà, trà nóng.

Thu Ba kêu lên như một đứa bé. Nhuệ cũng nói :

— Em uống cà-phê sữa.

Tôi gọi một dĩa cơm, ăn rất nhanh. Sau đó tôi gọi thêm một chai bia để uống.

— Anh uống bia chi vậy ?

— Uống cho mặt đỏ hồng như hai người.

— Trời ơi người ta là con gái.

— Bộ con trai không cần đỏ mặt sao ?

Nhuệ ngồi ngắm tôi uống bia. Một thoáng sau đó, khi chai bia vơi hết nửa gương mặt tôi đổi từ màu tái mét sang đỏ hồng. Nhuệ cười. Nàng khều mấy ngón tay tôi trên mặt bàn hỏi :

— Anh còn bị lạnh không ?

— Không.

Thu Ba bỗng hỏi :

— Đêm nay anh ngủ ở đâu ?

— Khách sạn.

— Sao lần nào anh cũng ngủ khách sạn hết vậy. Bộ không có nhà ai quen trên này sao ?

Tôi đáp :

— Không.

— Như vậy Nhuệ làm sao dám tới thăm anh ?

— Đó mới là vấn đề.

Nhuệ hơi đỏ mặt :

— Vấn đề gì ?

— Vấn đề làm sao gặp mặt nhau.

Nhuệ có vẻ suy nghĩ, nàng bưng tách cà-phê lên uống một

ngụm nhỏ, mím môi ngậm vành tách một lúc. Nàng kêu tôi ghé đầu sang phía nàng, nói nhỏ :

— Em có thể tới thăm anh lắm.

— Chắc chắn đi chứ còn có thể gì nữa.

— Không chắc chắn đâu à nha.

Tôi và Nhuệ phải đưa Thu Ba trở lại con đường tắt lúc nãy. Bóng tối che kín không nhìn thấy thời gian trên mặt đồng hồ. Nhưng đêm có lẽ sắp khuya. Bây giờ có những giọt mưa nhỏ lất phất. Mặt tôi nóng bừng, lừ đừ như một con rắn.

Thu Ba dừng lại trên mặt đường :

— Thôi. Hai người về được rồi.

— Dám đi một mình không đó ?

— Dám chứ sao không.

Thu Ba cười nhỏ, bước lừng lững lên dốc. Tôi vòng tay ngang lưng Nhuệ, môi tôi chạm mấy sợi tóc của nàng ướt nước.

— Mưa bám đầy trên tóc em rồi.

— Mặc kệ. Tóc em mới gội hồi chiều.

— Anh nghe có mùi thơm.

Nhuệ cấu vào ngón tay tôi đau điếng. Tôi cười, nắm tay nàng đi trở xuống. Con đường hẹp, bây giờ thêm những giọt mưa trút xuống làm trơn trợt khó đi. Tôi chỉ lo sợ Nhuệ ngã, nhưng Nhuệ không ngã, nàng đi rất nhanh.

— Mấy giờ rồi anh ?

— Không biết.

— Anh có đeo đồng hồ mà.

— Không xem được. Trời tối đen.

— Em về nhà thế nào cũng bị la.

Hơi bia làm nóng mặt, đẩy những sợi máu tôi trở nên xôn xao. Xuống lại mặt đường phía dưới Nhuệ chỉ còn cho tôi nắm lấy bàn tay của nàng. Nhuệ nói :

— Ở đây còn có người.

Tôi cười, liếc nhìn mặt đồng hồ. Gần mười hai giờ. Nhưng tôi không nói với Nhuệ. Nàng cũng không hỏi. Hai đứa nắm chặt tay nhau đi dưới giọt mưa lạnh buốt.

— Chắc em thi rớt quá.

— Chưa thi đã biết rớt ?

— Tụi bạn nói đứa nào có bồ thường thi rớt.

— Thi rớt anh sẽ cho cái này.

Tôi vuốt ve ngón tay áp út của nàng và ra dấu một chiếc nhẫn. Nhuệ giấu mặt trong mái tóc. Nàng có vẻ xúc động nên im lặng mãi một lúc lâu.

— Được không ?

— Nhưng nếu em thi đậu thì sao ?

— Sẽ cho em hai chiếc nhẫn một lúc.

Bây giờ nàng đã biết tôi ba xạo. Nàng lườm tôi :

— Em không muốn thi rớt chút nào.

— Dĩ nhiên. Nhưng đôi phải giả bộ thi rớt. Thi đậu hoài cũng kỳ.

Nhuệ kêu lên :

— Trời ơi, chuyện thi cử quan trọng cả một đời người con gái của người ta mà ông ăn nói giỡn chơi vậy. Thi rớt tha hồ khóc. Khi đó nước mắt em sẽ làm anh trôi mất tiêu luôn đừng có oán.

Khu phố chính hiện ra trước mắt. Tôi không đùa với nàng được nữa. Hơi bia hình như cũng tan đâu mất, gương mặt tôi nguội lạnh như một chiếc lá chờ rụng xuống đất. Một vài cặp tình nhân còn đi chơi khuya ôm cứng nhau như sợ gió sẽ thổi bay đi nếu buông tay nhau ra. Qua một quán cà-phê tôi còn định rủ Nhuệ vào nhưng người ta cho biết đã đóng cửa.

Tôi đành nói :

— Để dẫn em đi ngang khách sạn anh ở, anh sẽ chỉ căn phòng của anh cho em xem.

— Chi vậy ?

— Em không muốn biết sao. Đêm nay anh sẽ ngủ một mình ở đó. Lạnh phải biết.

Nhuệ cười. Tôi không hiểu ý nghĩa của nụ cười nàng được. Lúc đi ngang qua khách sạn đã đóng cửa tối om Chỉ có căn phòng tôi còn đèn sáng, tôi đã bật đèn từ chiều, lúc khóa cửa ra đi. Tôi chỉ cho Nhuệ thấy căn phòng ở tầng thứ ba, phía trước có một bồn hoa đỏ, cửa kiếng che bằng màn vải hoa màu vàng.

Tôi hỏi :

— Đó, thấy không ?

Nàng hướng mắt về phía căn phòng trên cao, vẻ cảm động gật đầu. Cánh cổng sắt đã đóng. Tôi tìm thằng nhỏ nhưng không thấy nó đâu. Đêm nay, buồn tình nó đi ngủ sớm, chui vô một xó xỉnh nào đó chắc lúc về tôi kêu khản cổ, hoặc dám nó cho tôi ngủ ngoài đường.

Nhuệ hỏi :

— Sao người ta đóng cổng rồi anh ?

— Lúc về kêu sẽ có người mở.

— Nếu họ không mở.

— Anh ngủ ngoài bờ hồ.

Tôi cười, dọa nàng thêm :

— Hoặc anh sẽ ngủ trước cổng nhà em. Phía trước có một cây thông lớn chứ gì, anh sẽ ngủ dưới gốc hay là leo tuốt lên ngọn đánh một giấc, sáng thức sớm như chim vậy. Lo gì.

Nhuệ cũng cười :

— Anh nói chuyện như người say rượu. Anh có say thật không ?

— Không. Uống có một chai bia mà ăn nhằm gì. Anh đã từng lu một lít đế với một cái giò gà.

Tiếng nói tôi bỗng nhiên ngưng lại, nụ cười chưa thành tiếng bỗng dưng tê cóng vì hơi lạnh dưới mặt hồ bốc lên. Sương trắng bạc che kín không thấy bờ bên kia. Con đường hiu hắt như một sân ga hiển biệt. Tự nhiên tôi và Nhuệ dừng lại, bước vào một bóng tối của cây thông lớn. Gió từ dưới hồ thoáng nhẹ, nhưng hơi lạnh kéo lướt ghê gớm trên da thịt.

— Anh...

Tôi nhìn thấy đôi mắt Nhuệ hốt hoảng trước khi chia tay. Đôi môi nàng run rẩy bật lên tiếng kêu nhỏ. Nhuệ đứng dựa vào một gốc thông. Và tôi hôn nàng thật lâu. Qua vai nàng tôi nhìn thấy những chùm hoa trắng nở và hương thơm bay ngây ngất.

Trở về khách sạn một mình tôi đứng gọi đứa nhỏ giữ cổng một hồi lâu. Nó hiện ra trong cái áo lính rộng thùng thình, gương mặt ngái ngủ. Nó tra chìa khóa, mở cổng, không nhìn tôi, rồi khóa cổng lại. Tôi vuốt những giọt mưa bám trên tóc bước lên những bậc thang nhọc mệt, rời rã như dáng đi của người đàn bà. Tôi

nghĩ tới chị Loan, cái bụng lớn chúi về phía trước của chị. Người đàn bà tội nghiệp ấy đã sanh chưa ?

Tôi không vào phòng ngay mà đứng lại trước bao lơn nhìn những chùm hoa đỏ không hương thơm dưới ánh đèn. Tiếng còi giới nghiêm bỗng rúc lên dữ dội vang khắp thành phố, và phía dưới, sương mù bắt đầu vây kín những con đường.

Từ Kề Tường

Đã phát hành trên toàn quốc tác phẩm toát mồ hôi lạnh của nhà văn VŨ BẰNG :

BÓNG MA NHÀ MỆ HOÁT

- Một vụ trả thù rùng rợn, ghê gớm. Trong bối cảnh ngột ngạt của một giai đoạn lịch sử chưa quên là thời kỳ Nhật thuộc. Nổi danh từ tiền chiến với kiệt tác Cai, *nhà văn Vũ Bằng, với Bóng ma nhà mệ Hoát,* dẫn đưa bạn đọc vào một thế giới quái đản, toát mồ hôi lạnh. Với nghệ thuật kể truyện và trình bày nhân vật phong phú, độc đáo, chỉ có, ở Vũ Bằng.
- Sách dầy 246 trang. Bìa offset. Giá 350 đồng.

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

HẠC THÀNH HOA

Nước Đục

gió se

Thả đôi cánh lá theo dòng nước
Lá trôi đi mãi lá không về
Quanh ta vắng lặng từ sau trước
Cây giữa trời đau ngọn gió se.

gửi người không quen biết

Gửi đến người em không quen biết
Giọt lệ sầu ta tự buổi nào
Có vầng mây rớt trên hoang đảo
Vẫn nằm đây khóc chuyện trăng sao.

Ngày về quê hẳn xa xôi lắm
Cọc đã chôn sâu dưới lòng sông
Mười năm không thấy con cá lội
Dải nước phù sa đục một dòng

Ở đây họ sống bình yên quá
Trăng sao là chuyện của đất trời
Gió mây là của người khờ dại
Hạnh phúc đâu cần kiếm xa xôi !

Từng đêm ta thấy trăng sao khóc
Ngày gió mây than thở với trời
Riêng ta cũng cầm lòng không đậu
Bởi chính vì ta cũng lẻ loi

Đến nay tưởng sống gần mấy kiếp
Bên cạnh dòng sông lá mục nằm
Chỉ thấy hư không lên tiếng gọi
Đã mấy mùa đứng ngó mưa câm

Ở đây ta sống cô độc lắm
Đời cứ như chiều thu lá bay
Dòng sông quen quá sao mà lạ
Ta vẫn người xa mới tới đây.

Nay đã hơn mười năm thèm khát
Thèm áo em bay tiếng hát lưng đồi
Ngày vẫn lang thang cho quên đói
Đêm nghe sóng vỗ thấy bèo trôi

Bây giờ ai khóc đời ta nhỉ
Mỗi ngày cơn bệnh một tăng thêm
Nằm đây đã mòn chăn rách gối
Để nghe thạch sùng chắc lưỡi đêm đêm

Ta lỡ chọn lầm căn gác hẹp
Chân mòn trên những lối đi quanh
Đến nay bóng tối càng thêm đậm
Bóng tối muôn đời vẫn lặng thinh

Bạn ta xa tít nên nào biết
Sông thi đầy mà máu của ta vơi
Chiều chiều sóng nổi bùn đen dậy
Ngồi nhìn nước đục xót thương đời

Bạn ta cuộc sống u nhàn lắm
Ta còn mang nặng một chiếc gông
Áo cơm cứ níu chân mây lại
Làm sao chim hót nổi trong lồng

Ta thấy đàn chim hay hoảng hốt
Quanh ta nước đục bợn lòng thơ
Những muốn rảnh rang mà trả nợ
Nợ gió trăng và nợ giang hồ

Nên đêm thường thấy mình hóa bướm
Nhởn nhơ không vướng bận chi đời
Tỉnh dậy giận thân không bằng mộng
Trên nóc mùng treo một cánh dơi

Ở đây chỉ thấy màu mây bạc
Với những con người thiếu trái tim
Mười năm đốt đuốc tìm tri kỷ
Ta chỉ tìm thấy một rừng lim...

Gửi một người em không quen biết
Thơ ta chưa cạn hết thương đau
Đời ta nay đã tan tành mộng
Ai người sẽ khóc ta mai sau ?

Hạc Thành Hoa

VĂN giới thiệu :

TRONG NỖI BUỒN VÀNG
tập thơ HẠC THÀNH HOA
bìa DUY THANH — 96 trang — giá 120 đồng

HUỲNH PHAN ANH

Thomas Mann Qua Tác Phẩm Tonio Kröger

Mặc dù được viết vào thời trẻ tuổi của tác giả và mặc dù tính cách mỏng mảnh của nó, Tonio Kröger vẫn được hầu hết các nhà phê bình xem là một tác phẩm tiêu biểu cho trọn sự nghiệp của Thomas Mann, hơn thế nữa, là một kiệt tác phẩm của nhà văn Đức, giải thưởng Nobel 1929 này, với những kích thước lớn lao chứa đựng những chủ đề trung kiên nhất của tác giả, cũng như với nghệ thuật hoàn hảo và đầy hàm xúc của nó. Viết ở ngôi thứ ba, thiên truyện lại được xem là mang nặng tính cách tự thuật. Tiểu sử của Tonio Kröger, do đó, một phần nào, cũng chính là tiểu sử của Thomas Mann : một vận hành trí thức có tính cách quyết định của tác giả trong cuộc đi tìm ý nghĩa của đời sống và nghệ thuật, của thực tại và lý tưởng. Trong một bài viết vào cuối đời mình, năm 1953 Thomas Mann đã thú thật : « *Nói thẳng ra là tôi không có nhiều đức tin, nhưng tôi cũng không tin lắm vào đức tin ; đúng ra, và hơn thế nữa, tôi tin nơi lòng tốt con người là điều có thể hiện hữu mà không cần tới đức tin và đúng ra là phát sinh từ sự hoài nghi... Nghệ sĩ là người sau cùng còn nuôi ảo tưởng về ảnh hưởng của mình trên định mệnh con người. Vốn khinh miệt cái xấu, hắn đã không bao giờ kéo ngừng lại được sự chiến thắng của cái xấu. Vốn quan tâm tới việc cống hiến một ý nghĩa, hắn đã*

không bao giờ kéo ngừng lại được những cái vô nghĩa đẫm máu nhất. Nghệ thuật không thiết lập nên một quyền lực, nó chỉ là một sự an ủi ». (Nghệ Sĩ và Xã Hội, trích dẫn bởi Louis Leibrich, trong Thomas Mann, Editions Universitaires, tr. 94). Lời tự thú của một nhà văn ở cuối đời mình, về quyền năng và khả hữu tính của nghệ thuật, gói trọn ý nghĩa khốc liệt của một sự thức tỉnh nền tảng, lời tự thú đã từng được bộc lộ ngay trong Tonio Krőger. ra đời trước đó đúng nửa thế kỷ, năm 1903. Có thể tuổi trẻ Tonio Krőger với tâm hồn nóng bỏng những ngọn lửa của trí tuệ và đam mê, luôn trên đường tìm kiếm cho đời mình và cho nghệ thuật, một sự cứu rỗi, một cách nào đó, tìm cách giải quyết mối phân ly tàn khốc, nội tại nơi ý thức của con người sáng tạo. Chính Thomas Mann cũng đã nói : « *Nghệ thuật có sứ mạng nhất thống* ». Không mang nặng ảo tưởng, không ngụy tín, không ngộ nhận, nhà văn của chúng ta, — sau một đoạn đường dài tìm kiếm, tư duy và sáng tạo không ngừng nghỉ — đã trầm tĩnh nhìn nhận nghệ thuật sau cùng chỉ là một khả năng thống nhất, giải quyết những mối xung khắc làm nên yếu tính của chính mình. Có thể Thomas Mann bi quan — nếu không nói là tuyệt vọng, nhưng điều ta không thể phủ nhận được là bằng số lượng tác phẩm vô cùng phong phú của mình, ông đã *sống* trọn kinh nghiệm của một ý thức khốn khổ, bị kết án trong cô đơn, phải quờ quạng trong đêm tối mịt mùng của lịch sử (con người đó đã sống qua hai trận thế chiến) tìm đến một ý nghĩa, một giá trị giữa hư vô và tuyệt vọng bốn bề.

Cũng như Thomas Mann đã thừa hưởng hai bản tính xung khắc, một của cha, đại diện cho tinh thần trưởng giả, một của mẹ với dòng máu lai Nam Mỹ, đại diện cho tinh thần nghệ sĩ đa cảm và phóng khoáng, Tonio Krőger là hiện thân của một mối xung khắc thuộc huyết thống. Chàng là con trai của vị lãnh sự Krőger, thuộc dòng họ Krőger quyền quí, nhưng tâm hồn chàng cũng nghiêng về mẹ, một người mẹ : « nồng nàn và thâm u », chơi dương cầm và mang cầm tuyệt vời. Từ sự xung khắc nội tại đó, chàng tuổi trẻ kia cảm thấy mình xung khắc với tất cả mọi người : bạn, thầy, những người chung quanh. Và vượt lên trên tất cả những xung khắc, đó là sự xung khắc giữa đời sống và nghệ

thuật không ngừng đốt cháy tâm hồn chàng. Chính Tonio Kröger đã thú nhận với Lisaveta Iwanowna, cô bạn nghệ sĩ người Nga của chàng : *« Tôi được đặt để vào giữa hai thế giới, không một nơi nào cho tôi cái cảm tưởng là mình đang sống dưới mái ấm của mình, vì thế mà đối với tôi, cuộc sống có phần vất vả »*. Tonio Kröger hay là thảm kịch của sự phân ly. Ngay từ những ngày tuổi nhỏ, chàng đã sống trong tận cùng da thịt mình, sự phân ly với đời sống. Phân ly với đời sống. Tại sao ? Tại vì chính chàng đã ngoảnh mặt trước đời sống hay ngược lại chính đời sống đã làm chàng thất vọng, đã ngăn chận, đã cấm đoán chàng tìm đến với nó ? Chỉ cần đọc những trang đầu tiên, người đọc nhận ra ngay một khuynh hướng tình cảm có phần trái ngược của chàng : chàng đam mê chống lại chính đam mê của mình. Những đối tượng tình cảm của Tonio Kröger chính là những cực đối nghịch với chàng. Chàng kết thân với Hans Hansen, một đứa trẻ hồn nhiên, thích thể thao và tầm thường. Chàng đem lòng yêu Ingeborg Holm, cô gái có mái tóc vàng nâu vui tính, thích trò chuyện ; Trong khi đó thì Tonio lại là một tâm hồn đầy u uẩn, chỉ thích sống với nội giới, của mình, luôn say mê những lý tưởng mà mọi người đều lấy làm dửng dưng, không ngó ngàng tới. Phải chăng đó chính là những cố gắng đầu tiên của một tâm hồn thuần khiết, muốn tham dự vào đời sống, muốn hòa hợp với tha nhân, bằng một cách thế đau đớn nhất : một cách nào đó, phủ nhận chính mình. Nhưng Tonio Kröger đã thất bại trong nỗ lực thỏa hiệp đầu tiên của chàng với đời sống, trong nỗ lực san bằng sự ly cách giữa chàng và đời sống. Bởi đời sống đã khước từ. Bởi sự xung khắc không chỉ hiện hữu nơi chàng, nó còn hiện hữu nơi đời sống. Những tâm hồn chàng yêu dấu, ngưỡng vọng đã chỉ đáp lại chàng bằng sự lạnh nhạt và sự dần độn. Chàng đón nhận kinh nghiệm đớn đau đầu tiên của sự thỏa hiệp : *« Kẻ thương yêu nhiều nhất là kẻ yếu đuối nhất và phải chịu nhiều khổ sở »*. Tâm hồn non dại của một cậu thiếu niên mười bốn tuổi đã học được bài học đơn giản và nghiệt ngã kia của cuộc đời. Chàng đã *« khước từ chính mình một cách sung sướng »* để được yêu, được thỏa hiệp nhưng chính đời sống đã xua đuổi chàng, đã đào sâu thêm cuộc phân ly, đã đẩy chàng vào chính thế giới nội tâm đìu hiu quen thuộc của

mình, với những khát vọng man rợ, ngông cuồng « (Chàng) *làm thơ và không dám nói đến ngay cả việc* (chàng) *mong mình trở thành cái gì mai sau* ».

Đó là điểm khởi đầu của một cuộc đoạn tuyệt đớn đau. Tonio Kröger dời bỏ những tâm hồn yêu dấu, những người bạn nhỏ, những khung cảnh thần tiên của tuổi thiếu niên, tất cả làm nên quá khứ chàng. Chàng dời bỏ không luyến tiếc để dấn thân vào cuộc đày ải, không, vào cuộc phiêu lưu đầy gian nguy và kỳ thú. Bởi đó là cuộc đày ải tự nguyện của một con người sau khi đã « *thức tỉnh trước chính mình* » và « *lấy làm mai mỉa trước cuộc hiện sinh trì độn và tỉ tiện* » đã giam giữ đời mình trong tù ngục tối tăm mê muội.

Thế rồi Tonio Kröger dời bỏ thành phố chôn nhau cắt rún của mình, lăn xả trọn vẹn vào một thứ quyền lực vô song, hứa hẹn những chân trời kỳ tuyệt, « *đó là quyền lực của trí tuệ và của lời nói vừa chế ngự vừa tươi cười trên cuộc sống vô thức và lặng câm* », đó là quyền lực của sự sáng tạo đã từng nung nấu tâm hồn thiếu niên của cậu. Chàng hiến trọn đời mình cho nghệ thuật, trong tư cách một con người sáng tạo thật sự, tự giam hãm đời mình trong niềm đơn độc tuyệt đối, hầu « *sản xuất nên những tác phẩm tuyệt vời bằng cái giá của những nỗi xao xuyến khốc liệt* ». Nhưng rồi cũng chính những tháng năm miệt mài trong sự sáng tạo đó đã cho chàng biết rằng « *người ta phải chết đi mới thật sự là một con người sáng tạo* ». Điều Tonio Kröger bắt gặp, trên đường tìm kiếm lý tưởng, đó vẫn là sự phân ly, sự phân ly giữa đời sống và nghệ thuật : « *Nếu trọn thế giới đã được diễn tả thì trọn thế giới đã được giải quyết, phóng thích, hủy hoại... Tốt lắm ! Tuy nhiên tôi không phải là một người theo chủ nghĩa hư vô...* » Cho nên kinh nghiệm của Tonio Kröger mãi mãi còn là kinh nghiệm tan nát, hãi hùng của sự xung khắc, của sự mâu thuẫn hệ tại ngay trong tâm thức chàng. Chàng đoạn tuyệt với quá khứ, nhưng chỉ để sau đó trở về với thành phố chôn nhau cắt rún của mình, bị thúc đẩy bởi một tình hoài hương tiềm tàng, day rứt. Chàng nhận ra điều này : mặc dù đã cương quyết đoạn lìa, tâm hồn chàng vẫn còn rung động với từng hình ảnh, từng âm thanh của quá khứ. Chặng đường sau cùng của cuộc hành

trình đã đưa chàng trở về, trở về với nguồn cội thân yêu mà chàng đã từng quay lưng, chối bỏ. Phải chăng đó là một thất bại củachàng, kẻ vô vọng thỏa hiệp và đồng thời vô vọng đoạn tuyệt với cội nguồn, gốc gác ? Phải chăng chính vì thế mà Lisaveta Iwanowna, một tâm hồn bạn của chàng, đã phát biểu về chàng : *« ... Anh là một chàng trưởng giả dấn thân vào một con đường lầm lỡ, Tonio Kröger ơi, một chàng trưởng giả lạc đường »*. Nhưng điều may mắn là chàng trưởng giả lạc đường đó còn biết, một lần nữa, thức tỉnh trước một chân lý thật tầm thường và cũng thật cao cả : *« chính cái bình thường, cái hợp lý cái đáng yêu, đời sống trong vẻ tầm thường, quyến rũ của nó, chính tất cả những thứ đó tạo nên thứ vương quốc mà những ước vọng của ta dẫn về»*.

Nhưng có thật là Tonio Kröger đã thất bại, trong sứ mạng nghệ thuật cũng như trong công trình hiện hữu của chàng ? Và cuộc hành trình của chàng đã kết thúc ra sao ? Nhưng làm gì có sự kết thúc với con người sáng tạo. Cuốn sách đã xếp lại, nhưng nhân vật tiểu thuyết của chúng ta vẫn còn đang trên đường. Hơn ai hết Tonio Kröger biết rằng mình còn phải sáng tạo nên *« những tác phẩm khá hơn »*, như chàng đã hứa với Lisaveta. Nhưng đồng thời, chàng cũng biết rằng *« tình yêu sâu xa nhất và bí ẩn nhất của (chàng) thuộc về những người có mái tóc vàng nâu và đôi mắt xanh lơ, những tâm hồn trong sáng và sống thật, những tâm hồn diễm phúc, những tâm hồn đáng yêu, những tâm hồn rất mực thường tình. »*

Lòng tốt mà Thomas Mann đã nói (được trích dẫn trên đầu bài viết này) đã gặp gỡ, hòa hợp với tình yêu thốt từ miệng Tonio Kröger. Phải chăng hơn ai hết, con người sáng tạo hiểu rõ rằng hắn không có quyền hy sinh đời sống cho nghệ thuật, tình yêu cho lý tưởng, đạo đức cho thẩm mỹ ? Và phải chăng vấn đề sau cùng không phải là giải quyết mối xung đột hay sự thất bại nền tảng của mình bằng một sự chọn lựa mà trái lại, bằng một sự chấp nhận : *« Đừng chê trách thứ tình yêu đó, Lisaveta ơi, nó tốt đẹp và bổ ích. Nó được tạo nên từ những hoài bão khốn khổ, từ ước muốn sầu muộn, từ một chút khinh miệt, và từ một niềm diễm phúc thật trắng trong, thuần khiết. »*

Huỳnh Phan Anh

Sinh Hoạt Văn Nghệ

Đại hội thi sĩ thế giới lần thứ hai

Được tin Nha Văn Hóa cho biết, Đại hội Thi Sĩ Thế Giới họp lần thứ hai tại Trung Hoa Quốc Gia vào ngày 11 đến ngày 17 tháng 11-73. Các thi sĩ có tên dưới đây được mời tham dự: Vũ Hoàng Chương, Nguyên Sa, Trần Dạ Từ, Trần Tuấn Kiệt, Bùi Giáng, Tuệ Mai, Hoàng Hương Trang, Tường Linh, Á Nam Trần Tuấn Khải, Bàng Bá Lân.

Lần Đại Hội kỳ nhất tại Phi Luật Tân các thi sĩ dự đại hội đi trong im lặng, về không ai hay. Lần Đại hội kỳ Hai có thêm vài nhà thơ ngoài Trung Tâm Văn Bút như Bùi Giáng, Trần Tuấn Kiệt v.v.. Nghe nói Nha Văn Hóa đang lo thủ tục xuất ngoại kỹ cho chuyến đi này có nhiều kết quả tốt đẹp hơn.

Chúng ta thử chờ xem chính sách văn hóa đang tiến bộ của nhà nước sẽ chuẩn bị thế nào cho phái đoàn thi sĩ đại diện các nhà thơ Việt Nam trong lần đại hội này.

Sách một nữ văn sĩ được dịch ra Anh ngữ

Trong lúc giới kinh tế VN đang chạy ngược xuôi với những giao kèo xuất cảng sản phẩm VN ra ngoại quốc, một hợp đồng phiên dịch và sản xuất tác phẩm VN tại Hoa Kỳ đã vừa được chính thức ký kết giữa nữ văn sĩ Nhã Ca và ông Barry Hilton, người chủ trương một tủ sách chuyên về VN của nhà Glade Publications Hoa Kỳ. Nhân dịp này dịch giả người Mỹ, ông Barry Hilton, khi nói chuyện thành thạo bằng tiếng Việt đã cùng với Linh mục Thanh Lãng, Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút VN, bày tỏ hy vọng rằng hợp đồng xuất bản này sẽ là bước khởi đầu tốt đẹp, cho việc giới thiệu văn hóa Việt Nam với thế giới hầu tạo sự thông cảm giữa các dân tộc.

Tác phẩm VN đầu tiên được ông Barry Hilton phiên dịch trực tiếp từ nguyên tác tiếng Việt sang Anh ngữ, là một truyện dài vừa hoàn thành của Nhã Ca, cuốn « Vi Ơ! Bước tới ».

Buổi lễ đã được ký kết tổ chức thân mật tại Trụ Sở Trung Tâm Văn Bút, với sự tham dự đông đảo của nhiều nhân vật văn hóa trong và ngoài nước.

Nhân dịp này, ban tổ chức đã trao tặng cho khách mời tác phẩm thứ ba mươi mốt của Nhã Ca, cuốn Hiền Như Mực Tím, và một bộ truyện Khoa Học Giả Tưởng về Hỏa Tinh của Edgar Rico Burrough, vừa do Tổ Hợp Hải Âu xuất bản.

Tại sao chúng ta không có kịch ?
Câu trả lời nằm trong thư ngỏ của Trần Lê Nguyễn

Kịch hiện vắng bóng trên sân khấu nước nhà. Hiện giờ, Sàigòn không có một Rạp Hát Thành phố, nhà nước không có một Hi Viện Quốc Gia trong khi dân tộc chúng ta đang sống một bi hài kịch lớn của nhân loại. Có phải vì đời sống chúng ta đầy kịch tính nên không cần đến kịch nữa ? Có phải vì kịch không theo kịp đời sống đột biến từng ngày, từng giờ, từng phút quanh chúng ta hay không ? Tôi không thắc mắc về các câu hỏi trên mà nghĩ rằng hơn lúc nào hết chúng ta cần có kịch. Tôi không có ý đề cập đến kịch được ghi âm, kịch được thâu hình — thứ kịch mất đi nhiều chất người vì không còn được giao cảm trực tiếp — mà muốn nói đến kịch trống trơn nhưng trọn vẹn, tình người chan hòa. Người viết có thích mới viết nên kịch bản. Người dựng có thích mới đưa vở kịch lên sân khấu. Người đóng có thích nhân vật mới để hồn nhập vào. Người xem có thích mới cùng tham dự. Tất cả tổng hợp lại trong Đêm Kịch cùng gây một âm hưởng, nhưng nhớ trọn đời. Âm hưởng này máy điện tử không tính được. Vì là âm hưởng nó vang vọng hoài. Đêm kịch trước trộn vào đêm kịch sau. Vì có tấn kịch nào bắt đầu, tấn kịch nào chấm dứt.

Chúng ta có kịch bản, nhiều là khác, vì mỗi kịch tác gia trong nước có ít nhất từ ba kịch bản trở lên chưa được đưa lên sân khấu. Thêm vào, tác phẩm của các kịch tác gia tên tuổi trên thế giới được dịch sang tiếng Việt đã có mấy chục cuốn. Chúng

ta có đạo diễn, thiên tài không sẵn, nhưng tài nghệ nhất định sẽ cao thêm với các đêm kịch được dựng lên. Chúng ta không thiếu diễn viên — nhưng diễn viên tài ba biết khóc thế nào là nước mắt lưng tròng, là khóc ứa ra một giọt, là khóc như mưa, đúng như tâm trạng vai mình phải đóng — cùng những anh chị em thích đóng kịch, chưa hề biết một chút kỹ thuật diễn xuất, nhưng tin chắc mình đóng kịch nhất định phải thành công. Chúng ta cũng có khán giả — những khán giả tìm đến rạp hát như đi tới nơi hẹn ước với người tình, những khán giả đích thực chung làm nên sự thành công của Đêm kịch, như một phía của đôi bên người tình, nếu không có thì không thể thành tình yêu.

Những dòng chữ trên đây được trích ra từ một thư ngỏ của nhà làm kịch Trần Lê Nguyễn.

Nhưng tại sao chúng ta không có kịch ? Ông hỏi tiếp và ông trả lời : Kịch Không Nuôi Nổi Những Người Làm Kịch !

Ông giải thích : Tổ chức trình diễn một chương trình kịch hiện nay, cần đến thời gian độ 3 tháng và tài chánh độ 2.000.000 đồng. Với kế hoạch này, đạo diễn, tác giả, diễn viên, chuyên viên có điều kiện diễn tập 3 giờ một buổi, 5 buổi một tuần trong hai tháng rưỡi, tức 50 buổi diễn tập, và tổng dượt 3 buổi trên sân khấu, để trình diễn Đêm Ra Mắt Đầu Tiên. Với chương trình làm việc như trên trong 3 tháng, từ tác giả, đạo diễn đến diễn viên, người được lưởng thù lao nhiều nhất không quá 50.000 đồng. Tuy vậy, người sản xuất chương trình kịch, khi bỏ ra 2 triệu đồng, rất khó thu được tiền vào cửa để lấy lại 1/4 vốn, nếu tính trung bình 500 đồng một vé và có 1.000 khán giả trong buổi trình diễn đầu tiên. Những con số đã chứng minh sự thực đáng buồn : kịch-không-nuôi-nổi-những-người-làm-kịch.

Để kết luận Trần Lê Nguyễn viết :

Nhưng sự thực đáng buồn sẽ không còn, nếu lá Thư Ngỏ này được sự đáp ứng nồng nhiệt của Quý vị Yêu kịch và Anh Chị Em làm kịch. Nếu được một hai cơ quan đoàn thể chú trọng đến văn hóa bảo trợ, nếu được vài ba nhà hằng tâm hằng sản yêu kịch giúp đỡ, Xưởng Kịch đã có điều kiện để thực hiện Chương Trình Kịch Thứ Nhất. Nếu được độ 400 khán giả mua ủng hộ trước mỗi người một tập Vé Dài Hạn hai chỗ ngồi 5.000 đồng,

Xưởng Kịch đã có điều kiện để dựng chương trình Kịch Thứ Hai. Và nếu một hay cả hai chương trình kịch khởi xướng này đáp ứng được cảm quan của khán giả, vở kịch được trình diễn thêm nhiều buổi kế tiếp, thì Xưởng Kịch đã có hoàn cảnh tốt đẹp để thực hiện chương trình dự định :

— Giai đoạn khởi xướng (1973) : Tổ chức trình diễn Những Đêm Kịch Ra Mắt Đầu Tiên ở Saigòn,

— Giai đoạn phát triển (1974) : Mỗi tháng trình diễn một chương trình kịch Việt Nam hay ngoại quốc, đồng thời lưu diễn trong và ngoài nước,

— Giai đoạn kiện toàn (từ 1975) : Trình diễn hàng đêm tại Rạp Hát của Xưởng Kịch và tổ chức các Đoàn Kịch đi lưu diễn trong và ngoài nước.

Vấn đề đã được đặt ra. Sự giải quyết là của mọi người.

Giải Văn Học Nghệ Thuật toàn quốc 72 — 73

Trong khuôn khổ Giải thưởng Văn học Nghệ thuật toàn quốc, Giải Tác phẩm Xuất Sắc 1972-1973 sẽ được trao tặng cho tác phẩm dự giải trúng cách thuộc 25 thể loại, 10 bộ môn văn nghệ : Biên khảo, Văn, Thơ, Kịch nói, Ca kịch, Hội họa, Điêu Khắc, Âm nhạc, Nhiếp ảnh và Điện ảnh.

Về mỗi thể loại thuộc các bộ môn Biên khảo, Văn, Thơ, Kịch nói, Ca kịch có 1 giải thưởng duy nhất hiện kim là 400 000$.

Về bộ môn Hội họa, Điêu khắc, mỗi thể loại có một giải thưởng duy nhất là 600 000$

Kết quả Giải thưởng sẽ chính thức công bố ngày 31-12-1973 và Lễ Trao Tặng Giải thưởng sẽ long trọng tổ chức theo thông lệ trước Tết Giáp Dần dưới sự chủ tọa của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa.

● Đối với các bộ môn Biên khảo Văn, Thơ, Kịch nói và Ca kịch thời hạn cuối cùng nhận hồ sơ dự giải là ngày 15-11-73 lúc 18 giờ.

● Đối với các bộ môn Hội Họa Điêu Khắc, Âm nhạc, Nhiếp ảnh và Điện ảnh thời hạn cuối cùng nhận hồ sơ dự giải là ngày 30-11-1973 lúc 18 giờ.

Muốn tham dự giải thưởng, xin liên lạc với Ủy ban Tổ chức Giải thưởng để tham khảo thể lệ và điền ký phiếu dự giải. Văn phòng Ủy Ban Tổ chức Giải thưởng đặt tại Khối Văn Hóa Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh niên, số 8 đường Nguyễn Trung Trực Saigòn điện thoại số 92 945.

— Về giải thưởng Dịch Thuật 1972-1973 do bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên tổ chức sẽ trao tặng cho dịch phẩm dự giải trúng cách nguyên tác Hán Văn, Pháp văn và Anh văn thuộc loại văn chương (Truyện ký, tiểu thuyết, kịch, thơ).

Kết quả giải thưởng sẽ chính thức công bố ngày 31-12-1973 và lễ trao tặng giải thưởng sẽ long trọng tổ chức sau Tết Giáp Dần.

Thời hạn cuối cùng nhận hồ sơ tham dự giải thưởng này là 15-11-1973 lúc 18 giờ.

Được biết giải dịch thuật 72-73 sẽ trao tặng cho 03 dịch phẩm trúng cách. Về mỗi loại dịch phẩm có một giải thưởng duy nhất giá trị : 300 000$

Văn sĩ Boll hô hào giới trí thức Nga viếng Tây phương

Văn sĩ Tây Đức Heinrich Boll hôm chủ nhật 23-9-73 đã khuyến cáo chính quyền Nga cho phép các nhà trí thức Nga chỉ trích chính quyền được viếng thăm Tây phương.

Theo tin Reuter, văn sĩ Boll trong một cuộc phỏng vấn trên đài phát thanh tại Bonn cho biết, ông tin rằng những nhà trí thức đối lập sẽ trở lại Nga Sô với những quan niệm mới về đời sống văn học, kinh tế và tôn giáo của Tây phương.

Ông Boll người từng đoạt giải thưởng Nobel về văn chương năm 1972, đã tỏ ra e ngại rằng việc chính phủ Nga áp dụng các biện pháp cứng rắn đối với các phần tử ly khai có thể đưa đến các động lực tương tự tại những quốc gia Đông Âu khác.

Văn bút quốc tế lên tiếng

Hội đồng Chủ tịch Hội Văn Bút quốc tế hôm 19-9-73 đã đánh điện cho Tổng thơ ký LHQ ông Kurt Waldeim, để yêu cầu LHQ « dùng

mọi biện pháp bảo vệ cho các văn nhân, thi sĩ Chí Lợi hiện đang bị những kẻ cướp quyền đàn áp ».

Bức điện tín đã đặc biệt nhấn mạnh đến số phận của thi sĩ tả phái nổi tiếng Pablo Neruda giải Nobel về văn chương.

Bức điện tín mang chữ ký của nhà văn Heinrich Boll, người đã đoạt giải Nobel về văn chương 1972.

Thi sĩ Pablo Neruda còn sống

Trong một cuộc phỏng vấn dành riêng cho đài phát thanh Pháp « R.T.L. » tướng Augusto Pinochet, người chủ mưu cuộc cướp quyền tại Chí Lợi hôm mới đây, đã quả quyết rằng « Thi sĩ nổi tiếng Pablo Neruda của Chí Lợi từng đoạt giải Nobel về văn chương năm 1970, hiện vẫn còn sống sót, sau cuộc đảo chánh ».

Tướng Pinochet cho biết rõ rằng « thi sĩ Pablo Neruda hiện hãy còn sống và vẫn được Hội đồng quân nhân cách mạng kính nể, vì ông tượng trưng cho danh dự của quốc gia Chí Lợi .»

Thi sĩ Neruda, từng là Đại sứ Chí Lợi tại Pháp dưới thời chính phủ Allende, và ông cũng còn là một bạn thân của nguyên Tổng thống này.

Khi cuộc đảo chánh xảy ra, hôm thứ Ba, thì thi sĩ Neruda đang có mặt tại Santiago, để điều trị về bệnh ung thư.

Thi sĩ Pablo Neruda và cuộc đảo chánh

Trong khi đó, thi sĩ Pablo Neruda của Chí Lợi, giải thưởng Nobel văn chương 1971, từ một nơi lẩn trốn bí mật tại Chí Lợi, vì sợ phe quân sự cướp quyền lùng bắt được, cũng đã cho bí mật phân phát một bài thơ nhan đề « Những Con Chó Sói » để mô tả về cuộc đảo chánh vừa qua tại nước ông.

Pablo Neruda, 69 tuổi, hiện vẫn được coi là một trong những thi sĩ nổi tiếng nhất của Mỹ Châu La Tinh thời cận đại, đã không ngần ngại lên án « các kẻ chủ mưu cuộc cướp quyền và những người đứng sau lưng giật dây ».

Thi sĩ Neruda, mà chính mới đây lãnh tụ cuộc đảo chánh tại Chí Lợi, tướng Augusto Pinochet từng mô tả là một « danh dự

của quốc gia Chí Lợi, nên chúng tôi luôn luôn vẫn kính mến thi sĩ », đã sáng tác nên bài thơ trên vào ngày 15 tháng Chín, tại « một nơi nào đó ở Chí Lợi », nghĩa là đúng 4 ngày sau khi cuộc đảo chánh xảy ra.

Bài thơ trên đã được lén gởi ra khỏi Chí Lợi, và được đăng tải trên ấn bản mới nhất của nhật báo « La Opinion » phát hành tại thủ đô Á Căn Đình.

Nhà thơ Neruda đã từ trần

Một phát ngôn viên tại bệnh viện ở Santiago cho biết thi sĩ Pablo Neruda của Chí Lợi đã từ trần tối Chủ nhật 23-9-73 vì bệnh ung thư và hưởng thọ 69 tuổi. Neruda là một nhà thơ hiện đại nổi tiếng nhất tại Nam Mỹ, đã được chở vào dưỡng đường Santa Maria ở Santiago từ thứ Tư tuần trước vì mắc bệnh ung thư ở bọng đái. Là một cựu nghị sĩ trong quốc hội Chí Lợi và cựu đại sứ Chí Lợi tại Paris, Neruda từng là bạn thân và đồng chí của cố Tổng thống Salvador Allende. Có nhiều tin đồn trái ngược nhau là giải Nobel văn chương 1971 này đã từ trần hay bị giam giữ sau khi xảy ra cuộc đảo chánh cách nay hai tuần lễ tại Chí Lợi. Một phát ngôn viên bệnh viện cho biết Neruda đã trút hơi thở cuối cùng hồi trước nửa đêm Chủ nhật. Bên cạnh ông trong giây phút sắp nhắm mắt lìa đời có một người em và người vợ thứ ba của ông.

Hồi cuối năm ngoái, lúc Neruda đang làm đại sứ tại Paris, ông đã phải xin từ chức để hồi hương vì sức khỏe yếu kém. Cách nay hai tháng, ông đã được giải phẫu một lần tại Santiago Nhà thơ Neruda từ trần chỉ 12 ngày sau khi người bạn đồng chí hướng với ông là Tổng Thống Allende bị phe hữu khuynh lật đổ, rồi phải tự sát chết hôm 11-9-73. Thi sĩ thiên tả này sống trong một căn nhà trông ra Thái Bình Dương, trên đảo Blank, cách Santiago 125 cây số về hướng Tây Bắc Được hỏi là Neruda có bị các giới lãnh đạo quân nhân lùng bắt hay không, một chủ tiệm ăn mà nhà thơ này thường lui tới cho biết : « Người ta đã đến lục soát nhà của ông Neruda năm ngày sau khi đảo chánh »

Là con của một công nhân kiều lộ Neruda đã cho xuất bản tập thơ đầu tay của ông mang tựa đề « Crepuscalario » hồi năm 1923 và chẳng bao lâu đã trở thành một trong các thi sĩ lừng danh làm thơ bằng tiếng Tây Ban Nha. Đến năm 1927, chính phủ Chí Lợi chính thức công nhận thi tài của ông bằng cách bổ nhiệm ông vào chức vụ ngoại giao. Thành quả lớn lao trong sự nghiệp văn chương của Neoruda là giải thưởng Nobel về văn chương năm 1972.

Một con người lãng tử, trữ tình và đam mê vừa nằm xuống

Cái chết của nhà thơ Chí Lợi Pablo Neruda, một thi sĩ nổi tiếng trong văn đàn Nam Mỹ có thể được đem so sánh với Tổng thống Allende, một khuôn mặt quan trọng của phe khuynh tả Chí Lợi.

Nhà thơ Neruda đã chết vào năm 69 tuổi, đúng lúc chế độ Mác Xít của tổng thống Allende bị sụp đổ hoàn toàn, một chế độ mà chính Neruda đã tuyên bố trung thành cho tới hơi thở cuối cùng của đời mình Cao điểm trong nghiệp văn chương của Pablo Neruda là lúc ông đoạt giải thưởng văn chương Nobel hồi tháng 10-1971 Trong bản tuyên dương công trạng về sự nghiệp văn chương, Hàn lâm viện Thụy Điển đã lên tiếng ca ngợi thi ca của Neruda « loại thơ đem lại đời sống, đem lại những giấc mơ đối với thân phận một quốc gia » Thi ca của ông đã được phối hợp từ những niềm tin chính trị, những đam mê cuồng nhiệt với trữ tình, lòng yêu thiên nhiên và những chuyện tình lãng mạng.

Một đại thi hào Tây Ban Nha kiêm kịch tác gia Federico Garcia Lorca đã có lần mô tả thi sĩ Neruda là một « nhà thơ gần kề nỗi chết hơn là triết lý, gần kề nỗi khổ đau hơn là hạnh phúc, gần kề máu hơn là mực ».

Vào năm 1923, Neruda đã cho xuất bản tuyển tập thi ca đầu tiên với nhan đề « Crepuscalario » (Hoàng Hôn) Năm 1926, ông tự nhận mình là một người có vị thế chính trị, và nói rằng « với tư cách là một công dân, tôi là một con người trầm lặng, một kẻ thù của luật lệ, chính phủ và những định chế ».

Ông đã bị cao là phản quốc vì đã phổ biến bức thư lên án Tổng thống Chí Lợi Gabriel Videla. Ông đã bị tước đoạt quyền

bất khả xâm phạm của 1 nghị sĩ. Sau đó, Neruda đã phải trốn sang Mễ Tây Cơ Trong thời gian lưu vong, Neruda đã hoàn thành 1 tập thơ mới, và được giới phê bình văn học nghệ thuật coi như một tác phẩm lớn. Neruda đã được đề cử ra tranh chức Tổng thống của đảng CS hồi năm 1970, nhưng ông đã rút tên và nhường cho người bạn cố tri là Salvador Allende. Sau khi ông Allende đắc cử Tổng thống Chí Lợi, nhà thơ Neruda đã được bổ nhiệm làm đại sứ tại Pháp cho tới ngày ông hồi hương và lâm trọng bệnh rồi chết trên quê hương mình giữa lúc các cuộc thanh toán phe khuynh tả của chế độ quân nhân Chí Lợi còn tiếp diễn. (Santiago, Reuter).

Neruda sẽ không được quốc táng

Thi hào Pablo Neruda của Chí Lợi, giải thưởng Nobel văn chương đã từ trần ngày thứ hai 24-9-73 nhưng ông sẽ không được quốc táng vì tình trạng giới nghiêm trên toàn quốc hiện nay. Một phát ngôn viên của hội đồng quân nhân đương quyền Chí Lợi còn cho biết thêm, cái chết của thi hào Neruda là một mất mát lớn lao cho Chí Lợi (Santiago, Reuter).

Một « tiếng la » khác của Soljenitsyne

Đặt qua một bên thông điệp của Sakharov, mà chắc các bạn đọc thân mến đã theo dõi bài tường thuật trên các nhật báo.

Sau đây, chúng tôi xin trích dịch lại một vài đoạn đã đăng trên tuần báo L'express số 1156 ra ngày 3-9-1973 (ở những trang 54, 55, 56, 57).

« Nếu người ta tuyên bố rằng tôi đã chết bất ngờ, người ta bảo rằng tôi hấp hối một cách không giải thích được thì quý vị có thể tin chắc quý vị đoán đúng khi kết luận rằng tôi đã bị ám sát theo lệnh của cảnh sát an ninh nhà nước Sô viết hoặc do chính cơ quan ấy giết. Tôi đã nhận được những lá thư hăm dọa giết tôi và giết gia đình tôi. Mùa hè này, thư theo đường bưu điện tới tôi ».

Soljenitsyne nhấn mạnh đến tình trạng sức khỏe của mình. « Vì đã từ lâu, tôi không mắc một bệnh nào hiểm nghèo, và vì tôi không lái xe cũng như vì những sự xác tín của tôi, tôi không

bao giờ tự sát, quý vị có thể kết luận chắc chắn rằng nếu người ta tuyên bố rằng tôi bị giết hoặc tôi chết bí mật và bất ngờ thì đúng là tôi bị ám sát theo lệnh của KGB hoặc của cảnh sát bí mật »

Vẫn gợi ta giả thuyết bị ám sát, Soljenitsyne tuyên bố : « Cái chết sẽ không làm yên tâm những kẻ tưởng rằng cái chết ấy sẽ chấm dứt các hoạt động văn chương của tôi. Ngay khi tôi chết hoặc ngay sau khi tôi biến mất hoặc liền sau khi tôi bị mất tự do, dầu bất cứ dưới hình thức nào, di chúc văn chương và cá nhân của tôi lập tức sẽ được thi hành. Đến lúc ấy thì phần thiết yếu trong các tác phẩm của tôi — các tác phẩm mà tôi chưa xuất bản từ nhiều năm nay — sẽ được công khai phổ biến. Nếu các sĩ quan của KGB đi các tỉnh và tịch thâu cuốn sách vô hại mang tên « Căn nhà của những người mắc bệnh ung thư » — bằng cách trả thù những ai giữ cuốn sách ấy thì KGB sẽ làm gì khi khắp nước Nga tràn ngập những cuốn sách của tôi xuất bản sau khi tôi chết và là những tác phẩm quan trọng nhất của tôi ? »

Soljenitsyne không chịu nói tới phần chính trong các tác phẩm của ông ta (chưa được phổ biến). Là vì cuộc phỏng vấn diễn ra trong một gian nhà mà ông ta tin là chứa nhiều máy thâu băng. Nhưng ông ta đã nói tới ba tác phẩm liên hệ với nhau : cuốn « Tháng 8-1914 » đã xuất bản rồi, cuốn Tháng 10-1916 » chắc chắn sẽ chỉ được phát hành sau khi cuốn thứ ba là cuốn « Tháng 3-1917 » đã sẵn sàng. Hai cuốn sách sau này liên hệ chặt chẽ với nhau và phải tất cả những cuốn ấy hợp lại mới có thể giải thích được các biến chuyển như tôi đang hiểu các biến chuyển ấy. »

Gần đây, nhà cầm quyền Nga không cho phép ông ta cư ngụ tại Mạc Tư Khoa. Được hỏi về vấn đề này, ông ta trả lời «Tôi chẳng sống ở nơi nào hết. Khi mùa đông tới tôi chẳng còn nơi nào khác ngoài căn phòng của gia đình tôi, đó là nơi cư ngụ thông thường cho mọi con người. *Dầu họ* có cho phép hay không thì tôi cũng sẽ ở đó. Những kẻ vô liêm sỉ hãy thử trục xuất tôi đi. Làm như thế thì sẽ là một sự quảng cáo đẹp mặt cho cái cơ cấu xã hội tiền phong của chúng ta. »

Hiện tình nền văn chương Nga ra sao ?

« Văn chương Nga có thật và rất nghiêm chỉnh. Nếu ta biết lưỡi rìu kiểm duyệt đối với các tác giả ghê gớm đến thế nào

thì ta phải thán phục tài của họ bằng cách dùng những tiểu xảo của kỹ thuật viết, họ đã mang lại cho chúng ta những chi tiết mà nhà cầm quyền cấm viết » Rồi ông ta lại kể ra tên một số nhà văn Nga. Về việc đuổi nhà văn Vladimir Max mov ra khỏi Hội Các Nhà Văn Nga hồi tháng 7 vừa qua, cũng như Soljenitsyne bị đuổi hồi 1970, ông ta nói Maximov là một nhà văn lương thiện và can đảm, đã hy sinh một cách bất vụ lợi cho việc đi tìm sự thật. Vậy không lấy làm lạ khi cái hội nhà văn gian dối kia đã trục xuất ông ta.

Soljenitsyne cũng nói rất nhiều tới tờ báo lậu tại Nga là tờ báo còn sống cho tới tháng 11 năm 1972 : « Tờ Binh luận về các biến chuyển. Mặc dầu không nói ra được hết nhưng tờ báo ấy đã cho biết tên tuổi, ngày tháng, nơi bị giam giữ và các án tù của những người bị hành hạ. Tờ báo ấy đã cho thấy một phần cái lịch sử ghê gớm của xứ tôi. Vì thế mà tờ báo ấy bị đập nát. »

Soljenitsyne nhắc lại rằng trong bài diễn văn năm 1972 nhân dịp trao giải Nobel văn chương cho ông ta ở Mạc Tư Khoa (ông ta không muốn đến thủ đô Stockholm lãnh giải vì sợ nhà cầm quyền Nga không cho ông trở lại đất Nga nữa) ông ta đã kín đáo nhắc Tây phương về việc Nga phá rối các buổi phát thanh của Tây phương. Dân Nga ở hai thủ đô là Mạc Tư Khoa và Leningrad lại là những người biết ít tin tức nhất thế giới.

Mục tiêu tổng quát của sự bưng bít tư tưởng là người ta muốn trở lại thời kỳ của năm 1930. Nhưng tôi xác nhận rằng xứ tôi không thể nào trở về một chế độ như thế.

Lý do thứ nhất là sự thông tin quốc tế các ý tưởng, các sự việc và các sự chống đối vẫn lọt vào được và vẫn có một ảnh hưởng. Cần phải hiểu rằng các chế độ của phương Đông sợ dư luận quần chúng Tây phương muốn chết.

Nhà văn hào Nga được giải Nobel kể một thí dụ chứng tỏ rằng các sự phản đối của Tây phương có hiệu quả : « Dưới ánh sáng những ngọn đèn chiếu của toàn thể thế giới, các nhà tù của chúng tôi lùi bước và phải ẩn núp. Ngay từ năm 1970, nhà cầm quyền đã dự tính cho Amalrik một hình phạt rất nhiều năm ở tù nhưng rồi họ đành phải theo một điều « thông thường » trong bộ hình luật để kêu án 3 năm thôi Ngày nay, vì có áp lực

chiến dịch của cả thế giới nên họ chỉ dám buộc Amalrik ở tù thêm 3 năm nữa. Không có áp lực ấy thì còn nhiều năm tù hơn nữa.

« Nhờ các chiến dịch ấy mà Tây phương đã giúp và đã cứu được nhiều người trong bọn chúng tôi khỏi bị đàn áp. Nhưng Tây phương vẫn chưa rút tỉa được tất cả bài học. Tây phương không hiểu rằng những người bị đàn áp không phải chỉ có biết ơn khi được Tây phương bênh vực mà còn tỏ ra nêu cao gương cương quyết của tâm hồn và chịu đựng mặc dầu bị đe dọa giết hoặc bị các tên sát nhân cầm kim chích dọa giết.»

Theo Soljenitsyne thì đây chính là lý do thứ hai khiến cho nước Nga không thể nào trở lại thời kỳ của những năm 1930. « Phải kể ra sự can đảm vô song của tướng Grigorenko từ 4 năm nay trong một nhà tù ở bệnh viện thần kinh. Ông ta nhất định không chịu đổi các sự xác tín của mình để được trả tự do. Một trường hợp khác là văn hào Vladimir Boukovsky. Năm nay 35 tuổi, năm ngoái, ông ta bị kêu án 7 năm cấm cố và 5 năm biệt xứ vì đã kể lại việc ở tù của chính ông ta trong cuốn sách mang tên là một tâm bệnh mới ở nước Nga : *bệnh đối lập* Được đưa về Mạc Tư Khoa, ông ta được đề nghị sẽ được trả tự do và được đi ngoại quốc nếu chịu bỏ mọi hoạt động chính trị cho đến ngày ra đi. Câu trả lời của Boukovsky là phải có một điều kiện : tất cả những người mà tên được kể trong tác phẩm của ông ta phải được ra khỏi nhà giam của các nhà thương thần kinh. Ông ta không muốn sự tự do của mình là một sự hèn nhát cá nhân : ông ta không muốn đi trốn trong khi bỏ lại những người khác trong cảnh khốn nạn. Và thế là nhà cầm quyền Nga lại bắt ông ta trở lại nhà giam để lãnh án thêm 12 năm nữa. Theo các tiêu chuẩn can đảm của Tây phương thì một số tù binh Mỹ đã chịu ký bất cứ tờ thú nhận nào chống lại nước Mỹ để khỏi bị tra tấn đánh đập. Họ đã đặt mạng sống của họ cao hơn các sự xác tín. Boukovski thì cho rằng các sự xác tín còn quý hơn mạng sống !

Amalrik cũng có thể được tha nếu chịu « xác nhận » lời thú tội của Yakir và Krassine nhưng ông ta từ chối để rồi trở lại Kolyma lãnh thêm 3 năm tù nữa ».

Lời kết luận của Soljenitsyne đầy tính chất triết lý, nhân

bản và chính trị : « Cái tinh thần hy sinh ấy, được nhiều người riêng rẽ chia sẻ, là một tia sáng cho tương lai của chúng tôi. Đó là một sự đặc biệt về tâm lý của con người luôn luôn làm cho ta ngạc nhiên : trong hạnh phúc và trong sự vô tư, con người không muốn bị quấy rầy trong đời sống nhỏ bé của mình.

« Con người ấy không muốn biết đến những đau đớn của người khác và cũng chẳng muốn biết những khổ cực đang chờ mình trong tương lai. Thế rồi khi làm đẹp đời sống thì con người ta lại tìm được sự cương quyết để đương đầu đến cùng từ bỏ đời sống của chính mình nhưng không từ bỏ các nguyên tắc của mình.

« Vì đặc tính thứ nhất trong các đặc tính vừa kể mà nhân loại không thể đứng vững được trên một đỉnh nào đã đạt tới. Nhờ có đặc tính thứ hai cho nên nhân loại ra khỏi được mọi vực thẳm. Dĩ nhiên là khi còn đứng ở trên đỉnh cao thì nhân loại nên tiên liệu sự té nhào đang chờ đợi và tiên liệu cái giá phải trả. Trước lúc nguy kịch thì hãy cương quyết và can đảm. Nhân loại hãy hy sinh ít nhưng phải hy sinh sớm hơn.

« Không thể nào nhận được ý tưởng rằng cái dòng sát nhân của lịch sử cứ thế mà trôi và rằng tinh thần không thể ảnh hưởng được vào cái sức mạnh ghê gớm nhất của thế giới. Kinh nghiệm của những chế độ gần đây làm cho tôi hoàn toàn tin tưởng rằng chỉ có sự cương quyết của tinh thần con người, nhất định đứng vững trên mặt trận chuyển động của những bạo lực đang đe dọa, chỉ có sự sẵn sàng chịu hy sinh và chịu chết, trong khi hô lớn « không được tiến thêm một bước nữa », thì mới bảo đảm thật sự được hòa bình cho cá nhân, hòa bình cho mọi người, hòa bình cho toàn thể nhân loại ».

Phòng tranh của họa sĩ Thái Tuấn

Phòng triển lãm tranh của họa sĩ Thái Tuấn đã được khai mạc chiều 14-9 tại Lạc Cảnh Tửu quán (nhà hàng Đại Lục). Gần 20 bức tranh sơn dầu với những màu dịu, mờ ảo, bàng bạc dẫn dắt người xem đến một thế giới thanh bình và thần tiên. Đây là lần triển lãm thứ ba của Thái Tuấn tại Saigon. Họa sĩ Thái Tuấn đã

từng học vẽ tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hànội (niên khóa 1939-1940). Ngoài việc sáng tác tranh, Thái Tuấn đã viết cho tạp chí Sáng Tạo về các mục phê bình tiểu luận về nghệ thuật. Thái Tuấn cũng dạy ở Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ môn « lịch sử nghệ thuật » vào các năm 1964-1965-1966 Hiện Thái Tuấn chuyên sáng tác về loại tranh sơn dầu. Thỉnh thoảng ông vẫn trình bày bìa cho giai phẩm Văn. Các bức tranh triển lãm lần này đều mang giá tiền từ 100.000đ đến 150.000đ. Phòng triển lãm đã tiếp tục tới ngày 5-10-1973, giờ mở cửa mỗi ngày : sáng từ 11 đến 14 giờ và chiều từ 17 đến 22 giờ.

Hãy cứ gọi là đôi uyên ương

Hãy cứ gọi là đôi uyên ương : Tôn Nữ Tường Hoa và Nguyễn Khoa Nhy. Cũng như Lê Uyên và Phương. Nhưng Tường-Nhy không hát thành lời say đắm trong một thế giới câm : Hội họa. Nó quyến rũ ta chậm hơn nhưng cũng vì thế mà có nhiều bất chợt lý thú.

Tường Hoa vẽ Lụa và Nguyễn Khoa Nhy vẽ Dầu. Tranh lụa Tường Hoa mang âm điệu xưa, những vũ khúc huy hoàng, những suối tóc mây (tóc mây một món chiếc dao vàng — nghìn trùng e lệ phụng quân vương — Đoàn Phú Tứ) Chất lụa chín — chứng tỏ một kỹ thuật vững vàng và dessin rất tươm tất.

Là Một thiếu nữ Huế mang dòng họ Vua, có chăng một niềm hoài cổ trong các bức : « Trầm Khúc Kinh Đô », « Vũ Khúc dây tơ », hay « Hát Ả Đào » ?

Tranh dầu Nguyễn Khoa Nhy bát ngát thiên nhiên, mang tâm hồn của một thi sĩ, thiếu nữ và hoa lá. Nhy lớn lên ở Phan Rang, quê hương có nhiều ruộng muối, và những bầy cừu trắng hiền từ ; Và Đàlạt, xứ lạnh với những đồi thông mơ mộng, những đám sương xuống thật thấp, — những cô gái đôi má ửng hồng... nhưng lại cảm xúc nhiều từ quê vợ : « Huế xưa » « Huế hạ » « Trước Cổng Thượng Tứ »... Nhy sử dụng *matière* dầu rất thuần thục, qua những sắc độ màu rất đúng mức.

Hãy cứ gọi là đôi uyên ương Đôi uyên ương đang chắp cánh bay. Không phải chỉ bay từ dòng Hương Giang đến thành

phố sương mù Đàlạt, mang theo lương thực là trên ba mươi bức tranh, mà còn bay mãi trên vòm trời nghệ thuật, lương thực là nguồn sáng tạo vô bờ... (Đinh Cường viết).

Phan-Thiết triển lãm hội họa

Sáng ngày 2-9 vừa qua, các họa sĩ Tô Minh (Định Tường) Mai Hiếu, Phạm gia Tấn và nữ họa sĩ Thiên Oanh đã khai mạc cuộc triển lãm hội họa của mình tại trụ sở Hội Nhiếp Ảnh Bình Thuận ở đường Trần Hưng Đạo, Phan Thiết. Cuộc triển lãm trưng bày hơn 40 bức tranh hầu hết là tranh sơn dầu đã thu hút được rất đông giới trí thức, học sinh và anh em văn nghệ sĩ yêu tranh tại đây. Đặc biệt trong buổi khai mạc người ta còn thấy có sự hiện diện của Đại Tá Tỉnh Trưởng cùng các giới chức tai mắt địa phương. Và Đại Tá Tỉnh Trưởng cũng là người mua đầu tiên bức tranh sơn dầu của anh Tô Minh, tức « Sông Mường Mán ». Cũng trong buổi triển lãm đầu tiên, người ta còn thấy có các anh : nhà báo Ngọc Hương, Nhiếp ảnh gia Đình Tường và các nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn, Huỳnh Minh Hiến, Nguyễn Như Mày, Hồ Tà Dôn, Mai Việt v.v... Cuộc triển lãm được mô tả là thành công nhất trong các cuộc triển lãm tranh tại Phan Thiết từ trước đến nay. Phòng tranh mở cửa từ 2-9 đến hết ngày 9-9. Cũng trong dịp này nhiếp ảnh gia Đình Tường có cho biết là anh sẽ tổ chức một đêm ngâm thơ, hát nhạc tại trường Trung Học Bồ Đề. Ước mong đây là một cơ hội « có thật » để anh em làm văn nghệ Bình Thuận có dịp gặp gỡ và ngồi lại với nhau (Lê Nguyên Ngữ ghi).

□□□

ĐÃ PHÁT HÀNH

CON SÂU

truyện dài DƯƠNG NGHIỄM MẬU

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG XUẤT BẢN

SÁCH BÁO trong tháng

Giai phẩm VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cám ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc :

— EO BIỂN ĐA TÌNH, truyện dài của Túy Hồng, Nguyệt Quế xuất bản, sách dày 432 tr. giá 700đ.

— XÓM CẦU MỚI (Bèo Giạt), truyện dài của Nhất Linh, Phượng Giang xuất bản, Nguyễn gia Trí vẽ bìa, sách dày 714 tr, trọn bộ 2 quyển, giá 1200đ.

— CHÂN DUNG TRIẾT GIA, biên khảo của Đặng Phùng Quân, Lửa Thiêng xuất bản, sách dày 200 tr, bản đặc biệt, không ghi giá.

— NHỮNG NGÃ ĐƯỜNG, truyện của Hà Bình Trung, Nhân Chứng xuất bản, sách dày 188 tr, giá 290đ.

— NHÁNH ĐÊM GẦY, thơ của Nguyễn Hoài Văn, sách dày 114 tr. bản đặc biệt, không ghi giá.

— ĐẤT NƯỚC QUÊ HƯƠNG, tùy bút của Võ Phiến, tựa của Nguyễn Hiến Lê, Lửa Thiêng xuất bản, sách dày 278 tr, bản đặc biệt, không đề giá.

— THỜI GIAN CỦA MỘT TIẾNG THỞ DÀI, truyện của Anne Phillipe, bản dịch của Phan Thị Thanh Tuyền, Lạc Việt xuất bản, sách dày 156 tr, giá phổ thông 200đ.

— TRUYỆN TÌNH, thơ của Trần Hữu Nghiễm, Nhập Cuộc xuất bản, sách dày 16 tr. không ghi giá.

— KHI HÒA BÌNH TRỞ LẠI, thơ Lê Phổ Đức, Nhân Chứng xuất bản, sách dày 30 tr, giá 150đ.

— BA TRĂM NĂM TRĂNG TRẦM CỦA CHÙA THIÊN MỤ, biên khảo của Hồng Hoài, Xuân Hữu xuất bản, sách không đánh số trang, dày khoảng 10 tờ không ghi giá bán.

— 18 NĂM SUY TƯ, thơ của Trần Trọng Đức, tác giả xuất bản, sách không đánh số trang, bản đặc biệt không đề giá,

— BÃO RỚT, truyện ngắn của Nguyễn Mộng Giác, Trí Đăng xuất bản, sách dày 204 tr., giá 300đ.

— TIẾNG CHIM VƯỜN CŨ, truyện dài của Nguyễn Mộng Giác, Trí Đăng xuất bản, sách dày 178 trang, giá 320đ.

HỘP THƯ

— *Nguyễn Như (Box 105).* Chắc lâu lắm dễ, chừng hai năm còn chưa đọc báo Văn phải không ? Có một

vài thay đổi ở đây. Cậu nên xem qua để rõ. Vì bề bộn công việc nên không biên thư riêng được. Mong cậu thông cảm.

— *Tôn Thất Nam (Huế)*. a) Bài gửi đăng xin viết trên một mặt giấy. b) Bài được đăng có nhoậu bút. c) Mong ông hài lòng.

— *Lam Phong (Sàigòn)*. Chúng tôi có nhận được truyện ngắn ĐGM của ông. Và ngày 19-9-73 có nhận thêm 2 truyện khác. Mong được đọc những sáng tác khác của ông.

— *Khúc Sĩ Phan (Quảng Trị)* Rất cám ơn đã có lòng tin cậy. Xin ông gửi cho cái khác.

— *Đoàn Đức Tiên (Kiến Thiết)*. Chúng tôi vẫn luôn luôn hoan nghênh mọi sự cộng tác quý giá đến từ bạn đọc.

— *Mộng Du (Minneapolis, Hoa Kỳ)*. Đang đọc truyện của cậu. Sẽ tin cho cậu sau. Nhưng theo tôi nên đề tên thật vẫn hơn, Cậu nghĩ sao cho tôi biết (NXII)

— *Phạm Trần Giau*. Tôi không dám có lời khuyên nào khác là chúc ông cứ tiếp tục sáng tác.

— *Võ Khởi Nghiệp (KBC 4642)* Đang đọc Mưa Trên Vùng Đất Lạ. Sẽ nhắn tin cho cậu.

— *Huỳnh Quang Dũng (KBC 4825)* Trước hết thành thật xin lỗi đã không biên thư riêng cho anh được 1) Giai phẩm Văn trung bình mỗi tháng 2 kỳ, không có ngày nhất định vì là giai phẩm Mọi ấn phẩm đều phải qua giai đoạn K.D.

— *Lý Thi (Pleiku)*. Ông hỏi bài của ông đã đến chưa, ông lại nhắc YCMG. Biết trả lời sao đây ?

— *Nguyễn Ngàn Thương (Pleiku)*. Đã nhận được bài và thư của anh cám ơn.

— *Lương Hoàng Kha (Mộc Hóa)*, Thành thật cám ơn lời khen tặng của ông. Sau đây tôi xin vắn tắt trả lời mấy câu hỏi của ông : 1) Tranh bìa của GPV do nhiều họa sĩ khác nhau thực hiện. 2) Các số báo ông hỏi đã hết. Tuy nhiên ông có thể tìm hỏi ở nhà sách Khai Trí, đường Lê Lợi Sàigòn.

— *Jalau (Phan Rang)*. Rất cảm động về lời khen của anh.

NHẮN TIN RIÊNG

— *Hồ Ngọc Ngữ (Lam Sơn)*. Tìm mọi cách liên lạc với chúng tôi. Rất nóng lòng.

Võ Chân Cửu — Nguyễn Lương Vy. Địa chỉ : Ô. Nguyễn Thành Hải. 482/52 Nguyễn Tri Phương, Sg-10.

— *Anh Nguyễn Bắc Sơn*. Hiện ở đâu, cho biết tin Cao Thống Nhất, Tiểu đoàn 222, KBC 6866.

— *Anh Cao Nhật Quang (Pleikênh)* Đã nhận được thư và thơ của anh. Việc anh nhờ, tôi đã nhắn tin. Mong anh khỏe.

— *Cô Phù Vân (Sàigòn).* Chúng tôi có nhận được 2 truyện mới của cô với hai địa chỉ khác nhau. Không hiểu có phải là của cùng một người viết bài TĐNVB hay chăng ? Xin cho biết để gửi nhuận bút.

QUẢN LÝ

— *Lynh Huỳnh Cam (Huế).* Những cuốn sách bạn hỏi nay đã hết. Cám ơn.

— *Ngọc Lan (Sàigòn)* 1) Con Sâu của Dương Nghiễm Mậu đã in thành sách, giá 250$. 2) Những con số cô hỏi còn đủ Mỗi số 100$, riêng số xuân 200$.

BÀI ĐÃ NHẬN ĐƯỢC

Từ ngày 03-9-73
cho đến ngày 18-9-73

Giai phẩm VĂN đã nhận được bài của các bạn có tên sau đây. Chúng tôi đang đọc. Các bài được chọn đăng, sẽ có báo tin trên những kỳ sau. Nếu sau bốn kỳ mà không thấy tin trên hộp thư hay thư riêng, xin hiểu cho là bài không thể đi được.

Chúng tôi không giữ lại cũng như không trả lại những bài không được chọn đăng. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ «yêu cầu miễn ghi» trên đầu bản thảo.

• THƠ

Đặng Công Tâm . Ngộ Như KH . Cao Nhật Quang . Kim Thượng . Đặng Thường Diễm Thy . Quỳnh Anh . Bùi Nhật Vy . Trần Hữu Nghiễm . Huỳnh Trung Mẫn . Anh Việt Thy . Phan ái Khanh . Nguyễn Đình Đối . Đoàn Đức Tiên . Vĩnh Hoàng . Phạm Trần Sang . Nguyễn Thư Thủy . Trần Anh . Nguyệt Tô Chung . Bửu Khánh Hồ . Ngô Kim Thu . Lê Đình Hanh . Sơn Bút . Đặng Quốc Phong . Lâm Tòng . Nguyễn Tịch Yên . Nguyễn Văn Ngọc Sinh . Đặng Thường Diễm Thy . Viên Hoa Cương . Nguyễn Mặt Trời . Trần văn Tĩnh . Băng Huynh Thảo . Cát Đông . Nguyễn Thành Kim . Trần Đặng Xuân . Trầm Lãng . Trần Quang Thiếu . P Thái . Huỳnh Trung Mẫn . Nguyễn Thúy Ái . Cao Nguyên . Vũ Trọng Quang . Hà Khắc Trực . Thiên Di . Nhật Lệ . Nguyễn Yêu Ny . Yến Nguyên Thanh . Lưu Đình Triều . Uyên Châu . Nguyễn Thế Mai . Hoa Lộ Thiên . Nguyễn Đình Hối . Nguyễn Dũ Nguy . Bùi Ngọc Sáng . An Vỹ Ngữ . Mặc Uyên Huyền . Trần Thụy Du . Nguyễn Nhật Ánh . Lương Nguyên Kha . B Quyên . Lộc Vũ . Phan Anh . Đông Triều . Lê Duy Hùng 2 . Trần Lạc Thiên .

Phạm Lỗi Chi . Nguyễn Đức Miên . Thanh Nhân . Trùng Dẫn . TNT Thủy . Hà Huyền Hoa . Lạc Gia Thùy . Quang Lân . Thiều Linh . Dã Mộng Nhân . Nguyễn Hạnh . Trần Chế Ngự . Hoa Châu Thổ . Nguyễn Phan Anh . Võ Duy Trung . Đặng Quang Phước . Phạm Phiên Du . Nguyễn Thủy Đại An . Huỳnh Cao Mai . Trầm Lãng . Nguyễn Thế Khuyên . Lê Sơn Nhân . Lạc Gia Thùy . Trần Quang Thiếu . Phạm Hồng Ân . Cao Trung Giả . Đào văn Chương . Lâm Diệp Minh . Jalau . Nguyễn Triền Kha . Nguyễn Ngọc Hoàng . Trần Yên Thế . Mạch Đông . Nguyễn đình Mai Trinh . Văn Dzạ Thảo . Hồ Dạ Thoại . Trần văn Nghĩa . Bùi Đức Chính . Nguyễn Thiên Thu . Trần Hữu Nghiễm . Túy Sinh Ca.

● **VĂN**

Lam Phong . Nguyễn Thế Mai . Phúc Sĩ Phan . Lê Đình Hanh . Hoài Miên Nữ . Trần Công Khanh . Đỗ Kha . Trung Thu 2 . Võ Khởi Nghiệp . Nguyễn Thế Mai . Trần Thành Thạch . Thanh Nhân . Nguyễn Thị Như . Đoàn Ngọc Lạc . Trần Quang Thiếu . Đào Văn Trương . P. Thái Hoa . Lâm diệp Minh . Băng Đông.

● **TRANH**

Đinh Công Binh.

CƠ SỞ NHÂN CHỨNG đã xuất bản :

— NHỮNG NGẢ ĐƯỜNG
Truyện dài của HÀ BỈNH TRUNG

— KHI HÒA BÌNH TRỞ LẠI
Thơ *Phổ Đức* — Bìa *Nguyên Khai*
và Phụ bản *Duy Thanh*

NAM CƯỜNG TỔNG PHÁT HÀNH

GIAI PHẨM

Tuyển Tập Tháng Mười

HUỲNH PH. N ANH . VŨ HOÀNG CHƯƠNG . NAM CHỮ . THỌ DIÊN TÂM HƯ . PHÙ HƯ . HẠC THÀNH HOA TRẦN THỊ TUỆ MAI . MƯỜNG MÁN NH. TAY NGÀN . PHẠM QUANG PHƯỚC . IRWIN SHAW . HÀ THÚC SINH . TỪ KẾ TƯỜNG . ĐẶNG TIẾN

VĂN

Chủ biên NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG

Thư từ bản thảo NGUYỄN-XUÂN HOÀNG

Giao thiệp BÀM GIA TUẤN

Tuyển Tập Tháng Mười

Vũ Hoàng Chương	1	Đề Hoa Quỳnh
Irwin Shaw	3	Ngợi xưng truyện ngắn
Tâm Hư	9	Sầu khúc
Hoàng Ngọc Tuấn	15	Vài trang bản thảo
Trần thị Tuệ Mai	24	Bóng tối đang lui
Thọ Diên	27	Thành phố trật tự
Phù Hư	34	Ngậm thể qua sông
Đặng Tiến	37	Thơ là gì ?
Nam Thữ	47	Tiết điệu của lá cỏ
Mường Mon	49	Xác tượng
Hà Thúc Sinh	58	Nhắc nhở
Phạm Quang Phước	60	Mưa nơi xứ lạ
Phù Sa Lộc	73	Ngắm trời đất
Saly	74	Mơ màng
Ngô Cang	74	Mưa Huế
Từ Kế Tường	75	Một hoài niệm cũ
Hạc Thành Hoa	86	Nước đục
Huỳnh Phan Anh	89	Thomas Mann qua tác phẩm Tonio Kröger
□□□	94	Sinh hoạt văn nghệ

Bìa : tranh của Duy Thanh

Chi phiếu, bưu phiếu đề tên ông Nguyễn-Đình Vượng

Quản lý : cô Nguyễn thị Tuấn. 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon. Đ.T. 23.595.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG
Nhị Thập Bát Tú

Đề Hoa Quỳnh

hoa kia người ấy đẹp đôi chưa
phật kiếp sau và tiên kiếp xưa
khoảnh khắc xưa sau dồn một kiếp
người tiên hoa phật đang thành thơ

quý sửu 9 tháng 4

sứ giả đêm nay nguyệt dẫn đường
mây năm sắc rưỡi tới vườn sương
đèn khuya tâm sự hoa công chúa
không để phù danh lụy phấn hương

16 tháng 4

lá xanh nụ đỏ hoa bừng trắng
ôi một giường tơ mở trước thềm
giường chẳng quay mà trong khoảng vắng
tơ trời hoa rút hết vào tim

5 tháng 5

một kiếp người ba vạn sáu ngày
quỳnh ba vạn sáu thập phân giây
nụ rung ngòi bút từ đêm trước
nhầm tính đời hoa chép gửi mây

người chiêm bao thấy đang là bướm
hay bướm chiêm bao đã hóa người
câu hỏi ngàn xưa trong một phút
chờ hoa mở tiếng đáp thay ai
16 tháng 6

trạm cuối cùng đưa tháng sáu qua
nửa đêm thuyền nhập bến sương nhòa
bên kia phút đổi đời thơm nức
vành vạnh trăng lên từ cuống hoa
30 tháng 6

quỳnh trong nước mắt sen trong lửa
phút nhập thần sương bạc khói lam
chia nẻo khói sương về tới đích
cả hai cùng hiện một hoa đàm
5 tháng 7

tháng giữa thu nghe sầu nửa đêm
bao nhiêu kiếp chị một mình em
gió mưa lòng bốn phương vàng đá
ghi tạc lời hoa đợt nổi chìm
3 tháng 8

Vũ Hoàng Chương

Một cuốn thơ không thể thiếu trong tủ sách của bạn đọc :

THƠ SAY
của VŨ HOÀNG CHƯƠNG

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

IRWIN SHAW

Ngợi Xưng Truyện Ngắn (*)

Một lần, tôi gặp Somerset Maugham. Ông nói với tôi : « Nầy anh bạn trẻ, tôi ganh tị với anh ».

Nghi là một câu nói đùa, nhưng cốt để tâng bốc, tôi hỏi ông : « Sao lại ganh tị với tôi, thưa ông Maugham ? »

« Vì anh là một người Mỹ và là người viết truyện ngắn. Mỗi góc phố của Hoa Kỳ cung cấp đủ chất liệu cho một truyện ngắn. Ở đây, tôi phải đi khắp một vùng mới tìm ra một. »

Hẳn Somerset Maugham muốn nói đến thời kỳ trước Đệ nhị Thế chiến, căn cứ vào việc ông gọi tôi là « Anh bạn trẻ ». Bấy giờ, tôi nẩy sinh ý nghĩ là, có lẽ cái *lịch duyệt* thuộc về bên kia Đại dương của bậc kỳ lão nầy tạo bởi bản chất đặc biệt nơi ông hơn là dựa vào nguồn hứng cảm nghệ thuật phong phú nguyên cội của chúng ta. Cho tới khi đó, tôi đã đi qua rất nhiều góc phố của Hoa Kỳ mà hình như không bao giờ tôi cảm thấy dễ dàng trong việc hình thành một truyện ngắn. Tuy nhiên, nếu người ta nhớ được bao nhiêu truyện ngắn đang được ấn hành hàng tuần vào thời gian nầy, cùng nhớ được những chủ đề khai thác khác nhau, thì sự lượng giá của Somerset Maugham có thể hiểu được.

(*) Nguyên văn : In Praise Of The Short Story, đăng trong tạp chí Esquire, số tháng Hai, 1973, trang 124 — 125.

Hiện nay, người ta kinh ngạc nhớ tới số lượng tạp chí thời đó được xuất bản nhằm đả kích — và số lượng truyện ngắn được cung cấp để thỏa mãn nhu cầu độc giả Chẳng hạn, truyện ngắn đầu tiên của tôi được đăng tải trên tạp chí The New Republic — và liệu ai có thể hồi tưởng nổi lần cuối cùng mà một tạp chí đã đăng tải những gì được gán cho nhãn hiệu « tiểu thuyết » một cách vô tư ? Truyện ngắn thứ nhì của tôi được đăng trên phần phụ chương Chủ nhật của tạp chí Herald Tribune ở Nữu Ước, và tạp chí nầy tự đình bản đã bao lâu rồi ?

Cũng vào thời đó, chúng ta thường nghe những sáo ngữ, nhất là trong số những người Âu, rằng thiên tài Hiệp chủng quốc — dưới bất cứ ý nghĩa nào —, đã được bộc lộ một cách tiêu biểu nhất qua hình thức truyện ngắn Mặc dù tôi biết rằng, Scheherazade đã không theo học tại Đại học đường Chicago, và cả de Maupassant lẫn Chekhov đều không trưởng thành ở San - Francisco, tôi đã chưa hề viết bất cứ một tiểu thuyết nào, và tôi cảm thấy hài lòng là sáng tác phẩm của mình được liệt vào dòng văn chương chính thức của Hoa Kỳ Hiện giờ, tôi có sáu hoặc bảy tiểu thuyết đằng sau tôi nhưng tôi không đoan chắc rằng đó là nguồn vui của chúng ta mà những người khác đã tìm thấy nơi chúng ta qua những tuyệt tác phẩm đã biểu thị giác cảm trung thực vượt trên mức độ bình thường.

Những nhà xuất bản cũng đóng góp vào sự sống còn của nghệ phẩm. Vào những năm Ba mươi và Bốn mươi, một nhà xuất bản không chủ trương rằng bạn đang cố gắng giựt lấy miếng ăn ra khỏi miệng sống của gia đình y, bạn tìm đến văn phòng y với tập truyện ngắn. Y cũng không mong rằng, khi ấn hành tập truyện ngắn của bạn, sự phê bình cần được, bằng một vài ngoại lệ đáng hãnh diện nào đó, chỉ định nơi những trang cuối thường dành cho những chú dẫn về loại sách và về những tự truyện nhờ viết của những tướng lãnh vô danh hay những chính khách bị lăng nhục.

Ngày nay, một người viết mới bước vào văn phòng một nhà xuất bản cùng một lô truyện ngắn trên tay, hắn buộc phải xử sự thật giống cái cung cách của một nhà phát minh trẻ tuổi đến gần ông Giám đốc Công ty Kỹ nghệ Đóng thuyền để trình

bày một kiểu mẫu tiến bộ cho một chiến thuyền thời cổ. Tất cả những điều nầy đã không làm tôi nản chí. Tôi vốn quen đánh chìm thuyền. Tôi khởi đầu văn nghiệp của mình tại Hí viện Broadway và không một ai cần được nhắc nhở lại những gì đã xảy ra đối với sự khởi đầu đó. Tôi đã tự yểm trợ lấy mình sau những thất bại liên tiếp của khoảng mười kịch phẩm do thời khoảng làm việc tại Hollywood, và tiếng kêu la của nạn đói phát xuất từ Trung tâm Văn hóa đó vào những ngày này còn đang cấu xé hồn người. Và ngay cả trước khi viết chương đầu của quyển The Young Lion, tôi đã đọc cả trăm nhà phê bình những người đã tố cáo với tôi rằng tiểu thuyết đã chết.

Dĩ nhiên, sự thật là kịch trường chưa kết liễu, dù Hí viện Broadway có thể ngưng hoạt động, và trong khi phim ảnh đang được sản xuất ít hơn trước, những cuốn phim hay cung cấp hằng năm đang đạt được một tỷ lệ đáng khen so với số lượng được phân phối đi nhiều nơi. Người ta vẫn ham đọc tiểu thuyết, và, đang lúc mức tiêu thụ bị giảm sút, truyện ngắn đã được sáng tác với một số lượng tương đương và có lẽ trội hơn bất cứ lúc nào trước đó, ở Hoa kỳ.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, khi *định giá* truyện ngắn trong vòng bốn mươi năm qua, người ta cũng thấy được sự suy kém đáng kể. Nhưng sự suy kém nầy không phải do ảnh hưởng bởi sự giảm sút tương ứng về nội dung. Những truyện ngắn đáng giá bây giờ cũng đồng mức về phẩm, nếu không nói là trội hơn, những truyện ngắn vào thời kỳ mà hình như được xuất bản hàng trăm mỗi tuần, và ngay những truyện ngắn *tồi* hiện nay, theo tôi, dễ thường là một cải thiện đối với những truyện ngắn tồi giữa một thời đại đang gào thét.

Dĩ nhiên, những « mốt » thời trang đã thay đổi, những dòng sống đã xoay chiều, và bút pháp đã trở nên quá quen thuộc, do đó, những tác phẩm chúng ta đang đọc hôm nay chắc chắn đã khác nhiều với những tác phẩm thời đó. Những truyện ngắn thường xuất hiện trên tạp chí The New Yorker, chẳng hạn, bị tố cáo là bất-thành-thể, trong khi, hiện giờ, những loại truyện ngắn thành-thể cũng bị tố cáo, và, ở mỗi trường hợp, sự tố cáo nầy đã không chính đáng. Nhưng cái mức độ sáng tác, cái *sứ mạng* (của nhà văn), chiếu theo bản kê giảm thiểu đáng buồn về tạp chí của

chúng ta, theo tôi, đã được duy trì khá đều đặn, hoặc cũng đều đặn như người ta có thể mong muốn, là, bất cứ điều gì cũng phải biến đổi thường xuyên và bất ngờ như trong văn chương hiện đại. Người ta có thể không thích đọc truyện ngắn say mê như có lần họ thích, nhưng các nhà văn thì đem cả nhiệt tình của mình để viết nên, cái nhiệt tình mà họ đã từng có, khi nữ sĩ Katherine Anne Porter đang hình thành tác phẩm đầu tay và Wilbur Daniel Steele được chú ý qua mỗi lần xuất bản tuyển tập Những Truyện Ngắn Hoa Kỳ Hay Nhất Trong Năm.

Những nguyên nhân thúc đẩy nhà văn sáng tác khó có thể xem là vụ lợi. Việc sáng tác truyện ngắn, ngoại trừ một vài biệt lệ kỳ quái nào đó, không phải là một nghề kiếm nhiều tiền. Tôi đã nhận được 25 mỹ kim cho truyện ngắn nói trên đăng trong tạp chí The New Republic. Số tiền nhuận bút của tôi được tăng thêm khi, sau cùng, tôi đột nhập vào tờ The New Yorker. Những vị chủ bút, lúc đó cũng như bây giờ, vẫn giữ vững niềm tin của họ là những người viết truyện ngắn đã không phải sống thuần bằng bánh mì.

Tôi phải xác nhận rằng, giá tiền nhuận bút đã gia tăng phần nào kể từ cái thời may mắn đó. Nhưng ngay cả trong giai đoạn sáng tác dồi dào nhất của tôi, trước khi tiểu thuyết bắt đầu choán hút gần trọn thì giờ của tôi, đã chưa hề có một năm nào tôi có thể nhận được chi phiếu toàn vẹn cho loạt truyện ngắn tôi đã hoàn tất trong suốt mười hai tháng Điều nầy không phải hoàn toàn do tính bủn xỉn của những ông chủ nhiệm, dù tôi đã trách khéo họ từ lần nầy sang lần khác về tính keo kiệt của họ. Với hầu hết các nhà văn, trong đó có tôi, sự hoàn tất một truyện ngắn mà người ta sẵn sàng phổ biến khắp nơi, bao gồm một số lượng thời gian làm việc thật đáng sợ. Hiếm khi có những kẻ phi thường như cố nữ sĩ Sally Benson. Bà thường đến văn phòng tòa soạn tạp chí The New Yorker vào khoảng 11 giờ trưa, ngồi tại bàn giấy, không buồn dở nón xuống, để đánh máy liền một truyện ngắn khá lôi cuốn trước khi ra về dùng cơm. Và John O'Hara một lần cho tôi biết, rằng ông có thể, sau khi dùng cơm chiều với thật nhiều rượu, về nhà và bắt đầu viết xong một truyện ngắn từ đầu đến cuối, phải kể là một truyện ngắn xuất sắc, trước khi đi ngủ. Một đôi lần trong đời tôi, tôi đã được hưởng ân phúc một cách

ngắn ngủi nhờ khả năng sáng tác dễ dàng đáng mơ ước nầy, nhưng cái diễn tiến hình thành thông thường một tác phẩm là một sự tăng bổ lâu dài, còn lâu dài hơn việc xây dựng tác phẩm.

Rất thường khi tôi đã phải giao đấu với một ý tưởng trong sáu tháng trời, có thể thêm hay bớt vài tuần, và một truyện ngắn của tôi được tăng tải cách đây không lâu lắm, tôi đã phải viết đi, viết lại trong suốt hai mươi năm. Dĩ nhiên, không có gì trong lối sáng tác đó hứa hẹn một công trình tuyệt mỹ. Tất cả chúng ta đều biết rằng, nhà văn đã dâng hiến trọn đời mình cho những điều vô nghĩa.

Với một đối tượng vừa nói, môi trường xã hội đã hành nghiệm một sức quyến rũ quá độ cho nhà văn. A. J. Liebling, một nhà văn khiêm tốn và ẩn dật, dù tác phẩm của ông đã góp công rất nhiều cho cái gọi là nghề Tân ký giả, vang dội như sự bộc phát cơ thể của những trẻ em èo uột, chỉ được một lần nhắc tới cùng với tôi, nhân một truyện ngắn của ông đăng tải trong cùng một tuyển tập.

Và John Gunther, người khai sáng một phương pháp kỳ vĩ nhằm thống nhất các tin tức trên khắp các đại lục, đã một lần nói với tôi rằng, giấc mơ của đời ông là làm sao truyện ông được đăng tải trên tờ The New Yorker.

Thật hiển nhiên, những phần thưởng về nghề nghiệp, xét trên khía cạnh tinh thần, thì có nhiều. Trước hết, tôi sẽ đề cập đến một phần thưởng thế phàm kém thanh nhã nhất. Nếu một nhà phê bình không ưa tiểu thuyết của bạn, ông ta rất có thể bác bỏ toàn bộ tác phẩm của bạn trong những lãnh vực võ đoán nhất và cũng đáng khinh nhất mà ông ta có khả năng thực hiện. (Không cần phải nói, điều nầy đã xảy đến với tôi). Nhưng ngay cả một người phê bình bất thường nhất, khi chống đối một tập truyện nào đó, ít ra cũng chịu chọn lấy một trong toàn tập để chỉ trích một cách nhã nhặn, hợp lý, nhờ vậy, đôi chút giá trị tác phẩm vẫn còn tác động trong tiến trình sáng tạo nhiều năm của bạn. (Điều nầy cũng đã xảy đến với tôi.) Tập truyện ngắn đầu tiên của tôi, trong lúc không được chào đón nhất loạt theo tâm cầu của người viết, đã là một cơ hội cho một bài phê bình mà tôi nhận được từ nhiều năm trước, bài phê bình mãi mãi gợi lại cho tôi một hoài niệm êm đềm nhất. Bài phê bình đó được viết bởi Otis Ferguson

và, theo tôi, đã khai thị được những ý nghĩa tuyệt vời trong tác phẩm tôi, mà, cho tới khi đó, chính tôi không am tường được. Dĩ hẳn, Ferguson là người phê bình tôi đầu tiên, và tôi nghĩ rằng, ông là phê bình gia duy nhất đã bỏ mình trong Đệ nhị Thế chiến.

Nhiều phần thưởng khác mang ý nghĩa thâm thúy hơn. Có loại phần thưởng dành cho một nhà văn viết truyện ngắn bị đặt ngồi tréo chân giữa gian hàng bán đồ từ thiện, một nhà văn đang cung ứng những nhu cầu của nhân loại trong dòng sống buồn tẻ của một ngày tầm thường đang mơ vọng một phép mầu và những chuyện kể về những kỳ quan xa hút ; đang mơ vọng sự truyền rao đạo lý giả hình được thiết trí cho những giao tiếp thường nhật sẽ đạt tới một viễn tượng bao la hơn ; đang mơ vọng đưa sự dồn nén ngộp thở của những vấn đề trọng đại sang những bình diện đời sống dễ tiêu hóa hơn ; đang mơ vọng biến đổi những hình ảnh thần bí trở thành những biểu tượng mang những chiều cạnh sắc bén và dễ cảm hội hơn.

Tiếp đến là một phần thưởng đơn biệt và tinh thục vượt ngoài những luật tắc ước lệ. Ngày nay bạn buồn, bạn viết truyện buồn. Ngày mai bạn vui, truyện vui sẽ thành hình. Nếu bạn hồi tưởng một thiếu nữ mà bạn yêu mê tha thiết, bạn sẽ tuyên dương những kỷ niệm đã có với nàng. Nếu bạn gánh chịu một vết thương lòng từ một người đàn bà đã ngược đãi bạn, bạn có thể phỉ báng cả nữ giới. Nếu một vị linh thần đã giáng phúc cho bạn, bạn là một nhà tu. Nếu Thượng Đế bỏ rơi bạn, bạn có thể thuyết giảng về Vô Thần...

Trong một tác phẩm tiểu thuyết hay một kịch bản, bạn phải là một con người toàn thể. Trong một tuyển tập truyện ngắn, bạn có thể là tổng hợp tất cả những nhân vật được sáng tạo, hay là mọi thành tố chi li của con người, con người giá trị hay vô giá trị, một con người đã kinh qua nhiều chu kỳ xã hội và đã sinh triển không ngừng trong bạn. Đó là một đời sống phong phú, đa diện, không thể bị khước từ.

Bởi những lý do trên, cộng với nhiều lý do khác, tưởng có thể phát biểu một cách vô tư rằng, truyện ngắn vẫn sống, vẫn khá sung mãn và đang hiện diện trong mười nghìn chiếc máy đả tự.

Nhưng, than ôi ! Ước gì Ferguson vẫn còn tại thế !

Dã Thụy *dịch*

TÂM HƯ

Sầu Khúc

1.

Ta kiếm gì ở người ?
Người kiếm gì ở ta ?
Một sớm mai kia ta thức giấc
Sương độc hủy hoại gương mặt tình
Ta cất tiếng ca
Người còn náu ẩn
Trong quãng im không của lời hát.

2. BIẾN KHÚC THANH QUAN

Em trở về, trở về đó ru ?
Mùa sao sương phai nhạt,
Trăng nhìn đá. Đá nhìn trăng. Nào khác.
Hồn cỏ thầm thì
trên lối cũ, nền cũ. Chiều
Trời bạc phận
Người hóa đá, hóa trăng
phế tích rụng rời. Nào khác.
khói ngút
tiếng kêu buông.

Em trở về, trở về đó ru ?

3. THEO CA DAO

Cầm bằng người ở trần rừng
Lớp quên lớp nhớ bủa trùng vây im.
Cầm bằng người lạc cõi quên
Vang lừng cõi nhớ một miền hoang vu
Thì thôi thả gió tuyệt mù.

4.

Võng trời đất đong đưa
Chĩu cành sầu lưng lạc
Hồn hãi níu bơ vơ
Trận thảm tình tạnh ngất.

5.

Này con chim đêm vỗ cánh bay miệt cùng
Vẫn ngợp say biển đen đúa
Ôi, trái tim ta đành lặng thinh
mà réo gọi

Này những giòng lệ tuôn
tiếng thất thanh chói lọi
Gửi ngàn sao
Phía đêm chừng rớt kiệt.

Ôi, này trái tim ta
Chớ vượt thoát hạn trời.

quan âm và tề thiên đại thánh

QUAN ÂM

Nàng nghe hết thảy âm thanh trong trời đất
hết thảy dư vang chim giấm đời ta
Nàng hóa thân trong tiếng rụng rớt
Bay đỏ thắm thẳm suốt hồn ta.

TỀ THIÊN ĐẠI THÁNH

Tặng Bùi Giáng

Ta sinh từ đá ta đi
Quên trăng đảo chiếc, thoát ly ngục trời.
Chán Thiên Đình, chán Diêm Đài,
Mang thân hành giả rong chơi cõi miền.
Mở ra những trận đảo điên,
Trời thương nhớ đất, thần tiên nhớ người.
Riêng mình nhẩy nhót lơi khơi
Phân thân nghìn mảnh khắp đời có ta.
Đưa người quá cõi tà ma,
Nhịn thua niềng sắt, thương bà Quan Âm.
Qua sông soi bóng tần ngần
Tiếng cười quá vãng sóng vần vụ xoay.
Ngộ Không chẳng có mặt mày
Hình nhân dị thú bạt bay quỷ thần.

tử vong khúc (tích)

Tặng Lê Huy Oanh

Nàng trong mộng, giọt đàn thánh thót,
Chàng quỳ ôm gót ngọc xót xa.
Nền thảm đỏ chóa mầu hoảng hốt,
Chàng bơ vơ, một tiếng ngân nga
Nàng trong mộng, rừng hương tỏa ngất,
Chàng tung bay trên ngọn sa đà
Cành lá vẫy những mùa trăng mật,
Chàng mê man lìa tách cõi bờ.
Nàng trong mộng, nhạc trầm heo hút
Cồ điện âm dội bước chân ma
Chàng bất tỉnh, thoát hồn lần quất
— Bao biến thiên, ta vẫn gặp ta.
Nàng trong mộng, phả cơn bão táp
Biển cuồng điên từng mỗi âm ba,

Chàng trơ trọi, gieo mình khuất lấp,
Sóng phủ trùm, dậy nổi hoan ca.

Nàng trong mộng, mộng xưa chót vót
Mộng trong chàng, ngả ngớn Tử Hoa
Chàng nhập mộng, mộng dàn hoi hóp
chẳng kiệt cùng, trôi nổi đời xa.

ngày nín tưởng

Trận giông đổ
từ cơn khuya bặt giấc
thinh không xô bồ
phũ phàng nặng giọt

tháng Năm về
mưa sang trời đổi ngọn.
tháng Năm về
ru thiếp quãng phôi pha

Kín một cõi riêng
đầm đìa tuyệt vắng
Tách vỡ hạt khốn cùng
Dạt dào triều thác lũ

tháng Năm về
mặt đầm hoang ngát
tháng Năm về
nương náu lối đi quanh

Bủi đêm ào tung xổ
Nhòa lời lẽ thốt thưa
Tràn lan cỏ bãi ứng
Nín tưởng khắp trăm bề.

tháng Năm về
mưa rong huyên náo
tháng Năm về
rừng điên kề lề

thôi rồi tháng Năm về
choàng cơn giông lộng
thôi rồi tháng Năm về
Nước giạt ngày trôi.

Tặng Mai Thảo

Trước bình minh, trời mưa. Cùng lúc giấc chiêm bao trở lạnh —
giấc chiêm bao mở kiếp, mở cửa gió huyễn,
cửa phong ba, cửa trăng ảo, cửa tiếp cửa
lay chuyển, rền rĩ, vắng tanh..
Cửa những chiêm bao khác.

Ôi, môi hoang phế, chĩu mười, ngợp — Vành trăng tang úa lênh đênh, mây sảng.
Người co quắp nằm trên đất dữ, gối ghì cơn Ác Mộng Mỗi Ngày.

Lá múa, lá múa điệu nát tan
khóc cười lẳng biệt
Lá múa, lá múa bóng thao thức
Gỗ đá thâm trầm tạc oan khiên.
Gối ghì Tưởng Vọng đẳng đẵng đáng chiêm bao hạnh ngộ.
Người khóc điếng mê hoan
Trùng trùng gió nghiêng ngửa
Ý khờ khạo, ý chịu giáo hình

giữa cuộc hẹn
Trùng trùng gió quấn quýt
Lời Nín hiền linh

Trên môi chiêm bao, nụ chiêm bao mơ xanh những chiêm bao khác.

Tâm Hư

Những cuốn sách đánh dấu thời đại của chúng ta :

1. TRẦN GIAN MUÔN MÀU
của ANDRÉ GIDE, Nobel 47

2. KẺ XA LẠ
của ALBERT CAMUS, Nobel 57

3. BỨC TƯỜNG
của SARTRE, Nobel 64

4. THÂN PHẬN CON NGƯỜI
của ANDRÉ MALRAUX, ứng viên Nobel

5. CHĂN GỐI
của MORAVIA, ứng viên Nobel

do Giáo sư Lê Thanh Hoàng Dân xuất bản

HOÀNG NGỌC TUẤN

Vài Trang Bản Thảo

Đêm ấy tôi ở gần bên em. Sau cánh cửa sổ mở ra khu vườn âm thầm tối đen, tôi tìm thấy một khung trời đêm có rất ít ngôi sao nhấp nhánh. Trăng đã biệt dạng từ mấy đêm qua. Ánh sáng bàng bạc mầu ngà không còn tấm dầm mình trên tấm áo trắng mỏng manh của em, như nhiều đêm trước tôi thấy dáng em xanh xao, nhợt nhạt trong màu khuya mộng mị.

Đêm nay, em đóng kín cửa sổ lại. Căn phòng nhỏ không đèn sáng rực lên một đội mắt nhỏ. Tôi rất yêu đôi mắt của em, đó là điểm đầu tiên nơi em rù quyến thu hút lấy tôi, không phải ngay vào thuở ban đầu mà dần dần từ tốn mỗi ngày mỗi thấm nhập vào tôi sâu đậm cho đến một lúc máu tim tôi hòa tan thật không ngờ vào ánh mắt muôn ngàn linh động, ảo hóa chập chùng ấy.

Em nhìn tôi em nhìn tôi, lẳng lặng nhìn tôi không rời một giây không nói một lời. Tôi hiểu được chăng tiếng nói rền vang câm nín từ trái hồn em đã chín hồng, mọng ướt, vỡ căng trong tình yêu tôi qua biết bao nhiêu ngày đêm soi rõ và thấu suốt.

Tôi có hiểu được chăng, những điều tưởng chừng như hiển hiện xác thật dưới ánh sáng trưng của bóng đêm, và quen thuộc nằm lòng trong tôi như máu đỏ phập phồng.

Tôi hiểu được em chăng Tôi hiểu được chút gì nơi em. Hay là em mãi mãi vẫn ẩn mật lạ lùng, dầu em đã nói với tôi, tỏ cho tôi biết nhiều điều đơn giản thường tình, ví dụ như tôi biết lúc nào em được sung sướng, tôi cũng biết cơn đau của em vào những lúc buồn bã, hoang mang bối rối. Nhưng tôi đã hiểu được

chút gì về những nếp nhăn trên môi em khi môi ấy không phải là nụ cười cũng không phải là nụ hoa giấu kín đắng cay. Tôi đã hiểu được chút gì về tiếng nói khô khan rất ngắn của em, em đã nhiều lần nói « không », vội nuốt lệ đỏ, lắc đầu, khinh mạn trả lời khi tôi ân cần hỏi em về hạnh phúc. Tôi đã hỏi hàng trăm lần. Suốt đời tôi ao ước muốn biết em được hạnh phúc không, tôi muốn rõ em có hài lòng khi đón nhận tôi từ một lúc nào thật bàng hoàng và có còn muốn tiếp tục tự giữ em ở trong tôi mãi mãi. Tôi muốn biết em, tôi muốn biết tôi, ai ai cũng muốn biết đâu là quả phúc của cuộc đời. Chúng ta có được hạnh phúc hay không, khổ đau có đe dọa mầm chồi dậy tái hồi vây hủa. Tôi sống được chút gì hoan lạc, em sống được chút gì hoan hỉ. Em bỏ quên, tôi đánh mất những gì trong đời. Đáng lý ra thì chúng ta phải được nhận những gì và sự thực có phải ta đã bị xua đuổi ra khỏi vườn mơ ước, rơi xuống khỏi nhành cây gãy lìa mà chưa kịp hái rất nhiều trái ngọt trên cành.

Tôi yêu em vì thế. Tôi yêu em vì tôi không bao giờ hiểu em được cả. Em che giấu tôi nhiều chuyện, em nói dối; điêu ngoa, đôi môi em đáng yêu thấy thèm biết mấy nhưng đôi khi quỷ quyệt như một nàng kỹ nữ.

Tôi cũng dối trá với em. Em hai lòng chẳng hợp nhất cho tôi, tôi cũng giấu dĩ vãng tôi đã nhiều lần tình san sẻ.

Nhưng có hề gì đâu tất cả những điều ấy. Tâm hồn tôi trắng xóa trong sạch khi gần bên em, đời tôi bùng cháy lửa sống hồng hảo từ lúc bắt đầu yêu em.

Tôi đã biết được em là ai? Em, mang một cái tên như nhiều người khác, một thân xác như nhiều người khác, và dĩ nhiên, em không phải là những biểu hiện phụ thuộc bề ngoài đó. Chẳng có cái gì có thể tượng trưng được cho em. Chẳng một lời mô tả, kết luận ngắn ngủi nào có thể nói đủ về em.

Đúng như em mơ màng nói nhỏ trong ngực áo tôi.

Anh nhớ đi, em là em. Anh đừng hòng tìm một hình ảnh về ai ở nơi em, anh đừng mong tìm em ở một ai ai khác về sau. Em là em, nhớ chưa, anh nhìn em đi.

Tôi chăm chú nhìn sát vào mặt em, trong bóng tối, chúng ta chỉ được gần nhau trong tối tăm, đêm khuya, lặng thinh, bí mật

chúng ta thích hợp với một vũ trụ không có ánh sáng chói chang của mắt người soi mói và tiếng nói vo ve ồn ào của kẻ khác. Nhìn em, đó là điều tôi say mê nhất, đã rất nhiều lần tôi chăm chăm nhìn em, âu yếm, đùa cợt, hung dữ, giận hờn. Tôi nhìn em mê mệt suốt đêm ngày không biết chán, cả một đời tôi lẳng lặng sống với khuôn mặt em sát trước mặt, bất cứ ở đâu, xa vắng hay gần gũi, bất cứ lúc nào, chỉ hai người hay giữa chỗ đông người, phút mở mắt sớm mai hay nhắm mắt ngủ trong đêm, tôi vẫn nhìn thấy em, chiêm ngưỡng, ra dấu, mỉm cười hay nháy mắt với em như một người thờ thẫn khật khùng thường ngồi cười nói lẩm nhẩm một mình.

Đêm nay, tôi nhìn thấy em rõ ràng bằng xương bằng thịt. Tay tôi có thể vòng qua đầu em để tháo sợi dây lụa cho mớ tóc em xổ tung ra nằm bê trễ trên gối, vương vãi, chạm nhột, mơn man thích thú vào mặt tôi một cách dịu dàng. Tôi cúi xuống kề mắt mũi sát với mặt em, em kéo tóc em thành hai mối dây vòng sau qua gáy tôi, cột lại, sơ sài mà chắc chắn, tóc em giữ tôi vào em, tôi nghe mình hiện thân làm một con người sống động, mãnh liệt, tràn trề sung sướng trong một bển tối bao la ngát thơm hương em mơ hồ thoáng vội, chỉ nồng nàn đối với tấm lòng nhạy cảm của tôi như những sợi dây đàn căng thẳng, run rẩy, rung động lạnh người trong một hơi thở nhẹ từ môi em lén lút trao tôi.

Trong đêm, trời khuya thanh vắng, mùi hương. Hương. Tôi hoàn toàn chỉ biết được một hương em từ đầu hôm cho đến lúc trời tảng sáng. Hương, mùi hương ấy cũng như những lời em thầm thì mông lung vô nghĩa tôi chẳng hề quên.

Em chẳng bao giờ nói với tôi một câu nào làm cho tôi mát dạ hả lòng. Em ăn nói hà tiện lời, giấu kỹ, gò bó ngăn chận tình cảm của mình một cách dễ ghét. Có lẽ em yêu tôi nhiều hơn là lời em nói, em nghĩ em nhớ đến tôi nhiều hơn là khuôn mặt dửng dưng của em hướng về tôi. Có lẽ, bởi vì tôi chẳng bao giờ biết được chắc chắn một điều gì nơi em. Em thường tự hào về con người riêng rẽ, khép kín của mình. Em hãnh diện nói với tôi :

Chỉ có mình em mới biết rõ em thôi. Anh chẳng bao giờ hiểu em cả. Có nhiều điều anh đã hiểu lầm về em, ví dụ như

tưởng rằng em yêu anh, thật ra đó là một điều lầm lẫn rất lớn.

Tôi đau đớn lặng người, lời ác độc của em đâm suốt vào tôi, thiêu cháy, tôi tan rã như đống tro tàn.

Tôi quay cuồng kêu gào một mình trong tôi, và em sẽ nghe được câu hỏi hoang mang buồn bã ấy.

Tại sao ? Em không yêu tôi ? Thế tại sao có môi hôn nồng nhiệt giữa chúng ta ? Tại sao đã có những mầu mắt chan chứa ân tình say đắm giữa chúng ta ? Tại sao ? Phải chăng tất cả đó là những giây phút đùa cợt điên cuồng, những màn kịch rồ dại không suy nghĩ, những ảo giác lung linh hay là những giấc mơ đậm nét nhưng rất ngắn và sớm tan tành.

Tôi nói em đừng làm khổ tôi vì những lời em lạ thường tôi không tài nào hiểu nổi. Thôi, tôi không cần nghe em nói, tôi không cần ngôn ngữ, không cần âm thanh, tôi không cần lời ngọt ngào và sợ hãi chẳng dám nghe lời đắng chát.

Tất cả những điều tôi cần, tôi muốn, tôi ao ước trên đời này, tất cả những điều đáng giá nhất cho cuộc sống là một mùi hương người nữ trao trọn vẹn cho tôi không kèm theo một lời thừa thãi. Không cần cả đến tiếng « yêu », chỉ là mùi hương của da thịt em đêm đêm ôm ấp vỗ về trong tôi, ngát thơm đôi môi, tôi chỉ cần chỉ yêu một điều duy nhất đó.

Hương. Trong đêm, suốt đêm Môi quấn quít kề cận nhau không rời.

Đó, tôi cảm tạ em, tôi yêu em biết bao. Em rộng lượng đắm đuối dâng hiến cho tôi một đôi môi thơm mùi dạ hương diệu vợi, thoang thoảng như chớp nhoáng chợt tan ở đâu đây, tầm đậm lắng sâu vào người như được tiếp một dòng máu thứ hai cứu vớt sinh mạng mình.

Em cứu sống tôi, cứu vãn một quá khứ nổi trôi khổ nhọc đã qua từ nay được xoa dịu an ủi, cứu vãn một tương lai không còn là vô vọng tuyệt mù. Mỗi thời khắc tàn tạ thiêu hủy vội vàng, nhờ em, đã trở thành những phút ngàn vàng thường hằng với đầy nghĩa đẹp. Tôi sống trường sinh bất lão, hưởng ngọt nhụy xuân vĩnh viễn không phai, tắm nắng tươi giòn của mùa hè thắm hoài không nhạt. Đó, trong đêm tối, chúng ta không nói gì nhiều với nhau. Tôi chỉ còn nhớ vài lời em ngắn ngủi :

Em là em.

Anh không thể nào hiểu được em đâu.

Em cũng không hiểu em có yêu anh hay không.

Những lời đó em nhắc đi nhắc lại mãi. Và thế là sự liên hệ giữa chúng ta đã bấp bênh, mỏng manh, yếu ớt từ gốc rễ.

Tôi đã sợ một ngày tàn phai.

Vẫn là trong đêm.

Vẫn trong căn phòng nhỏ không đèn có cánh cửa sổ hướng ra khu vườn, nhưng cửa đã đóng kín.

Tối mù trước mắt tôi, nhưng tôi vẫn biết chiếc áo ngắn của em mặc màu vàng nhạt.

Chiếc đĩa hát cũ đã xoay hết vòng cuối cùng, một điệu nhạc xưa đã ngưng tiếng, còn rơi rớt vài dư âm trong trí tôi.

Tôi châm thuốc hút bằng cây diêm quẹt. Tôi định dùng đóm lửa nhỏ thắp sáng ngọn tim của một mẩu nến trắng. Nhưng em đã níu tay tôi lại, em thổi tắt lửa. Tôi nuốt một hơi thuốc, em nhẹ nhàng áp má vào lòng tay tôi, cũng xin được chia một ngụm khói thuốc.

Tôi nói em đừng tập hút thuốc lá, kẻo sẽ trở nên ghiền, suốt ngày ngậm vắt vẻo trên môi một điếu thuốc như những ả giang hồ.

Em vùng vằng nói em chỉ hút vài hơi cho vui thôi vì em thích mùi khô ấm, thơm đậm, bồng bềnh của khói thuốc lá.

Tôi nói hút thuốc nhiều môi sẽ bị hư, bỏng, có những vết thâm. Và em hãy giữ môi em tươi mãi cho tôi, vì đôi môi em từ nay không chỉ là của em mà còn của tôi nữa.

Em bĩu môi, anh đừng ham, chẳng có cái gì của em là của anh cả Em không cho anh gì cả. Anh sẽ không được gì hết.

Tôi biết. Rốt cùng, chúng ta chẳng ai cho nhau được điều gì cả. Em như một con ốc thu hình giấu kín, tôi như là đảo hoang không thể trở về cập bến với đất liền.

Chúng ta hoàn toàn xa lạ với nhau. Có lẽ chúng ta không thương yêu gì nhau đâu Chúng ta chỉ giống nhau ở một điều, chỉ gần nhau ở một điểm, là đều yêu thích bóng tối, cùng say sưa

với hương đêm, cùng bị cuốn hút mê muội trong da thịt nhau mỗi khi bất ngờ hay cố tình kề cận.

Tôi thiếp ngủ mơ màng trong chân tóc em. Tôi hơi say, tôi đã uống vài hớp rượu, tôi hút thuốc quá nhiều đến nóng ran môi miệng. Khi em hôn vào vai tôi để gọi tôi dậy thức qua đêm cùng em, tôi cảm thấy miệng đắng, tôi sợ rằng hơi thở tôi nặng nề làm em khó chịu.

Tôi nói, miệng anh đầy hơi rượu và mùi thuốc, để anh đi đánh răng xúc miệng một chút, hay ăn một cây kẹo ngọt.

Em lắc đầu không cho, em níu tôi lại, giữ tôi bằng vòng tay siết quanh lưng như một nhánh rong mát êm mềm mại.

Em nói, không sao đâu, em ghét mấy người không hút thuốc lá, em cũng thích hơi rượu nồng nồng nữa, anh mới uống gì đó, bia hay rượu chát, rượu mạnh.

Tôi uống rượu cỏ-nhát lóng lánh vàng, cay thơm và thuốc lá thứ nặng nhất, nóng đậm.

Em mỉm cười âu yếm (...)

Anh nhớ không, hồi anh bắt đầu gặp em, năm ấy em chỉ khoảng mười bảy mười tám tuổi.

Tôi nhớ, lúc đó không biết là trời mưa hay trời không mưa, trời đầy nắng hay trời êm bóng mát. Bên một dòng sông lặng lẽ, ngôi nhà của em càng thêm có vẻ trống vắng u buồn, xưa cũ, mái rêu cổ kính, vườn cây rậm tối vài đóa tường vi nở lẻ loi trong vuông cỏ trước nhà, đằng sau là một ao cạn một cái giếng khô, một cây sung còn ít trái chát không ai thèm hái, và cây khế chua lấm tấm hoa trắng thường rụng rơi khi gió đêm thổi mạnh về.

Đúng rồi, tôi đã nhớ, hồi ấy tuổi em non dại, dáng em gầy nhỏ, đôi mắt đăm đăm như ẩn chứa một điều gì, đôi môi khép kín lạnh băng ít khi thấy nở một nụ cười Tôi đã nhớ, nhưng không còn nhớ hết nhớ rõ về em. Tôi chỉ còn bắt lại trong ký ức vài hình ảnh mơ hồ của em, em thường mặc áo màu gì, vàng hay trắng, tóc em cắt như thế nào, ngắn như búp-bê hay để dài lòa xòa ngang vai... tôi cũng không nhớ rõ. Em đã nói chuyện với tôi một vài lần, những lời thông thường dửng dưng, những chuyện vu vơ lặt vặt như một người khách lạ.

Và hồi đó, quả đúng tôi chỉ là một người khách lạ. Hình như có vài lần đứng trong sân vườn nhà, em trao đổi với tôi vài câu chuyện bâng quơ.

Anh có xem cuốn sách, cuốn phim đó chưa.

Em học trường nào. Ở lớp có chuyện gì vui không, tháng mấy em thi, sau này học xong em định làm gì. Lớn lên em thích làm gì, dạy học, buôn bán, ca sĩ, tài tử màn bạc...

Không Em không thích làm gì cả. Em cũng không biết em muốn điều gì.

Ai cũng phải biết điều gì mình thích nhất, điều mình muốn làm nhất trên đời chứ.

Nhưng em thật không biết mà. Có lẽ em chỉ thích ở đây mãi, thành phố này em ở đã quen rồi, em sợ có ngày phải đi chỗ khác. Nhưng có khi em lại muốn đi đến một nơi nào thật xa thật lạ, một nơi em chưa bao giờ biết, một nơi em không có một người quen nào hết.

Như thế chắc em sẽ thích ở cao nguyên. Ban Mê Thuột hay Đà Lạt.

Ở đó như thế nào anh.

Trời lạnh lắm. Đà Lạt có hoa anh đào, Ban Mê Thuột có hoa sứ trắng.

Em thích trời lạnh lắm, em thích trời mưa. Trời mưa lất phất, đi bộ lội nước lúp xúp đến nhà một nhỏ bạn nói chuyện và ăn đậu phụng rang nóng hổi, em thích lắm. Anh có thích không ?

Anh không biết. Anh đã hết biết yêu hoa lá, thời tiết, mùa mưa hay nắng, đậu phụng, ô mai, me chua v.v... Anh đã chết hồn thơ dại rồi.

Nghĩa là có một thời anh cũng thích những thứ đó phải không ?

Phải. Một thời đã qua, mới đây nhưng sao thấy lâu lắm. Xa quá rồi, xa quá, như trong chuyện cổ tích thần thoại... Chuyện kể rằng có chàng hoàng tử bị bà phù thủy ếm bùa biến thành một cánh bướm bay vất vưởng suốt đêm ngày.

Và rồi một hôm, có một nàng công chúa tìm hoa trong vườn thượng uyển, chụp lưới bắt được cánh bướm.

Trong tay công chúa nhẹ nhàng vuốt ve, bướm hiện hình trở thành chàng hoàng tử, bướm được phục sinh thành người.

Và hoàng tử kết hôn cùng công chúa ?

Anh không biết, anh chỉ nghe me anh kể chuyện nửa chừng, tới đó là anh đã ngủ gục, anh không biết đoạn kết ra sao.

Anh thích một đoạn kết ra sao ?

Em thích một đoạn kết ra sao ?

Anh sẽ không nói đâu.

Như thế em cũng không nói đâu.

Bướm thích bay xa. Hoa thích ở lại trên cành. Hoàng tử thích rong đuổi trên đường thiên lý. Công chúa thích sống êm ấm trong lầu son.

Đó toàn là những chuyện vớ vẩn. Em đã nói với tôi; tôi đã nói với em, nhưng chúng ta không giữ lại một chút gì tinh ý. Hồi đó, em như một hình bóng nhạt nhòa chưa in rõ trên hồn tôi, em chợt có, chợt không, chợt gần bên, chợt biến mất, tôi cũng không biết đến.

Nhưng rồi, thời gian, thời gian kỳ diệu biến đổi mạnh mẽ nhiều điều thật không ngờ. Ngày tháng qua đi, một năm qua, hai năm qua, ba năm qua đi... cho đến một ngày, làm sao tôi biết rõ đó là ngày nào, đột nhiên em có mặt và sống trong tôi chấn động sáng ngời như một tia chớp nháng lửa trên khung trời dông tố.

Tôi bỗng yêu em như mới được trở lại làm người, mới chập chững bước chân vào tuổi thanh xuân hồn nhiên bồng bột. Tôi bỏ hết tất cả. Tôi bắt đầu làm tôi sơ sinh trong ngày thứ nhất, tôi bắt đầu biết run rẩy ngây ngất trong một hơi thở chạm nhẹ vào em.

Tôi chẳng dám tin vĩnh cửu là điều có thật trên đời, nhưng tôi sẵn sàng tin phút giây này là vĩnh cửu. Tôi chẳng dám mong tôi sẽ sống dai muôn đời thi đua cùng trái đất, nhưng tôi biết chắc rằng phút giây này tôi thật sống. (...)

Em mơ những gì ?

Anh mơ những gì ?

Anh mơ ước đừng có ai làm tan tành những giấc mộng.

Rồi chính anh sẽ làm tan tành cho mà xem.

Không bao giờ. Công việc duy nhất của suốt đời anh là làm cho sự thật đẹp như mơ mộng để cuối cùng tất cả những gì đẹp nhất của mơ mộng đều trở về, trở thành sự thật.

Anh nói như đang ở trên mây xanh.

Không phải đâu, em. Anh chịu sống, chịu chết với mặt đất này rồi. Em nhớ không, hồi nhỏ, ta thường được nghe nói rồi tưởng đến một thiên đường. Nhưng bây giờ anh biết, cảnh thiên đường đã xây dựng vừa đủ trong em. Đôi môi là cánh cổng, em đã mở cho anh vào,

Thế còn em, em biết tìm thiên đường nơi đâu, nơi anh ?

Không. Anh không có đâu. Nghe anh nói đây.

Em ước mơ chi cõi trời trăng sao xa lạ. Mà biết đâu thiên đường nằm trong trái tim em.

Anh làm thơ à ?

Không. Cần gì thơ với thẩn nữa, anh nói lời cục mịch, em thốt tiếng thô sơ, anh cũng cảm thấy chơi vơi trong cõi thơ rồi.

Có lẽ khuya lắm anh à. Hay là trời sắp sáng rồi em sợ.

Anh cũng sợ, cũng ghét trời sáng. Chúng ta như loài vạc ăn đêm, chỉ thẳng thắn thành thực với nhau trong đêm tối. Ban ngày, em mang mặt nạ lầm lì khó khăn, anh nói cười đóng kịch.

Em có vẻ hơi mệt, em nói có lẽ vì hớp rượu lúc nãy, em không quen uống rượu.

Đã bảo trước mà, em cứng đầu của anh. Để anh thắp nến xem em có bị say không.

Tôi lần mò trong bóng tối, tìm được một cây diêm quẹt và thắp sáng ngọn đèn cầy.

Trong ánh lửa lung linh, chợt hồng chợt đỏ như khiêu vũ chao lượn những hình thù mập mờ, tôi nhìn thấy khuôn mặt em ửng đỏ, môi tươi, mắt sáng nồng thắm, đáng yêu quyến rũ như một vị thiên thần chịu giấu cánh ở lại trần thế (...)

Hoàng Ngọc Tuấn

TRẦN THỊ TUỆ MAI

Bóng Tối Đang Lui

hôn đất

Tôi nghe tôi thở dài
như cây sầu trút lá
nền đất khô rời rã
không buồn vì tiếng rơi.

Tôi nhìn tôi ôm đầu
như đài hoa rũ cánh
nền đất khô xám màu
không buồn vì ốm đau.

Tôi trông tôi nhớn nhác
như gà con lạc đàn
nền đất rêu ẩm ướt
mặc chân đời hoang mang.

tôi ngó tôi sững sờ
như chim vừa mắc bẫy
mây trời bay nhởn nhơ
mặc cánh chim run rẩy.

Tôi thấy tôi đi dài
gồng mình trong bóng tối
đạp trên đường sỏi gai
phương sáng nào, có tới ?

Tôi ngẫm tôi im lìm
như hạt cây trong đất
tháng ngày soi màu đen
hỏi mặt trời có thật ?

Ô ! mặt trời có thật
mầm cây vươn lên rồi
tôi mỉm cười hôn đất
chào bóng tối đang lui.

chứa chan

Khi ngày không mặt trời
sơn ca buồn, chắc thế
bướm cũng sầu cánh thôi.

Khi đêm không ánh trăng
hẳn trời đau chết lặng
hiên sương nằm ngậm tăm.

Một đời không cơn say
thi rất ngoan, đúng vậy
mặt ao tù êm thay.

Một đời không cơn liều
tất bình yên lắm chứ
thân đá nín trong rêu.

Một đời theo bạc vàng
dĩ nhiên thân hào nhoáng
bình hoa giả lồng gương.

Một đời không tin yêu
thân mọc gai, hẳn thế
nhọn hoắt đủ trăm chiều.

Thôi, tôi cứ là tôi
với mặt trời nóng bỏng
với trăng lạnh sương rơi
tay hiếm hoi tiền bạc
lòng chan chứa tình người
cùng những cơn liều lĩnh
vì biển rộng sông dài
cùng những phen hối hả
vì tấm lòng ai ai.

Giữ niềm tin yêu mãi
dù có nhầm có sai...

Trần Thị Tuệ Mai

ĐÃ PHÁT HÀNH

CON SÂU

truyện dài DƯƠNG NGHIỄM MẬU

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG XUẤT BẢN

Thành Phố Trật Tự

Có người cho rằng thành phố X là cái thành phố có trật tự nhất nước. Đó là nhờ cái Cầu Cũ (nếu tính thêm Cầu Mới cũng được). Nó phân chia thành phố ra làm hai khu riêng biệt : Khu Thương Mãi nằm chính yếu trên đường Trần và tiếp theo Phan Chu Huỳnh... Khu Văn Hóa ở bên này cầu, tính từ góc ngã tư Duy Lê tính đi. Khu này tập trung hầu hết các phân khoa Đại Học — (không kể ngoại lệ Quốc Gia Âm Nhạc và Mỹ Thuật), và các công sở. Thân thiết nhất là cái Đài Phát Thanh và Đại Học Văn Khoa nằm kề cận, cũng là nơi bắt đầu cho hết thảy cớ sự.

X. là một thành phố lắm chuyện, nói chung. Chuyện cổ tích, chuyện thiên tai bão lụt nặng hạn, chuyện chiến tranh biến cố, chuyện tranh đấu tôn giáo, chuyện thơ văn, chuyện lăng mạn học sanh sanh viên. Nói riêng, khu thương mại đã lắm chuyện (buôn bán mà) nhưng khu văn hóa còn lắm chuyện dữ. Đầu đuôi, như đã nói khi nãy, bắt đầu từ cái góc Duy Lê trở đi.

Đài Phát Thanh thường phát ra đủ chuyện đáng tin cậy vì được đảm trách bởi một ông Giám Đốc vốn là nhà văn nhà thơ thâm niên. Ông này là một nghệ sĩ thuần túy chứ không phải là một tài tử. Diện mạo tuy không khác người nhưng cũng ít giống với người khác. Râu tóc bạc mà tâm hồn trẻ trung, đời sống vật chất giản dị thô sơ nhưng không phải là không đầy ý nghĩa, tư tưởng phát biểu làm như nông cạn hời hợt nhưng hàm chứa

triết lý sâu xa. Một nhà nghệ sĩ uyển chuyển, vừa đại diện cho thế hệ đàn anh đáng kính hòa hợp tài tình với tuổi trẻ và cuộc chiến hôm nay. Chả thế mà các cô cậu sinh viên quấn quýt chiêm ngưỡng người như một bậc thánh sống. Cũng bởi vậy, nơi này là cơ quan văn hóa phong phú và điển hình nhất, tập trung đầy đủ các tài liệu sinh hoạt thuộc lãnh vực Đại Học nói riêng và giới trẻ nói chung. Những tài liệu này tuy giá trị nhưng chỉ nằm trong chương trình phát thanh phụ, nghĩa là theo phương pháp truyền khẩu bổ túc cho những bản tin chính thiên về thời cuộc và chính trị vốn có tính cách nặng nề.

Nhà nghệ sĩ Giám Đốc theo dõi tận tâm đời sống tinh thần cũng như vật chất của giới trẻ. Người biết rõ lịch trình thi cử của từng phân khoa, năng khiếu đặc biệt của mỗi nam nữ sinh viên thân cận, hoàn cảnh gia đình cũng như liên hệ bạn bè. Các cô cậu gọi nhà nghệ sĩ bằng chú hoặc bố, xưng cháu hoặc con, đi uống cà-phê chung hoặc thăm viếng tại phòng riêng, bàn luận trao đổi về những vấn đề thực tiễn thuộc văn nghệ, xã hội cũng như cá nhân. Thậm chí có người đã đi làm việc ở tỉnh khác, mỗi tuần trở về hàn huyên và ngủ lại đêm. Người lúc nào cũng tỏ ra dễ dãi và hiểu biết bởi vậy sinh ra những nguồn tin không đứng đắn làm tổn thương danh dự Thánh nhân vô cùng. Có người còn độc địa cho rằng nhà nghệ sĩ Giám Đốc là một tên Ma Mỳ, như Mẹ Min hay bắt con nít làm chả lụa, hoặc tệ hơn như ông chủ một khách sạn nhỏ, hoặc tệ hơn nữa một Tú bà. Thậm chí họ còn đồn đãi Người thường có khuynh hướng sống chung với các nữ văn sĩ tên tuổi để tìm hiểu thế giới bí mật của những cây viết đàn bà cách mệnh, kể cả những cây bút trẻ (cũng đàn bà và cách mệnh). Thật oan ức thay ! Có ai biết đâu là trong những lần tiếp xúc thuần túy văn nghệ giữa Người và những cây bút đàn bà ấy, nhà nghệ sĩ đã thật tâm lấy tư cách một nhà văn đi trước chỉ vẽ cho các bà những điều lợi hại của lối văn tự truyện. Tự truyện là truyện viết về chính mình. Đàn bà sống ít quá Người nói, có lẽ vì vậy mà họ chẳng còn vấn đề nào khác để đào sâu nữa (ý hẳn nhà nghệ sĩ muốn nói tại sao các bà cứ phải đào sâu mãi một miếng đất còn nhiều chiều rộng, hay người cho rằng các bà viết văn thật ra chẳng có một kích thước nào cả ngoài cái

chiều sâu đang đào ?). Thật khó mà biết. Đây cũng là bằng chứng cụ thể minh xác cho tư tưởng cao xa thâm thúy của Người.

Các nam nữ sinh viên, nói về hoàn cảnh địa lý, có lẽ vì Văn Khoa chỉ cách Đài Phát Thanh có một cái bằng qua đường nên liên hệ mật thiết với nhà nghệ sĩ Giám Đốc. Họ lui tới thường xuyên đến nỗi các ông lính gác cổng quen mặt không cần hỏi giấy hay điện thoại báo trước. Phần nhiều các cô cậu học ban Việt văn, tượng trưng cho văn hóa và linh hồn của dân tộc. Có người đã là thi sĩ, có người đã bị cầm tù vì làm thơ đấu tranh, cũng có người chỉ vừa mới tập tễnh nổi tiếng qua những bài văn ắt bẳn phải là rất cách mệnh, và có lẽ phải do một cây bút đàn bà (trẻ) sáng tác.

Trường Văn Khoa là cái khách sạn cũ của Tây, với phòng ốc còn chứng cớ ràng ràng qua cách kiến trúc. Cái hành lang bề rọ dài thòn với bề ngang chỉ đủ ba bốn người chen. Giờ đổi giáo sư hoặc nghỉ xả hơi các sinh viên đứng dọc theo cửa sổ hành lang ngó người qua lại (trong hành lang) Có những cái áo đẹp cặp tay những cái áo đẹp khác chen qua chen lại dạo mát. Những cái áo phần nhiều ai cũng hay thấy và biết rõ loại hàng cũng như giá cả, hiệu may. Những khuôn mặt kín đáo nhưng quen thuộc. Những cặp kính cận thị đứng đắn và tốt. Những mối tình đồng song rất sum họp đề huề. (Những mối tình đang dở riêng tư mà ai cũng muốn gánh dùm trách nhiệm. Những kẻ phản bội rất bí mật được mọi người chỉ cho nhau biết để cùng che giấu).

Các giáo sư làm việc theo gần giống đường lối của nhà nghệ sĩ Giám Đốc. Họ bết lòng theo dõi việc học của từng sinh viên, hướng dẫn các sinh viên trong học đường và cả ngoài xã hội, đời sống cộng đồng của những buổi pít-nít) cũng như đời sống tình cảm cá nhân (ở những buổi vi-sít của cả hai phe) Đây là một học chế rất tốt, đem thầy trò lại gần nhau, gây tình thân thiện trong tinh thần học hỏi và cầu tiến. Cụ khoa trưởng ảnh hưởng văn minh văn hóa Âu Tây hướng dẫn Đại Học Văn Khoa theo đúng tinh thần Đại học Âu Tây. Ai muốn học thế nào thì học miễn sao có kết quả, dù tiến hay thoái. Henry Miller đã chẳng từng nói là « Người ta có thể đi tới bằng cách trở lui »

Cổng trường Văn Khoa ngó xéo qua bên kia đường Duy tệch

phía bên phải là giảng đường Karaté được mượn cho sinh viên Luật năm thứ nhất. So với trường Luật Sàigòn, số sinh viên Luật ghi danh hàng năm ở X thật chẳng có chi đáng kể, với con số 2 hay 3 ngàn sinh viên trong năm nay. Số người này tuy vậy là tiếng nói lớn nhất của Đại học Luật Khoa X. Đa nhân thì đa ngôn. Đa ngôn thì ồn. Trong cái giảng đường rộng và mát, các băng ghế gỗ được xếp dài theo tầng cấp, vĩ đại như một khán đài, sân diễn võ phía dưới xa là cái sân khấu nhỏ được trang bị tối tân bàn ghế và máy móc cho giảng sư và giáo sư. Ngồi trên cao nhìn xuống đôi khi thấy chóng mặt và choáng váng buồn ngủ nhất là ở những giờ giáo sư chỉ biểu diễn các thế võ loại nhu (gọi là Nhu Đạo hay Dân Luật Đạo). Giảng đường này dành cho sinh viên Luật Khoa và võ sinh Karaté nhưng lại nằm trong khuôn viên phần đất thuộc trường Đại học Sư Phạm và Kiểu Mẫu — hai trường này kiến trúc giống hệt nhau và theo ý nghĩa của các chữ kiểu mẫu, sư phạm người ta hiểu rằng những cái gì xuất xứ từ hai nơi này đều là sản phẩm tất nhiên từ chính ý nghĩa của các chữ đó.

Chi nhánh trường Luật như thế tọa lạc tức tưởi, tạm bợ và lạc lõng như một kẻ nằm ngoài vòng pháp luật. Trụ sở chính của Đại Học Luật Khoa phải đi vòng một cái cua Văn Khoa, đi ngược lên đường Lê qua Thư viện Viện Đại Học có quán cơm sinh viên và chè đậu xanh. Trung tâm Liễu Quán có Yaourt và các pho sách nghiên cứu Phật học rất giá trị, đi qua sân quần vợt của các nhà trí thức có tinh thần thể thao, qua cercle, có bún bò và hồ tắm kín đáo, nơi ngồi chơi xơi nước thường trực của các văn nghệ sĩ tiêu biểu nhứt cố đô, qua cầu Mới tiện nghi của chiếc xe Dodge và GMC, qua Bệnh viện Trung Ương vừa được khánh thành. Đi qua hết các khoản đó là đã đi được một đoạn đường dài, mát và đẹp. Nhất là vào mùa hè, *mỗi năm đến hè lòng man mác buồn*, hoa phượng nở đỏ, các trường Trung học đóng cửa, sông nước ngờ nghệch lơ đãng. Và trường Luật treo biểu ngữ đón các cựu sinh viên Ngày Về Trường. Giới trẻ thường chở nhau đi phơi phới trên khúc đường này nhất. Bởi nó có vẻ văn hóa nhất. Ngồi ở băng đá trước sân Trường Luật có thể nhận diện được gần hết những chiếc xe gắn máy qua, không kể xe đạp và người bộ hành.

Nhìn từ chỗ ngồi này cũng giống như nhìn qua cái ống dòm không cần điều chỉnh, nó cũng giống như cặp kính cận thị của sinh viên Văn Khoa, đứng đắn và tốt. Người nhìn có thể mô tả tường thuật lại cho người không nhìn những điều mình nghe thấy, đầy đủ và đôi khi dồi dào hơn cả sức tưởng tượng của người không nhìn.

Khu văn hóa còn văn hóa ở chỗ cái Tòa Viện trưởng Viện Đại Học (nơi nộp lệ phí ghi danh hoặc lệ phí thi cử để nhận Biên lai đã-trả-tiền-rồi) nằm đối diện với Cư Xá Giáo Sư Đại Học. Cư xá dành riêng cho các Giáo sư Đại học Huế đã đành, đó còn là nơi tiếp đón các giáo sư định kỳ đến từ Sàigòn, hoặc các giáo sư thập phương đến họp cho các chương trình giáo dục Đại học dự trù, như mới đây mấy tháng trước. Viện sẽ đài thọ hết mọi khoản, kể cả khoản du ngoạn bằng đường bộ và đường thủy đặc biệt hướng dẫn bởi Giáo sư Trưởng ban Sử Địa của Đại học Văn khoa và Sư phạm. Có cả một nhóm sinh viên chọn lọc của ban sinh ngữ để tiếp riêng những giáo sư ngoại quốc, giải quyết được hết mọi khó khăn cho Giáo sư Trưởng ban Sử Địa trong vấn đề dẫn giải các di tích lịch sử.

Cư Xá còn là nơi tiếp lưu các nhà nghệ sĩ tên tuổi đến X vì công vụ hay tư vụ. Kể cả nghệ sĩ quốc tế, như ông Jacob Feuerring, nhạc sĩ dương cầm Hoa Kỳ đã tình nguyện đến X trình diễn một chương trình nhạc Đông Tây mà không nhận thù lao... Trong một buổi độc tấu dương cầm đặc biệt như vậy, các nhà trí thức tên tuổi và một số đông các sinh viên tỏ ra rất trí thức đã đến dự thật đông đủ. Giống như Tuần Lễ Văn Hóa trước đây do Trung Tâm Liễu Quán tổ chức. Người ta không thể thấy thiếu nhà nghệ sĩ Giám đốc Đài phát thanh, tất nhiên, hay các văn nghệ sĩ tiêu biểu của cố đô vốn hay vui vầy cùng nhau ngoài hiên mát của nhà thủy tạ (gọi là cercle). Mỗi người đều dự và ra về với một tư cách hết sức nghiêm chỉnh, nghiêm trọng, tỏ ra am hiểu vấn đề hơn sức hiểu biết của tất cả những người khác.

Bộ mặt của X nói chung, trong những dịp như thế bỗng trở nên xôn xao linh động. Nói riêng, Văn Hóa bên khu này có thể ảnh hưởng đến Thương Mại bên khu kia. Ngoài phố người ta sẽ hỏi thăm nhau [hôm]o mở lên đứng dở nhạc cho ông Jacob rứa, còn o mở tặng hoa rứa, phải o xớ có bỏ Thủy Quân Lục Chiến

không ? Ông Jacob 63 tuổi sẽ không ngờ o nớ có bồ Thủy Quân Lục Chiến. Nếu có ông sẽ độc tấu một bài quân nhạc riêng tặng ? Không biết. Người ta không biết và người ta muốn biết tất cả những cái đó. *Thị chi bất túc kiến. Thính chi bất túc văn.* Nhìn không đủ thấy. Lắng không đủ nghe. Ông Lão Tử gọi đó là *Đạo* (*Đạo* là đường tức đường Trần Hưng Đạo).

Bậc Thánh Nhân cỡ nhà nghệ sĩ Giám Đốc mà nắm được cái *Đạo* này dù có đi cùng khắp ở chỗ nào Người cũng được yên cả. *Thiên hạ vãng, vãng nhi bất hại. An bình thái.* Vì người hiểu biết, am tường. Người đảm trách một trung tâm văn hóa đáng tin cậy với những chương trình phát thanh thật cải cách tân kỳ. Người ta để Người yên để được nghe Người. Biết thế Người chỉ ở yên một chỗ mà tải Đạo và hưởng thái bình chứ cũng ít khi *thiên hạ vãng*. Bề nào Người cũng được yên cả. Chỉ ít khi vào buổi chiều, khi hoàng hôn về trên sông H. ngồi trước bậc thềm Đài thánh nhân chợt thấy hiu quạnh, *chợt giật mình nhớ tới vợ con chuyện nhà*, Người bỗng thấy mình cô độc quá. Những lúc ấy nếu không có đạo hữu nào thuộc giới trẻ để hàn huyên, Thánh nhân sẽ khó lòng ngăn được niềm riêng. Người sẽ độc đạo tìm đến những tâm hồn mồ côi đồng điệu. Cố nhiên thuộc giới trẻ. Giới này không hiếm. Họ tập trung ở Cư Xá Nữ Sinh Viên do các bà sơ trông coi. Thuộc thành phần tốt, chọn lọc. Nhất là về khả năng đài thọ lưu phí. Họ mồ côi trong tâm hồn (chỉ một số ít), rất ít người mồ côi cha mẹ. Họ (hầu hết) là những người được cha mẹ tin tưởng. Họ cũng là đại diện cho văn minh và văn hóa của thành phố X. nói riêng. Ở đây người ta theo dõi được diễn tiến của thời trang cũng như các tư tưởng tiến bộ phổ biến từ Đà Nẵng ra (thành phố lớn thứ nhì sau Sàigòn). Đây cũng là chỗ tập trung sinh viên của hầu hết các phân khoa Đại Học X. có cả Trình dược viên hay phụ huynh ở xa đến thuê phòng ăn ở với giá rẻ mạt so với giá phòng của khách sạn tệ nhất.

Đến từ các tỉnh thành khác nhau nhưng họ sống xúm xít với nhau rất êm thắm, dĩ hòa vi quí, chia sẻ với nhau từng mẩu tâm sự vụn, sợi tóc họ cũng chẻ ra làm tám. Các sơ kiểm soát họ kỹ lưỡng chi lý, hết sức cẩn thận về tiền bạc, cẩn mật về tình cảm, sơ cũng giải quyết hộ những việc đời trớ trêu nữa. Các cử

chỉ vai quàng tay nắm giữa các nữ trú viên với nhau triệt để bị cấm chỉ, tránh tình trạng ô-mô hay xảy ra trong các tổ chức nội trú. Không được chơi tay đôi quá thân thiết với cách bày tỏ tình cảm ướt át. Đi chơi với bạn trai thì được, rủ về ngồi trước thềm nhà thờ hay dưới bóng cây trong sân cũng được. Vì đó là cơ hội tốt để học thêm kinh nghiệm sống, trao đổi tư tưởng, mở rộng tầm giao thiệp giữa thanh thiếu niên với nhau. Từ chỗ này sinh ra những tâm hồn mồ côi những tâm hồn không tìm thấy cơ hội để học thêm kinh nghiệm sống. Nhà nghệ sĩ Giám Đốc, tức Thánh nhân, sẽ tìm đến những tâm hồn đồng điệu này, qua tư cách một Đạo sĩ quắc thước râu tóc bạc phơ, một người hùng biết người biết ta, một phụ huynh với cái kim chỉ nam chế bằng hợp kim đặc biệt.

Thường thường, Thánh nhân đến thoạt tiên với chân tướng, tức là như một nghệ sĩ. Các tâm hồn mồ côi thích lắm, vì chỉ có nghệ sĩ mới là thành phần văn hóa nhất nước. Sau đó nghệ sĩ sẽ trở thành phụ huynh (với Kim Chỉ Nam) hoặc người hùng biết người biết ta, tùy. Tùy các loại mồ côi. Nhà nghệ sĩ uyển chuyển (tức Thánh Nhân) *thi thiên hạ vãng, vãng nhi bất hại.*

Khu Văn Hóa không phải bế tắc ở chỗ *vãng* hay không *vãng* của Thánh Nhân. Còn cái Nhà Bưu Điện, Ngân Khố, Thuế Vụ, còn các cư xá sinh viên khác, còn các Đài Truyền Hình, Đại Học Y khoa, trường Hộ Sinh Quốc Gia, Viện Bài Lao (bài những con vi trùng làm nhu nhược văn hóa), còn các tư nhân tích trữ và đầu tư văn hóa để kiếm cớ dọn nhà qua khu Thương Mại, còn Đại Học Khoa Học đâu lưng đấu cật với Văn Khoa, còn Tỵ Y Tế Sinh Viên .. Biết mấy !

Nhưng đã có Thánh Nhân tải *Đạo* Người lấy cái lòng của trăm họ mà làm lòng mình. *Dĩ bách tánh tâm vi tâm.* Mấy, Người cũng biết. *Đạo* Người tải ra từ cái ngã tư Duy-Lê phản ảnh được phần nào màu sắc văn hóa của Khu Văn Hóa nói chung và của cái ngã tư nói riêng.

Thọ Diên

Ngậm Thẻ Qua Sông

thơm lửa hương khoai tiếng hát rừng
ven thôn vừa ghé buổi di quân
khói mẹ sau lều cơm chín tới
nước em chè lá đậm phèn sông
tôi đời trận mạc xa quê quán
buổi ghé nương em núp bóng nhà
em nhớ thương chồng đóng đồn ải xa
lâu tin vắng trông mòn đường xóm
tôi ở quá bân hông nhà gió sớm
đợi dùm em tin chinh chiến gởi về

đêm nay mưa em mất ngủ khuya
tôi lạnh gió tin địch về vẫn thức
làng em ở gió lào qua rất độc
ngày mưa mùa khuất núi mù sông
mẹ già mong một mụn cháu đầu lòng
em nhắn gởi bao lần tin vẫn biệt
rụng vườn em trăng sương ngày tháng chạp
tôi gác đêm như bóng người rình
tối nay đạn nổ nhẹ mạn sông
sương mỏng quá nhìn hoa ngàn con mắt

tôi giữa đêm nghe mình như thất lạc
thương xóm nhà biết nổ đạn vào đầu

đồng đội tôi ngủ mệt thôn sâu
ngại làm động, mẹ ho vừa chợp mắt
tôi nương bóng nhà trăng che khuất
ngồi co mình cho bóng bớt riêng tôi
nhìn xa trăng định trốn sau đồi
sông tiếng vạc dậm buồn như tiếng cú
thức có khuya mới nghe hồn bớt ngủ
mới hay trăng tháng chạp úa quanh đời
nghe em thở buồn não mãi không thôi
em thở đó hay gió kêu mùa giá
nhà em ở tận miệt đông xóm hạ
bên triền sông không bến phải vắng thuyền
đầu trăng nên con nước rất vô duyên
lên mấp mé vườn em vai phơi áo
em rất nhỏ ngày trông vào gánh gạo
mẹ thi già vồn cải với nương rau
bước sau biên vui mẹ dày trầu
mùa tốt lá xanh hồn tôi mới ghé
buổi mới đến cau cao vừa nhú bẹ
em thẹn thùa tôi tưởng thuở bình yên
tôi đâu hay em có nỗi hờn riêng
trông chinh chiến gọi hồn chồng theo gió
một tháng tròn ngỡ như ngày thuở nhỏ

em là em, mẹ là mẹ xưa
tôi lêu nghêu lúc đi sớm về trưa
cơm nửa buổi giữa khuya kêu bụng đói
nhà thưa quạnh tôi gượng vui chẳng nổi
mẹ thẫn thờ em heo bóng trong sân
tôi trận mạc nhầu không kể đến thân
sương nhiều lắm trời không che nắm đất
em vẫn bảo tôi mái tranh không chật

tôi cười xòa xó xỉnh miết đầm quen
tròn tháng rồi đấy nhớ không em
hôm từ biệt quanh thôn nhà cửa khép
lúc quân đi chắc em không hề biết
đội tôi ngùi ngùi ngậm thẻ qua sông
còn tôi co ro lạnh mãi gió đông
một lần cuối nhìn nhà em đóng kín
tin chồng em chắc chưa về đến bến
như tin tôi mấy thuở gởi thăm nhà
cũng mấy năm rồi biền biệt phương xa
em còn nhớ một lần tôi ghé ở
thơm lửa hương khoai vùi bếp cũ
hồn em xa lắm cũng quanh đây

Phù Hư

Hãy tìm đọc :

LỊCH SỬ ĐỜI SỐNG TÌNH ÁI
của RICHARD LEWINSOHN
Tiến sĩ Y Khoa, Tiến sĩ Chánh trị học
Hội viên Hội nghiên cứu sinh lý Vienne

TÌNH DỤC TUỔI 15/20
của EUSTACE CHESSER

TÂM LÝ THANH THIẾU NIÊN
của MAURICE DEBESSE

PHÂN TÂM HỌC
của J P. CHARRIER
do Giáo sư LÊ THANH HOÀNG DÂN xuất bản

ĐẶNG TIẾN

Thơ Là Gì ?

Chúng tôi vừa nhận được của nhà văn Đặng Tiến gửi đến từ Paris, một loạt bài viết về Thơ, đặt chung dưới một tựa đề là THI HỌC. Tòa soạn trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc, nhất là các bạn yêu thơ, mười hai bài viết của Đặng Tiến kể từ số này. Dưới đây là bài thứ nhất trong loạt biên khảo của Đặng Tiến,

Dưới tiêu đề hết sức tổng quát này, chúng tôi mở đầu một loạt bài biên khảo về thơ, trên bình diện lý thuyết.

Đề tài không phải là mới mẻ; từ thời Khổng tử san định Kinh Thi, từ thời Aristote luận về Thi Học đến nay, hơn hai mươi thế kỷ đã nghiêng mình xuống ngôn ngữ của thi ca. Tuy nhiên, cho đến nay, những bình luận về thơ chỉ dừng lại ở mức cảm thụ, nghĩa là cái phần trực giác bén nhạy giúp ta linh cảm chất thơ; thậm chí có người đưa ra những quan niệm thần bí về thơ, như nhóm Xuân Thu Nhã Tập trước đây, và một số tác giả khác hiện nay tại miền Nam.

Giới văn học Tây phương cũng đã lúng lúng rất lâu trong việc định nghĩa thi ca. Năm 1925 trước năm Viện Hàn Lâm đồng họp tại Ba Lê, Henri Bremond, trong bài diễn thuyết về « thơ thuần túy » (1) đã đưa ra một quan niệm huyền nhiệm về thơ, làm lung lạc cả thế giới khảo cứu của Pháp. Nhưng từ ấy đến

---

(1) La Poésie Pure, nhà xuất bản Grasset, Paris 1926 — Tuyệt bản.

nay, nếu các lý thuyết về tiểu thuyết, kịch... không tiến bộ bao nhiêu thì kiến thức về thơ của Tây phương đã tiến bộ rất nhiều, nhất là từ hai mươi năm nay, bộ môn « thi học » trở nên thời thượng, nhờ những lý thuyết thẩm mỹ nói chung, nhờ sự đóng góp của các triết gia như Heidegger, Bachelard, Sartre... và nhất là nhờ những tiến bộ vượt bực của bộ môn ngữ học từ de Saussure đến Jacobson và bộ môn nhân chủng học từ Sapir đến Lévi Strauss. Năm 1962 Jacobson và Lévi Strauss, mỗi người đã mang những kiến thức nghiêm túc của mình để hợp tác giải thích bài thơ Mèo (Les Chats) của Baudelaire (2); bài giải thích này là bước tiến quyết định trong việc phá vỡ huyền thoại về thơ.

Tại Việt Nam, có lẽ vì hoàn cảnh, nên chưa có những biên khảo thật nhất quán và khoa học về thơ, tại miền Nam cũng như miền Bắc. Đó là việc cần phải làm vì ai cũng biết dân tộc ta yêu thơ và ngôn ngữ ta giàu thi tính. Vì vậy mà chúng tôi không ngại kiến thức vừa hẹp hòi vừa ngắn ngủi, đưa ra một số vấn đề trong loạt bài sắp tới: thơ và văn xuôi khác nhau ra sao, tương quan giữa ý thơ và lời thơ, đặc tính của lời thơ, khả năng của khoa học đối với việc hiểu thơ... Để thoát ly khỏi quỹ đạo của kiến thức tây phương, chúng tôi sẽ trình bầy quan niệm của tổ tiên ta về thơ, thi tính của ca dao, và sẽ phân tích một vài thi phẩm cổ kim của ta: một lý thuyết về thơ chỉ có giá trị nếu ta có thể áp dụng để phân tích rất nhiều tác phẩm cụ thể.

Việc làm này, chúng tôi không viết thành sách, mặc dù có lời yêu cầu của một vài nhà xuất bản; tôi chỉ muốn trình bày trên báo để góp ý với nhiều giới độc giả khác nhau, mặc dù biết rằng khó lòng nắm được lý luận toàn bộ qua mươi bài báo bề ngoài rời rạc.

Viết loạt bài này, chúng tôi có bốn khó khăn: thứ nhất, sự khảo cứu chỉ mới ở bước đầu; thứ nhì, thiếu tài liệu về thơ Việt Nam; thứ ba, muốn trình bày một vấn đề chuyên môn bằng

---

(2) Tạp chí L'Homme, số II, 1, 1962, in lại trong Questions de Poétique, Roman Jacobson, n.x.b. Le Seuil, Paris 1973, tr. 401-419.

một ngôn ngữ bình dị ; thứ tư, biên khảo về thơ mà không văn vẻ thì đọc chán, mà văn vẻ thì kém khoa học.

Bạn đọc sẽ nhận thấy những khuyết điểm do các khó khăn nói trên tạo ra.

Trong bài đầu tiên này, chúng tôi chỉ nêu ra vấn đề căn bản : thơ khác với ngôn ngữ thường ra sao. Vấn đề này, ông bạn Nguyễn văn Trung cách đây đã lâu, đã trình bày mạch lạc (3), nay tôi chỉ nói lại, một cách vắn tắt và cụ thể. Ngôn ngữ nói chung, là một trong nhiều hệ thống ký hiệu, được loài người dùng làm *phương tiện* để truyền đạt tin tức, hiệu lệnh, tư tưởng, tình cảm. Mỗi từ ngữ không có giá trị tự tại, mà chỉ là công cụ để chỉ một đối tượng : con mèo, con chó chẳng hạn.

Thơ cũng là ngôn ngữ, cũng truyền đạt một tình, một ý, nhưng đặc tính của nó không nằm trong thông điệp truyền đi, mà nằm trong những từ ngữ được sử dụng ; ngôn ngữ thơ không những là một dụng cụ, mà còn là một thể chất ; cho nên, khi so sánh thơ với ngôn ngữ thường, người ta thường nói quá đi một chút cho rõ nghĩa : *thơ là ngôn ngữ tự lấy mình làm cứu cánh* trong khi văn xuôi, hay bạch thoại, chỉ là những ký hiệu bày tỏ một đối tượng bên ngoài. Nói khác đi, nói, là nói cái gì, còn làm thơ, là nói để được cái thú nghe lời mình nói. Yêu thơ là yêu những lời nói đẹp.

Từ cuối thế kỷ trước, Mallarmé đã bảo : « làm thơ với từ ngữ, chứ không phải với ý tưởng » (ông Nguyễn văn Trung có trình bày đầy đủ quan niệm của Valéry, Breton, Sartre về điểm này) (4). Nhưng mãi đến vài mươi năm gần đây, các nhà khảo cứu về thơ mới chú tâm đặc biệt đến thơ như là một ngôn ngữ tự tại, như hội họa, như âm nhạc. Thật ra, từ 1921 Roman Jacobson đã chủ trương : « Thơ chỉ là một ngôn để nhắm vào biểu

---

(3) Lược Khảo Văn Học, cuốn 2, Nam Sơn xuất bản, 1965, tr. 72-82.

(4) NT, tr. 16-34.

thức (un énoncé visant l'expression), có thể nói, vận hành theo những quy luật nội tại ; chức năng truyền đạt, đặc biệt của ngôn ngữ hằng ngày và ngôn ngữ truyền cảm, bị giới hạn đến mức tối đa Thơ dửng dưng với đối tượng của lời nói » (5) ông còn so sánh : « Nếu hội họa là cách tạo hình bằng những chất liệu của thị quan có giá trị tự tại, nếu âm nhạc là cách tạo âm bằng chất liệu thuộc thính quan có giá trị tự tại, nếu vũ điệu tạo hình bằng chất liệu cử động của thân thể có giá trị tự tại, thì thơ là cách tạo hình với từ ngữ có giá trị tự tại Thơ là ngôn ngữ trong chức năng thẩm mỹ của nó » (.. La poésie est la mise en forme du mot à valeur autonome (..) c'est le langage dans sa fonction esthétique) (6) Hơn mười năm sau, cũng tại Prague, ông lại định nghĩa « thơ là gì » và nói rõ : « thi tính thể hiện ra sao ? — Thể hiện bằng cách :.từ ngữ được cảm thụ như là từ ngữ, chứ không phải chỉ là một ký hiệu tầm thường của sự vật được gọi tên, cũng không phải như một vỏ bọc vỡ của tình cảm ; thể hiện bằng cách : những chữ, và cú pháp của nó, và ý nghĩa, và hình thể ngoại tại và nội tại, không phải chỉ là những dấu hiệu vô vị của thực tế, trái lại những chữ đó có trọng lượng riêng, có giá trị riêng ». (7)

Mãi về sau này, khi Jacobson được xem như bậc thầy của khoa ngữ học trên thế giới, các nhà thi học mới khai thác triệt để tư tưởng của ông một phần cũng nhờ sự đóng góp của tư trào cơ-cấu-luận (Structuralisme) với Claude Levi Strauss.

Trong một khoa học khác, khoa nhân chủng học, Levi Strauss cũng đi đến một kết luận như Jacobson : « Chúng ta đều thừa nhận rằng từ ngữ là những ký hiệu, nhưng giữa chúng ta,

---

(5) In lần đầu tại Prague, 1921, in lại trong Questions de Poétique, Sđd, tr. 14, và trong tạp chí Poétique, số đặc biệt về Jacobson, 7-1971, tr. 290.

(6) Questions. . tr 16 ; tạp chí Poétique, tr 290 Tôi chỉ chú nguyên văn những đoạn chính.

(7) Co-je poésie, Prague 1933-1934, in lại trong Poétique, sđd tr 308, và trong Questions de Poétique, Sđd, tr 124.

thi sĩ là những kẻ cuối cùng sót lại, còn biết rằng từ ngữ, xưa kia, cũng là những giá trị » (8).

Từ quan niệm : thơ là « một ngôn ngữ trong ngôn ngữ » theo lời Valéry, các nhà khảo cứu xây dựng một nền khoa học mới, môn « thi học » với những quy luật chuyên môn Thậm chí ngày nay, họ không còn xem thơ như một lãnh vực của văn chương như ta vẫn quan niệm từ trước đến giờ, mà là một hệ thống ký hiệu riêng, không mấy quan hệ với văn chương : « Ngày nay, chúng ta không còn có thể đề cập đến sự kiện thi ca bằng cách sát nhập thơ vào lý thuyết tổng quát của văn chương, ví dụ như xem thi phẩm như một phần của văn phẩm nói chung (...) vì cấu trực của thi thoại không thể nới rộng đến ý niệm về văn chương » (9) Chúng tôi chưa có điều kiện để phê phán hay áp dụng những kiến giải quá chuyên môn đó, và chỉ dừng lại ở những nguyên tắc tổng quát, để bạn đọc dễ lãnh hội.

Chúng ta thử so sánh một cách rất bình dị ngôn ngữ thường (ngôn ngữ dụng cụ) và thơ. Ví dụ muốn hút thuốc, tôi hỏi : « anh có diêm không » thì đó là một câu nói thường, tự nó không có giá trị. Nó chỉ là dụng cụ để tôi đốt được điếu thuốc. Tôi có thể nói một cách khác : anh có lửa ? anh có hộp quẹt ? anh có bật lửa ? anh cho tôi mồi điếu thuốc .. nói sao cũng được, miễn là đạt tới kết quả. Vậy ngôn ngữ nói chung, chỉ là một phương tiện, chỉ có thi ca mới là một ngôn ngữ riêng, tự lấy mình làm mục đích : ví dụ, cũng câu xin lửa, mà tôi nói :

---

(8) Anthropologie Structurale, Plon, Paris 1958, Claude Levi Strauss nói « cuối cùng sót lại .. xưa kia » vì muốn truy nguyên nguồn gốc và cơ cấu của ngôn ngữ, qua cơ cấu tổ chức thị tộc và hôn nhân các xã hội cổ sơ của Phi Châu, Nam Mỹ, vì theo ông liên hệ thị tộc và hôn lễ cũng là ngôn ngữ.

(9) A J. Greimas, Essais de Sémiotique Poétique, n.x b Larousse, Paris 1962, trang đầu.

« Cho tôi xin chút lửa
Lửa tắt
Cho tôi xin nước mắt
Nước mắt chua... »

Thì tôi không còn nói để đốt được điếu thuốc, nhen được bếp cơm, mà nói để có cái thế được nói một câu đồng dao đẹp. Câu đồng dao đó, tự nó là đối tượng của nó, nó không diễn tả cái gì hết : đứa bé lên năm chơi rồng rắn thì xin nước mắt làm gì ?

Cũng chú bé đó, khi bập bẹ tập nói, học những tiếng con mèo, con chó... để có dụng cụ chỉ hai loại gia súc nọ ; lớn lên chút nữa, nó dùng chữ chính xác hơn : con vện, con tam thể, để chỉ cùng đối tượng : dụng cụ nó dồi dào hơn ; trước kia nó chỉ có một con dao ; bây giờ nó có con dao bổ dừa để bổ dừa, con dao cau để bổ cau. Ngôn ngữ vẫn là dụng cụ. Mai kia, nó lớn lên, nó sẽ gọi tình nhân nó là mèo, tình địch là chó, thì dụng cụ đổi đối tượng, như là nó dùng dao cau để rọc thư tình nhân và dao bổ dừa để chém đầu tình địch. Hai ví dụ kể trên chứng minh hai điều : mèo, chó... là ngôn-ngữ-dụng cụ ; và trong ngôn ngữ dụng cụ đó, từ ngữ và đối tượng là hai cái khác nhau, từ ngữ tạm xem là hình thức, đối tượng tạm gọi là nội dung, có thể dùng hai chữ cùng nghĩa (mèo, con tam thể) hay một chữ hai nghĩa (mèo = gia súc hay tình nhân).

Ở Thơ thì khác. Chú bé đó, bắt chước mẹ, hát nghêu ngao :

Con mèo, con chó có lông
Bụi tre có mắt, nồi đồng có quai
(Ca dao)

Hai chữ con mèo, con chó, và cả câu ca dao, không có đối tượng. Ai chả biết cây tre có mắt và nồi đồng (Miền Trung) có quai ? Vậy nói, ở đây, không phải là nói lên cái gì, mà nói là để có cái thú được nói một câu mà mình cho là hay. Thế nào là hay thì lại là chuyện khác.

Các nhà khoa học đã đồng ý với nhau là :

Về lý thuyết, *ngôn ngữ nói chung và văn xuôi nói riêng, là ngôn ngữ công cụ, nhằm phục vụ một đối tượng trong đời sống hằng*

ngày. Thơ trái lại, là một ngôn ngữ tự tại, lấy mình làm đối tượng (5). Về thực tế, khi đưa quan niệm đó vào việc phân tích thi ca, chúng ta cần hết sức cẩn trọng, vì một thi phẩm đặt rất nhiều vấn đề. Cái nhìn khoa học không những cần hợp lý, mà còn cần nhất quán ; ngoài ra, cái nhìn khoa học cần, nhưng chưa đủ để thưởng thức thi ca.

Nói thơ là một ngôn ngữ tự tại, không phải là nói thơ không cần có ý nghĩa, hoặc thơ không tương quan gì đến thực tế nhất là thực tế xã hội. Đó là hai điểm chính yếu không nên ngộ nhận.

Những câu thơ ta cho là hay, ta dễ nhớ, vẫn là những câu có nghĩa, hoặc có ý, có tình. Ở Tây phương đã có nhiều trường phái chủ trương thơ vô nghĩa, đều bị bế tắc. Câu thơ phải có nghĩa ta mới chú ý, ta có chú ý rồi mới thấy hay, càng đọc càng thấy hay, lâu ngày nhớ lại vẫn thấy hay, *nhưng câu thơ hay đó, tuy có ý nghĩa, nhưng không hay vì ý nghĩa*, mà hay vì lời. Nếu có câu thơ hay vì ý, thì câu thơ đó hay cái hay của văn xuôi, ví dụ câu này của Hàn Mạc Tử.

Sao bông phượng nở trong màu huyết
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu.

Nói khác đi, tương quan ý-lời bị đảo lộn : trong văn xuôi, lời là phương tiện của ý, « được ý phải quên lời như được cá quên nơm » (Trang Tử) trong thơ, ý là phương tiện của lời, về hai phương diện : trong cấu trúc, ý nâng lời, tạo tương quan cho từ ngữ ; ngoài cấu trúc, ý làm môi giới giữa lời thơ và người đọc. Câu thơ không ý thì không có xương sống và không có độc giả. Thơ không ý « như thuyền không lái, như ngựa không cương », nhưng lái không phải là thuyền, cương chỉ là một thành phần chính yếu của ngựa, và thơ hay không phải tại ý, như ngựa thiên lý không phải nhờ dây cương. Vì vậy mà thơ xưa, từ đông sang Tây, quay chung quanh các đề tài tuyết nguyệt phong hoa : điều chính yếu trong thơ không phải là nói cái gì mà là nói ra làm sao. Vì trong thơ, ý là phương tiện của lời, nên người bình giảng thơ cần đặt lại vấn đề nội dung và hình thức trong thơ. Đâu là nội dung thơ ? đâu là hình thức ? Theo lối thường thường của sách giáo khoa thì nội dung bài Thu Điếu của Nguyễn Khuyến là việc đi câu cá mùa thu. Thật không ? Dụng tâm của Nguyễn Khuyến

khi làm bài ấy, là để tả việc đi câu ? Hay chỉ mượn việc đi câu, mượn luôn cả cảnh ao thu để làm một bài thơ đẹp ? Phải duy lý có thể bẻ lại, Nguyễn Khuyến làm bài thơ đó để nói lên tâm hồn kẻ ẩn sĩ ; vì tâm hồn ấy đẹp nên bài thơ hay ; nghe không vững, vì có phải thánh nhân đều là thi sĩ cả đâu, và bao nhiêu thi sĩ, Tư Mã Tương Như, Baudelaire chẳng hạn, là kẻ tầm thường, hay tội lỗi. Vả lại, anh thích bài đó, vì anh thích đi câu, hay vì anh thích mùa thu, hay vì bài thơ đó hay ? Tóm lại, thì nội dung của bài thơ là ở thi vị của lời thơ, hình thức của nó là ao thu, phương tiện của nó là chuyện đi câu.

Nói như thế, có vẻ nghịch với lẽ thường. Nhưng chính *thơ là ngôn ngữ nghịch với lẽ thường*. Vầng trăng làm sao « ai xẻ làm đôi » được ? Làm sao « gieo thái sơn nhẹ tựa hồng mao » được ? thi sĩ là kẻ phá vỡ tương quan của ý tưởng và thay thế vào đó tương quan của từ ngữ. Sự hoán chuyển phương tiện — mục đích vẫn thường xảy ra trong thực tế ; trở lại với ví dụ đi câu : con rô con giếc là đối tượng của bác thợ câu, nhưng chỉ là phương tiện của ông Lã Vọng là đi câu để đi câu. Cô hái chè lúc vươn tay thì cành chè là đối tượng ; cô đứng chụp hình, tay vịn cành chè, thì cành chè là phương tiện để có bức hình đẹp. Cô đứng tự nhiên thì hình không tự nhiên, phải giả vờ vịn cành chè thì hình mới tự nhiên. Ngôn ngữ Thơ cũng vậy : nói tự nhiên thì không ra thơ, phải nói một cách nào đó mới là thơ.

Bảo rằng thơ là một cách nói, thi sĩ làm thơ là để làm thơ, như kẻ đi câu để đi câu, phải chăng là từ chối mọi tương quan giữa thơ và thực tế xã hội ? Không phải vậy, những thi sĩ lớn cũng như những lý thuyết gia ngày nay không còn mấy ai chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật.

Thơ có đặc tính riêng, nhưng vẫn bắt nguồn từ xã hội và phục vụ xã hội. Bắt nguồn và phục vụ bằng cách nào thì còn tùy hoàn cảnh cá nhân, hoàn cảnh xã hội, và tùy chế độ chính trị, xưa cũng như nay.

Thơ bắt nguồn từ thực tế vì phải sử dụng ngôn ngữ hằng ngày (dù để chế biến, xáo trộn) vốn là phản ảnh của đời sống

đại chúng. Thơ lại sử dụng những tình ý của con người, thì dù muốn dù không, cũng phản chiếu xã hội. Những thi phẩm lớn của ta, như Kiều, Cung Oán, Chinh Phụ Ngâm ... đều mang tính chất đặc tính của xã hội. Gần chúng ta hơn, các nhà thơ tiền chiến nghiện ngập, sống « mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây » nhưng lúc kháng chiến cũng đã « đốt cháy trong lòng những phong cảnh cũ » như lời Nguyễn Tuân, để chiến đấu và sáng tác. Gần hơn nữa, nhà thơ say Vũ Hoàng Chương, đã từng sống giữa lòng đời như « cắm thuyền sông lạ », năm 1963 đã đốt lên ngọn Lửa Từ Bi hùng tráng để soi sáng cho cuộc đổi thay xã hội. Và nhìn chung thơ Hy Lạp, thơ Tàu, thơ Tây, đều mang đặc tính của xã hội. Thơ không những phản chiếu tiêu cực, và còn ảnh hưởng đến tâm hồn con người. Bỏ qua quan niệm « thi dĩ ngôn chí » và « văn dĩ tải đạo » của Nhà Nho, bỏ qua luôn cả quan niệm thơ phải phục vụ trực tiếp quần chúng theo xã hội chủ nghĩa, chúng ta vẫn gặp những nhà thơ lớn ca ngợi những giá trị đạo lý của nhân loại, từ Khuất Nguyên, qua Đỗ Phủ cho đến Nguyễn Khuyến. Những tác phẩm được truyền tụng là những bài như Quy Khứ Lai Từ của Đào Tiềm, thơ lánh đời của Nguyễn Bỉnh Khiêm ; còn thơ xu phụ quyền thế như của hai mươi tám vì sao trong Tao Đàn thì không ai biết tới. Trong khuôn khổ của xã hội phong kiến và tư tưởng nho giáo, thơ vẫn không chịu gò bó trong cái đạo tam cương ngũ thường, mà vươn tới cái đạo lớn của nhân loại ở chỗ ca ngợi cái hùng, cái vĩ, bênh vực kẻ yếu, tố cáo bất công. Khi nói đến tình yêu trai gái, thơ cũng gạn lọc tình cảm, cho nên những đoạn kinh thì ướt át nhất cũng vẫn ngay thẳng như lời Khổng Tử. Bản chất thơ là phải « tư vô tà », đó cũng là một đặc tính so với các bộ môn văn nghệ khác

Vì thế ngày nay tại các nước tân tiến, thơ là một bộ môn quan trọng trong các chương trình giáo dục, nhất là cấp tiểu học : trẻ con học thơ để yêu tiếng mẹ, rồi từ đó yêu quê hương, yêu cuộc sống.

Đối với dân tộc Việt Nam vốn yêu thơ, thưởng thức thơ từ lúc nằm nôi, nếu thi ca đóng đúng vai trò của nó, dĩ nhiên là sẽ có âm hưởng rộng lớn

Đề kết luận, tôi mượn lời Roman Jacobson : « Thi ca, so với những giá trị xã hội khác, tuy không vượt bực, không lấn át, vẫn là thành tố căn bản của ý thức hệ, luôn luôn quy về một đối tượng. Thơ giúp ta khỏi trở thành máy móc, bảo vệ chúng ta chống lại hạn rỉ đang hăm dọa những công thức về tình yêu và thù hận, về phản kháng và hòa giải, về đức tin và phủ nhận.» (10)

Những đóng góp của Jacobson sẽ giúp ta phân biệt thơ hay và văn bay, trong kỳ tới.

Đặng Tiến
(Thi Học)

---

(10) Questions de poétique, S.đ.d, tr. 125.

Đã Phát Hành Toàn Quốc

KẺ TÀ ĐẠO

Đây là tác phẩm thứ năm của Nguyễn Xuân Hoàng. Một Nguyễn Xuân Hoàng mới. Bằng một chủ quan mạnh mẽ, và một bút pháp trong sáng, trực tiếp, Kẻ Tà Đạo trình bày tấn thảm kịch chung của tình yêu và tuổi trẻ bây giờ. Trên những khía cạnh đột ngột, khác thường, chưa từng thấy.

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

NAM CHỮ

Tiết Điệu Của Lá Cỏ

thanh vắng

Mai kia anh đứng trên rừng
Ôi chao một cụm mây chùng xuống vai
Chút gì thấm lạnh chiều phai
Bóng hư linh vút tưởng ai băng ngàn

dấu chân

Dấu chân em mảnh hồn này
Ta lên trăng xế đồi cây im lìm
Đất nằm thoi thóp qua đêm
Cho ta con dế cỏ kim chưa từng
Một đời chôn dưới mông lung
Trăm ngàn năm nữa mịt mùng hỏi ai

ảo bệnh

Tiếng hàn lắng xuống ta nghe
Năm canh em để nước đè dưới chân

Chiều tan mất hút nguyệt vàng
Vội theo về núi bóng ngàn hắt hiu
Những ngày tiếng hát có liêu
Hồn xanh ôm kín quá nhiều mây bay

sơ mộng

Suốt đời ngóng hỏi mây qua
Trăm ngàn năm với bao la mịt mùng
Vòng tay ôm hết nghìn trùng
Nhớ thương vườn trắng lao lung cuối cành
Hồn xanh chân bước đạp thanh
Đêm đêm ta ứa long lanh cỏ mù

nhịp điệu trần gian

Mai đây chỗ cỏ xanh rì
Ôi chao sương trắng thiếu gì biệt ly
Nhân gian nửa gánh tan vì
Mùa xuân đã gấp ra đi sa mù
Tay trần loáng lạnh im ru
Phiêu phiêu ta bước thiên thu cồ sầu

Nam Chữ

Tìm đọc :

CHÂN DUNG TRIẾT GIA

của ĐẶNG PHÙNG QUÂN

LỬA THIÊNG xuất bản

MƯỜNG MÁN

Xác Tượng

Gió thổi tiếng nói Hà táp vào mặt tôi ấm dịu, gần gũi :

— Ngày đêm em loanh quanh trong nhà như một con kiến, có chết chóc chi đâu ? Các anh sao người nào cũng ham đi thế ?

— Bởi các anh đứa nào cũng bị Sao Thiên Mã chiếu mệnh.

— Còn em ?

— Sao Trụ Tri

— Em bị Sao Quần Quanh chiếu mệnh thì đúng hơn.

— Ừ ! Biết đâu.

Sao Quần Quanh, sao Trụ Tri Có không ? Tôi cười. Đêm khoanh tròn trong mắt Hà hai chấm đen căng xoáy.

— Năm anh bỏ đi Hà mấy tuổi nhỉ ?

— Mười chín.

— Bây giờ ?

— Hăm ba.

— Mau ghê.

Hà thản nhiên :

— Không mau lắm đâu Râu anh chưa dài tới ngực, tóc em chưa bạc mà. Ngày nào chồng gậy tới thăm nhau, họa may em mới chắc anh không ham đi nữa.

Còn đi chứ.

— Hơi sức đâu nữa đòi đi ?

— Đi tàu suốt. Chuyến cuối cùng Địa chỉ đến : Nghĩa trang.

— Chắc gì đã nghĩa trang, anh ?

— Ừ nhỉ.

Không nghĩa trang thì một góc xó nào đó, dọc đường, rừng xa trường lạ, thôn bản điu hiu, hoặc đồng không mông quạnh (?) Dẫn nơi chốn nào cũng chỉ trên mặt đất này, để trốn chạy cho thoát.

Câu chuyện không dưng quặt qua ngõ ngách lạ kỳ. Tôi dắt Hà trở lại ; còn trẻ quá, nghĩ tới nghĩa trang chi sớm cho lạnh mình.

— Anh về, Hà mừng không ?

— Lâu lâu về, các anh ai cũng hỏi em câu đó. Mừng không !

— Thế Hà trả lời các anh San, Thuận, Thuyên thế nào ?

— Chẳng muốn ai buồn cả, em đều bảo là mừng.

— Anh về, Hà không mừng cũng chẳng sao.

— Mừng chứ. Mừng anh còn nguyên vẹn tay chân. Mừng anh có vài cái khang khác.

— Khác lạ gì đâu ?

— Ví dụ năm xưa miệng cười anh ngó hiền hiền, nay trông đểu đểu. Hai gò xương lưỡng quyền ngày càng có khuynh hướng nhô cao và, hình như những sợi râu có vẻ cứng hơn.

— Gì nữa ?

— Mai ra chợ em mua cho anh tấm gương soi.

Tỉnh táo. Ráo hoảnh Đoan quyết. Hà khác xa Hà trong trí tưởng tôi lúc chưa gặp. Giữa mười chín và hăm ba : Khoảng thời gian Hà tăng tuổi lớn, tôi vắng mặt. Thời gian ngấm ngầm tăng bề dài, khơi chiều rộng trong cốt tủy Hà mười chín lặng lẽ, và, một hôm Hà hăm ba hiển hiện trước tôi với ít nhiều ngạc nhiên thú vị.

— Anh thấy em có chi lạ không ?

— Nửa quen nửa lạ.

— Là thế nào ?

Làm sao tôi nói cho Hà hăm ba hiểu rằng tôi đang muốn xăm xoi, xét nét nàng in nhà khéo cổ chú mục vào các đường nét mơ hồ của một bức cổ tượng. Để làm gì ? Thật giản dị : Để được thấy lại vóc dáng của Hà mười chín mà không vướng bận, ám ảnh bởi một tơ hào nào của Hà hăm ba cả.

Từ Hà mười chín môi đỏ tóc dài, cùng lúc tôi sẽ được nhìn

lại khung cảnh rộng lớn dựng xanh ngắt của một thời, một nỗi đêm và ngày, ngày và tháng. Đã cũ.

Nói cho rõ hơn, chỉ có Hà mười chín mới đủ phép phù thức dậy những cái mê ngủ trong tôi. Còn Hà hăm ba ? — Xa lạ quá.

— Hà còn nhớ năm Hà mười chín tuổi không ?

— Quên bặt. Trừ vài hình chụp còn lồng trong khung kính. Từ ngày anh Phan bỏ đi, mẹ và em chẳng ai ngó ngàng gì tới.

— Hà còn giữ tấm hình chụp cả bọn hôm đi chơi núi Ngựa Trắng ?

— Hình như còn.

— Hôm đó một nhánh cây móc vào vai, xé rách áo Hà. Nhớ không ?

— Lẩm cẩm vừa thôi, ông anh. Nhớ gì kỹ thế ?

Gió dường thổi mạnh hơn. Dưới bóng những tàng cây rợp, lỗ đỗ ánh trăng, non Hà xanh mướt. Khuôn mặt, hai bàn tay trần bật nổi trên màu áo thẫm. Tôi quay nhìn nhanh bờ vai bên trái người con gái : Chẳng có vết xước rách nào ở đó. Hà mười chín với vai áo rách, môi ngước mắt cười, kiễng chân trên gộp đá cao, tóc và áo phất phới lẫn vào màu mây — chẳng còn nữa. Bây giờ, Hà trầm lặng, thủng thỉnh, như chiếc bóng, hơn thế, tựa một vệt khói, bên tôi.

— Nhận được điện tín, anh ngạc nhiên ?

— Anh thu xếp mọi việc và đi ngay. Suốt chuyến bay anh mong lúc bước xuống phi trường thấy có Phan ra đón.

— Anh Phan chắc không bao giờ về nữa. Mẹ em cũng chưa chết.

Tôi lạ lùng nhìn Hà :

— Sao em đánh điện tín... ?

— Đó là cách gọi anh về nhanh nhất. Quẩn quanh mãi buồn quá, thỉnh thoảng em lại đánh điện tín báo bà cụ mất để gọi một người về. Tháng trước anh Thuyên cũng đã về với cái điện tín tương tự.

Giọng Hà thư thái, sao tôi nghe chừng như muốn khóc. Điều nàng vừa nói quả là bất ngờ. Buồn. Thỉnh thoảng gọi một người quen thân về. Trò chơi đánh điện tín báo tử kỳ dị ấy ai dạy Hà

thế ? Càng lúc tôi thấy Hà càng lạ lùng. Hà mười chín không còn nữa. Đừng tìm kiếm, hoài công.

— Biết rõ bà cụ chưa chết. Anh ghét em lắm không ?

— Không. Sao Hà không bảo thẳng, buồn, mong anh về chơi ít hôm.

Hà xúc động :

— Dường như các anh chỉ thương bà cụ, không ai thương em hết.

— Không có đâu.

— Em thường nghĩ đến lúc bà cụ chết thật rồi, chẳng biết đánh điện tín thế nào các anh mới chịu về.

Hà nói như thể cho riêng mình nghe. Mặt đường, vầng trăng, đêm tối, tôi và những hàng cây phút chốc biến lẫn vào mênh mông thế giới khác, Hà tách biệt thành chiếc bóng lẻ loi, lừng lững Chiếc bóng quen thuộc bao năm của khu vườn, ngôi nhà hiu quạnh

Bằng cách nào Hà đã sống trong những năm qua, bên cạnh một người nằm đợi chết ? Nỗi lạnh lẽo hẳn đã ngấm vào mỗi đầu xương chân tóc, thành dưỡng chất nuôi nàng khôn lớn.

— Bà cụ dạo này khoẻ hơn không ?

— Bà không nằm liệt giường nữa.

Tôi mừng :

— Hy vọng ngày Phan về bà vẫn còn.

— Từ hơn hai năm nay bà không bao giờ ngủ. Bà thức chờ anh ấy một cách kiên tâm và ngoan cố.

Thức chờ. Hai tiếng gọn hẳng, bật sáng trong trí tôi một đôi mắt đăm đăm, thinh lặng. Bà cụ. Tôi chưa bao giờ được gặp mặt.

Chiếc giường kê đâu đó sau tấm màn rủ chùng từ xuân thu này tới đông hè kia. Dấu hiệu của kẻ nằm trên giường còn sống là những tiếng ho ngắn khẽ len thoát rung rinh cùng mưa nắng bên ngoài Tôi chỉ biết sau bức màn có một hơi thở và, kẻ được quyền chung lẫn với hơi thở ấy chỉ là Hà hoặc Phan, không ai khác được quyền đến khuấy rộn cái không gian bằn bặt của bà cụ.

Ngôi nhà cơ hồ thường trực đắm trong biển im lặng lớn. Mỗi lần ghé lại, tôi hoặc San, Thuận, Thuyên lui tới với Hà, Phan quanh quất trong vườn, bên chiếc hồ nuôi cá hình bán nguyệt (sau ngày cha chết, Phan không nuôi cá nữa, dùng hồ trồng sen). Chúng tôi cười nói rất giới hạn, ngại làm kinh động sự yên tĩnh của bà cụ.

Phan vui vẻ một cách trầm tĩnh, chí thú theo đuổi việc làm hắn ưa thích : Nắn tượng. Phần lớn tượng làm ra Phan dàn bày ngay trong vườn. Những pho tượng đứng ngồi ngổn ngang dưới những cội cây càng tăng thêm vẻ tịch lặng của ngôi nhà cổ; càng phả vào không gian vốn đã xanh mướt màu cây trái cái không khí mê hoặc của cổ tích, thần thoại. Và, có lẽ không khí ấy đã quyến rũ tôi một thời thích lui tới với Hà, Phan, thay vì đến các nơi chốn nhiệt náo khác.

Lắm lúc tôi tới, chỉ khẽ chào Hà, Phan, rồi lẳng lặng trong một góc vườn với cuốn sách mở trên tay, tới trưa, chiều, khách ra về lúc nào chủ nhà không hay. Nhiều buổi tụ tập đông đảo, cả bọn quây quần trên cỏ ăn uống, nhậu nhẹt, tán láo. Hà khép nép tham dự, Thuận phá phách, Thuyên lém lỉnh, San lừ đừ, Phan trầm lặng. Đó là một thời đẹp, không ai muốn chấm dứt, nhưng rồi cũng đến lúc phải chia tay, đưa đông đứa đoài, đứa bổ quê đứa quên xứ.

Sự ra đi của Phan chẳng có đứa nào hiểu nổi. Hắn bỏ lại bà cụ, cô em gái, bầy tượng ngổn ngang trong vườn không một lời thưa gửi. Chỉ tội nghiệp Hà sớm tối quẩn quanh. Phép lạ nào còn níu giữ Hà ràng buộc với khu vườn, ngôi nhà như chốn lãnh cung ấy ? Nếu có vòng hoa dành xưng tụng kẻ chịu đựng cô đơn bền bỉ, tôi nghĩ, vòng hoa đó phải quàng tặng Hà.

Gió thổi không ngớt. Sương mù giăng xanh những cổng ngõ đóng kín. Con đường dẫn đưa lên vùng đất cao hơn. Dưới trăng, màu hồng sỏi trải heo hút trên lối rẽ về ngoại ô. Chúng tôi bỏ đường lớn — trước khi lên tới chân dốc — đi men theo lối sỏi lập lờ giữa hai hàng cây muối già. Lối sỏi nhiều lần tôi đi qua, nhớ từng cổng nhà, từng khúc khuất ngoặt.

Hà ngửa mặt nhìn vầng trăng trên trời :

— Mỗi lần đi đâu về tới con đường này em đều thấy sờ sợ.

Sợ phải về tới nhà, trong khi chân vẫn bước. Em nghĩ lúc nào đó em sẽ không còn quay lại con đường này nữa, như anh Phan.

Tôi nắm lấy bàn tay yếu đuối của Hà bóp nhè nhẹ :

— Thương bà cụ, đừng bỏ bà một mình.

— Nhiều khi em mong cho mẹ em chết. Đỡ khổ cho cả hai. Em đã nghĩ đến việc bỏ thuốc độc vào thức ăn, một lối giải thoát...

Đôi vai nhỏ chợt rung. Hà bật khóc.

Tôi nghe rất rõ tiếng bước chân mình vang trên lối sỏi vụn, cùng tiếng sấm động mơ hồ trên mây.

Vầng trăng tựa cái lòng đỏ hột gà lớn nổi giữa mặt hồ phẳng lặng. Ánh đèn dịu bên trong khung cửa giống ngọn lửa mê hoặc nhìn thấy từ thế giới nào khác. Gió bí mật truyền rao qua lá những lời thì thầm của lũ tượng đứng lẫn với cây cối trong vườn.

— Từ ngày anh Phan đi, tất cả đều khoác lớp áo chết. Anh thấy không ? Bờ hồ đóng đầy rêu, bởi không còn ai ghé ngồi. Những lối đi trong vườn mọc cao cỏ rậm. Nhiều đêm em mơ thấy lũ tượng rủ nhau lang thang quanh nhà. Chúng ca múa, khóc lóc, gọi tên anh Phan không ngớt. Có khi em còn mơ thấy anh Phan biến thành tượng đứng sững nhìn xuống mặt hồ, em kêu, anh ấy chẳng thèm ngó lại. Sau những giấc mơ, em chỉ biết khóc.

Tôi dìu Hà ngồi xuống bờ hồ ầm rêu sương :

— Anh muốn vào nhà thăm bà cụ. Gặp anh, có lẽ bà nguôi nhớ Phan phần nào.

— Không. Đừng. Mẹ em không cho ai bước vào nhà, nếu người đó không phải là anh Phan. Suốt ngày đêm bà đứng tựa cửa..

— Nhưng anh là bạn thân của Phan, của gia đình Hà.

Hà cuống quít lắc đầu :

— Không thể được.

Giọng nói yếu như thể làn nước lướt trên mặt hồ, xót buốt, tê dại. Tôi nhìn hút vào khung cửa lay lắt ánh đèn ảo dị, cố

mường tượng một dáng người đang đứng đâu đó bên trong, đôi đôi mắt tìm kiếm vào mênh mông đêm tối. Lúc này tôi chợt hiểu tại sao Hà đã rón rén mở cổng, dẫn tôi vào vườn chúng lén như kẻ trộm. Bà cụ không muốn ai khác, ngoài Phan, bước vào thế giới trầm mặc ma mị này ?

Đêm nồng hương cỏ cây. Mùi hương ải mục cất giữ lâu năm dưới trùng trùng lớp bụi, giờ theo gió tán lạc dật dờ. Trong chập chùng bóng lá, những môi cười, tay buông, ngực trần, vai nghiêng của lũ tượng lấp ló, phơi lộ dưới ánh trăng, nom ngô nghê quyến rũ. Chỉ cần thổi mớm cho chúng một hơi thở thánh thần hay ma quỉ gì đó, tôi nghĩ, chúng sẽ ca múa, bước đi, khóc cười kể lể. Biết đâu Phan lên đường để kiếm tìm hơi thở kỳ diệu ấy về mớm cho lũ tượng vô hồn của hắn, dựng dậy một cảnh trí hoang đường mới lạ, trong đó con người không giống bất cứ ai, nhưng rất giống con người hắn mơ tưởng. Hoặc giả, Phan đã chán mứa mọi vẻ đẹp dưới bàn tay phôi dựng của mình, hắn đi tìm những vẻ đẹp óng ả, lộng lẫy hay tục tằn thô bạo khác. Dù thế nào, tôi tin, *Phan sẽ bất lực, hắn không tài nào lột tả hết nỗi phiền muộn u linh trong đôi mắt ngóng chờ của bà cụ, trên bất cứ một hình tượng nào.*

Rồi có ngày Phan trở về, tay cầm lăm lăm lưỡi búa đập nát tất cả, hay hắn sẽ về trầm lặng, ngoan ngoãn như một con chiên quỳ hôn, vái van trước mọi vật vô tri trong khu vườn này ?

Chiều xanh trưa vàng đêm trắng, Hà dìu những cơn mộng bước quẩn quanh, mắt ngơ ngác và hồn ngơ ngác. Cho tới bao giờ ? Chẳng còn ngờ gì nữa. Hà mười chín đã vĩnh biệt. Bây giờ, Hà hăm ba đang sống trong xác lượng. Rồi hôm nào nàng cũng sẽ khoác áo rêu phong, đứng cầm lặng ngày ngô trong góc vườn, với nụ cười bất tuyệt hoặc giọt nước mắt rơi hoài không tới đất. Chỉ có chim chóc, nắng mưa đọc thấy những buồn vui của nàng.

Vài sợi tóc Hà xuôi chiều gió bay vướng ngang miệng tôi, tôi ngậm lấy, tưởng chừng ngậm nỗi buồn tê nhạt.

— Hà vẫn một mình từ năm mười chín ?

— Hà và mẹ.

— Không. Anh muốn nói tới một kẻ khác. Một người nào đó. Một tình yêu chẳng hạn.

Hà gật đầu như máy :

— Có. Anh ấy an nghỉ ở đây đời đời.

— An nghỉ ? Anh không hiểu

— Anh còn nhớ Di không ?

Trí nhớ tôi chói lòa khuôn mặt trẻ thơ của một thiếu niên, trong lứa tuổi Hà : Di. Chú bé Hà thường kể hay lò dò theo Hà những hôm tan trường, đi học Chú bé có đôi mắt thật đẹp, nụ cười thật duyên. Nhân vật lý tưởng cho một cuộc tình học trò mà thuở ấy tôi thường nhắc nhở để chọc Hà háy nguýt. Mối tình đã có. Nhưng sao lại an nghỉ

— Di rất xứng đôi với em, Hà ạ ! Dạo đó anh vẫn mong hai đứa thương nhau.

— Tụi em thương nhau lắm.

Rồi Hà im bặt. Nỗi im lặng tựa tảng băng từ vầng trăng trên đầu bất thần đổ ập xuống Tôi cảm tưởng ánh trăng quanh mình vừa đặc quánh lại, và gió đứng phắc trên những ngọn cây chờ đợi.

— Thế nào, Hà. Ít ra em cũng sung sướng chứ ! Di bây giờ ở đâu ?

— Di ở đây, dưới hồ này.

Theo ngón tay chỉ. Ánh trăng quanh tôi bùng vỡ tơi tả. Gió thổi rít trên những ngọn cây Tôi ngẩn người, muốn ngưng thở vì ngạc nhiên, kinh dị.

— Di ở đây ?

Đôi mắt mở lớn, mặt ngước, môi mấp máy, Hà siết chặt tay tôi trong hai bàn tay giá buốt :

— Một đầu tượng đá dáng xuống đầu Di lúc anh vừa đặt chân lên bậc thềm cất tiếng chào bà cụ. Sau đó anh đã an nghỉ đời đời dưới hồ với một đầu tượng đá khác buộc ngang lưng.

Tôi đứng bật dậy, nghe gió thổi buốt hai bên màng tang Hà ngã nhoài dưới chân tôi, đôi tay đưa lên chới với :

— Di có còn thương em không hở anh ?

Cảm giác ghê lạnh chạy dọc sống lưng Tôi thấy mình như đang đứng trong giấc mộng của kẻ khác.

Thảm kịch đã diễn ra êm ái, mát ngót, được kể lại ngắn gọn. Khía cạnh khốc liệt hoàn toàn bị khỏa lấp bởi vẻ lạnh lùng

dửng dưng. Phải chăng thảm kịch đã lập đi lập lại trong trí người con gái lắm bận, và nỗi hãi sợ dần cô đọng thành sự dửng dưng ? Tảng đá đập xuống đầu, nẩy bật một tiếng thét. Đó là tiếng chày nện mở màn sân khấu. Vở kịch tiếp diễn qua hồi im lặng dài và kết thúc bằng lời của nhân vật phụ :

— Nằm dưới hồ chắc Di lạnh lắm, nhớ em lắm. Chính mẹ buộc em phải đẩy anh ấy xuống đó, vì Di không phải là anh Phan. Không phải là anh Phan. Không phải...

Vầng trăng vụt biến, cùng lúc lũ tượng, cây cối trong vườn nổi từng tràng cười rộ. Tiếng cười nối chuỗi vút lên ngàn mây rồi tan bặt. Một giọng đàn ông từ trong lòng ngôi nhà thâm u thoát ra :

— Phan. Con về đó hả ? Hà ơi ! Anh con về sao không nói cho mẹ hay ?

Quỳ dưới chân tôi, Hà run rẩy :

— Mẹ em đó.

Tôi nghe giọng mình như là giọng của ai khác :

— Mẹ em ? Không. Rõ ràng giọng đàn ông mà !

— Anh không tin sao ? Mẹ em đó. Anh chạy thoát đi. Có thể một đầu tượng đá nữa sẽ bổ xuống đầu anh, nếu bà biết anh không phải là anh Phan.

Tôi trân trối nhìn xoáy bóng trăng vụt hiện trên mặt hồ. Trần gian chừng im vắng hơn bao giờ cả. Nỗi lạnh lẽo khẽ len ngấm vào cốt tủy, mơ hồ tôi thấy tôi biến thành tượng. Và, từ cõi xa xăm ngái ngút nào, tiếng Hà lướt bay trong gió, êm ái tựa kinh cầu :

— Nhiều đêm em mơ thấy anh Phan...

Mường Mán

7-73

Còn một số rất ít :

QUÊ HƯƠNG LƯU ĐẦY

truyện dài HOÀNG NGỌC HIỀN

bìa NGUYỄN TRUNG - *176 trang - giá 120 đồng*

HÀ THỨC SINH

Nhắc Nhở

Xin tặng em một buổi sáng vươn vai
Trong trái tim anh rộn ràng máu đỏ
Xin tặng em hồn lơ đãng ngọn cây
Sớm hôm nay anh giải trừ luân lý cũ

Sớm hôm nay da trời hồng nhắc nhở
Niềm đắm say tơ tóc xác thân em
Sớm hôm nay giọt sương trời nhắc nhở
Đã trút sang em nguồn gốc của đời mình

Xin tặng em, ồ ! tự do anh đấy
Khi yêu em là yêu cả xích xiềng
Yêu chung thân với tất cả nhớ quên
Với tất cả hân hoan và lệ đổ

Xin tặng em suốt ngày lao động đó
Chiều lợ mơ và đêm tối vui chơi
Xin tặng em cả nấm mồ sách vở
Nấm mồ xưa chôn kín nửa đời người

Sớm hôm nay con người anh mới toanh
Quà tặng em không có gì là cũ
Một xác thân đầy sức khỏe anh
Một kiến thức nhọc nhằn đã được giải tỏa
Một tấm lòng đầy dẫy thiên nhiên

Xin tặng em, xin tặng em hết đó
Một cuộc đời duy nhất trên đương gian

tự truyện

Ta thích tự do để được yêu hết cả bà trên thế giới
Thích lang thang thích sống một mình
Có khi ta vượt cả non ngàn cây số
Để hẹn hò cùng một kẻ chưa quen

Bởi vốn sinh ra với nhiều cẩm lụy
Thích được yêu và thích được yêu người
Ở trong ta chảy một dòng rượu ngọt
Nên sống giữa đời như giữa cuộc đùa chơi

Nhưng khi yêu em ta vẫn muốn có gì dâng tặng
Xin tặng tình em một đống sách ngổn ngang
Một tâm hồn chứa nghìn cân thuốc nổ
Một kiếp người đầy mộng ảo miên man

Vì em ạ, ta sinh ra đã lỡ
Bay lánh đênh trên sự sống con người
Ta đã chót hẹn hò cùng nhật nguyệt
Hồn đơn sơ như đóa cúc vàng tươi

Có những lúc vui ta vừa đi vừa hát
Vừa lắng nghe thơ nóc rách trong đầu
Cũng có lúc ta buồn như tử tội
Ôi kiếp người thấy chật chội làm sao

Riêng tấm lòng ta như cung đàn muôn điệu
Cả một đời thèm khát được rung lên
Khi yêu em ta đã cho tất cả
Vẫn tiếc mình sao chỉ một trái tim...

Hà Thúc Sinh

PHẠM QUANG PHƯỚC

Mưa Nơi Xứ Lạ

Chuyến đi xa không được chuẩn bị hay sửa soạn trước khiến tôi hơi ngập ngừng khi năm giờ sáng, thức giấc để soạn đồ đạc vào va-li.

Trước đây mấy ngày tôi không hề vẽ vời hay tưởng tượng đến bất cứ một cuộc vui chơi vào cho vụ hè năm nay. Do đó tôi đã nhận lời với Vinh cùng chung sức mở một lớp luyện thi. Nói là chung sức, chứ thực ra Vinh đã lo hết cả. Mỗi ngày gặp nhau tại phòng giải lao của trường, Vinh vui vẻ báo cho tôi biết những điều anh đã thực hiện được. Có hôm Vinh bảo đã thuê được một phòng học rộng đủ cho bốn chục học trò Ngày khác Vinh nói giấp phép đã được bộ chấp thuận. Có nghĩa là sau ngày nghỉ hè một vài tuần, chúng tôi đã có thể bắt đầu vì học trò theo học phần đông là học trò có giờ do tôi và Vinh phụ trách, đã được thông báo trước về lớp luyện thi này. Trong lúc Vinh nói bằng giọng vui vẻ về số học sinh ghi tên mỗi lúc mỗi đông, thì tôi chỉ nhìa công việc mình sắp sửa phải tham dự một cách hết sức thờ ơ. Vinh không nói nhưng có vẻ ngạc nhiên về sự thờ ơ của tôi lắm. Anh tưởng một công việc có lợi trong vụ hè sắp tới ít nhất cũng làm cho tôi thay đổi một phần nào cái vẻ lạnh nhạt của mình từ lâu nay. Nếu Vinh biết tôi coi những giờ dạy thêm ngoài nhiệm vụ của mình chỉ như một cách loại bớt thời gian dài nghỉ ngơi buồn chán, thì tôi chắc anh sẽ không ngạc nhiên gì nữa. Ba tháng dài nếu không tiếp tục bắt mình làm việc thì tôi sẽ làm cái khỉ gì đây cho qua thì giờ chứ ? Dĩ nhiên là thời gian sẽ dài ra

nếu tôi không tìm ra được thú vui nào khác ngoài việc lui tới hoài hoài mấy cái piscine hay tham dự một cách kẻ cả và miễn cưỡng vào những cuộc họp mặt do bọn học trò tổ chức. Nghĩ như thế nên dù biết rằng trong lúc mọi người nghỉ ngơi ở một bãi biển hay chân núi nào đó, mà mình lại phải tiếp tục cái công việc từ chín tháng qua là một chuyện không vui thú gì, tôi cũng mặc kệ cho Vinh muốn làm chi đó thì làm. Một cái cớ cho qua thì giờ vậy mà

Ngày dạy cuối, trước khi chia tay nhau Vinh bảo tôi hãy cố vui chơi thật nhiều trong một tuần lễ rồi sau đó bắt tay vào việc. Tôi nghĩ tới những giờ dạy buồn nản sắp đến nên bỗng nhiên giận mình và đã tìm đủ cách để sử dụng mấy ngày nghỉ ngắn ngủi vào nhiều việc mà tôi nghĩ nếu không vì lớp dạy hè thì chưa chắc tôi đã làm. Kể ra có một vài ngày sống thảnh thơi theo ý mình cũng là một điều thú vị Những bộ quần áo để lâu trong tủ được tôi lôi ra ủi cho thẳng thớm mặc mỗi lần xuống phố. Váy maxi váy mini cũn cỡn, kính đeo mắt to bản. Trông tôi không còn chút xíu nét đạo mạo như mỗi lần áo dài, tóc vấn cao tới trường. Tôi dễ chịu với ý nghĩ này nên thời gian lang thang ngoài đường chiếm gần hết một ngày. Tôi bỏ cơm nhà để ra tiệm khi thì một mình, khi thì mời theo một vài người bạn vẫn còn lui tới trường để kiếm thêm chứng chỉ. Những bữa ăn thường vui vẻ bởi những lời nhắc nhở của bạn bè như giúp tôi sống lại thời đang còn là một sinh viên. Đi ăn một mình hay với bạn bè, trong mỗi bữa tôi đều uống một vài ly rượu mạnh. Con gái mà uống rượu mạnh trông cũng chướng Nhưng cần quái gì. Tôi cứ nhờ men nồng tưới cho nồng thêm nỗi sống trong tôi thì đã sao nào. Tôi nghĩ giá đang lúc tôi say sưa như thế mà ông hiệu trưởng già hay lũ học trò bắt gặp chắc họ sẽ chết giấc vì ngạc nhiên. Không, họ sẽ gán thêm cho tôi một lố những tính-từ-thời-thượng nữa. Những ly rượu uống ban ngày hay lon bia uống giữa khuya làm tôi hao hụt như đứng trên một nỗi bất trắc vô hình. Tôi mơ hồ tìm gặp một vài điều thay đổi nơi mình. Gì thế này ? Không biết, tuy thế tôi vẫn tiếp tục ngoài phố và may sắm thêm một mớ quần áo đắt tiền nữa (mai mốt đi dạy, những bộ quần áo hoa hoè sẽ nằm yên trong một góc tủ cùng với đời

sống thật lúc nào cũng phải giấu kín). Trong những ngày sống tạm gọi là khoái trá như thế tôi cố quên Vinh đi, cố quên cái lớp học chỉ còn đâu vài ngày nữa là tôi phải bắt tay vào dạy. Bởi nghĩ đến, tôi lại lẩn thẩn tự hỏi sao lúc nào mình cũng như tìm cách đẩy mình vào những phiền toái do mình tạo ra ? Cũng có lúc tôi muốn bỏ mặc Vinh, để kéo dài thêm chuỗi ngày rong chơi. Nhưng ý muốn này cũng chỉ thoáng qua thôi, bởi tôi biết, qua tuần lễ thứ hai tôi sẽ lại chán ngấy những thứ mình đang có.

Một ngày, khi tôi sửa soạn rời nhà thì nhận được thư Tập. Không cần nhìn tên người gửi tôi cũng biết ngay là của Tập vì từ lâu nay đâu có còn ai thân thích đến độ phải liên lạc thư từ với tôi, ngoài Tập. Hơn nữa từ lúc mỗi đứa mỗi nơi với đời sống riêng của mình, hè năm nào Tập cũng gửi thư vào để gọi tôi ra nơi Tập ở «... Năm nay không dạy thêm, ở một mình buồn chết được. Nhé, Niệm ra với mình, nhé. Một căn phòng có cửa sổ nhìn ra biển dọn sẵn chờ Niệm từng năm một. Hè Sàigòn nóng nực có chi quyến rũ mà năm nào Niệm cũng chẳng thèm ra đây ?... » Thư của Tập năm nào cũng mang những lời mời gọi có vẻ chân thành như vậy. Nhét phong thư vào ví tôi ra đường tự nhủ sẽ đọc trong một cái quán nào đó, dưới phố.

Như những ngày đã qua, tôi mua tờ báo đọc để kéo dài bữa ăn sáng chờ tới chín giờ hồ tắm mở cửa vào bơi lội một chập. Chừng hơn một giờ, chân tay mỏi nhừ vì vùng vẫy nhiều nhưng da dẻ thơm mát, tôi rời hồ tắm tới nhà một người bạn nằm trên con đường đưa tới quán ăn quen. Từ trong quán ăn, vời điếu thuốc trên tay, đi ra tôi gặp Vinh. Chẳng hiểu ly bia mới uống hay câu chuyện nghe lỏm được của một cặp tình nhân trong quán ăn (họ bàn tính về chuyện đi nghỉ hè) mà tôi thấy sao Vinh bỗng có vẻ lôi cuốn quá đi. Vinh đứng sững lại trên lề đường, nhìn tôi như chưa bao giờ thấy cảnh một người con gái hút thuốc giữa hè phố. Mắt anh có nhiều vẻ ngạc nhiên sau lần kinh trắng, dù rằng hồi còn đi học, Vinh đã từng sống phóng túng uống rượu hút thuốt như đàn ông rồi. Nhưng ở tôi, việc gì cũng khiến cho Vinh chú ý và ngạc nhiên được bởi anh đang yêu tôi mà. Chia tay với người bạn, tôi đứng lại cùng Vinh ngay bên

chiếc xe anh dựng dưới đường Vinh nhìn tôi và nói anh tìm tôi ở nhà mà không gặp. Anh thêm :

— Tìm mấy lần đều không gặp. Niệm đi đâu hoài thế ?

Tôi búng mẩu thuốc ra xa trong một cử chỉ hết sức đàn ông rồi khoa tay một vòng cười đáp :

— Đi như thế này này.

— Nghĩa là sao ?

— Nghĩa là đi ăn, đi bơi, đi sắm đồ. Đi để khỏi nằm ở nhà. Anh không như tôi sao ?

Vinh lắc đầu, anh nói tôi còn phải lo cho lớp học.

Bao nhiêu khoái trá vì hơi men, vì lần gặp Vinh bất ngờ giữa lúc không ngờ, bỗng tiêu tan hết vì câu nói của Vinh. Đang lúc tôi muốn quên anh lại nhắc cho tôi nhớ đến cái lớp học đáng ghét kia (lớp học hay sự đồng ý của tôi đều đáng ghét như nhau). khi mở xách tay, soi mặt vào tấm gương nhỏ trên nắp, tôi thấy phong thư của Tập. Tôi cười nhạt à, lớp học. Thế nào rồi ? Vinh bối rối vì nụ cười của tôi và chắc cũng vì anh thấy tôi cũng chỉ thờ ơ. Anh nói tôi đang định gặp Niệm về việc này đây. Thứ hai tới mình cho khai giảng. Đề tôi đưa chương trình cho Niệm. Vinh quay về chiếc xe chắc là để lấy chương trình như anh nói. Tôi gọi giật giọng :

— Anh Vinh.

— ... ?

— Tôi... tôi không dạy đâu.

— Niệm đùa đấy à ?

— Không, tôi nói thật. Anh tìm người khác thế vào đi. Tôi không dạy được.

Tôi im lặng nhìn Vinh chăm chú như thưởng thức sự bối rối của Vinh khi nghe tôi có một quyết định đột ngột như vậy. Thật tình tôi cũng đang bối rối hết sức. Chưa chắc gì tôi đã nhận lời mời của Tập để ra cái thành phố ven biển kia. Vậy tôi sẽ làm gì khác nơi đây sau khi từ chối cùng Vinh dạy lớp học hè ? Sau một lát bối rối, Vinh phàn nàn với tôi đủ điều và mong tôi nghĩ lại. Tôi cười thầm trong lòng vì những khó khăn Vinh vừa nêu ra nếu tôi không dạy. Nào là khó tìm người thay thế, nào là có thể học trò sẽ nghỉ nếu người dạy không phải là giáo sư quen biết.

Vinh che giấu một cách tài tình về điều duy nhất anh không nói ra nhưng tôi lại biết rất rõ. Chờ cho Vinh nói một hơi, tôi mới ngỏ ý xin lỗi về sự từ chối đột ngột của mình. Tôi bịa đặt ra lý do của chuyến đi làm như chuyến đi đã được sửa soạn từ lâu lắm rồi. Thật ra mới sau câu nhắc về lớp học của Vinh thôi.

Khi biết chắc là không thể nào giữ tôi ở lại được nữa, Vinh mời tôi đi chơi buổi chiều. Tôi nhận lời sau khi nhờ anh đưa tôi ghé vào bưu điện gửi hỏa tốc cho Tập một bức điện tín nói đón tôi ở bến xe, ngày mai.

Vài tiếng đồng hồ để sửa soạn, về vời chương trình cho một chuyến đi xa. Gấp rút như thế mà lúc này, xếp quần áo, đồ đạc vào va-li tôi cũng chỉ dửng dưng chứ không hề háo hức như vẫn nghĩ. Tôi mang đủ vật dụng cho thời gian sắp tới sống ở biển. Vài bộ quần áo mùa hè, vài bộ áo tắm khêu gợi mới mua hồi chiều khi đi cùng với Vinh vào thương xá Tax. Bảy giờ, Vinh sẽ đem xe tới đưa tôi ra bến xe như lời anh nói buổi chiều. Soạn xong va-li, mới hơn sáu giờ, tôi lấy bộ đồ sẽ mặc trong chuyến đi treo sẵn lên móc rồi tắt đèn, cởi đồ nằm chờ sáng. Bức thư của Tập vẫn còn nằm ì trong ví vì chiều qua bận đi với Vinh tôi không có thì giờ để đọc. Cũng chẳng cần đọc lắm, thì có gì lạ đâu ngoài những câu viết như bức thư tôi nhận được vào mùa hè năm trước.

Chiếc xe nhỏ gồm bảy người kể cả tài xế, rời bến đậu bắt đầu cho cuộc hành trình dài trên bốn trăm cây số. Buổi sáng, bến xe chộn rộn với kẻ đi người ở, với những hàng quà bánh rao inh ỏi. Xe chạy chậm vì chưa ra khỏi khu vực hạn chế. Tôi lục xách tay lấy kính đeo lên mắt không nghĩ rằng Vinh đứng đâu đó trong dòng người đưa tiễn kia có lẽ sẽ buồn một chút nếu thấy tôi bình thản dựa ngửa trên ghế như sửa soạn một giấc ngủ. Cũng có thể là Vinh đã bỏ về ngay sau khi tôi chui vào lòng xe, ngồi yên ổn ở một chiếc ghế bên cạnh cửa, băng thứ nhì. Buổi sáng, Vinh đưa tôi ra bến xe. Anh đem tôi vào một tiệm phở nài ép tôi cố ăn một chút gì đó cho đỡ mệt mỏi vì đoạn đường dài. Để làm vui lòng Vinh mà cũng chẳng biết phải làm gì hơn trong quán đông

người lúc đó, tôi ăn được một tô phở nhỏ cùng nửa ly sữa. Lúc này, tôi cảm thấy dễ chịu vì những thứ đã ăn đã uống trong khi chờ Vinh đi lấy vé xe. Trưa nếu đói, tôi có thể yêu cầu bác tài ngưng lại một quán ăn dọc đường. Điều này có thể được vì là chuyến xe đặc biệt giá mắc hơn những xe khác.

Tôi nhìn trong xe. Ngay trên băng trước, cạnh tài xế là một cặp tình nhân còn rất trẻ, họ đang trao tay nhau những món quà và thì thầm với vẻ âu yếm. Nhìn lên tấm kính chiếu hậu phía trần xe, tôi thoáng thấy vẻ tươi tắn của hai cô gái ngồi sau lưng tôi, băng sau cùng. Và bên cạnh, cùng một băng là gã con trai cứ liếc tôi hoài từ lúc gã vào chỗ tới giờ. Xem chừng gã đang muốn bắt chuyện với tôi nhưng vẫn tỏ vẻ chần chừ vì sau cặp kính to bản đen đặc gã chẳng hiểu tôi thức hay ngủ.

Hết xa lộ, qua một vài trạm kiểm soát, xe tăng tốc độ, khi đã bắt đầu ra ngoại ô. Hai bên đường không nhà cửa khiến tôi nhìn được đến suốt chân trời nơi đất trời gặp nhau bằng một đường chỉ nhỏ không rõ nét. Khung cảnh rộng thênh thang làm tôi thèm ngừng xe đi bộ một đoạn và cũng cùng lúc bất chợt này tôi thấy chuyến đi hình như được mở đầu bằng những dấu hiệu yêu đời. Tôi nhắm mắt tưởng tượng đến nơi mình sẽ đặt chân xuống chiều nay. Nếu có Tập ra đón ở bến, tôi sẽ để nguyên vẻ mệt mỏi sau đoạn đường dài rủ Tập xuống phố uống một thứ gì đó. Một trái dừa chẳng hạn. Rồi mới về nhà. Nếu điện tín chưa tới, không có Tập ra đón, tôi cũng đi kiếm thức uống để sửa soạn những câu trả lời sự săn đón của Tập. Chắc chắn là Tập sẽ mừng rỡ, sẽ hỏi han tíu tít. Tôi cũng đang bồi hồi tưởng tới lúc gặp Tập. Giữa hai chúng tôi dù không phải là chị em ruột thịt nhưng chúng tôi đã dành cho nhau những lối đối xử còn hơn ruột thịt nữa. Một lẽ thật dễ hiểu : cả hai đứa đều không còn ai thân thích. Hồi tưởng về quá khứ là một việc làm tốn rất nhiều thì giờ cũng như sự mỏi mệt cho tâm trí, nên ít khi tôi nhìn lui quãng ngày tôi và Tập gặp nhau, hồi hai đứa còn bé xíu. Thôi hãy cứ biết rằng hai đứa đang thương nhau như ruột thịt. Nhìn về quá khứ làm chi cho mất công. Vả lại biết đâu sau mỗi lần nhớ lại của mỗi đứa vì một lẽ gì đó lại chẳng khiến chúng tôi nghi ngờ về tình thương vẫn dành cho nhau.

Xe ngừng lại một nơi tôi không rõ tên gọi, có những quán hàng nằm liền nhau ở hai bên đường. Tôi xuống theo mọi người dù chẳng muốn đi đâu hết giữa một xứ lạ như thế này. Gã con trai ngồi cạnh đang bắt chuyện với hai cô gái băng sau. Một lát tôi thấy cả ba vui vẻ đưa nhau vào một quán cơm. Tôi cười thầm, đi loanh quanh cho chân tay đỡ mỏi rồi cũng vào quán. Tôi gọi một con cua biển bự, ăn những miếng thịt rất ngọt cùng với hớp bia lạnh. Cô gái chủ quán nhìn tôi như không tin rằng một người con gái lại có thể thản nhiên bưng bia uống nom có vẻ ngon lành. Mà ngon thật. Tôi ăn gần hết con cua bự, chỉ còn dư lại mấy cái ngoe. Trả tiền xong, tôi mua một bao thuốc rồi mồi hút vài hơi cho đỡ tanh miệng khi ra phía nhà sau đi tiểu. Lên xe, tôi ngủ gà ngủ gật suốt trên quãng đường còn lại trong lúc gã con trai ngồi cạnh quay đầu xuống phía dưới nói chuyện với hai cô gái mới quen. Có lúc chập chờn giữa hai giấc ngủ tôi nghe nhiều tiếng cười vui chung quanh mình.

Không biết ai đó đã thức tôi dậy khi xe vào bến đậu, tắt máy. Trong lúc mọi người rời chỗ, tôi mở xách tay lấy khăn lau mặt rồi chải sơ lại mái tóc rối bù vì gió. Xong, tôi mở cửa bước xuống đường. Chiều trời nắng gay gắt mà sao nước đọng từng vũng trên mặt nhựa. Có lẽ đã có một cơn mưa ở đây khi xe chưa đến. Đặt chiếc va-li xuống cạnh chân tôi ngơ ngáo nhìn quanh và đứng nguyên một chỗ hy vọng Tập sẽ nhìn thấy. Bến xe cũng chộn rộn như nơi tôi vừa bỏ đi lúc sáng. Một lát chẳng thấy Tập đâu, tôi còn đang chần chừ chọn một trong nhiều quán nước phía bên kia để vào thì một người đàn ông tới gần cúi đầu chào rất lịch sự :

— Thưa, có phải cô là Niệm ?

Tôi nhìn lên và gật đầu vì đang bận tự hỏi giữa một thành phố lạ hoắc chưa một lần đặt chân đến tại sao lại có người biết tên mình ? Chừng như hiểu được sự ngạc nhiên nơi tôi nên ông ta giải thích :

— Tôi là chồng của Tập. Nhà tôi đi Sàigòn rồi.

— ...!

— Chị không nhận được thư của Tập gửi sao ?

Nhớ đến phong thư của Tập chưa đọc còn nằm gọn trong

ví tôi nói có nhận được nhưng chưa đọc. Và tôi nói thêm tôi đã gửi cho Tập một cái điện tín hôm qua mà.

Người đàn ông chỉ tay về một chiếc xe đậu gần đó và bảo mời chị về nhà đã. Chắc đi xa chị cũng mệt rồi. Nói xong ông ta cúi xuống xách giúp tôi chiếc va-li rồi đi về phía xe trong lúc tôi im lặng lẽo đẽo phía sau than thầm vì sự không may của mình. Vừa lái xe chầm chậm qua nhiều con đường đông đúc, người đàn ông vừa giải thích cho tôi rõ những điều tôi đang thắc mắc. Thì ra trong bức thư chưa đọc, Tập nói sẽ về Saigòn làm một vài việc cần rồi đón tôi cùng ra. Còn bức điện tín tôi gửi, ông ta mới nhận được lúc trưa, khi Tập đã về Saigòn được hơn một ngày. Dù chưa biết mặt nhưng ông cũng ra đón ở bến xe vì không muốn tôi phải lạc lõng trong thành phố này.

— Tôi nghe Tập nói chị chưa hề đến đây lần nào ?

— Vâng, và đây là lần đầu. May quá, nếu không có ông đón tôi cũng chưa biết cách nào để tìm được nhà.

— Tôi tên Hiệp. Có người gọi là Hiệp lặn.

— Hẳn là ông lặn rất cừ.

— Vâng, tôi hiện đang phụ trách một lớp huấn luyện về săn cá.

— Tội nghiệp cho những con cá sinh sống trong vùng nào có ông sống.

Những câu nói đùa sau đó giúp chúng tôi vượt qua được sự rào đón lúc đầu. Khi xe về đến nhà, ở gần biển, tôi vui vẻ nhận lời mời đi ăn với Hiệp ngay buổi tối đầu tiên này.

Đúng như lời Tập viết trong nhiều lá thư, căn phòng có cửa sổ trông ra biển gió thổi lồng lộng. Ngay đêm đầu tiên dù mệt mỏi sau đoạn đường dài, khi đi ăn với Hiệp về, tôi cũng mở tung cửa để đứng nhìn xuống biển đêm với nhiều màu sắc rực rỡ nom như những chùm đèn nhiều màu của một đêm hoa đăng. Lúc ấy tôi nhớ là đã tự nhủ sẽ lưu lại nơi này suốt mùa hè để kéo dài nỗi thích thú mỗi đêm tựa cửa nhìn xuống bãi. Đêm đầu, tôi ngủ ngon trong căn phòng lạ, với Hiệp nằm ở phòng bên cạnh, rộng hơn. Tập từ Saigòn về sau bốn ngày tôi đến. Bốn ngày không có

Tập, tôi đi ăn đi nhảy đi tắm nhiều lần với Hiệp để cùng lúc sợ hãi vì khám phá ra sức lôi cuốn nơi Hiệp. Anh hay lấy ca-nô của sở làm để đưa tôi ra tuốt những hòn đảo ở thật xa Chẳng hiểu. Hiệp nghĩ sao khi đưa tôi đến những bãi vắng như thế, nhưng lúc nào trông anh cũng có vẻ dửng dưng, ngay cả khi lần đầu thấy tôi trong bộ áo tắm hai mảnh lóp ngóp từ dưới nước đi lên. Mỗi lần từ đảo trở về thường là quá chiều, gió thổi mạnh. Ca-nô mở hết máy như lướt trên mặt những con sóng lớn. Tôi ngồi nép vào một góc tránh gió và nhìn lên. Hiệp dũng mãnh trong những động tác khiến tôi yên tâm và có cảm tưởng như được che chở.

Rồi Tập trở về. Tôi ham hố trong các cuộc chơi tay đôi tay ba như người nhịn đói lâu ngày ngồi trước bàn ăn thịnh soạn. Gần một tháng qua tôi không hề nhớ về chốn cũ và tôi tự hài lòng mình.

Căn nhà của vợ chồng Tập nằm lẻ loi ở cuối bãi nên buổi sáng còn lại một mình tôi không biết làm gì hơn là nằm trên bouée để trôi bềnh bồng trên nước chờ một trong hai người trở về. Hiệp thường xuyên ở ngoài khơi nơi mấy hòn đảo vắng, anh bận bịu với lớp săn cá. Còn Tập, mở một lớp luyện thi cùng với vài người bạn nữa. Từ ngày có tôi, Hiệp đi nhờ xe của một người bạn tới sở làm. Còn chiếc xe anh nói, để tôi lui tới cho đỡ buồn những lúc một mình ở nhà. Những sáng trời lạnh, không tắm được, tôi lấy xe chạy lòng vòng nhiều lần trên con đường ven biển rồi tiện thể xuống trường đón Tập về khi hết giờ. Buổi tối, chúng tôi gặp nhau trong bữa cơm ở nhà, đồ ăn là những con cá rất tươi Hiệp săn được trong lúc đưa học viên đi thực tập. Tôi đối diện cùng lúc sự lôi cuốn của Hiệp và nỗi thương mến của Tập.

Buổi sáng này, cũng vẫn một mình. Hiệp đưa Tập ra bến xe để nàng đi dự một buổi hội thảo kéo dài hai ngày ở tỉnh Đ. Có lẽ anh đã tới sở và giờ này đang ngoài đảo xa. Hơn một giờ ngâm mình dưới nước, tôi trở lên tắm lại bằng nước ngọt. Nhìn mình trong gương, da tôi đen trắng từng đoạn trông buồn cười nhưng bù lại thân thể cân đối như đi làm massage mỗi tuần. Trở về phòng kiếm chiếc váy khêu gợi nhất mặc lên người với ý định xuống phố một lát thì có tiếng còi xe trước nhà và Hiệp trở về. Chúng tôi gặp nhau ngoài thềm.

— Anh không đi lặn ?

— Bữa nay biển động nên nghỉ. Chị định đi đâu thế ?

— Tôi đang tính xuống phố.

— Để tôi đưa chị đi. Mình ăn trưa ngoài tiệm luôn.

— Vâng, anh đợi tôi một chút.

Về phòng, tôi lấy ví và kính đeo lên mắt, khi trở ra Hiệp đã trở đầu xe xong. Tôi bảo Hiệp anh để tôi lái cho, rồi ngồi vào chỗ Hiệp nhường, nhẹ nhàng đưa xe dời lề đường. Buổi sáng trời mát, bãi tắm tuy sóng lớn cũng khá đông người. Xe chạy hết con đường ven biển tôi vào phố chính và ngừng lại trước một tiệm bán hải sản với ý định vào mua ít món về tặng cho vài người bạn. Hiệp theo tôi vào tiệm nhưng lẳng lặng nghe tôi trầm trồ. Vỏ ốc và sau hô chưng đầy trong nhiều tủ kính lớn, tôi nhìn không chán mắt chẳng biết nên mua thứ gì. Nhưng sau cùng tôi cũng mua được hai cái vỏ ốc có gắn bóng đèn phía trong, một con xao biển màu xanh da trời và nhiều xâu chuỗi bằng vỏ ốc nhỏ xíu nom rất xinh. Hiệp bưng hộp giấy ra bỏ ở băng sau của xe trong lúc tôi trả tiền, còn kẻ bớt một, thêm hai với người chủ tiệm. Tôi đang có một buổi sáng vui vẻ nói cười luôn miệng. Hiệp nói :

— Chị còn mua gì nữa không ?

— Chắc là còn mua nhiều nữa. Nhưng mình đi kiếm gì ăn đã chứ ?

— Chị muốn ăn ở đâu ?

— Đâu cũng được. Xa phố một tí.

Cho xe chạy, Hiệp bảo mình đi xuống H. ăn mực tươi. Tôi nhìn lên trời. Có lẽ hôm nay biển động thật vì qua vuông của nhỏ tôi thấy bầu trời màu xám giống như màu áo của vị tu sĩ. Tôi nói điều này với Hiệp, anh mỉm cười vì sự ví von của tôi. Anh bảo không khéo trời mưa mất thôi. Nhưng nếu trời mưa ăn mực với uống bia lại rất thú. Chị uống được bia chứ ? Tôi gật đầu, nhớ tới những ly bia mình đã uống ở đầu mùa hè (những ly bia, những điếu thuốc, phải chăng đều là những lưỡi dao rất sắc tôi cần tới chúng để chặt đứt vòng đai đời sống đang thắt chặt quanh mình ?).

Xe đang chạy trên một con đường hai bên là biển và từng khoảng dừa rậm rì Hiệp mở máy thu thanh. Tiếng nhạc phát ra

bập bùng xen lẫn trong tiếng gió thổi ù ù bai bên tai. Khung cảnh giống như một đoạn phim nào đó tôi đã xem qua. Lúc đó tôi là khán giả và giờ này chắc tôi cũng chỉ là một khán giả tội nghiệp. Khi đèn bật sáng thế nào cũng có đôi chút nuối tiếc vì đoạn phim mới xem. Tôi kín đáo thở dài rồi liếc sang Hiệp. Anh vẫn chăm chú với đoạn đường trước mặt. Tôi bỗng nói lớn :

— Sao anh đưa tôi đi xa quá thế ?

— Tới rồi. Kia kìa.

Nhìn theo tay chỉ, tôi thấy một xóm nhà nằm cheo leo trên lưng chừng một ngọn đồi thấp. Hiệp đem xe tới gần, leo lên một con dốc ngắn. Anh tìm chỗ đậu xe, tắt máy và chúng tôi bước xuống đường.

Những quán hàng vắng người. Liếc xuống bãi cát ngay dưới chân cũng vắng. Tôi và Hiệp có lẽ là những người lẻ loi tới đây chơi trong buổi sáng xấu trời như thế này, giữa trưa mà không nắng bởi trời vẫn xám màu chì và biển thì sóng lớn. Vào quán, chúng tôi chọn một bàn gần cửa sổ có thể nhìn suốt bãi hình chữ C không một bóng người. Hiệp kêu hai chai bia, mực luộc cùng những thứ để ăn thay bữa trưa như đã định khi còn ở dưới phố. Trong lúc chờ đợi, tôi ăn những hột đậu phọng đựng trong đĩa nhỏ và uống chậm rãi từng hớp bia. Hiệp bưng ly lên môi, anh nhìn tôi qua màu vàng óng của chất bia và nói tôi có nghe Tập nói nhiều về chị. Nhưng tôi chỉ tin được một phần nào. Ánh tin gì ? Đời sống chị ấy mà. Hiệp nói mơ hồ nhưng tôi hiểu hết ý. Tôi cười làm vẻ buồn bảo tôi có một vài đời sống chứ không chỉ quanh quẩn ở một đời là nghề dạy học. Bây giờ tôi đang có một thời gian ngắn để sống đích thực đời sống của mình.

Không phải tôi muốn giải thích hay tâm sự gì với một người chưa thân thích lắm. Nhưng giọng tôi có vẻ là giọng tâm sự nên Hiệp tỏ vẻ săn sóc tôi hơn khi thức ăn được mang lên. Mực luộc còn nóng hổi chấm với muối tiêu chanh ăn ngọt từng miếng. Tôi ăn dủ các món do Hiệp gọi nên khi xong bữa cảm thấy tức bụng muốn đi lại một lát. Hiệp trả tiền rồi đứng dậy nói đúng như ý tôi muốn, anh đề nghị đi xuống bãi một vòng.

Con dốc thẳng đứng bên hông quán nhìn xuống bãi thấy

chóng mặt. Có lẽ tôi đã uống nhiều bia nên say chăng ? Trong lúc Hiệp đã xuống tới chân dốc tôi vẫn còn loay hoay chưa biết làm thế nào để đừng bị trượt chân lăn xuống như một viên sỏi. Níu vào những thân cây thấp tôi lần xuống. Gió thổi tung tà váy khiến tôi phải đưa một tay giữ cho khỏi bay nên xuýt té nhiều lần. Hiệp nhìn lên. Tôi thấy tôi trong mắt nhìn mở lớn của anh nhưng vẫn thản nhiên. Khi tôi đã đứng vững vàng bên cạnh, Hiệp nói lúc chị đi xuống tôi trông giống như lúc Tập lặn lần đầu dưới biển, cũng e dè như nhau. Tôi không nói, hướng mắt ra xa khơi, nơi có những hòn đảo nằm rải rác và hình như được phủ một lớp khói mỏng. Vài cánh buồm đang trên đường về bến. Có lẽ mưa ngoài đó. Tôi nghĩ cũng đã đến lúc mình trở về, vì nếu tiếp tục cuộc chơi rồi tôi cũng sẽ lao đao như con thuyền ra khơi ngày biển động.

Cầm giầy lên tay, tôi theo Hiệp đi dọc theo mé nước. Được một quãng thì trời đổ mưa nhỏ. Không bảo nhau chúng tôi đều đi quặt lên một bãi đá lớn lởm chởm chồng lên nhau với hy vọng tìm một chỗ trú. Mưa nặng hạt khi cả hai chui vào một hốc đá kín đáo, nhờ nhờ bóng tối. Tôi nghe hơi thở mình bỗng nhiên rộn ràng như mưa đổ xuống bên ngoài mỗi lúc mỗi hung hãn. Trong bóng tối chập choạng của hốc đá tôi thấy mắt Hiệp ánh lên một vẻ rất lạ. Tôi thì thào :

— Anh Hiệp, mưa lớn quá.

— Vâng, mưa lớn thật. Có lẽ mình phải trú còn lâu.

— Ở đây đang mùa nắng mà sao lại mưa nhỉ ?

— Lạ thật. Cũng chẳng hiểu sao lại mưa trái mùa như thế. Nhưng rồi cũng sẽ tạnh mà.

— Vâng sẽ tạnh. Và khi ấy tôi trở về.

— Chị nói gì thế ?

— Không, tôi có nói gì đâu.

Không dưng giọng tôi nghe bùi ngùi như vừa nói một câu giã từ trong buổi tiễn đưa nào đó. Hiệp không hỏi gì thêm, anh khum tay mồi thuốc nhả khói thơm đầy chỗ hai người.

Khi cơn mưa dứt, ra khỏi hốc đá tôi cũng bị ướt chút ít ở mặt và cảm thấy mắt mình cay không duyên cớ. Tôi bước hụt

hẵng trêu nền cát ẩm ướt để tới chân con dốc đưa lên chỗ đậu xe. Nhìn Hiệp lẹ làng trên con dốc đứng tôi nghĩ giá anh đưa tôi lên thi chắc là sẽ tới đích một cách mau chóng. Nhưng tôi phải leo một mình, khá chật vật vì đường trơn sau cơn mưa.

Phạm Quang Phước

Đã phát hành :

ZEN VÀ DƯỠNG SINH

do Ông THÁI KHẮC LỄ biên soạn

nói về lý thuyết và cách thực hành phép ăn uống bí truyền của các võ sĩ Nhu Đạo và các vị Thiền sư Nhật Bản, có công năng cải tạo sinh lực, làm trẻ đẹp người, thêm tuổi thọ, tăng cường trí nhớ, chữa lành tất cả các bệnh nan y như đau tim, bón, mất ngủ, di tinh, bạch đái, áp huyết cao, ung thư, ho lao, phong cùi, suyễn, bại, điên cuồng, giang mai, bị phóng xạ nguyên tử v.v..

Sách tái bản lần thứ ... — Dày 300 trang — Giá bán 450 đồng

Thư từ xin gửi về :

Ông PHẠM CHÂU
Thư Viện Đại Học
H U Ế

hoặc

Ông TRẦN VĂN ĐẠI
541/9, Phan thanh Giản
SAIGON III

PHÙ SA LỘC • SA LY
NGÔ CANG

Thơ

trước nhà ngắm trời đất
ngẫm nghĩ phận mình

Nửa khuya ra đứng bên đình
Bóng trăng là một với mình là hai
Vườn thu hoa sót đầm đài
Tiếng chim oẳn oại cuối trời mây đen
Trước sân sông nước êm đềm
Bèo kia chắc hẳn xuôi miền cố hương ?

một chỗ nhỏ nhoi nào

Người về cuối bãi đầu non
Tôi xin một gốc nhà con phố cùn
Người về châu thổ một vùng
Tôi trong xó tối sống cùng phân giun
Một ngày trần thế mau tàn
Phận tôi là đợt nắng vàng chiều hôm

Phù Sa Lộc

mơ màng

bước về nẻo mộng khai nguyên
trời chiêm bao rộng miên triền ưu tư
sáng soi trăng rụng ngôn từ
phất phơ hoa lá lắc lư máy ngàu
gió từ sơ ngộ bay sang
rừng thu trút lá suối vàng đổ khe
âm vang ngày tháng đi về
nghe trong cổ độ cận kề tương lai.

Sa Ly

mưa huế

Buổi mai trời ngậm hơi sương
Phun ra lưng trận mưa thương mến người
Núi cao nỗi nhớ lâu rồi
Sông cao con nước về trôi giữa dòng
Mưa mùa về đậu phố Đông
Mưa mùa về đậu giữa lòng Huế ơi
Huế ơi, thuyền nước đạm lời
Trăm con chim núi về chơi phố phường
Trăm con cá núi mở đường
Theo mưa theo suối về miền biển xưa.

Ngô Cang

TỪ KẾ TƯỜNG

Một Hoài Niệm Cũ

Qua một cây cầu nhỏ, dòng nước đen quánh giữa hai bờ đá, con đường dốc ngược lên với hai hàng cây thẳng tắp phía trước. Ánh sáng hiu hắt vàng ẻo của một vài ngọn đèn đường không đủ soi thủng được mặn suong dày đặc, giá buốt đeo cứng lấy da thịt.

Nhuệ nói với một ngụm khói bay ra ngoài miệng :

— Sợ Thu Ba không có nhà quá.

Tôi xốc cổ áo :

— Bạn em thường đi chơi lắm hả ?

— Đôi khi thôi. Nhưng buổi tối có đến chín mươi phần trăm nó ở nhà. Nhưng mỗi khi em định đến thì y như lần nào nó cũng có chuyện đi bất ngờ.

— Mấy lần như thế rồi ?

— Không nhớ, nhưng đã làm cho em bị ám ảnh, thành ra cứ lo lo.

— Anh không lo gì hết.

— Xa quá, không có trở về anh sẽ mỏi chân.

Tôi muốn bật cười, nhưng nụ cười đã giữ lại giữa hai hàm răng tê buốt. Tôi nắm lấy bàn tay Nhuệ. Bàn tay của nàng cũng lạnh không kém gì bàn tay tôi.

— Anh có thể đi bộ suốt đêm trong thành phố này. Bao nhiêu dốc cũng leo được hết không sợ mỏi chân đâu.

— Nhưng rồi anh sẽ gặp một con dốc cao hơn, cao ngất. Anh sẽ vừa bò vừa thở.

Nhuệ cười, bàn tay nàng siết chặt bàn tay tôi. Tóc Nhuệ

mềm ướt mờ nhạt trong khoảng bóng tối. Từ trên đầu dốc có hai người lính đi xuống. Một người đút hai tay vào túi áo khoác, mũi nón up xuống che kín mí mắt. Người kia cao lêu nghêu, huýt sáo một điệu nhạc, nơi đầu hai ngón tay có điếu thuốc cháy đỏ, lập lòe như một con đom đóm. Hai người lính đi qua, thoáng nhìn Nhuệ và tôi. Tiếng chân họ xa dần phía dưới dốc.

Nhuệ bỗng hỏi :

— Tại sao anh lên thăm em được. Anh không bị cấm trại hả ?

— Anh nghỉ phép.

— Xạo. Chút nữa cho em coi giấy phép. Em không tin một tí nào. Cả chuyện anh cũng phải đi lính.

Tôi cười :

— Anh cũng không dám tin như vậy.

— Anh gầy quá đi lính sao nổi. Thu Ba bảo em anh không thể nào đứng trên con dốc Cộng Hòa chừng năm phút. Gió sẽ thổi anh đi sang phía bên kia đồi Cù ngay.

— Dốc Cộng Hòa ở đâu ?

— Trên đường em đi học về đó. Từ trường em xuống. Con dốc cao nhất thành phố.

— Hôm nào anh lên đứng thử.

Nhuệ hoảng hốt :

— Ý, không được đâu. Anh đừng lên đứng trên dốc đó.

— Sợ anh bay sang đồi Cù à ?

— Không.

— Vậy tại sao ?

— Tụi bạn em sẽ biết anh. Có một vài đứa biết rồi đó. Một vài đứa biết là cả trường biết. Cả trường biết rồi cả thành phố sẽ biết. Em nín thở luôn.

— Có được một người yêu ai cũng biết như vậy em không khoái chí sao ?

— Không. Trái lại em còn ủ rũ như con mèo ốm nữa là khác.

— Tại sao vậy ?

— Thành phố này nhỏ xíu. Có mấy cái dốc, mấy ngọn

đời, mấy cái hồ thôi. Ai cũng quen nhau, biết rõ về nhau. Em làm sao sống nổi.

— Ăn nhằm gì tới họ.

— Nhưng họ không để mình yên đâu. Rồi anh sẽ thấy, chung quanh mình sẽ đầy những tiếng động. Thứ tiếng động ồn ào buốt tai buốt óc. Em sẽ chết mất.

Tôi lại càng chọc Nhuệ :

— Anh sẽ lên dốc Cộng Hòa đón em. Đeo một tấm bảng tên họ trước ngực.

— Em sẽ nghỉ học, đi tu dòng kín luôn.

Tôi bật cười. Tiếng cười vang như tiếng một con ve kêu giữa buổi trưa mùa hạ. Tiếng cười đột nhiên làm lũ vạt sành rúc trong đám cỏ ven đường nín im.

— Anh cười gì mà dữ thế ?

— Chuyện đi tu của em.

— Thật à. Em không nói giỡn đâu. Dì Khánh của em đã đi tu lúc dì bằng tuổi em bây giờ.

— Em bao nhiêu tuổi ?

— Nhỏ thua anh chín tuổi ?

Tôi loay hoay định tìm một câu gì khác chọc Nhuệ nữa. Như là bảo tôi lớn hơn nàng những chín tuổi thì già quá, lúc lấy nhau về sống không được bao nhiêu năm thì tôi sẽ phải chết. Hoặc tôi sẽ bị ho hen đau ốm liên miên nàng phải đấm lưng cho tôi như chuyện ông vua già nào đó trong phim thần thoại. Nhưng Nhuệ bỗng đứng im lại khi chưa lên hết dốc ngó chăm chăm về phía trước.

— Hình như Thu Ba đi tới. Nó đi với một người nào.

Lúc đó tôi cũng vừa nhìn thấy qua màn sương dày lờ mờ bóng hai người đi.

— Đúng rồi. Thu Ba. Đi đâu vậy nhỉ ?

Tôi và Nhuệ đứng giữa đường chờ hai bóng người đi dần tới. Thu Ba đi với một người đàn bà đang có mang. Cái bụng lớn làm người đàn bà đi ì ạch. Hai người đều xách nơi tay một cái giỏ nặng. Người đàn bà có mang đi xuống dốc như phải bám hai đầu bàn chân trên mặt đường để giữ cho cái bụng lớn khỏi chạy trước.

Nhuệ kêu :

— Thu Ba. Đi đâu vậy ?

Thu Ba nhận ra Nhuệ, kéo tay người đàn bà sang đường. Trông thấy tôi. Thu Ba mừng rỡ :

— Anh lên bao giờ vậy. Hai người đi đâu đây ?

Tôi cười nói :

— Lên khi chiều. Định lên nhà Thu Ba chứ đi đâu.

Thu Ba giới thiệu tôi với người đàn bà. Chị Loan. Nhuệ ghé vào tai tôi nói thêm :

— Chị Loan ở bên cạnh nhà Thu Ba đấy, chồng chị đi lính ở xa lắm. Chị vẫn thường nấu chè cho em và Thu Ba ăn mỗi khi thức khuya học bài thi. Chị dễ thương lắm.

Tôi gật đầu chào người đàn bà. Chị Loan cười trong bóng tối, nụ cười có vẻ ngượng ngùng, chị muốn che giấu một cái gì đó nhưng biết rằng không sao che giấu được. Dưới mắt tôi người đàn bà trước mặt không dễ thương một tí nào, trái lại chị mang đầy đủ cái vẻ khốn khổ tội nghiệp của một người đàn bà đi tới nhà bảo sanh. Gương mặt tái xanh, hốc hác. Đôi mắt sâu thẳm, mệt mỏi. Cái bụng lớn khiến tôi có cảm tưởng chị đứng không vững. Tóc tai rối bù, quần áo xốc xếch với một cái giỏ đựng quần áo nặng dưới tay. Chị vừa thở vừa nói :

— Thu Ba đưa tôi đi sanh.

Giọng chị bình thản, chịu đựng và tội nghiệp. Tôi nghĩ tới người chồng của chị, chắc đang nằm trong rừng, hay đóng trên một ngọn đồi nào đó.

Thu Ba cười :

— Thôi ngày mai anh và Nhuệ tới chơi đi. Bây giờ Thu Ba vào nhà sanh với chị Loan, ở luôn trong đó sáng mai mới về.

Nhuệ nói :

— Thôi, đi với Thu Ba đưa chị Loan vào nhà sanh luôn cũng được.

Tự nhiên lại phải đưa một người đàn bà đi tới nhà bảo sanh. Tôi ngỡ ngàng nhưng không biết làm sao hơn là đi chậm lại một chút. Nhuệ hỏi :

— Bộ anh mệt hả ?

Tôi đau khổ gật đầu.

Một lúc tôi hỏi Nhuệ :

— Đường xa không ?

— Cũng hơi xa.

— Lỡ chị ấy... sanh dọc đường thì sao ?

— Làm gì có chuyện đó.

Người đàn bà khi qua hết cây cầu bỗng vấp phải một hòn đá té ngồi xuống với một tiếng đau đớn. Thu Ba nhanh nhẹn đỡ chị dậy. Nhuệ cầm cái giỏ quần áo lên, một tay nàng cũng phụ vào kéo người đàn bà đứng lên. Tôi bối rối nhìn người đàn bà nhăn nhó nhưng một thoáng chị đã gượng đi được.

Tôi hỏi Thu Ba :

— Sao không kêu cho chị Loan một chiếc xe ?

— Chị không chịu đi xe.

Bốn người đi âm thầm trên con đường dầy đặc bóng tối và sương mù. Hơi lạnh làm tôi muốn run lên. Những con đường dốc cao ngất lên với tiếng thở dồn dập mỗi người trong lồng ngực. Có một vài lần tôi muốn kêu Nhuệ quay trở lại, hay bỏ đi một mình xuống phố chờ nàng nhưng tôi không nói được. Tôi thấy người đàn bà thật tội nghiệp khi đi tới nhà bảo sanh mà không phải đi với chồng chị. Anh ta đang ở một nơi nào rất xa thành phố này.

Nhà bảo sanh hiện ra ở một khu đất bằng phẳng nhiều cây lá nơi đầu dốc. Ánh đèn xanh mướt nơi cánh cổng sắt có người đàn ông ngồi thu mình ngái ngủ. Ba người đi vào đó. Tôi dừng lại bên ngoài. Ngôi nhà im lim đồ sộ nằm sâu trong bóng tối với nhiều bậc tam cấp dẫn lên. Một vườn cây phía bên hông, một vài chiếc xe mang dấu hồng thập tự đậu rải rác quanh đó. Vòng rào song sắt đen lạnh, buồn bã. Bóng lá chập chờn dưới mặt đường. Tôi thu bình trong áo manteau, đi chậm đá những viên sỏi rơi rớt xuống phía dưới thung lũng sâu thẳm. Không có ai đi trên con đường phía trước mặt.

Một lúc sau đó Nhuệ và Thu Ba trở ra. Nhuệ cười :

— Thu Ba đi chơi với mình rồi trở về đây với chị Loan.

Tôi nói :

— Tìm một chỗ nào ăn. Anh đói bụng.

— Sao lúc nãy không nói mình đã không đi tới đây ?

— Tìm đường nào xuống phố thật gần đi Thu Ba.

Thu Ba cười :

— Xuống hết dốc này mới có một con đường tắt.

Ba người lại rẽ xuống dốc. Con đường nhỏ chạy men theo chân cây khuất lấp cùng bóng tối. Thu Ba thành thạo dẫn trước. Ba người bước xuống từng bậc tam cấp bằng đất khoét từ con đường xuống tới phía dưới. Có lúc phải nắm tay nhau qua một cây cầu khỉ trơn trợt với con lạch sâu hút tối đen.

Thu Ba nói :

— Bỏ anh đi ra phố một mình anh đi được không ?

— Chắc một trăm phần trăm sẽ đi lạc.

Tiếng Nhuệ cười khúc khích. Tôi mệt nhọc nói :

— Đi đâu mà như đi xuống âm ty thế này.

— Anh không thấy sao Phía trên kia là một vách núi ?

Tôi quay đầu nhìn ngược lên. Nhưng chỉ thấy được một màu đen trùm kín khắp cây lá. Tôi có cảm tưởng phía đó là một nơi cao ngất, cao đụng tới những vầng mây bạc buổi sáng.

Khu phố phía trước mặt. Những con đường heo hút, những góc phố buồn tênh. Mọi người lù mù tiến lui, dáng điệu âm thầm không tiếng động Thành phố êm đềm như một cơn trường mộng. Cơn mộng dài mê đắm như một hơi gió đi trên đồi, hay thổi lướt qua đèo. Tôi đã tới thành phố này bao nhiêu lần ? Không nhớ rõ lắm. Một vài lần gì đó Nhưng lần nào cũng đầy những xa lạ bất ngờ. Nhuệ ở một ngôi nhà đẹp phía đuôi hồ, nằm trên một thung lũng và phía dưới đó là vườn rau lớn nhất của thành phố. Đứng ở đầu một ngã ba, chỗ cái bồn hoa xoay tròn có cây cột đèn tôi có thể nhìn thấy một màu xanh ngút ngàn ôm lấy nền trời và ngôi nhà đứng chơ vơ màu trắng như sương. Tôi có thể nhìn thấy mặt hồ lặng thầm êm ả nằm dưới hàng thông dài, tôi có thể nhìn qua bên kia những dãy đồi, những chân mây... Nhuệ học ở ngôi trường con gái nổi tiếng của thành phố và nằm trên con dốc Cộng Hòa. Tôi chưa lên đó đón nàng bao giờ. Và chưa có ý định bao giờ sẽ tới đó. Có thể mãi đến khi nàng dời bỏ ngôi trường. Nhuệ còn không đầy ba tháng nữa, với kỳ thi tới.

— Vào đây được không ?

Tôi nhìn thoáng qua quán ăn, gật đầu. Thu Ba vào trước.

Tôi và Nhuệ theo phía sau. Quán hoàn toàn vắng khách. Một người bồi tiến lại kéo ghế mời ngồi. Quán ở mức trung bình, nhưng bàn cũng trải khăn trắng, có hoa cắm từng lọ nhỏ. Không khí ấm cúng, ngăn hơi lạnh từ ngoài đường. Hơi lạnh như còn sót lại trên hai bàn tay tôi.

Nhuệ áp hai bàn tay lên mặt nói :

— Anh ăn đi, em không đói.

— Thu Ba cũng thế. Tụi này chỉ uống nước thôi.

— Uống gì ?

— Trà, trà nóng.

Thu Ba kêu lên như một đứa bé. Nhuệ cũng nói :

— Em uống cà-phê sữa.

Tôi gọi một dĩa cơm, ăn rất nhanh. Sau đó tôi gọi thêm một chai bia để uống.

— Anh uống bia chi vậy ?

— Uống cho mặt đỏ hồng như hai người.

— Trời ơi người ta là con gái.

— Bộ con trai không cần đỏ mặt sao ?

Nhuệ ngồi ngắm tôi uống bia. Một thoáng sau đó, khi chai bia vơi hết nửa gương mặt tôi đổi từ màu tái mét sang đỏ hồng. Nhuệ cười. Nàng khều mấy ngón tay tôi trên mặt bàn hỏi :

— Anh còn bị lạnh không ?

— Không.

Thu Ba bỗng hỏi :

— Đêm nay anh ngủ ở đâu ?

— Khách sạn.

— Sao lần nào anh cũng ngủ khách sạn hết vậy. Bộ không có nhà ai quen trên này sao ?

Tôi đáp :

— Không.

— Như vậy Nhuệ làm sao dám tới thăm anh ?

— Đó mới là vấn đề.

Nhuệ hơi đỏ mặt :

— Vấn đề gì ?

— Vấn đề làm sao gặp mặt nhau.

Nhuệ có vẻ suy nghĩ, nàng bưng tách cà-phê lên uống một

ngụm nhỏ, mím môi ngậm vành tách một lúc. Nàng kêu tôi ghé đầu sang phía nàng, nói nhỏ :

— Em có thể tới thăm anh lắm.

— Chắc chắn đi chứ còn có thể gì nữa.

— Không chắc chắn đâu à nha.

Tôi và Nhuệ phải đưa Thu Ba trở lại con đường tắt lúc nãy. Bóng tối che kín không nhìn thấy thời gian trên mặt đồng hồ. Nhưng đêm có lẽ sắp khuya. Bây giờ có những giọt mưa nhỏ lất phất. Mặt tôi nóng bừng, lừ đừ như một con rắn.

Thu Ba dừng lại trên mặt đường :

— Thôi. Hai người về được rồi.

— Dám đi một mình không đó ?

— Dám chứ sao không.

Thu Ba cười nhỏ, bước lừng lững lên dốc. Tôi vòng tay ngang lưng Nhuệ, môi tôi chạm mấy sợi tóc của nàng ướt nước.

— Mưa bám đầy trên tóc em rồi.

— Mặc kệ. Tóc em mới gội hồi chiều.

— Anh nghe có mùi thơm.

Nhuệ cấu vào ngón tay tôi đau điếng. Tôi cười, nắm tay nàng đi trở xuống. Con đường hẹp, bây giờ thêm những giọt mưa trút xuống làm trơn trợt khó đi. Tôi chỉ lo sợ Nhuệ ngã, nhưng Nhuệ không ngã, nàng đi rất nhanh.

— Mấy giờ rồi anh ?

— Không biết.

— Anh có đeo đồng hồ mà.

— Không xem được. Trời tối đen.

— Em về nhà thế nào cũng bị la.

Hơi bia làm nóng mặt, đẩy những sợi máu tôi trở nên xôn xao. Xuống lại mặt đường phía dưới Nhuệ chỉ còn cho tôi nắm lấy bàn tay của nàng. Nhuệ nói :

— Ở đây còn có người.

Tôi cười, liếc nhìn mặt đồng hồ. Gần mười hai giờ. Nhưng tôi không nói với Nhuệ. Nàng cũng không hỏi. Hai đứa nắm chặt tay nhau đi dưới giọt mưa lạnh buốt.

— Chắc em thi rớt quá.

— Chưa thi đã biết rớt ?

— Tụi bạn nói đứa nào có bồ thường thi rớt.

— Thi rớt anh sẽ cho cái này.

Tôi vuốt ve ngón tay áp út của nàng và ra dấu một chiếc nhẫn. Nhuệ giấu mặt trong mái tóc. Nàng có vẻ xúc động nên im lặng mãi một lúc lâu.

— Được không ?

— Nhưng nếu em thi đậu thì sao ?

— Sẽ cho em hai chiếc nhẫn một lúc.

Bây giờ nàng đã biết tôi ba xạo. Nàng lườm tôi :

— Em không muốn thi rớt chút nào.

— Dĩ nhiên. Nhưng đôi phải giả bộ thi rớt. Thi đậu hoài cũng kỳ.

Nhuệ kêu lên :

— Trời ơi, chuyện thi cử quan trọng cả một đời người con gái của người ta mà ông ăn nói giỡn chơi vậy. Thi rớt tha hồ khóc. Khi đó nước mắt em sẽ làm anh trôi mất tiêu luôn đừng có oán.

Khu phố chính hiện ra trước mắt. Tôi không đùa với nàng được nữa. Hơi bia hình như cũng tan đâu mất, gương mặt tôi nguội lạnh như một chiếc lá chờ rụng xuống đất. Một vài cặp tình nhân còn đi chơi khuya ôm cứng nhau như sợ gió sẽ thổi bay đi nếu buông tay nhau ra. Qua một quán cà-phê tôi còn định rủ Nhuệ vào nhưng người ta cho biết đã đóng cửa.

Tôi đành nói :

— Để dẫn em đi ngang khách sạn anh ở, anh sẽ chỉ căn phòng của anh cho em xem.

— Chi vậy ?

— Em không muốn biết sao. Đêm nay anh sẽ ngủ một mình ở đó. Lạnh phải biết.

Nhuệ cười. Tôi không hiểu ý nghĩa của nụ cười nàng được. Lúc đi ngang qua khách sạn đã đóng cửa tối om Chỉ có căn phòng tôi còn đèn sáng, tôi đã bật đèn từ chiều, lúc khóa cửa ra đi. Tôi chỉ cho Nhuệ thấy căn phòng ở tầng thứ ba, phía trước có một bồn hoa đỏ, cửa kiếng che bằng màn vải hoa màu vàng.

Tôi hỏi :

— Đó, thấy không ?

Nàng hướng mắt về phía căn phòng trên cao, vẻ cảm động gật đầu. Cánh cổng sắt đã đóng. Tôi tìm thằng nhỏ nhưng không thấy nó đâu. Đêm nay, buồn tình nó đi ngủ sớm, chui vô một xó xỉnh nào đó chắc lúc về tôi kêu khản cổ, hoặc dám nó cho tôi ngủ ngoài đường.

Nhuệ hỏi :

— Sao người ta đóng cổng rồi anh ?

— Lúc về kêu sẽ có người mở.

— Nếu họ không mở.

— Anh ngủ ngoài bờ hồ.

Tôi cười, dọa nàng thêm :

— Hoặc anh sẽ ngủ trước cổng nhà em. Phía trước có một cây thông lớn chứ gì, anh sẽ ngủ dưới gốc hay là leo tuốt lên ngọn đánh một giấc, sáng thức sớm như chim vậy. Lo gì.

Nhuệ cũng cười :

— Anh nói chuyện như người say rượu. Anh có say thật không ?

— Không. Uống có một chai bia mà ăn nhằm gì. Anh đã từng lu một lít đế với một cái giò gà.

Tiếng nói tôi bỗng nhiên ngưng lại, nụ cười chưa thành tiếng bỗng dưng tê cóng vì hơi lạnh dưới mặt hồ bốc lên. Sương trắng bạc che kín không thấy bờ bên kia. Con đường hiu hắt như một sân ga hiển biệt. Tự nhiên tôi và Nhuệ dừng lại, bước vào một bóng tối của cây thông lớn. Gió từ dưới hồ thoáng nhẹ, nhưng hơi lạnh kéo lướt ghê gớm trên da thịt.

— Anh...

Tôi nhìn thấy đôi mắt Nhuệ hốt hoảng trước khi chia tay. Đôi môi nàng run rẩy bật lên tiếng kêu nhỏ. Nhuệ đứng dựa vào một gốc thông. Và tôi hôn nàng thật lâu. Qua vai nàng tôi nhìn thấy những chùm hoa trắng nở và hương thơm bay ngây ngất.

Trở về khách sạn một mình tôi đứng gọi đứa nhỏ giữ cổng một hồi lâu. Nó hiện ra trong cái áo lính rộng thùng thình, gương mặt ngái ngủ. Nó tra chìa khóa, mở cổng, không nhìn tôi, rồi khóa cổng lại. Tôi vuốt những giọt mưa bám trên tóc bước lên những bậc thang nhọc mệt, rời rã như dáng đi của người đàn bà. Tôi

nghĩ tới chị Loan, cái bụng lớn chúi về phía trước của chị. Người đàn bà tội nghiệp ấy đã sanh chưa ?

Tôi không vào phòng ngay mà đứng lại trước bao lơn nhìn những chùm hoa đỏ không hương thơm dưới ánh đèn. Tiếng còi giới nghiêm bỗng rúc lên dữ dội vang khắp thành phố, và phía dưới, sương mù bắt đầu vây kín những con đường.

Từ Kề Tường

Đã phát hành trên toàn quốc tác phẩm toát mồ hôi lạnh của nhà văn VŨ BẰNG :

BÓNG MA NHÀ MỆ HOÁT

- Một vụ trả thù rùng rợn, ghê gớm. Trong bối cảnh ngột ngạt của một giai đoạn lịch sử chưa quên là thời kỳ Nhật thuộc. Nổi danh từ tiền chiến với kiệt tác Cai, *nhà văn Vũ Bằng, với Bóng ma nhà mệ Hoát,* dẫn đưa bạn đọc vào một thế giới quái đản, toát mồ hôi lạnh. Với nghệ thuật kể truyện và trình bày nhân vật phong phú, độc đáo, chỉ có, ở Vũ Bằng.
- Sách dầy 246 trang. Bìa offset. Giá 350 đồng.

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

HẠC THÀNH HOA

Nước Đục

gió se

Thả đôi cánh lá theo dòng nước
Lá trôi đi mãi lá không về
Quanh ta vắng lặng từ sau trước
Cây giữa trời đau ngọn gió se.

gửi người không quen biết

Gửi đến người em không quen biết
Giọt lệ sầu ta tự buổi nào
Có vầng mây rớt trên hoang đảo
Vẫn nằm đây khóc chuyện trăng sao.

Ngày về quê hẳn xa xôi lắm
Cọc đã chôn sâu dưới lòng sông
Mười năm không thấy con cá lội
Dải nước phù sa đục một dòng

Ở đây họ sống bình yên quá
Trăng sao là chuyện của đất trời
Gió mây là của người khờ dại
Hạnh phúc đâu cần kiếm xa xôi !

Từng đêm ta thấy trăng sao khóc
Ngày gió mây than thở với trời
Riêng ta cũng cầm lòng không đậu
Bởi chính vì ta cũng lẻ loi

Đến nay tưởng sống gần mấy kiếp
Bên cạnh dòng sông lá mục nằm
Chỉ thấy hư không lên tiếng gọi
Đã mấy mùa đứng ngó mưa câm

Ở đây ta sống cô độc lắm
Đời cứ như chiều thu lá bay
Dòng sông quen quá sao mà lạ
Ta vẫn người xa mới tới đây.

Nay đã hơn mười năm thèm khát
Thèm áo em bay tiếng hát lưng đồi
Ngày vẫn lang thang cho quên đói
Đêm nghe sóng vỗ thấy bèo trôi

Bây giờ ai khóc đời ta nhỉ
Mỗi ngày cơn bệnh một tăng thêm
Nằm đây đã mòn chăn rách gối
Để nghe thạch sùng chắc lưỡi đêm đêm

Ta lỡ chọn lầm căn gác hẹp
Chân mòn trên những lối đi quanh
Đến nay bóng tối càng thêm đậm
Bóng tối muôn đời vẫn lặng thinh

Bạn ta xa tít nên nào biết
Sông thi đầy mà máu của ta vơi
Chiều chiều sóng nổi bùn đen dậy
Ngồi nhìn nước đục xót thương đời

Bạn ta cuộc sống u nhàn lắm
Ta còn mang nặng một chiếc gông
Áo cơm cứ níu chân mây lại
Làm sao chim hót nổi trong lồng

Ta thấy đàn chim hay hoảng hốt
Quanh ta nước đục bợn lòng thơ
Những muốn rảnh rang mà trả nợ
Nợ gió trăng và nợ giang hồ

Nên đêm thường thấy mình hóa bướm
Nhởn nhơ không vướng bận chi đời
Tỉnh dậy giận thân không bằng mộng
Trên nóc mùng treo một cánh dơi

Ở đây chỉ thấy màu mây bạc
Với những con người thiếu trái tim
Mười năm đốt đuốc tìm tri kỷ
Ta chỉ tìm thấy một rừng lim...

Gửi một người em không quen biết
Thơ ta chưa cạn hết thương đau
Đời ta nay đã tan tành mộng
Ai người sẽ khóc ta mai sau ?

Hạc Thành Hoa

VĂN giới thiệu :

TRONG NỖI BUỒN VÀNG
tập thơ HẠC THÀNH HOA
bìa DUY THANH — 96 trang — giá 120 đồng

HUỲNH PHAN ANH

Thomas Mann Qua Tác Phẩm Tonio Kröger

Mặc dù được viết vào thời trẻ tuổi của tác giả và mặc dù tính cách mỏng mảnh của nó, Tonio Kröger vẫn được hầu hết các nhà phê bình xem là một tác phẩm tiêu biểu cho trọn sự nghiệp của Thomas Mann, hơn thế nữa, là một kiệt tác phẩm của nhà văn Đức, giải thưởng Nobel 1929 này, với những kích thước lớn lao chứa đựng những chủ đề trung kiên nhất của tác giả, cũng như với nghệ thuật hoàn hảo và đầy hàm xúc của nó. Viết ở ngôi thứ ba, thiên truyện lại được xem là mang nặng tính cách tự thuật. Tiểu sử của Tonio Kröger, do đó, một phần nào, cũng chính là tiểu sử của Thomas Mann : một vận hành trí thức có tính cách quyết định của tác giả trong cuộc đi tìm ý nghĩa của đời sống và nghệ thuật, của thực tại và lý tưởng. Trong một bài viết vào cuối đời mình, năm 1953 Thomas Mann đã thú thật : « *Nói thẳng ra là tôi không có nhiều đức tin, nhưng tôi cũng không tin lắm vào đức tin ; đúng ra, và hơn thế nữa, tôi tin nơi lòng tốt con người là điều có thể hiện hữu mà không cần tới đức tin và đúng ra là phát sinh từ sự hoài nghi... Nghệ sĩ là người sau cùng còn nuôi ảo tưởng về ảnh hưởng của mình trên định mệnh con người. Vốn khinh miệt cái xấu, hắn đã không bao giờ kéo ngừng lại được sự chiến thắng của cái xấu. Vốn quan tâm tới việc cống hiến một ý nghĩa, hắn đã*

không bao giờ kéo ngừng lại được những cái vô nghĩa đẫm máu nhất. Nghệ thuật không thiết lập nên một quyền lực, nó chỉ là một sự an ủi ». (Nghệ Sĩ và Xã Hội, trích dẫn bởi Louis Leibrich, trong Thomas Mann, Editions Universitaires, tr. 94). Lời tự thú của một nhà văn ở cuối đời mình, về quyền năng và khả hữu tính của nghệ thuật, gói trọn ý nghĩa khốc liệt của một sự thức tỉnh nền tảng, lời tự thú đã từng được bộc lộ ngay trong Tonio Krŏger. ra đời trước đó đúng nửa thế kỷ, năm 1903. Có thể tuổi trẻ Tonio Krŏger với tâm hồn nóng bỏng những ngọn lửa của trí tuệ và đam mê, luôn trên đường tìm kiếm cho đời mình và cho nghệ thuật, một sự cứu rỗi, một cách nào đó, tìm cách giải quyết mối phân ly tàn khốc, nội tại nơi ý thức của con người sáng tạo. Chính Thomas Mann cũng đã nói : « *Nghệ thuật có sứ mạng nhất thống* ». Không mang nặng ảo tưởng, không ngụy tín, không ngộ nhận, nhà văn của chúng ta, — sau một đoạn đường dài tìm kiếm, tư duy và sáng tạo không ngừng nghỉ — đã trầm tĩnh nhìn nhận nghệ thuật sau cùng chỉ là một khả năng thống nhất, giải quyết những mối xung khắc làm nên yếu tính của chính mình. Có thể Thomas Mann bi quan — nếu không nói là tuyệt vọng, nhưng điều ta không thể phủ nhận được là bằng số lượng tác phẩm vô cùng phong phú của mình, ông đã *sống* trọn kinh nghiệm của một ý thức khốn khổ, bị kết án trong cô đơn, phải quờ quạng trong đêm tối mịt mùng của lịch sử (con người đó đã sống qua hai trận thế chiến) tìm đến một ý nghĩa, một giá trị giữa hư vô và tuyệt vọng bốn bề.

Cũng như Thomas Mann đã thừa hưởng hai bản tính xung khắc, một của cha, đại diện cho tinh thần trưởng giả, một của mẹ với dòng máu lai Nam Mỹ, đại diện cho tinh thần nghệ sĩ đa cảm và phóng khoáng, Tonio Krŏger là hiện thân của một mối xung khắc thuộc huyết thống. Chàng là con trai của vị lãnh sự Krŏger, thuộc dòng họ Krŏger quyền quí, nhưng tâm hồn chàng cũng nghiêng về mẹ, một người mẹ : « nồng nàn và thâm u », chơi dương cầm và mang cầm tuyệt vời. Từ sự xung khắc nội tại đó, chàng tuổi trẻ kia cảm thấy mình xung khắc với tất cả mọi người : bạn, thầy, những người chung quanh. Và vượt lên trên tất cả những xung khắc, đó là sự xung khắc giữa đời sống và nghệ

thuật không ngừng đốt cháy tâm hồn chàng. Chính Tonio Kröger đã thú nhận với Lisaveta Iwanowna, cô bạn nghệ sĩ người Nga của chàng : *« Tôi được đặt để vào giữa hai thế giới, không một nơi nào cho tôi cái cảm tưởng là mình đang sống dưới mái ấm của mình, vì thế mà đối với tôi, cuộc sống có phần vất vả »*. Tonio Kröger hay là thảm kịch của sự phân ly. Ngay từ những ngày tuổi nhỏ, chàng đã sống trong tận cùng da thịt mình, sự phân ly với đời sống. Phân ly với đời sống. Tại sao ? Tại vì chính chàng đã ngoảnh mặt trước đời sống hay ngược lại chính đời sống đã làm chàng thất vọng, đã ngăn chận, đã cấm đoán chàng tìm đến với nó ? Chỉ cần đọc những trang đầu tiên, người đọc nhận ra ngay một khuynh hướng tình cảm có phần trái ngược của chàng : chàng đam mê chống lại chính đam mê của mình. Những đối tượng tình cảm của Tonio Kröger chính là những cực đối nghịch với chàng. Chàng kết thân với Hans Hansen, một đứa trẻ hồn nhiên, thích thể thao và tầm thường. Chàng đem lòng yêu Ingeborg Holm, cô gái có mái tóc vàng nâu vui tính, thích trò chuyện ; Trong khi đó thì Tonio lại là một tâm hồn đầy u uẩn, chỉ thích sống với nội giới, của mình, luôn say mê những lý tưởng mà mọi người đều lấy làm dửng dưng, không ngó ngàng tới. Phải chăng đó chính là những cố gắng đầu tiên của một tâm hồn thuần khiết, muốn tham dự vào đời sống, muốn hòa hợp với tha nhân, bằng một cách thế đau đớn nhất : một cách nào đó, phủ nhận chính mình. Nhưng Tonio Kröger đã thất bại trong nỗ lực thỏa hiệp đầu tiên của chàng với đời sống, trong nỗ lực san bằng sự ly cách giữa chàng và đời sống. Bởi đời sống đã khước từ. Bởi sự xung khắc không chỉ hiện hữu nơi chàng, nó còn hiện hữu nơi đời sống. Những tâm hồn chàng yêu dấu, ngưỡng vọng đã chỉ đáp lại chàng bằng sự lạnh nhạt và sự dần độn. Chàng đón nhận kinh nghiệm đớn đau đầu tiên của sự thỏa hiệp : *« Kẻ thương yêu nhiều nhất là kẻ yếu đuối nhất và phải chịu nhiều khổ sở »*. Tâm hồn non dại của một cậu thiếu niên mười bốn tuổi đã học được bài học đơn giản và nghiệt ngã kia của cuộc đời. Chàng đã *« khước từ chính mình một cách sung sướng »* để được yêu, được thỏa hiệp nhưng chính đời sống đã xua đuổi chàng, đã đào sâu thêm cuộc phân ly, đã đẩy chàng vào chính thế giới nội tâm đìu hiu quen thuộc của

mình, với những khát vọng man rợ, ngông cuồng « (Chàng) *làm thơ và không dám nói đến ngay cả việc* (chàng) *mong mình trở thành cái gì mai sau* ».

Đó là điểm khởi đầu của một cuộc đoạn tuyệt đớn đau. Tonio Kröger dời bỏ những tâm hồn yêu dấu, những người bạn nhỏ, những khung cảnh thần tiên của tuổi thiếu niên, tất cả làm nên quá khứ chàng. Chàng dời bỏ không luyến tiếc để dấn thân vào cuộc đày ải, không, vào cuộc phiêu lưu đầy gian nguy và kỳ thú. Bởi đó là cuộc đày ải tự nguyện của một con người sau khi đã « *thức tỉnh trước chính mình* » và « *lấy làm mai mỉa trước cuộc hiện sinh trì độn và tỉ tiện* » đã giam giữ đời mình trong tù ngục tối tăm mê muội.

Thế rồi Tonio Kröger dời bỏ thành phố chôn nhau cắt rún của mình, lăn xả trọn vẹn vào một thứ quyền lực vô song, hứa hẹn những chân trời kỳ tuyệt, « *đó là quyền lực của trí tuệ và của lời nói vừa chế ngự vừa tươi cười trên cuộc sống vô thức và lặng câm* », đó là quyền lực của sự sáng tạo đã từng nung nấu tâm hồn thiếu niên của cậu. Chàng hiến trọn đời mình cho nghệ thuật, trong tư cách một con người sáng tạo thật sự, tự giam hãm đời mình trong niềm đơn độc tuyệt đối, hầu « *sản xuất nên những tác phẩm tuyệt vời bằng cái giá của những nỗi xao xuyến khốc liệt* ». Nhưng rồi cũng chính những tháng năm miệt mài trong sự sáng tạo đó đã cho chàng biết rằng « *người ta phải chết đi mới thật sự là một con người sáng tạo* ». Điều Tonio Kröger bắt gặp, trên đường tìm kiếm lý tưởng, đó vẫn là sự phân ly, sự phân ly giữa đời sống và nghệ thuật : « *Nếu trọn thế giới đã được diễn tả thì trọn thế giới đã được giải quyết, phóng thích, hủy hoại... Tốt lắm ! Tuy nhiên tôi không phải là một người theo chủ nghĩa hư vô...* » Cho nên kinh nghiệm của Tonio Kröger mãi mãi còn là kinh nghiệm tan nát, hãi hùng của sự xung khắc, của sự mâu thuẫn hệ tại ngay trong tâm thức chàng. Chàng đoạn tuyệt với quá khứ, nhưng chỉ để sau đó trở về với thành phố chôn nhau cắt rún của mình, bị thúc đẩy bởi một tình hoài hương tiềm tàng, day rứt. Chàng nhận ra điều này : mặc dù đã cương quyết đoạn lìa, tâm hồn chàng vẫn còn rung động với từng hình ảnh, từng âm thanh của quá khứ. Chặng đường sau cùng của cuộc hành

trình đã đưa chàng trở về, trở về với nguồn cội thân yêu mà chàng đã từng quay lưng, chối bỏ. Phải chăng đó là một thất bại củachàng, kẻ vô vọng thỏa hiệp và đồng thời vô vọng đoạn tuyệt với cội nguồn, gốc gác ? Phải chăng chính vì thế mà Lisaveta Iwanowna, một tâm hồn bạn của chàng, đã phát biểu về chàng : *« ... Anh là một chàng trưởng giả dấn thân vào một con đường lầm lỡ, Tonio Kröger ơi, một chàng trưởng giả lạc đường »*. Nhưng điều may mắn là chàng trưởng giả lạc đường đó còn biết, một lần nữa, thức tỉnh trước một chân lý thật tầm thường và cũng thật cao cả : *« chính cái bình thường, cái hợp lý cái đáng yêu, đời sống trong vẻ tầm thường, quyến rũ của nó, chính tất cả những thứ đó tạo nên thứ vương quốc mà những ước vọng của ta dẫn về»*.

Nhưng có thật là Tonio Kröger đã thất bại, trong sứ mạng nghệ thuật cũng như trong công trình hiện hữu của chàng ? Và cuộc hành trình của chàng đã kết thúc ra sao ? Nhưng làm gì có sự kết thúc với con người sáng tạo. Cuốn sách đã xếp lại, nhưng nhân vật tiểu thuyết của chúng ta vẫn còn đang trên đường. Hơn ai hết Tonio Kröger biết rằng mình còn phải sáng tạo nên *« những tác phẩm khá hơn »*, như chàng đã hứa với Lisaveta. Nhưng đồng thời, chàng cũng biết rằng *« tình yêu sâu xa nhất và bí ẩn nhất của (chàng) thuộc về những người có mái tóc vàng nâu và đôi mắt xanh lơ, những tâm hồn trong sáng và sống thật, những tâm hồn diễm phúc, những tâm hồn đáng yêu, những tâm hồn rất mực thường tình. »*

Lòng tốt mà Thomas Mann đã nói (được trích dẫn trên đầu bài viết này) đã gặp gỡ, hòa hợp với tình yêu thốt từ miệng Tonio Kröger. Phải chăng hơn ai hết, con người sáng tạo hiểu rõ rằng hắn không có quyền hy sinh đời sống cho nghệ thuật, tình yêu cho lý tưởng, đạo đức cho thẩm mỹ ? Và phải chăng vấn đề sau cùng không phải là giải quyết mối xung đột hay sự thất bại nền tảng của mình bằng một sự chọn lựa mà trái lại, bằng một sự chấp nhận : *« Đừng chê trách thứ tình yêu đó, Lisaveta ơi, nó tốt đẹp và bổ ích. Nó được tạo nên từ những hoài bão khốn khổ, từ ước muốn sầu muộn, từ một chút khinh miệt, và từ một niềm diễm phúc thật trắng trong, thuần khiết. »*

Huỳnh Phan Anh

Sinh Hoạt Văn Nghệ

Đại hội thi sĩ thế giới lần thứ hai

Được tin Nha Văn Hóa cho biết, Đại hội Thi Sĩ Thế Giới họp lần thứ hai tại Trung Hoa Quốc Gia vào ngày 11 đến ngày 17 tháng 11-73. Các thi sĩ có tên dưới đây được mời tham dự: Vũ Hoàng Chương, Nguyên Sa, Trần Dạ Từ, Trần Tuấn Kiệt, Bùi Giáng, Tuệ Mai, Hoàng Hương Trang, Tường Linh, Á Nam Trần Tuấn Khải, Bàng Bá Lân.

Lần Đại Hội kỳ nhất tại Phi Luật Tân các thi sĩ dự đại hội đi trong im lặng, về không ai hay. Lần Đại hội kỳ Hai có thêm vài nhà thơ ngoài Trung Tâm Văn Bút như Bùi Giáng, Trần Tuấn Kiệt v.v.. Nghe nói Nha Văn Hóa đang lo thủ tục xuất ngoại kỹ cho chuyến đi này có nhiều kết quả tốt đẹp hơn.

Chúng ta thử chờ xem chính sách văn hóa đang tiến bộ của nhà nước sẽ chuẩn bị thế nào cho phái đoàn thi sĩ đại diện các nhà thơ Việt Nam trong lần đại hội này.

Sách một nữ văn sĩ được dịch ra Anh ngữ

Trong lúc giới kinh tế VN đang chạy ngược xuôi với những giao kèo xuất cảng sản phẩm VN ra ngoại quốc, một hợp đồng phiên dịch và sản xuất tác phẩm VN tại Hoa Kỳ đã vừa được chính thức ký kết giữa nữ văn sĩ Nhã Ca và ông Barry Hilton, người chủ trương một tủ sách chuyên về VN của nhà Glade Publications Hoa Kỳ. Nhân dịp này dịch giả người Mỹ, ông Barry Hilton, khi nói chuyện thành thạo bằng tiếng Việt đã cùng với Linh mục Thanh Lãng, Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút VN, bày tỏ hy vọng rằng hợp đồng xuất bản này sẽ là bước khởi đầu tốt đẹp, cho việc giới thiệu văn hóa Việt Nam với thế giới hầu tạo sự thông cảm giữa các dân tộc.

Tác phẩm VN đầu tiên được ông Barry Hilton phiên dịch trực tiếp từ nguyên tác tiếng Việt sang Anh ngữ, là một truyện dài vừa hoàn thành của Nhã Ca, cuốn « Vi Ơ! Bước tới ».

Buổi lễ đã được ký kết tổ chức thân mật tại Trụ Sở Trung Tâm Văn Bút, với sự tham dự đông đảo của nhiều nhân vật văn hóa trong và ngoài nước.

Nhân dịp này, ban tổ chức đã trao tặng cho khách mời tác phẩm thứ ba mươi mốt của Nhã Ca, cuốn Hiền Như Mực Tím, và một bộ truyện Khoa Học Giả Tưởng về Hỏa Tinh của Edgar Rico Burrough, vừa do Tổ Hợp Hải Âu xuất bản.

Tại sao chúng ta không có kịch ?
Câu trả lời nằm trong thư ngỏ của Trần Lê Nguyễn

Kịch hiện vắng bóng trên sân khấu nước nhà. Hiện giờ, Sàigòn không có một Rạp Hát Thành phố, nhà nước không có một Hi Viện Quốc Gia trong khi dân tộc chúng ta đang sống một bi hài kịch lớn của nhân loại. Có phải vì đời sống chúng ta đầy kịch tính nên không cần đến kịch nữa ? Có phải vì kịch không theo kịp đời sống đột biến từng ngày, từng giờ, từng phút quanh chúng ta hay không ? Tôi không thắc mắc về các câu hỏi trên mà nghĩ rằng hơn lúc nào hết chúng ta cần có kịch. Tôi không có ý đề cập đến kịch được ghi âm, kịch được thâu hình — thứ kịch mất đi nhiều chất người vì không còn được giao cảm trực tiếp — mà muốn nói đến kịch trống trơn nhưng trọn vẹn, tình người chan hòa. Người viết có thích mới viết nên kịch bản. Người dựng có thích mới đưa vở kịch lên sân khấu. Người đóng có thích nhân vật mới để hồn nhập vào. Người xem có thích mới cùng tham dự. Tất cả tổng hợp lại trong Đêm Kịch cùng gây một âm hưởng, nhưng nhớ trọn đời. Âm hưởng này máy điện tử không tính được. Vì là âm hưởng nó vang vọng hoài. Đêm kịch trước trộn vào đêm kịch sau. Vì có tấn kịch nào bắt đầu, tấn kịch nào chấm dứt.

Chúng ta có kịch bản, nhiều là khác, vì mỗi kịch tác gia trong nước có ít nhất từ ba kịch bản trở lên chưa được đưa lên sân khấu. Thêm vào, tác phẩm của các kịch tác gia tên tuổi trên thế giới được dịch sang tiếng Việt đã có mấy chục cuốn. Chúng

ta có đạo diễn, thiên tài không sẵn, nhưng tài nghệ nhất định sẽ cao thêm với các đêm kịch được dựng lên. Chúng ta không thiếu diễn viên — nhưng diễn viên tài ba biết khóc thế nào là nước mắt lưng tròng, là khóc ứa ra một giọt, là khóc như mưa, đúng như tâm trạng vai mình phải đóng — cùng những anh chị em thích đóng kịch, chưa hề biết một chút kỹ thuật diễn xuất, nhưng tin chắc mình đóng kịch nhất định phải thành công. Chúng ta cũng có khán giả — những khán giả tìm đến rạp hát như đi tới nơi hẹn ước với người tình, những khán giả đích thực chung làm nên sự thành công của Đêm kịch, như một phía của đôi bên người tình, nếu không có thì không thể thành tình yêu.

Những dòng chữ trên đây được trích ra từ một thư ngỏ của nhà làm kịch Trần Lê Nguyễn.

Nhưng tại sao chúng ta không có kịch ? Ông hỏi tiếp và ông trả lời : Kịch Không Nuôi Nổi Những Người Làm Kịch !

Ông giải thích : Tổ chức trình diễn một chương trình kịch hiện nay, cần đến thời gian độ 3 tháng và tài chánh độ 2.000.000 đồng. Với kế hoạch này, đạo diễn, tác giả, diễn viên, chuyên viên có điều kiện diễn tập 3 giờ một buổi, 5 buổi một tuần trong hai tháng rưỡi, tức 50 buổi diễn tập, và tổng dượt 3 buổi trên sân khấu, để trình diễn Đêm Ra Mắt Đầu Tiên. Với chương trình làm việc như trên trong 3 tháng, từ tác giả, đạo diễn đến diễn viên, người được lưởng thù lao nhiều nhất không quá 50.000 đồng. Tuy vậy, người sản xuất chương trình kịch, khi bỏ ra 2 triệu đồng, rất khó thu được tiền vào cửa để lấy lại 1/4 vốn, nếu tính trung bình 500 đồng một vé và có 1.000 khán giả trong buổi trình diễn đầu tiên. Những con số đã chứng minh sự thực đáng buồn : kịch-không-nuôi-nổi-những-người-làm-kịch.

Để kết luận Trần Lê Nguyễn viết :

Nhưng sự thực đáng buồn sẽ không còn, nếu lá Thư Ngỏ này được sự đáp ứng nồng nhiệt của Quý vị Yêu kịch và Anh Chị Em làm kịch. Nếu được một hai cơ quan đoàn thể chú trọng đến văn hóa bảo trợ, nếu được vài ba nhà hằng tâm hằng sản yêu kịch giúp đỡ, Xưởng Kịch đã có điều kiện để thực hiện Chương Trình Kịch Thứ Nhất. Nếu được độ 400 khán giả mua ủng hộ trước mỗi người một tập Vé Dài Hạn hai chỗ ngồi 5.000 đồng,

Xưởng Kịch đã có điều kiện để dựng chương trình Kịch Thứ Hai. Và nếu một hay cả hai chương trình kịch khởi xướng này đáp ứng được cảm quan của khán giả, vở kịch được trình diễn thêm nhiều buổi kế tiếp, thì Xưởng Kịch đã có hoàn cảnh tốt đẹp để thực hiện chương trình dự định :

— Giai đoạn khởi xướng (1973) : Tổ chức trình diễn Những Đêm Kịch Ra Mắt Đầu Tiên ở Saigòn,

— Giai đoạn phát triển (1974) : Mỗi tháng trình diễn một chương trình kịch Việt Nam hay ngoại quốc, đồng thời lưu diễn trong và ngoài nước,

— Giai đoạn kiện toàn (từ 1975) : Trình diễn hàng đêm tại Rạp Hát của Xưởng Kịch và tổ chức các Đoàn Kịch đi lưu diễn trong và ngoài nước.

Vấn đề đã được đặt ra. Sự giải quyết là của mọi người.

Giải Văn Học Nghệ Thuật toàn quốc 72 — 73

Trong khuôn khổ Giải thưởng Văn học Nghệ thuật toàn quốc, Giải Tác phẩm Xuất Sắc 1972-1973 sẽ được trao tặng cho tác phẩm dự giải trúng cách thuộc 25 thể loại, 10 bộ môn văn nghệ : Biên khảo, Văn, Thơ, Kịch nói, Ca kịch, Hội họa, Điêu Khắc, Âm nhạc, Nhiếp ảnh và Điện ảnh.

Về mỗi thể loại thuộc các bộ môn Biên khảo, Văn, Thơ, Kịch nói, Ca kịch có 1 giải thưởng duy nhất hiện kim là 400 000$.

Về bộ môn Hội họa, Điêu khắc, mỗi thể loại có một giải thưởng duy nhất là 600 000$

Kết quả Giải thưởng sẽ chính thức công bố ngày 31-12-1973 và Lễ Trao Tặng Giải thưởng sẽ long trọng tổ chức theo thông lệ trước Tết Giáp Dần dưới sự chủ tọa của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa.

● Đối với các bộ môn Biên khảo Văn, Thơ, Kịch nói và Ca kịch thời hạn cuối cùng nhận hồ sơ dự giải là ngày 15-11-73 lúc 18 giờ.

● Đối với các bộ môn Hội Họa Điêu Khắc, Âm nhạc, Nhiếp ảnh và Điện ảnh thời hạn cuối cùng nhận hồ sơ dự giải là ngày 30-11-1973 lúc 18 giờ.

Muốn tham dự giải thưởng, xin liên lạc với Ủy ban Tổ chức Giải thưởng để tham khảo thể lệ và điền ký phiếu dự giải. Văn phòng Ủy Ban Tổ chức Giải thưởng đặt tại Khối Văn Hóa Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh niên, số 8 đường Nguyễn Trung Trực Saigòn điện thoại số 92 945.

— Về giải thưởng Dịch Thuật 1972-1973 do bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên tổ chức sẽ trao tặng cho dịch phẩm dự giải trúng cách nguyên tác Hán Văn, Pháp văn và Anh văn thuộc loại văn chương (Truyện ký, tiểu thuyết, kịch, thơ).

Kết quả giải thưởng sẽ chính thức công bố ngày 31-12-1973 và lễ trao tặng giải thưởng sẽ long trọng tổ chức sau Tết Giáp Dần.

Thời hạn cuối cùng nhận hồ sơ tham dự giải thưởng này là 15-11-1973 lúc 18 giờ.

Được biết giải dịch thuật 72-73 sẽ trao tặng cho 03 dịch phẩm trúng cách. Về mỗi loại dịch phẩm có một giải thưởng duy nhất giá trị : 300 000$

Văn sĩ Boll hô hào giới trí thức Nga viếng Tây phương

Văn sĩ Tây Đức Heinrich Boll hôm chủ nhật 23-9-73 đã khuyến cáo chính quyền Nga cho phép các nhà trí thức Nga chỉ trích chính quyền được viếng thăm Tây phương.

Theo tin Reuter, văn sĩ Boll trong một cuộc phỏng vấn trên đài phát thanh tại Bonn cho biết, ông tin rằng những nhà trí thức đối lập sẽ trở lại Nga Sô với những quan niệm mới về đời sống văn học, kinh tế và tôn giáo của Tây phương.

Ông Boll người từng đoạt giải thưởng Nobel về văn chương năm 1972, đã tỏ ra e ngại rằng việc chính phủ Nga áp dụng các biện pháp cứng rắn đối với các phần tử ly khai có thể đưa đến các động lực tương tự tại những quốc gia Đông Âu khác.

Văn bút quốc tế lên tiếng

Hội đồng Chủ tịch Hội Văn Bút quốc tế hôm 19-9-73 đã đánh điện cho Tổng thơ ký LHQ ông Kurt Waldeim, để yêu cầu LHQ « dùng

mọi biện pháp bảo vệ cho các văn nhân, thi sĩ Chí Lợi hiện đang bị những kẻ cướp quyền đàn áp ».

Bức điện tín đã đặc biệt nhấn mạnh đến số phận của thi sĩ tả phái nổi tiếng Pablo Neruda giải Nobel về văn chương.

Bức điện tín mang chữ ký của nhà văn Heinrich Boll, người đã đoạt giải Nobel về văn chương 1972.

Thi sĩ Pablo Neruda còn sống

Trong một cuộc phỏng vấn dành riêng cho đài phát thanh Pháp « R.T.L. » tướng Augusto Pinochet, người chủ mưu cuộc cướp quyền tại Chí Lợi hôm mới đây, đã quả quyết rằng « Thi sĩ nổi tiếng Pablo Neruda của Chí Lợi từng đoạt giải Nobel về văn chương năm 1970, hiện vẫn còn sống sót, sau cuộc đảo chánh ».

Tướng Pinochet cho biết rõ rằng « thi sĩ Pablo Neruda hiện hãy còn sống và vẫn được Hội đồng quân nhân cách mạng kính nể, vì ông tượng trưng cho danh dự của quốc gia Chí Lợi .»

Thi sĩ Neruda, từng là Đại sứ Chí Lợi tại Pháp dưới thời chính phủ Allende, và ông cũng còn là một bạn thân của nguyên Tổng thống này.

Khi cuộc đảo chánh xảy ra, hôm thứ Ba, thì thi sĩ Neruda đang có mặt tại Santiago, để điều trị về bệnh ung thư.

Thi sĩ Pablo Neruda và cuộc đảo chánh

Trong khi đó, thi sĩ Pablo Neruda của Chí Lợi, giải thưởng Nobel văn chương 1971, từ một nơi lẩn trốn bí mật tại Chí Lợi, vì sợ phe quân sự cướp quyền lùng bắt được, cũng đã cho bí mật phân phát một bài thơ nhan đề « Những Con Chó Sói » để mô tả về cuộc đảo chánh vừa qua tại nước ông.

Pablo Neruda, 69 tuổi, hiện vẫn được coi là một trong những thi sĩ nổi tiếng nhất của Mỹ Châu La Tinh thời cận đại, đã không ngần ngại lên án « các kẻ chủ mưu cuộc cướp quyền và những người đứng sau lưng giật dây ».

Thi sĩ Neruda, mà chính mới đây lãnh tụ cuộc đảo chánh tại Chí Lợi, tướng Augusto Pinochet từng mô tả là một « danh dự

của quốc gia Chí Lợi, nên chúng tôi luôn luôn vẫn kính mến thi sĩ », đã sáng tác nên bài thơ trên vào ngày 15 tháng Chín, tại « một nơi nào đó ở Chí Lợi », nghĩa là đúng 4 ngày sau khi cuộc đảo chánh xảy ra.

Bài thơ trên đã được lén gởi ra khỏi Chí Lợi, và được đăng tải trên ấn bản mới nhất của nhật báo « La Opinion » phát hành tại thủ đô Á Căn Đình.

Nhà thơ Neruda đã từ trần

Một phát ngôn viên tại bệnh viện ở Santiago cho biết thi sĩ Pablo Neruda của Chí Lợi đã từ trần tối Chủ nhật 23-9-73 vì bệnh ung thư và hưởng thọ 69 tuổi. Neruda là một nhà thơ hiện đại nổi tiếng nhất tại Nam Mỹ, đã được chở vào dưỡng đường Santa Maria ở Santiago từ thứ Tư tuần trước vì mắc bệnh ung thư ở bọng đái. Là một cựu nghị sĩ trong quốc hội Chí Lợi và cựu đại sứ Chí Lợi tại Paris, Neruda từng là bạn thân và đồng chí của cố Tổng thống Salvador Allende. Có nhiều tin đồn trái ngược nhau là giải Nobel văn chương 1971 này đã từ trần hay bị giam giữ sau khi xảy ra cuộc đảo chánh cách nay hai tuần lễ tại Chí Lợi. Một phát ngôn viên bệnh viện cho biết Neruda đã trút hơi thở cuối cùng hồi trước nửa đêm Chủ nhật. Bên cạnh ông trong giây phút sắp nhắm mắt lìa đời có một người em và người vợ thứ ba của ông.

Hồi cuối năm ngoái, lúc Neruda đang làm đại sứ tại Paris, ông đã phải xin từ chức để hồi hương vì sức khỏe yếu kém. Cách nay hai tháng, ông đã được giải phẫu một lần tại Santiago Nhà thơ Neruda từ trần chỉ 12 ngày sau khi người bạn đồng chí hướng với ông là Tổng Thống Allende bị phe hữu khuynh lật đổ, rồi phải tự sát chết hôm 11-9-73. Thi sĩ thiên tả này sống trong một căn nhà trông ra Thái Bình Dương, trên đảo Blank, cách Santiago 125 cây số về hướng Tây Bắc Được hỏi là Neruda có bị các giới lãnh đạo quân nhân lùng bắt hay không, một chủ tiệm ăn mà nhà thơ này thường lui tới cho biết : « Người ta đã đến lục soát nhà của ông Neruda năm ngày sau khi đảo chánh »

Là con của một công nhân kiều lộ Neruda đã cho xuất bản tập thơ đầu tay của ông mang tựa đề « Crepuscalario » hồi năm 1923 và chẳng bao lâu đã trở thành một trong các thi sĩ lừng danh làm thơ bằng tiếng Tây Ban Nha. Đến năm 1927, chính phủ Chí Lợi chính thức công nhận thi tài của ông bằng cách bổ nhiệm ông vào chức vụ ngoại giao. Thành quả lớn lao trong sự nghiệp văn chương của Neoruda là giải thưởng Nobel về văn chương năm 1972.

Một con người lãng tử, trữ tình và đam mê vừa nằm xuống

Cái chết của nhà thơ Chí Lợi Pablo Neruda, một thi sĩ nổi tiếng trong văn đàn Nam Mỹ có thể được đem so sánh với Tổng thống Allende, một khuôn mặt quan trọng của phe khuynh tả Chí Lợi.

Nhà thơ Neruda đã chết vào năm 69 tuổi, đúng lúc chế độ Mác Xít của tổng thống Allende bị sụp đổ hoàn toàn, một chế độ mà chính Neruda đã tuyên bố trung thành cho tới hơi thở cuối cùng của đời mình Cao điểm trong nghiệp văn chương của Pablo Neruda là lúc ông đoạt giải thưởng văn chương Nobel hồi tháng 10-1971 Trong bản tuyên dương công trạng về sự nghiệp văn chương, Hàn lâm viện Thụy Điển đã lên tiếng ca ngợi thi ca của Neruda « loại thơ đem lại đời sống, đem lại những giấc mơ đối với thân phận một quốc gia » Thi ca của ông đã được phối hợp từ những niềm tin chính trị, những đam mê cuồng nhiệt với trữ tình, lòng yêu thiên nhiên và những chuyện tình lãng mạng.

Một đại thi hào Tây Ban Nha kiêm kịch tác gia Federico Garcia Lorca đã có lần mô tả thi sĩ Neruda là một « nhà thơ gần kề nỗi chết hơn là triết lý, gần kề nỗi khổ đau hơn là hạnh phúc, gần kề máu hơn là mực ».

Vào năm 1923, Neruda đã cho xuất bản tuyển tập thi ca đầu tiên với nhan đề « Crepuscalario » (Hoàng Hôn) Năm 1926, ông tự nhận mình là một người có vị thế chính trị, và nói rằng « với tư cách là một công dân, tôi là một con người trầm lặng, một kẻ thù của luật lệ, chính phủ và những định chế ».

Ông đã bị cao là phản quốc vì đã phổ biến bức thư lên án Tổng thống Chí Lợi Gabriel Videla. Ông đã bị tước đoạt quyền

bất khả xâm phạm của 1 nghị sĩ. Sau đó, Neruda đã phải trốn sang Mễ Tây Cơ Trong thời gian lưu vong, Neruda đã hoàn thành 1 tập thơ mới, và được giới phê bình văn học nghệ thuật coi như một tác phẩm lớn. Neruda đã được đề cử ra tranh chức Tổng thống của đảng CS hồi năm 1970, nhưng ông đã rút tên và nhường cho người bạn cố tri là Salvador Allende. Sau khi ông Allende đắc cử Tổng thống Chí Lợi, nhà thơ Neruda đã được bổ nhiệm làm đại sứ tại Pháp cho tới ngày ông hồi hương và lâm trọng bệnh rồi chết trên quê hương mình giữa lúc các cuộc thanh toán phe khuynh tả của chế độ quân nhân Chí Lợi còn tiếp diễn. (Santiago, Reuter).

Neruda sẽ không được quốc táng

Thi hào Pablo Neruda của Chí Lợi, giải thưởng Nobel văn chương đã từ trần ngày thứ hai 24-9-73 nhưng ông sẽ không được quốc táng vì tình trạng giới nghiêm trên toàn quốc hiện nay. Một phát ngôn viên của hội đồng quân nhân đương quyền Chí Lợi còn cho biết thêm, cái chết của thi hào Neruda là một mất mát lớn lao cho Chí Lợi (Santiago, Reuter).

Một « tiếng la » khác của Soljenitsyne

Đặt qua một bên thông điệp của Sakharov, mà chắc các bạn đọc thân mến đã theo dõi bài tường thuật trên các nhật báo.

Sau đây, chúng tôi xin trích dịch lại một vài đoạn đã đăng trên tuần báo L'express số 1156 ra ngày 3-9-1973 (ở những trang 54, 55, 56, 57).

« Nếu người ta tuyên bố rằng tôi đã chết bất ngờ, người ta bảo rằng tôi hấp hối một cách không giải thích được thì quý vị có thể tin chắc quý vị đoán đúng khi kết luận rằng tôi đã bị ám sát theo lệnh của cảnh sát an ninh nhà nước Sô viết hoặc do chính cơ quan ấy giết. Tôi đã nhận được những lá thư hăm dọa giết tôi và giết gia đình tôi. Mùa hè này, thư theo đường bưu điện tới tôi ».

Soljenitsyne nhấn mạnh đến tình trạng sức khỏe của mình. « Vì đã từ lâu, tôi không mắc một bệnh nào hiểm nghèo, và vì tôi không lái xe cũng như vì những sự xác tín của tôi, tôi không

bao giờ tự sát, quý vị có thể kết luận chắc chắn rằng nếu người ta tuyên bố rằng tôi bị giết hoặc tôi chết bí mật và bất ngờ thì đúng là tôi bị ám sát theo lệnh của KGB hoặc của cảnh sát bí mật »

Vẫn gợi ta giả thuyết bị ám sát, Soljenitsyne tuyên bố : « Cái chết sẽ không làm yên tâm những kẻ tưởng rằng cái chết ấy sẽ chấm dứt các hoạt động văn chương của tôi. Ngay khi tôi chết hoặc ngay sau khi tôi biến mất hoặc liền sau khi tôi bị mất tự do, dầu bất cứ dưới hình thức nào, di chúc văn chương và cá nhân của tôi lập tức sẽ được thi hành. Đến lúc ấy thì phần thiết yếu trong các tác phẩm của tôi — các tác phẩm mà tôi chưa xuất bản từ nhiều năm nay — sẽ được công khai phổ biến. Nếu các sĩ quan của KGB đi các tỉnh và tịch thâu cuốn sách vô hại mang tên « Căn nhà của những người mắc bệnh ung thư » — bằng cách trả thù những ai giữ cuốn sách ấy thì KGB sẽ làm gì khi khắp nước Nga tràn ngập những cuốn sách của tôi xuất bản sau khi tôi chết và là những tác phẩm quan trọng nhất của tôi ? »

Soljenitsyne không chịu nói tới phần chính trong các tác phẩm của ông ta (chưa được phổ biến). Là vì cuộc phỏng vấn diễn ra trong một gian nhà mà ông ta tin là chứa nhiều máy thâu băng. Nhưng ông ta đã nói tới ba tác phẩm liên hệ với nhau : cuốn « Tháng 8-1914 » đã xuất bản rồi, cuốn Tháng 10-1916 » chắc chắn sẽ chỉ được phát hành sau khi cuốn thứ ba là cuốn « Tháng 3-1917 » đã sẵn sàng. Hai cuốn sách sau này liên hệ chặt chẽ với nhau và phải tất cả những cuốn ấy hợp lại mới có thể giải thích được các biến chuyển như tôi đang hiểu các biến chuyển ấy. »

Gần đây, nhà cầm quyền Nga không cho phép ông ta cư ngụ tại Mạc Tư Khoa. Được hỏi về vấn đề này, ông ta trả lời «Tôi chẳng sống ở nơi nào hết. Khi mùa đông tới tôi chẳng còn nơi nào khác ngoài căn phòng của gia đình tôi, đó là nơi cư ngụ thông thường cho mọi con người. *Dầu họ* có cho phép hay không thì tôi cũng sẽ ở đó. Những kẻ vô liêm sỉ hãy thử trục xuất tôi đi. Làm như thế thì sẽ là một sự quảng cáo đẹp mặt cho cái cơ cấu xã hội tiền phong của chúng ta. »

Hiện tình nền văn chương Nga ra sao ?

« Văn chương Nga có thật và rất nghiêm chỉnh. Nếu ta biết lưỡi rìu kiểm duyệt đối với các tác giả ghê gớm đến thế nào

thì ta phải thán phục tài của họ bằng cách dùng những tiểu xảo của kỹ thuật viết, họ đã mang lại cho chúng ta những chi tiết mà nhà cầm quyền cấm viết » Rồi ông ta lại kể ra tên một số nhà văn Nga. Về việc đuổi nhà văn Vladimir Max mov ra khỏi Hội Các Nhà Văn Nga hồi tháng 7 vừa qua, cũng như Soljenitsyne bị đuổi hồi 1970, ông ta nói Maximov là một nhà văn lương thiện và can đảm, đã hy sinh một cách bất vụ lợi cho việc đi tìm sự thật. Vậy không lấy làm lạ khi cái hội nhà văn gian dối kia đã trục xuất ông ta.

Soljenitsyne cũng nói rất nhiều tới tờ báo lậu tại Nga là tờ báo còn sống cho tới tháng 11 năm 1972 : « Tờ Binh luận về các biến chuyển. Mặc dầu không nói ra được hết nhưng tờ báo ấy đã cho biết tên tuổi, ngày tháng, nơi bị giam giữ và các án tù của những người bị hành hạ. Tờ báo ấy đã cho thấy một phần cái lịch sử ghê gớm của xứ tôi. Vì thế mà tờ báo ấy bị đập nát. »

Soljenitsyne nhắc lại rằng trong bài diễn văn năm 1972 nhân dịp trao giải Nobel văn chương cho ông ta ở Mạc Tư Khoa (ông ta không muốn đến thủ đô Stockholm lãnh giải vì sợ nhà cầm quyền Nga không cho ông trở lại đất Nga nữa) ông ta đã kín đáo nhắc Tây phương về việc Nga phá rối các buổi phát thanh của Tây phương. Dân Nga ở hai thủ đô là Mạc Tư Khoa và Leningrad lại là những người biết ít tin tức nhất thế giới.

Mục tiêu tổng quát của sự bưng bít tư tưởng là người ta muốn trở lại thời kỳ của năm 1930. Nhưng tôi xác nhận rằng xứ tôi không thể nào trở về một chế độ như thế.

Lý do thứ nhất là sự thông tin quốc tế các ý tưởng, các sự việc và các sự chống đối vẫn lọt vào được và vẫn có một ảnh hưởng. Cần phải hiểu rằng các chế độ của phương Đông sợ dư luận quần chúng Tây phương muốn chết.

Nhà văn hào Nga được giải Nobel kể một thí dụ chứng tỏ rằng các sự phản đối của Tây phương có hiệu quả : « Dưới ánh sáng những ngọn đèn chiếu của toàn thể thế giới, các nhà tù của chúng tôi lùi bước và phải ẩn núp. Ngay từ năm 1970, nhà cầm quyền đã dự tính cho Amalrik một hình phạt rất nhiều năm ở tù nhưng rồi họ đành phải theo một điều « thông thường » trong bộ hình luật để kêu án 3 năm thôi Ngày nay, vì có áp lực

chiến dịch của cả thế giới nên họ chỉ dám buộc Amalrik ở tù thêm 3 năm nữa. Không có áp lực ấy thì còn nhiều năm tù hơn nữa.

« Nhờ các chiến dịch ấy mà Tây phương đã giúp và đã cứu được nhiều người trong bọn chúng tôi khỏi bị đàn áp. Nhưng Tây phương vẫn chưa rút tỉa được tất cả bài học. Tây phương không hiểu rằng những người bị đàn áp không phải chỉ có biết ơn khi được Tây phương bênh vực mà còn tỏ ra nêu cao gương cương quyết của tâm hồn và chịu đựng mặc dầu bị đe dọa giết hoặc bị các tên sát nhân cầm kim chích dọa giết.»

Theo Soljenitsyne thì đây chính là lý do thứ hai khiến cho nước Nga không thể nào trở lại thời kỳ của những năm 1930. « Phải kể ra sự can đảm vô song của tướng Grigorenko từ 4 năm nay trong một nhà tù ở bệnh viện thần kinh. Ông ta nhất định không chịu đổi các sự xác tín của mình để được trả tự do. Một trường hợp khác là văn hào Vladimir Boukovsky. Năm nay 35 tuổi, năm ngoái, ông ta bị kêu án 7 năm cấm cố và 5 năm biệt xứ vì đã kể lại việc ở tù của chính ông ta trong cuốn sách mang tên là một tâm bệnh mới ở nước Nga : *bệnh đối lập* Được đưa về Mạc Tư Khoa, ông ta được đề nghị sẽ được trả tự do và được đi ngoại quốc nếu chịu bỏ mọi hoạt động chính trị cho đến ngày ra đi. Câu trả lời của Boukovsky là phải có một điều kiện : tất cả những người mà tên được kể trong tác phẩm của ông ta phải được ra khỏi nhà giam của các nhà thương thần kinh. Ông ta không muốn sự tự do của mình là một sự hèn nhát cá nhân : ông ta không muốn đi trốn trong khi bỏ lại những người khác trong cảnh khốn nạn. Và thế là nhà cầm quyền Nga lại bắt ông ta trở lại nhà giam để lãnh án thêm 12 năm nữa. Theo các tiêu chuẩn can đảm của Tây phương thì một số tù binh Mỹ đã chịu ký bất cứ tờ thú nhận nào chống lại nước Mỹ để khỏi bị tra tấn đánh đập. Họ đã đặt mạng sống của họ cao hơn các sự xác tín. Boukovski thì cho rằng các sự xác tín còn quý hơn mạng sống !

Amalrik cũng có thể được tha nếu chịu « xác nhận » lời thú tội của Yakir và Krassine nhưng ông ta từ chối để rồi trở lại Kolyma lãnh thêm 3 năm tù nữa ».

Lời kết luận của Soljenitsyne đầy tính chất triết lý, nhân

bản và chính trị : « Cái tinh thần hy sinh ấy, được nhiều người riêng rẽ chia sẻ, là một tia sáng cho tương lai của chúng tôi. Đó là một sự đặc biệt về tâm lý của con người luôn luôn làm cho ta ngạc nhiên : trong hạnh phúc và trong sự vô tư, con người không muốn bị quấy rầy trong đời sống nhỏ bé của mình.

« Con người ấy không muốn biết đến những đau đớn của người khác và cũng chẳng muốn biết những khổ cực đang chờ mình trong tương lai. Thế rồi khi làm đẹp đời sống thì con người ta lại tìm được sự cương quyết để đương đầu đến cùng từ bỏ đời sống của chính mình nhưng không từ bỏ các nguyên tắc của mình.

« Vì đặc tính thứ nhất trong các đặc tính vừa kể mà nhân loại không thể đứng vững được trên một đỉnh nào đã đạt tới. Nhờ có đặc tính thứ hai cho nên nhân loại ra khỏi được mọi vực thẳm. Dĩ nhiên là khi còn đứng ở trên đỉnh cao thì nhân loại nên tiên liệu sự té nhào đang chờ đợi và tiên liệu cái giá phải trả. Trước lúc nguy kịch thì hãy cương quyết và can đảm. Nhân loại hãy hy sinh ít nhưng phải hy sinh sớm hơn.

« Không thể nào nhận được ý tưởng rằng cái dòng sát nhân của lịch sử cứ thế mà trôi và rằng tinh thần không thể ảnh hưởng được vào cái sức mạnh ghê gớm nhất của thế giới. Kinh nghiệm của những chế độ gần đây làm cho tôi hoàn toàn tin tưởng rằng chỉ có sự cương quyết của tinh thần con người, nhất định đứng vững trên mặt trận chuyển động của những bạo lực đang đe dọa, chỉ có sự sẵn sàng chịu hy sinh và chịu chết, trong khi hô lớn « không được tiến thêm một bước nữa », thì mới bảo đảm thật sự được hòa bình cho cá nhân, hòa bình cho mọi người, hòa bình cho toàn thể nhân loại ».

Phòng tranh của họa sĩ Thái Tuấn

Phòng triển lãm tranh của họa sĩ Thái Tuấn đã được khai mạc chiều 14-9 tại Lạc Cảnh Tửu quán (nhà hàng Đại Lục). Gần 20 bức tranh sơn dầu với những màu dịu, mờ ảo, bàng bạc dẫn dắt người xem đến một thế giới thanh bình và thần tiên. Đây là lần triển lãm thứ ba của Thái Tuấn tại Saigon. Họa sĩ Thái Tuấn đã

từng học vẽ tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hànội (niên khóa 1939-1940). Ngoài việc sáng tác tranh, Thái Tuấn đã viết cho tạp chí Sáng Tạo về các mục phê bình tiểu luận về nghệ thuật. Thái Tuấn cũng dạy ở Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ môn « lịch sử nghệ thuật » vào các năm 1964-1965-1966 Hiện Thái Tuấn chuyên sáng tác về loại tranh sơn dầu. Thỉnh thoảng ông vẫn trình bày bìa cho giai phẩm Văn. Các bức tranh triển lãm lần này đều mang giá tiền từ 100.000đ đến 150.000đ. Phòng triển lãm đã tiếp tục tới ngày 5-10-1973, giờ mở cửa mỗi ngày : sáng từ 11 đến 14 giờ và chiều từ 17 đến 22 giờ.

Hãy cứ gọi là đôi uyên ương

Hãy cứ gọi là đôi uyên ương : Tôn Nữ Tường Hoa và Nguyễn Khoa Nhy. Cũng như Lê Uyên và Phương. Nhưng Tường-Nhy không hát thành lời say đắm trong một thế giới câm : Hội họa. Nó quyến rũ ta chậm hơn nhưng cũng vì thế mà có nhiều bất chợt lý thú.

Tường Hoa vẽ Lụa và Nguyễn Khoa Nhy vẽ Dầu. Tranh lụa Tường Hoa mang âm điệu xưa, những vũ khúc huy hoàng, những suối tóc mây (tóc mây một món chiếc dao vàng — nghìn trùng e lệ phụng quân vương — Đoàn Phú Tứ) Chất lụa chín — chứng tỏ một kỹ thuật vững vàng và dessin rất tươm tất.

Là Một thiếu nữ Huế mang dòng họ Vua, có chăng một niềm hoài cổ trong các bức : « Trầm Khúc Kinh Đô », « Vũ Khúc dây tơ », hay « Hát Ả Đào » ?

Tranh dầu Nguyễn Khoa Nhy bát ngát thiên nhiên, mang tâm hồn của một thi sĩ, thiếu nữ và hoa lá. Nhy lớn lên ở Phan Rang, quê hương có nhiều ruộng muối, và những bầy cừu trắng hiền từ ; Và Đàlạt, xứ lạnh với những đồi thông mơ mộng, những đám sương xuống thật thấp, — những cô gái đôi má ửng hồng... nhưng lại cảm xúc nhiều từ quê vợ : « Huế xưa » « Huế hạ » « Trước Cổng Thượng Tứ »... Nhy sử dụng *matière* dầu rất thuần thục, qua những sắc độ màu rất đúng mức.

Hãy cứ gọi là đôi uyên ương Đôi uyên ương đang chắp cánh bay. Không phải chỉ bay từ dòng Hương Giang đến thành

phố sương mù Đàlạt, mang theo lương thực là trên ba mươi bức tranh, mà còn bay mãi trên vòm trời nghệ thuật, lương thực là nguồn sáng tạo vô bờ... (Đinh Cường viết).

Phan-Thiết triển lãm hội họa

Sáng ngày 2-9 vừa qua, các họa sĩ Tô Minh (Định Tường) Mai Hiếu, Phạm gia Tấn và nữ họa sĩ Thiên Oanh đã khai mạc cuộc triển lãm hội họa của mình tại trụ sở Hội Nhiếp Ảnh Bình Thuận ở đường Trần Hưng Đạo, Phan Thiết. Cuộc triển lãm trưng bày hơn 40 bức tranh hầu hết là tranh sơn dầu đã thu hút được rất đông giới trí thức, học sinh và anh em văn nghệ sĩ yêu tranh tại đây. Đặc biệt trong buổi khai mạc người ta còn thấy có sự hiện diện của Đại Tá Tỉnh Trưởng cùng các giới chức tai mắt địa phương. Và Đại Tá Tỉnh Trưởng cũng là người mua đầu tiên bức tranh sơn dầu của anh Tô Minh, tức « Sông Mường Mán ». Cũng trong buổi triển lãm đầu tiên, người ta còn thấy có các anh : nhà báo Ngọc Hương, Nhiếp ảnh gia Đình Tường và các nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn, Huỳnh Minh Hiến, Nguyễn Như Mày, Hồ Tà Dôn, Mai Việt v.v... Cuộc triển lãm được mô tả là thành công nhất trong các cuộc triển lãm tranh tại Phan Thiết từ trước đến nay. Phòng tranh mở cửa từ 2-9 đến hết ngày 9-9. Cũng trong dịp này nhiếp ảnh gia Đình Tường có cho biết là anh sẽ tổ chức một đêm ngâm thơ, hát nhạc tại trường Trung Học Bồ Đề. Ước mong đây là một cơ hội « có thật » để anh em làm văn nghệ Bình Thuận có dịp gặp gỡ và ngồi lại với nhau (Lê Nguyên Ngữ ghi).

□□□

ĐÃ PHÁT HÀNH

CON SÂU

truyện dài DƯƠNG NGHIỄM MẬU

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG XUẤT BẢN

SÁCH BÁO trong tháng

Giai phẩm VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cám ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc :

— EO BIỂN ĐA TÌNH, truyện dài của Túy Hồng, Nguyệt Quế xuất bản, sách dày 432 tr. giá 700đ.

— XÓM CẦU MỚI (Bèo Giạt), truyện dài của Nhất Linh, Phượng Giang xuất bản, Nguyễn gia Trí vẽ bìa, sách dày 714 tr, trọn bộ 2 quyển, giá 1200đ.

— CHÂN DUNG TRIẾT GIA, biên khảo của Đặng Phùng Quân, Lửa Thiêng xuất bản, sách dày 200 tr, bản đặc biệt, không ghi giá.

— NHỮNG NGÃ ĐƯỜNG, truyện của Hà Bình Trung, Nhân Chứng xuất bản, sách dày 188 tr, giá 290đ.

— NHÁNH ĐÊM GẦY, thơ của Nguyễn Hoài Văn, sách dày 114 tr. bản đặc biệt, không ghi giá.

— ĐẤT NƯỚC QUÊ HƯƠNG, tùy bút của Võ Phiến, tựa của Nguyễn Hiến Lê, Lửa Thiêng xuất bản, sách dày 278 tr, bản đặc biệt, không đề giá.

— THỜI GIAN CỦA MỘT TIẾNG THỞ DÀI, truyện của Anne Phillipe, bản dịch của Phan Thị Thanh Tuyền, Lạc Việt xuất bản, sách dày 156 tr, giá phổ thông 200đ.

— TRUYỆN TÌNH, thơ của Trần Hữu Nghiễm, Nhập Cuộc xuất bản, sách dày 16 tr. không ghi giá.

— KHI HÒA BÌNH TRỞ LẠI, thơ Lê Phổ Đức, Nhân Chứng xuất bản, sách dày 30 tr, giá 150đ.

— BA TRĂM NĂM TRĂNG TRẦM CỦA CHÙA THIÊN MỤ, biên khảo của Hồng Hoài, Xuân Hữu xuất bản, sách không đánh số trang, dày khoảng 10 tờ không ghi giá bán.

— 18 NĂM SUY TƯ, thơ của Trần Trọng Đức, tác giả xuất bản, sách không đánh số trang, bản đặc biệt không đề giá,

— BÃO RỚT, truyện ngắn của Nguyễn Mộng Giác, Trí Đăng xuất bản, sách dày 204 tr., giá 300đ.

— TIẾNG CHIM VƯỜN CŨ, truyện dài của Nguyễn Mộng Giác, Trí Đăng xuất bản, sách dày 178 trang, giá 320đ.

HỘP THƯ

— *Nguyễn Như (Box 105).* Chắc lâu lắm dễ, chừng hai năm còn chưa đọc báo Văn phải không ? Có một

vài thay đổi ở đây. Cậu nên xem qua để rõ. Vì bề bộn công việc nên không biên thư riêng được. Mong cậu thông cảm.

— *Tôn Thất Nam (Huế)*. a) Bài gửi đăng xin viết trên một mặt giấy. b) Bài được đăng có nhoậu bút. c) Mong ông hài lòng.

— *Lam Phong (Sàigòn)*. Chúng tôi có nhận được truyện ngắn ĐGM của ông. Và ngày 19-9-73 có nhận thêm 2 truyện khác. Mong được đọc những sáng tác khác của ông.

— *Khúc Sĩ Phan (Quảng Trị)* Rất cám ơn đã có lòng tin cậy. Xin ông gửi cho cái khác.

— *Đoàn Đức Tiên (Kiến Thiết)*. Chúng tôi vẫn luôn luôn hoan nghênh mọi sự cộng tác quý giá đến từ bạn đọc.

— *Mộng Du (Minneapolis, Hoa Kỳ)*. Đang đọc truyện của cậu. Sẽ tin cho cậu sau. Nhưng theo tôi nên đề tên thật vẫn hơn, Cậu nghĩ sao cho tôi biết (NXII)

— *Phạm Trần Giau*. Tôi không dám có lời khuyên nào khác là chúc ông cứ tiếp tục sáng tác.

— *Võ Khởi Nghiệp (KBC 4642)* Đang đọc Mưa Trên Vùng Đất Lạ. Sẽ nhắn tin cho cậu.

— *Huỳnh Quang Dũng (KBC 4825)* Trước hết thành thật xin lỗi đã không biên thư riêng cho anh được 1) Giai phẩm Văn trung bình mỗi tháng 2 kỳ, không có ngày nhất định vì là giai phẩm Mọi ấn phẩm đều phải qua giai đoạn K.D.

— *Lý Thi (Pleiku)*. Ông hỏi bài của ông đã đến chưa, ông lại nhắc YCMG. Biết trả lời sao đây ?

— *Nguyễn Ngàn Thương (Pleiku)*. Đã nhận được bài và thư của anh cám ơn.

— *Lương Hoàng Kha (Mộc Hóa)*, Thành thật cám ơn lời khen tặng của ông. Sau đây tôi xin vắn tắt trả lời mấy câu hỏi của ông : 1) Tranh bìa của GPV do nhiều họa sĩ khác nhau thực hiện. 2) Các số báo ông hỏi đã hết. Tuy nhiên ông có thể tìm hỏi ở nhà sách Khai Trí, đường Lê Lợi Sàigòn.

— *Jalau (Phan Rang)*. Rất cảm động về lời khen của anh.

NHẮN TIN RIÊNG

— *Hồ Ngọc Ngữ (Lam Sơn)*. Tìm mọi cách liên lạc với chúng tôi. Rất nóng lòng.

Võ Chân Cửu — Nguyễn Lương Vy. Địa chỉ : Ô. Nguyễn Thành Hải. 482/52 Nguyễn Tri Phương, Sg-10.

— *Anh Nguyễn Bắc Sơn*. Hiện ở đâu, cho biết tin Cao Thống Nhất, Tiểu đoàn 222, KBC 6866.

— *Anh Cao Nhật Quang (Pleikênh)* Đã nhận được thư và thơ của anh. Việc anh nhờ, tôi đã nhắn tin. Mong anh khỏe.

— *Cô Phù Vân (Sàigòn).* Chúng tôi có nhận được 2 truyện mới của cô với hai địa chỉ khác nhau. Không hiểu có phải là của cùng một người viết bài TĐNVB hay chăng ? Xin cho biết để gửi nhuận bút.

QUẢN LÝ

— *Lynh Huỳnh Cam (Huế).* Những cuốn sách bạn hỏi nay đã hết. Cám ơn.

— *Ngọc Lan (Sàigòn)* 1) Con Sâu của Dương Nghiễm Mậu đã in thành sách, giá 250$. 2) Những con số cô hỏi còn đủ Mỗi số 100$, riêng số xuân 200$.

BÀI ĐÃ NHẬN ĐƯỢC

Từ ngày 03-9-73
cho đến ngày 18-9-73

Giai phẩm VĂN đã nhận được bài của các bạn có tên sau đây. Chúng tôi đang đọc. Các bài được chọn đăng, sẽ có báo tin trên những kỳ sau. Nếu sau bốn kỳ mà không thấy tin trên hộp thư hay thư riêng, xin hiểu cho là bài không thể đi được.

Chúng tôi không giữ lại cũng như không trả lại những bài không được chọn đăng. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ «yêu cầu miễn ghi» trên đầu bản thảo.

• THƠ

Đặng Công Tâm . Ngộ Như KH . Cao Nhật Quang . Kim Thượng . Đặng Thường Diễm Thy . Quỳnh Anh . Bùi Nhật Vy . Trần Hữu Nghiễm . Huỳnh Trung Mẫn . Anh Việt Thy . Phan ái Khanh . Nguyễn Đình Đối . Đoàn Đức Tiên . Vĩnh Hoàng . Phạm Trần Sang . Nguyễn Thư Thủy . Trần Anh . Nguyệt Tô Chung . Bửu Khánh Hồ . Ngô Kim Thu . Lê Đình Hanh . Sơn Bút . Đặng Quốc Phong . Lâm Tòng . Nguyễn Tịch Yên . Nguyễn Văn Ngọc Sinh . Đặng Thường Diễm Thy . Viên Hoa Cương . Nguyễn Mặt Trời . Trần văn Tĩnh . Băng Huynh Thảo . Cát Đông . Nguyễn Thành Kim . Trần Đặng Xuân . Trầm Lãng . Trần Quang Thiếu . P Thái . Huỳnh Trung Mẫn . Nguyễn Thúy Ái . Cao Nguyên . Vũ Trọng Quang . Hà Khắc Trực . Thiên Di . Nhật Lệ . Nguyễn Yêu Ny . Yến Nguyên Thanh . Lưu Đình Triều . Uyên Châu . Nguyễn Thế Mai . Hoa Lộ Thiên . Nguyễn Đình Hối . Nguyễn Dũ Nguy . Bùi Ngọc Sáng . An Vỹ Ngữ . Mặc Uyên Huyền . Trần Thụy Du . Nguyễn Nhật Ánh . Lương Nguyên Kha . B Quyên . Lộc Vũ . Phan Anh . Đông Triều . Lê Duy Hùng 2 . Trần Lạc Thiên .

Phạm Lỗi Chi . Nguyễn Đức Miên . Thanh Nhân . Trùng Dẫn . TNT Thủy . Hà Huyền Hoa . Lạc Gia Thùy . Quang Lân . Thiều Linh . Dã Mộng Nhân . Nguyễn Hạnh . Trần Chế Ngự . Hoa Châu Thổ . Nguyễn Phan Anh . Võ Duy Trung . Đặng Quang Phước . Phạm Phiên Du . Nguyễn Thủy Đại An . Huỳnh Cao Mai . Trầm Lãng . Nguyễn Thế Khuyên . Lê Sơn Nhân . Lạc Gia Thùy . Trần Quang Thiếu . Phạm Hồng Ân . Cao Trung Giả . Đào văn Chương . Lâm Diệp Minh . Jalau . Nguyễn Triền Kha . Nguyễn Ngọc Hoàng . Trần Yên Thế . Mạch Đông . Nguyễn đình Mai Trinh . Văn Dzạ Thảo . Hồ Dạ Thoại . Trần văn Nghĩa . Bùi Đức Chính . Nguyễn Thiên Thu . Trần Hữu Nghiễm . Túy Sinh Ca.

● **VĂN**

Lam Phong . Nguyễn Thế Mai . Phúc Sĩ Phan . Lê Đình Hanh . Hoài Miên Nữ . Trần Công Khanh . Đỗ Kha . Trung Thu 2 . Võ Khởi Nghiệp . Nguyễn Thế Mai . Trần Thành Thạch . Thanh Nhân . Nguyễn Thị Như . Đoàn Ngọc Lạc . Trần Quang Thiếu . Đào Văn Trương . P. Thái Hoa . Lâm diệp Minh . Băng Đông.

● **TRANH**

Đinh Công Binh.

CƠ SỞ NHÂN CHỨNG đã xuất bản :

— NHỮNG NGẢ ĐƯỜNG
Truyện dài của HÀ BỈNH TRUNG

— KHI HÒA BÌNH TRỞ LẠI
Thơ *Phổ Đức* — Bìa *Nguyên Khai*
và Phụ bản *Duy Thanh*

NAM CƯỜNG TỔNG PHÁT HÀNH